

Đại học Quốc gia Hà nội

Khoa luật

Ngũ Quang Hồng

**Nghiên cứu so sánh
về trình tự điều tra giữa luật tố tụng hình sự
của trung quốc và việt nam**

Luận án tiến sĩ luật học

Hà nội – 2011

Đại học Quốc gia Hà nội

Khoa luật

Ngũ Quang Hồng

**Nghiên cứu so sánh
về trình tự điều tra giữa luật tố tụng hình sự
của trung quốc và việt nam**

***Chuyên ngành* : Luật hình sự**

***Mã số* : 62 38 40 01**

Luận án tiến sĩ luật học

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Nguyễn Ngọc Chí

2. GS.TSKH Lê Văn Cẩm

Hà nội - 2011

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA VÀ SO SÁNH VỀ ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM	12
1.1. Những vấn đề lý luận về điều tra trong tố tụng hình sự	12
1.2. Cơ sở của việc nghiên cứu so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam	37
1.3. Nội dung so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam	45
Chương 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, CƠ CHẾ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÁC CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM	52
2.1. Tổ chức điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam	52
2.2. Hoạt động điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam	65
2.3. Cơ chế kiểm sát điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam	111
2.4. Các chế định liên quan đến điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam	118
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ Ở TRUNG QUỐC TRÊN CƠ SỞ TIẾP THU KINH NGHIỆM VIỆT NAM	150
3.1. Những cơ sở của việc tiếp thu kinh nghiệm quy định về điều tra của Việt Nam	150

3.2.	Những cải cách tư pháp và cải cách điều tra ở Trung Quốc hiện nay	168
3.3.	Những định hướng cải cách và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về điều tra của Trung Quốc trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm Việt Nam	186
	KẾT LUẬN	202
	NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	204
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	205
	PHỤ LỤC	212

Danh mục các bảng

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
3.1	Tỷ lệ các vụ án do Viện kiểm sát trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra các cấp giai đoạn 2004-2009	154
3.2	Tỷ lệ các vụ án do Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát các cấp giai đoạn 2004-2009	156

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình tố tụng hình sự được chia thành nhiều giai đoạn khác nhau và trong các giai đoạn đó các cơ quan nhất định được pháp luật trao cho thẩm quyền thực hiện một hay nhiều hành vi tố tụng trong giai đoạn tương ứng nhằm thực hiện nhiệm vụ để bảo đảm cho hiệu quả của việc giải quyết vụ án hình sự.

Bảo đảm tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc chung trong các ngành luật. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, hoạt động của Cơ quan điều tra đóng vai trò rất quan trọng trong các cơ quan tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra là cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đầu tiên trong toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự để thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự pháp luật, an toàn xã hội, các quyền và lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của công dân. Trong những chương trình, chiến lược cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, thì các vấn đề liên quan đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan điều tra, bảo đảm cho hoạt động công tố của Viện kiểm sát và yêu cầu thực hiện hoạt động xét xử của Tòa án nhằm bảo đảm đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội luôn luôn được coi là một trong những vấn đề chính trị - xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Điều tra là khâu đột phá, là giai đoạn đầu tiên giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ tiến trình tố tụng hình sự. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, "có thể nói những kết quả khả quan cũng như những sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra" [25, tr. 45]. Giai đoạn điều tra nhận đảm đương công việc thực chất về điều tra rõ sự thật phạm tội và truy lùng bị can để làm rõ người phạm tội. Thành công hay thất bại của việc đấu tranh phòng, chống tội phạm phần lớn

mức độ do công việc điều tra quyết định. Chỉ có qua điều tra mới có thể điều tra rõ tình hình vụ án, xác định việc có tội phạm hay không, truy lùng được người phạm tội, cung cấp tài liệu, vật chứng và căn cứ đầy đủ cho Viện kiểm sát và Tòa án để truy cứu được trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Cho nên, có thể khẳng định rằng, "giai đoạn quyết định vận mệnh của bị can, bị cáo không phải là giai đoạn xét xử, mà là giai đoạn điều tra" [48, tr. 20]. Bởi lẽ, Tòa án muốn xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật thì trước đó, Cơ quan điều tra phải tiến hành thu thập được các chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội và những tình tiết khác của vụ án, mà nhiệm vụ này lại do chính Cơ quan điều tra thực hiện. Do đó, vấn đề tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra là một trong những vấn đề được đề cập nhiều trong sách báo pháp lý với các mức độ khác nhau. Mặc dù vậy, vấn đề tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra vẫn đang là vấn đề rất phức tạp, còn có nhiều ý kiến khác nhau không chỉ ở Trung Quốc và Việt Nam. Theo đó, ở Việt Nam, mặc dù Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 *"Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"* chỉ rõ:

Bộ Công an cần thống nhất chỉ huy các Cơ quan điều tra thuộc Bộ; mỗi đơn vị, bộ phận thuộc Cơ quan điều tra cần được tổ chức, phân công chuyên sâu về từng lĩnh vực và quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, đặc biệt là quyền hạn, trách nhiệm của từng chức danh trong Cơ quan điều tra; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trình sát; nghiên cứu sát nhập các Cơ quan điều tra thuộc Công an ở địa phương [15].

Hay Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, trong đó lại khẳng định: "Nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại các Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trình sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự" [16]. Tuy nhiên, thực tiễn lập pháp của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, nếu đối chiếu với yêu cầu

của Nghị quyết số 49-NQ/TW (đã nêu) thì mô hình của hệ thống các Cơ quan điều tra đang được tổ chức trên cơ sở các quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, đã sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009 (các điều 9-25) thể hiện một loạt những nhược điểm lớn - các cơ quan này không hề nằm trong cùng một hệ thống chung và thống nhất từ trên xuống dưới, mà trái lại có nhiều hệ thống và nằm rải rác cùng một lúc trong nhiều cơ quan nhà nước khác nhau (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và ở cả các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra - Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm, Hải quan, Cảnh sát biển; v.v...), thậm chí ngay trong cùng một hệ thống các Cơ quan điều tra (như của Bộ Công an) cũng còn tồn tại nhiều đầu mối khác nhau - thực trạng manh mún và xé lẻ như vậy của mô hình hệ thống các Cơ quan điều tra hiện nay ở Việt Nam rõ ràng là chưa đáp ứng đúng yêu cầu của các nghị quyết (đã nêu) "*theo hướng thu gọn đầu mối*" [10, tr. 308-309]; v.v... Do đó, dưới góc độ khoa học - thực tiễn, đòi hỏi cần có sự nghiên cứu thấu đáo và đầy đủ để tiếp tục hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra.

Trung Quốc (Cộng hòa nhân dân Trung Hoa) có đơn vị hành chính gồm 22 tỉnh, năm khu tự trị, bốn thành phố trực thuộc Trung ương (Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Trùng Khánh) và hai vùng hành chính đặc biệt (Hồng Kông và Ma Cao). Thủ đô là Bắc Kinh. Từ khi tiến hành đổi mới kinh tế năm 1978, Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Xét riêng trong lĩnh vực xây dựng và cải cách pháp luật, đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự, nhìn từ góc độ của Luật so sánh, chúng ta có thể thấy trong gần hai mươi năm trước, những quy định về giai đoạn điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam về cơ bản có nhiều điểm tương đối giống nhau, đều coi trọng việc điều tra để làm rõ sự việc phạm tội và truy lùng bị can, tôn trọng và bảo đảm pháp chế, - rất coi trọng sự công minh, nghiêm chỉnh của thủ tục và trình tự trong giai đoạn điều tra, song ở một chừng mực nhất định còn chưa thực sự chú ý đến việc bảo vệ các quyền

và lợi ích hợp pháp của bị can trong tố tụng hình sự. Đến những năm gần đây, cũng như ở Việt Nam, tùy theo xu thế phát triển của pháp luật tố tụng hình sự trên thế giới, Trung Quốc đã và đang tiến hành cải cách tư pháp, lập pháp, trong đó có các quy định điều tra để có những thay đổi cho phù hợp với thể chế chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước, cũng như các điều kiện về xã hội, kinh tế, văn hóa, lịch sử và mối tương quan với các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan nhà nước khác. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường, trong xu hướng không ngừng thúc đẩy đường lối "pháp trị", công tác điều tra cũng đứng trước những thách thức và áp lực trước đây chưa từng phải đối mặt, nên sau một thời gian dài, từ năm 1997, Trung Quốc đã chính thức đặt ra vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra để đối phó kịp thời và có hiệu quả về sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự và việc tăng cường pháp chế, nhưng do cơ chế điều tra không thuận lợi, tổ chức cơ cấu điều tra chưa hợp lý, sự điều tra quá chú trọng vào việc truy bắt tội phạm mà xem nhẹ việc bảo vệ quyền con người, thông tin và kỹ thuật điều tra lạc hậu, mô hình điều tra đơn nhất; đội ngũ điều tra lực lượng mỏng, chất lượng yếu kém, cơ chế vận hành công tác điều tra chưa hoàn thiện; v.v... Tất cả những điều này làm giảm hiệu quả công tác điều tra, khám phá tội phạm, do đó cũng đòi hỏi phải nghiên cứu đầy đủ để có giải pháp khả thi khắc phục vấn đề này, mà một trong những giải pháp quan trọng là *nghiên cứu so sánh pháp luật và tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài*. Cụ thể, việc nghiên cứu so sánh các quy định của về Cơ quan điều tra của Trung Quốc và Việt Nam, qua đó phân tích, đánh giá các ưu điểm và hạn chế, cũng như các hiệu quả chính trị - xã hội, kinh tế của việc tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra của hai nước sẽ có giá trị tham khảo cao về phương diện học thuật và góp phần hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, đồng thời mở rộng hợp tác trong điều tra hình sự của hai nước.

Tuy nhiên, hiện nay trong khoa học pháp lý của Trung Quốc và của Việt Nam, việc phân tích chuyên sâu về vấn đề so sánh này chưa được quan

tâm nghiên cứu đúng mức. Đặc biệt, ở Trung Quốc, các chuyên gia pháp luật chủ yếu nghiên cứu hệ thống pháp lý quốc tế về hình sự tập trung vào các nước như: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản và các nước phát triển khác, mà không chú ý đến sự khác biệt về điều kiện của các yếu tố nội bộ như thể chế chính trị, tổ chức bộ máy, các điều kiện về xã hội, kinh tế, văn hóa, truyền thống lịch sử; v.v... Do đó, các nghiên cứu này thông thường không đem lại lợi ích trực tiếp và cần thiết với sự cải cách hệ thống tư pháp hình sự nói chung, hệ thống pháp luật tố tụng hình sự nói riêng của Trung Quốc. Do đó, cần có sự nghiên cứu với một nước mà có các yếu tố nội bộ tương đồng hoặc gần với Trung Quốc (như Việt Nam), thì giá trị phục vụ công cuộc cải cách tư pháp tốt hơn. Bởi lẽ, ở một góc độ nào đó, thông qua những ưu điểm của việc tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra Việt Nam và thực tiễn của nó có thể cung cấp cho chúng ta những kinh nghiệm lập pháp và bài học thực tiễn quý báu.

Do đó, với những lý do nêu trên, là một giáo viên giảng dạy pháp luật tố tụng hình sự của Bộ môn Tư pháp thuộc Học viện pháp lý - Đại học Dân tộc Quảng Tây (nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa), nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài "*Nghiên cứu so sánh về trình tự điều tra giữa Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam*" làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu so sánh về trình tự điều tra giữa Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam là một đề tài mang tính liên ngành của Luật so sánh và Luật tố tụng hình sự của cả hai nước. Quá trình nghiên cứu đề tài này cho thấy, trong sách báo pháp lý của hai nước vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp và đầy đủ về đề tài đã nêu. Mặc dù vậy, dưới góc độ độc lập và riêng rẽ, đề tài này có thể tham khảo được nhiều công trình khoa học đã được công bố ở Trung Quốc và Việt Nam có liên quan đến nội dung của đề tài - về trình tự điều tra (hay tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra) trong Luật tố tụng hình sự.

Ở Việt Nam, có thể liệt kê những công trình của một số tác giả có nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra dưới góc độ các sách chuyên khảo, tham khảo như: 1) Sách chuyên khảo: *Cải cách hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, của GS.TSKH Lê Văn Cẩm; 2) *Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997 và 3) *Cơ quan điều tra Công an nhân dân trong tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001 của GS.TS Đỗ Ngọc Quang; 4) *Đổi mới tổ chức và hoạt động của các Cơ quan điều tra Công an nhân dân theo tiến trình cải cách tư pháp*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2007 của GS.TS Nguyễn Ngọc Anh; v.v...

Còn dưới góc độ các bài viết, có thể kể đến các công trình khoa học như: 1) *Cải cách các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan thi hành án hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Tạp chí Nghề Luật, số 2/2006 của GS.TSKH Lê Văn Cẩm; 2) *Về đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra*, trong Kỷ yếu: "Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam" của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, 1995, của PGS.TS Trần Đình Nhã; 3) *Một số vấn đề về Cơ quan điều tra*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 5/2002 của TS. Lê Tiên Châu; v.v...

Hay dưới góc độ đề tài có đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: *"Thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra trong lực lượng Cảnh sát nhân dân và giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra tội phạm"*, của Tổng cục Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 1998; góc độ luận văn thạc sĩ có đề tài *"Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự"*, bảo vệ tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội của tác giả Nguyễn Văn Tinh, Hà Nội, 2007. Ngoài ra, dưới góc độ khác còn có các giáo trình của một số cơ sở đào tạo như: 1) *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, do TS. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên; 2) *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2009, do PGS. TS. Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên; 3) *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2006, của

ThS. Trần Văn Sơn chủ biên; 4) *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2006; v.v... Các công trình đã nêu trên đều trực tiếp hoặc đề cập khái quát các nội dung liên quan đến điều tra, tổ chức và hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Bên cạnh đó, ở Trung Quốc, những công trình có nội dung liên quan đến điều tra, tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra cũng tương đối nhiều, chẳng hạn như: 1) *Vài suy ngẫm về mô hình điều tra*, đăng trên Tạp chí Điều tra, Quyển 1, Nxb Đại học Cảnh sát nhân dân Trung Quốc, 2002; 2) *Tổ nghiên cứu tăng cường và cải cách công tác điều tra*, do Bộ Công an chủ biên, "Báo cáo nghiên cứu Chuyên đề hội nghị Công an nhân dân toàn quốc lần thứ 20", Nxb Đại học Cảnh sát nhân dân, 2003; 3) *Làm thế nào để công tác điều tra đối phó được với những thách thức của xu hướng toàn cầu hóa kinh tế và hiện đại hóa pháp chế*, Tạp chí Điều tra, Quyển 1, Nxb Đại học Cảnh sát nhân dân, của tác giả Thôi Mẫn, 2003; 4) *Kiên trì thúc đẩy và sâu hoá cải cách điều tra hình sự*, Báo cáo nghiên cứu cải cách điều tra hình sự, Nxb Đại học Cảnh sát nhân dân Trung Quốc, của tác giả Bạch Cảnh Phúc, 2002; 5) *Những thành quả to lớn trong đổi mới điều tra hình sự của Cơ quan điều tra toàn quốc*, Nhật báo pháp chế, ngày 18/7/2002 của tác giả Dịch Huệ Mẫn; v.v...

Ngoài ra, dưới góc độ sách chuyên khảo, tham khảo có các công trình: 1) *Tổng quan nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự*", Nxb Pháp luật, 2002 của tác giả Ngõa Trinh; 2) *Bàn về sự chuyển đổi và cải cách mô hình điều tra*, Nxb Đại học Cảnh sát nhân dân, 2002 của tác giả Phan Sùng Nghị; 3) *Chủ nghĩa hợp lý tương đối*, Nxb Đại học Luật Trung Quốc, 1999 của tác giả Long Tổng Trí; 4) *Diễn tiến của mô hình tố tụng hình sự*, Nxb Đại học Cảnh sát nhân dân, 2004 của tác giả Vương Hải Yến; v.v... Ngoài ra, dưới góc độ chung còn các giáo trình Lý luận chung về Luật tố tụng hình sự Trung Quốc do các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp pháp học của các trường đại học xuất bản gần đây có đề cập riêng biệt về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra; v.v... Những công trình nói trên đã góp phần làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn

về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra trong các nước của mình, nhiều kiến giải, luận điểm khoa học đã được vận dụng vào thực tiễn và thu được kết quả tốt. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu trên đều xuất phát từ góc độ trong nước của mình, chứ không phải từ góc độ Luật so sánh, phạm vi nghiên cứu bị hạn chế, về giải pháp của các vấn đề khác cũng bị hạn chế, cho nên những công trình này chưa giải quyết một cách triệt để, toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của điều tra. Chính vì vậy, việc lựa chọn đề tài như đã đề cập rõ ràng có tính thời sự cấp bách.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự giữa Trung Quốc và Việt Nam là thông qua nghiên cứu và so sánh để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng nhằm góp phần tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện pháp luật về điều tra trong tố tụng hình sự của Trung Quốc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp và thực tiễn tố tụng hình sự của Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài này tập trung so sánh nghiên cứu chế định điều tra giữa Trung Quốc và Việt Nam. Theo đó, đề tài tập trung nghiên cứu so sánh một số vấn đề trong chế định này như: nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan có thẩm quyền điều tra trong những cơ quan tư pháp, những hành vi điều tra, cơ chế kiểm sát các biện pháp cưỡng chế, quyền lợi và địa vị của người bào chữa; v.v... cũng như đánh giá, phân tích các nội dung trong chế định điều tra của hai nước; tổng kết những tác động tích cực và ảnh hưởng tiêu cực của chế định điều tra, từ đó chỉ ra những khuyết điểm và ưu điểm của các quy định về giai đoạn điều tra ở hai nước. Trên cơ sở này, luận án này sẽ lấy một số kinh nghiệm lập pháp tố tụng hình sự của Việt Nam phù hợp làm mẫu cho việc cải cách và hoàn thiện trình tự điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài với tên gọi là "*Nghiên cứu so sánh về trình tự điều tra giữa Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam*" nhưng có phạm vi nghiên cứu khá rộng. Nếu ở Trung Quốc, chúng tôi sử dụng cụm từ "*trình tự*" đối ứng cụm từ tiếng Trung thì là "程序" [26, tr. 95], trong trường hợp tiếng Trung có nghĩa là "*Đối với việc tiến hành một hoạt động hoặc quá trình thực hiện*" [49, tr. 94], giống từ "*Procedure*" trong tiếng Anh; "程序" trong luật tố tụng thì giống từ "*Proceeding*" trong tiếng Anh, có thể được giải thích là thủ tục và quá trình do các cơ quan tư pháp và các bên tham gia vụ án với những người tham gia khác cùng làm những việc để giải quyết vụ án, cũng như là các mối quan hệ pháp lý giữa các chủ thể tố tụng [50, tr. 3]. Cho nên, "*trình tự*" trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc bao gồm hai nghĩa: *Thứ nhất*, giai đoạn các hoạt động chương trình và các quá trình; *hai là*, sắp xếp mối quan hệ, phản ánh mối quan hệ giữa các chủ thể tố tụng. Như vậy, "*trình tự điều tra*" thì bao gồm những hoạt động và quá trình điều tra, bên cạnh có mối quan hệ giữa các chủ thể tố tụng trong giai đoạn điều tra. Với những cơ sở nêu trên, phạm vi nghiên cứu của luận án này được xác định là so sánh chế định điều tra giữa Trung Quốc và Việt Nam, gồm có những vấn đề như: hệ thống tổ chức và cơ chế lãnh đạo của tổ chức Cơ quan điều tra, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự, thủ tục điều tra, các biện pháp điều tra, cơ chế kiểm sát điều tra, những biện pháp ngăn chặn, vai trò của người bào chữa trong giai đoạn điều tra; v.v... Ngoài ra, sau khi so sánh chế định điều tra của hai nước, luận án còn đề ra các ý kiến để tiếp tục hoàn thiện chế định điều tra của Trung Quốc theo quan điểm chung của Luật so sánh (Luật so sánh là môn khoa học nghiên cứu và so sánh các hệ thống pháp luật các nước, nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng, trên cơ sở góp phần tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện của hệ thống pháp luật quốc gia so với hệ thống pháp luật các nước và pháp luật quốc tế, từ đó góp phần hội nhập quốc tế trong lĩnh vực pháp luật).

4. Các phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, tác giả luận án chủ yếu sử dụng *phương pháp so sánh* là chủ đạo. Theo phân loại cách thức so sánh dựa trên quy mô so sánh thì nội dung luận án này thuộc cách thức so sánh vi mô, nó là cách thức so sánh một cách cụ thể, trực tiếp một quy phạm pháp luật, một chế định pháp luật của một hệ thống pháp luật với một quy phạm pháp luật, một chế định pháp luật tương ứng của một hệ thống pháp luật khác.

Đồng thời, ngoài sử dụng phương pháp so sánh, các phương pháp khác như: quy nạp và phân tích, tổng hợp cũng được ứng dụng trong đề tài này, có nghĩa dựa trên cơ sở thu thập, thống kê, tổng hợp, đối chiếu tư liệu, các công trình khoa học của các nhà khoa học - luật gia hai nước để phân tích các tri thức khoa học Luật tố tụng hình sự để rút ra kết luận khái quát chung và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên đề cập và so sánh một cách có hệ thống và tương đối toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam. Có thể khẳng định rằng, nghiên cứu riêng biệt và độc lập về vấn đề so sánh này từ trước đến nay ở Trung Quốc chưa có bất kỳ công trình hay nhà khoa học nào nghiên cứu về Luật tố tụng hình sự Việt Nam và so sánh với Trung Quốc, do đó, kết quả nghiên cứu của chủ đề này sẽ có một bước đột phá lớn về lý thuyết và bổ sung thêm kho tàng lý luận và thông tin pháp Luật tố tụng hình sự cho các học giả, nhà nghiên cứu, luật gia, giảng viên, đặc biệt làm cơ sở cho các nghiên cứu mở rộng trong tương lai, có thể ở một mức độ cao hơn để tiếp tục đẩy mạnh cải cách lý thuyết về tố tụng hình sự của Trung Quốc.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần so sánh để phát hiện những điểm tương đồng và khác biệt của điều tra trong Luật tố tụng hình sự của hai nước. Qua nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, những năm gần đây, hệ thống pháp luật của Việt Nam đã ghi nhận ở một mức độ nhất định về mặt kỹ thuật lập pháp và sự hợp lý trong việc tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, các chế định hỗ trợ trong giai đoạn điều tra để nâng cao việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, ví dụ trong giai đoạn điều tra đã thiết lập chế định bào chữa, cho luật sư có mặt trong điều tra, cấm hỏi cung ban đêm, thiết lập sự kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, đề hướng dẫn điều tra của Viện kiểm sát; v.v... những quy định tiên bộ trong Luật tố tụng hình sự và bài học kinh nghiệm của Việt Nam chắc chắn sẽ làm Trung Quốc hiểu rõ hơn những thách thức và phương hướng về cải cách hệ thống pháp luật tố tụng hình sự của mình, có thể cung cấp những tư liệu quý báu và cách thức giải quyết vấn đề trình tự điều tra cho Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh cải cách điều tra hình sự.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về điều tra và so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam.

Chương 2: Tổ chức và hoạt động điều tra, cơ chế kiểm sát điều tra và các chế định liên quan đến điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA VÀ SO SÁNH VỀ ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1.1. Khái niệm điều tra trong tố tụng hình sự

Trong đời sống xã hội, yêu cầu bảo đảm pháp chế, tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm đến lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội, của cơ quan, tổ chức và của công dân là một đòi hỏi khách quan trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của bất kỳ Nhà nước nào. Tuy nhiên, khi có bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến các lợi ích đã trên, để xử lý nhanh chóng, kịp thời, Nhà nước sử dụng các thiết chế để tiến hành xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình này, bắt buộc phải tuân theo đúng các trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đã được pháp luật quy định.

Quá trình giải quyết vụ án hình sự trải qua nhiều giai đoạn và có nhiều hoạt động khác nhau, đồng thời có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và của công dân. Quá trình này được bắt đầu từ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận được tin báo về tội phạm và kết thúc cho đến khi có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực thi hành. Các hoạt động tố tụng này được pháp Luật tố tụng hình sự quy định chặt chẽ nhằm phát hiện chính xác, kịp thời, nhanh chóng và xử lý công minh, đúng pháp luật các hành vi phạm tội xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân.

Quá trình giải quyết vụ án hình sự có thể nói, gồm rất nhiều hoạt động khác nhau nhưng mỗi hoạt động đều có quan hệ chặt chẽ và mật thiết với nhau. Do đó, để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, cũng như áp dụng đúng đắn các quy định trong mỗi ngành luật

trong đó vào thực tiễn, pháp luật Việt Nam và các nước đều phân chia quá trình tố tụng hình sự thành các giai đoạn khác nhau, các giai đoạn này là những bước, thủ tục nhất định do pháp luật quy định chặt chẽ và do chủ thể riêng biệt thực hiện. Giai đoạn trước làm tiền đề cho giai đoạn sau, giai đoạn sau lại có vai trò kiểm tra giai đoạn trước và mỗi giai đoạn được cụ thể hóa bằng một văn bản tố tụng hình sự. Pháp luật tố tụng hình sự các nước đều quy định chặt chẽ và đầy đủ những trình tự, thủ tục cho mỗi giai đoạn trong đó.

Điều tra, với tư cách là một giai đoạn trong quá trình tố tụng, nói chung, pháp luật tố tụng hình sự các nước đều khẳng định, là hoạt động có mục đích khám phá và tìm ra sự thật khách quan, phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn xã hội. Cụ thể, trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, điều tra là hoạt động khám phá, phát hiện tội phạm. Hoạt động điều tra được nhìn nhận và quy định khác nhau ở các quốc gia phụ thuộc vào quan điểm chính trị, chính sách hình sự, trình độ và cách thức tổ chức bộ máy phòng, chống tội phạm, các cơ quan bảo vệ pháp luật - tư pháp ở từng nước hoặc từng giai đoạn xây dựng đất nước.

Nghiên cứu khoa học pháp lý của Trung Quốc và Việt Nam cho thấy còn tồn tại nhiều quan điểm về khái niệm điều tra.

Trước hết, ở Việt Nam, theo các Từ điển Luật học giải thích rằng, "điều tra là công tác trong tố tụng hình sự được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ" [37] hay "điều tra là tìm hiểu, xét hỏi để biết rõ sự việc" [42, tr. 526]; v.v...

Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, cách hiểu phổ biến hiện nay đều quan niệm điều tra là hoạt động của Cơ quan điều tra trong điều tra vụ án hình sự. Nói một cách khác, cách hiểu này cho rằng, *điều tra là tổng hợp tất cả các hành vi thực hiện trong giai đoạn điều tra và do một Cơ quan điều tra thực hiện*. Chẳng hạn, trong cuốn "Tìm hiểu Luật tố tụng hình sự", một số tác giả thống nhất giải thích rằng:

Điều tra là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự, trong đó Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp do Luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động điều tra, quyết định truy tố bị can làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án [12, tr. 30].

Hay quan điểm khác lại cho rằng: "Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự, trong giai đoạn này Cơ quan điều tra áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người phạm tội" [18, tr. 34]. Tuy nhiên, cũng có ý kiến lại cho rằng, cách hiểu này thể hiện ranh giới không rõ ràng giữa chức năng của Cơ quan điều tra với hoạt động điều tra, đồng nhất giai đoạn điều tra với hoạt động điều tra, coi hoạt động điều tra gồm mọi hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra; nhìn nhận về hoạt động điều tra mang tính cục bộ, phiến diện, bó hẹp phạm vi hoạt động điều tra chỉ được tiến hành trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Trên thực tế hoạt động điều tra được tiến hành trong tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự với những mục đích khác nhau để xác định sự thật khách quan của vụ án [22, tr. 32].

Gần đây, có quan điểm gắn liền với hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, đặc biệt là các nguyên tắc trong hoạt động này, thể hiện cả những hoạt động chứng minh sự thật khách quan của vụ án và ý nghĩa của hoạt động điều tra, theo đó: "Điều tra là hoạt động tố tụng ở những giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng với nhiệm vụ chủ yếu là khôi phục lại vụ án, thu thập chứng cứ chứng minh có hay không có tội phạm xảy ra, một người có phải là người phạm tội, mà nếu hoạt động điều tra không khách quan, toàn diện, đầy đủ, thì có thể dẫn đến phiến diện, một chiều. Hậu quả của điều này có thể dẫn đến những sai lầm trong việc giải quyết vụ án như làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm" [28; tr.52-53]; v.v...

Trong khi đó, ở Trung Quốc, quan điểm phổ biến và thống nhất thì cho rằng: Điều tra là Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra chuyên

môn và sử dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp Luật tố tụng hình sự, để xác định sự thật khách quan của tội phạm, bắt giữ nghi phạm. "Hoạt động điều tra chuyên môn" có nghĩa là bao gồm các việc hỏi cung, lấy lời khai, thanh tra, kiểm tra, tìm kiếm, thu giữ vật chứng hoặc chứng cứ tài liệu, nhận dạng, bắt giữ; v.v..., để hoàn thành nhiệm vụ điều tra theo quy định của pháp Luật tố tụng hình sự; những cái gọi là "các biện pháp cưỡng chế" bao gồm cả các "hoạt động điều tra chuyên môn" có tính cưỡng chế, chẳng hạn như thẩm vấn, tìm kiếm, thu giữ, bắt giữ, ngoài ra, chủ yếu là các biện pháp ngăn chặn cụ thể.

Theo chúng tôi, trong khoa học Luật tố tụng hình sự Trung Quốc, điều tra có thể được hiểu với tư cách là một hành vi, cũng có thể được hiểu với tư cách là một giai đoạn tố tụng.

Điều tra với nghĩa là một *hành vi* thì là một dạng hoạt động phát hiện, nghiên cứu, củng cố, ghi nhận, thu giữ các chứng cứ của điều tra viên theo quy định của luật điều tra.

Còn điều tra với nghĩa là một *giai đoạn* thì là một giai đoạn của tố tụng hình sự được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội. Trong giai đoạn này cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan điều tra) có nhiệm vụ thu thập chứng cứ, làm rõ tội phạm, người phạm tội và các tình tiết khác của vụ án, làm kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can. Nó (giai đoạn điều tra này) thường được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự cho đến khi Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án. Tuy nhiên, trong một số trường hợp thì việc điều tra lại được kết thúc bằng một trong các quyết định, đó là quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ điều tra do Cơ quan điều tra hay Viện kiểm sát áp dụng. Trong luận án này, nghĩa của điều tra có cả "*hành vi*" và "*giai đoạn*", có thể coi là chế định điều tra bao gồm các nội dung liên quan đến điều tra.

Như chúng ta đã biết, trong tố tụng hình sự có ba chức năng cơ bản và quan trọng thuộc về các chủ thể khác nhau: Chức năng *công tố* (1), chức năng *bào chữa* (biện hộ) (2) và chức năng *xét xử* (3). Theo đó, chức năng xét xử thuộc về Tòa án, chức năng bào chữa (biện hộ) thuộc về người bào chữa, còn chức năng công tố thuộc về cơ quan nào? Ở đây, rõ ràng trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm và người phạm tội, còn buộc tội bị can trước tòa là chức năng của cơ quan làm nhiệm vụ công tố trước tòa (Viện kiểm sát). Nếu xem xét nhiệm vụ thì Cơ quan điều tra, cơ quan Công tố là hai loại cơ quan khác nhau tồn tại độc lập, được tổ chức khác nhau và hoạt động cũng khác nhau. Tuy nhiên, nếu đi từ quan điểm hệ thống xem xét chức năng trung tâm thì hai cơ quan này đều hướng tới mục đích là chứng minh tội phạm và người phạm tội, buộc tội bị can, bị cáo (công tố) hay nói cách chính xác hơn chức năng công tố là chức năng trung tâm của Cơ quan điều tra và cơ quan làm nhiệm vụ công tố trước tòa. Cho nên, từ những vấn đề đó cho thấy, hoạt động của Cơ quan điều tra phải hướng tới chức năng buộc tội bị can.

Tuy vậy, nếu xem xét quá trình điều tra là quá trình thu thập các chứng cứ của vụ án để xác định sự thật một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Do đó, hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra hướng tới việc buộc tội bị can, nhưng không phải vì thực hiện chức năng này mà quá trình thu thập chứng cứ chỉ làm rõ các chứng cứ buộc tội mà không xác định chứng cứ gỡ tội là điều tra không khách quan, điều tra phiến diện một chiều và điều này cần phải được khắc phục trên thực tế. Vì vậy, việc điều tra thực hiện các chức năng buộc tội đúng, tránh "*oan, sai*", thì bên cạnh tìm những chứng cứ có tội, cũng phải xác định cả những chứng cứ gỡ tội.

Đồng thời chỉ trên cơ sở xác định cả những chứng cứ buộc tội và gỡ tội và thấy có đủ các căn cứ để buộc tội thì việc điều tra đó mới khách quan, công tâm và toàn diện. Cũng cần nói thêm rằng, hoạt động điều tra hình sự là hoạt động của Cơ quan điều tra hình sự áp dụng các biện pháp điều tra mà pháp Luật tố tụng hình sự quy định nhằm chứng minh tội phạm và người phạm tội. Hoạt

động điều tra đòi hỏi phải tôn trọng sự thật, tiến hành một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và phải tuân thủ pháp luật, Cơ quan điều tra cấp chịu sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra cấp trên trong hoạt động điều tra. Ngoài ra, hoạt động điều tra cần trú trọng tuân thủ nghiêm chỉnh các nguyên tắc của Bộ luật tố tụng hình sự như: nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án; v.v... Để làm tốt điều này, những hoạt động (biện pháp) do Cơ quan điều tra áp dụng có thể là: Khám xét, khám nghiệm hiện trường, tử thi, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định, kê biên tài sản, đối chất, nhận dạng, khởi tố bị can, hỏi cung bị can; v.v... [11, tr. 60].

Những biện pháp điều tra hình sự đó được hỗ trợ của các biện pháp cưỡng chế mang tính quyền lực hoặc nó được thực hiện bởi các biện pháp này tác động trực tiếp đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Ví dụ: Việc lấy lời khai của người làm chứng hay bị can, nếu Cơ quan điều tra phát giấy triệu tập mà những người đó không đến thì có thể bị cưỡng chế bằng việc áp giải, tạm giam; v.v...

Từ các đặc trưng của hoạt động điều tra như vậy cho nên các hoạt động điều tra đều phải tiến hành dựa trên một cơ sở pháp lý nhất định đó là quyết định khởi tố vụ án trừ trường hợp khám nghiệm hiện trường nhằm phát hiện dấu vết tội phạm, vật chứng và làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa với vụ án, do vậy ở đây đòi hỏi phải kịp thời và khẩn trương để nắm bắt được các tình tiết cụ thể của vụ án, nếu chờ quyết định khởi tố thì có thể chậm, do vậy tính khách quan chính xác của hiện trường có thể bị sai lệch, không đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm có hiệu quả thiết thực.

Tóm lại, từ việc nghiên cứu các quy định về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam, cũng như tổng hợp các quan điểm khoa học, theo chúng tôi, *điều tra trong tố tụng hình sự được hiểu là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự, trong đó Cơ quan điều tra có*

nhiệm vụ áp dụng các biện pháp do Luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người phạm tội, đồng thời Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động điều tra, quyết định truy tố bị can để làm cơ sở cho Tòa án xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

1.1.2. Vai trò của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự

Nếu thừa nhận một vấn đề trong xã hội: tội phạm là hiện tượng tiêu cực xã hội thì cuộc đấu tranh chống tội phạm được coi là một điều tất yếu khách quan không thể thiếu được của mọi chế độ xã hội [28, tr. 5-6], [29, tr. 5]. Mặc dù vậy, vấn đề ở chỗ, tại sao trong xã hội loài người lại tồn tại những hiện tượng tiêu cực xã hội, đặc biệt là tội phạm; làm thế nào để loại chúng trong cuộc sống xã hội. Giải quyết vấn đề này liên quan đến nhiều ngành khoa học khác nhau, nhiều cơ quan khác nhau. Trong đó có Cơ quan điều tra đóng vai trò rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ pháp chế, giữ vững kỷ cương, trật tự pháp luật, an toàn xã hội, tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của công dân.

Thông thường, để giải quyết vụ án hình sự thường trải qua các giai đoạn sau đây: Khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự; truy tố người phạm tội; xét xử vụ án và thi hành án. Tùy thuộc vào mỗi giai đoạn tố tụng mà có nhiệm vụ tố tụng khác nhau, được tiến hành bởi những cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng và những cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng và có trình tự, thủ tục riêng được kết thúc bằng các văn bản khác nhau. Giai đoạn tố tụng trước làm cơ sở, điều kiện cho giai đoạn tố tụng sau tạo nên quá trình tố tụng hoàn chỉnh trong việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, chính xác và đúng pháp luật. Do đó, có thể khái quát vai trò của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự như sau:

Một là, hoạt động điều tra có đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm xác định tội phạm và người phạm tội, hành vi của một người (bị can) có thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm hay

không, có tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào; v.v... Như đã đề cập, quá trình giải quyết vụ án hình sự được thực hiện kể từ khi có vụ án hình sự xảy ra. Nó được bắt đầu từ khi nhận được tin báo về tội phạm, các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền tiến hành điều tra, xác minh tin báo về tội phạm đó nhằm xác định tội phạm đó có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra các quyết định phù hợp. Trong trường hợp xác định có dấu hiệu tội phạm thì các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, cho phép các Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội, đồng thời được quyền áp dụng một hay nhiều biện pháp ngăn chặn tội phạm và phòng ngừa tội phạm.

Hai là, hoạt động điều tra còn có ý nghĩa xác lập cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện nội dung của quyền công tố. Theo đó, khi có đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội, Cơ quan điều tra viết bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố bị can ra trước Tòa án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án, cùng bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố sang Viện kiểm sát. Sau khi nhận được hồ sơ vụ án cùng bản kết luận điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét và khi thấy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can thì Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can trước pháp luật bằng bản cáo trạng, đồng thời chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng sang cho Tòa án. Tại đây, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án mà thấy rằng vụ án đã đủ chứng cứ chứng minh tội phạm thì thẩm phán được phân công làm nhiệm vụ chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án có trách nhiệm xét xử công khai, quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án ra các quyết định để thi hành bản án.

Như vậy, nếu giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được thực hiện bằng những hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, những cơ quan khác theo quy định của pháp Luật tố tụng hình sự Việt Nam có hay không có dấu hiệu phạm tội để ra một trong hai quyết định tố tụng: Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự; thì giai đoạn điều tra vụ án hình sự là

giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng. Quyết định khởi tố vụ án hình sự thực chất là văn bản tố tụng cho phép Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra nhằm giải quyết vụ án hình sự được nhanh chóng và đúng pháp luật.

Đến giai đoạn tố tụng hình sự, xét xử hình sự là khâu quyết định cuối cùng nhằm xác định một người có phải là người phạm tội hay không. Theo Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 của Việt Nam và Điều 12 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1996 của Trung Quốc: "*Không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*" thì kết luận về vụ án do Tòa án thực hiện dựa trên cơ sở xét xử vụ án, nhưng để thực hiện được việc xét xử thì phải có đủ chứng cứ xác định những tình tiết của vụ án hình sự mà những chứng cứ này chủ yếu được thu thập bởi các Cơ quan điều tra. Mặc dù Cơ quan điều tra không có quyền quyết định một người có phải là người phạm tội hay không, những để có chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội, làm cơ sở cho hoạt động tố tụng tiếp theo trong truy tố, xét xử thì phải có hoạt động thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra. Chính vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự quy định điều tra vụ án là giai đoạn bắt buộc, trong đó các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng mọi biện pháp do pháp luật tố tụng hình sự quy định để xác minh tội phạm và người phạm tội làm cơ sở cho Tòa án xét xử.

Ba là, điều tra vụ án trong tố tụng hình sự còn góp phần bảo đảm sự tuân thủ nghiêm chỉnh *nguyên tắc pháp chế* trong luật. "Pháp chế như là tính thiêng liêng của pháp luật, tính bền vững của các quy phạm pháp lý... Pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật..." [1, tr. 100-102]. Trong hoạt động điều tra hình sự, nguyên tắc pháp chế còn được hiểu với vai trò và ý nghĩa là sự cần thiết phải triệt để tuân thủ các quy định của pháp luật (cả luật nội dung và luật hình thức) có liên quan đến vụ án từ phía các chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia quá trình điều tra vụ án hình sự. Nhấn mạnh hơn điều này, TS. Bùi Kiên Điện cho rằng:

Đòi hỏi trên đôi với Cơ quan điều tra càng có tính cấp thiết, xuất phát từ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của chủ thể này và mọi vi phạm pháp luật, dù nhỏ, từ phía Cơ quan điều tra đều tạo ra khả năng lớn khiến hoạt động điều tra đi chệch khỏi quỹ đạo của mình, gây tổn hại trái pháp luật cho quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng, nhất là bị can [17, tr. 405].

Điều tra là hoạt động làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, do đó, các công việc, trình tự, thủ tục tiến hành cần phải tuân thủ pháp chế, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong việc áp dụng mọi biện pháp do Luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người phạm tội, lập hồ sơ đề nghị truy tố; v.v... Nếu việc điều tra tuân thủ pháp chế và đúng pháp luật, sẽ tạo điều kiện cho việc truy tố của Viện kiểm sát và xét xử của Tòa án được đầy đủ, chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bốn là, điều tra trong tố tụng hình sự còn phản ánh nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động này là "xác lập chân lý khách quan của hành vi phạm tội đã xảy ra trong quá khứ, tạo cơ sở quan trọng cho việc đạt được mục đích chung của tố tụng hình sự" [17, tr. 405] do Cơ quan điều tra thực hiện, đó là thông qua hoạt động điều tra nhằm thực hiện mục đích - phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Theo đó, có thể khẳng định rằng:

Điều tra là khâu đột phá, là giai đoạn đầu giữ vai trò thành bại đối với cả tiến trình tố tụng hình sự... Có thể nói, những kết quả khả quan cũng như sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra. Vị trí của hoạt động điều tra... đối với công tác xét xử không chỉ giới hạn ở số lượng và chất lượng chứng cứ mà Cơ quan điều tra có thể cung cấp cho Tòa án mà thậm chí trong nhiều trường hợp sự nhận định, đánh giá tội phạm của Cơ quan điều tra và của Viện kiểm sát còn quy định cả giới hạn xét xử [25, tr. 30].

Như là, khi đề cập đến hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự không thể không nói đến tổ chức của Cơ quan điều tra hay ngược lại, khi nghiên cứu về tổ chức Cơ quan điều tra không thể không bàn đến hoạt động của chúng [31, tr. 45]. Nếu như hoạt động điều tra vụ án hình sự chiếm vị trí quan trọng bảo đảm cho hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp trong việc giải quyết vụ án hình sự thì tổ chức Cơ quan điều tra là nền tảng cho sự hoạt động đúng đắn đó. Thực tế đã chỉ ra rằng, với việc tổ chức có hệ thống thì hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm sẽ được nâng lên và có tác dụng thiết thực trong phòng ngừa, cũng như trong điều tra, khám phá mỗi khi tội phạm xảy ra. Cho nên, trong những chương trình, chiến lược cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, thì các vấn đề liên quan đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan điều tra, đảm bảo cho hoạt động công tố và yêu cầu bảo đảm việc xét xử của Tòa án đúng người, đúng tội và đúng pháp luật cần được coi là một trong những vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

1.1.3. Ý nghĩa của điều tra trong tố tụng hình sự

Giai đoạn điều tra có một vị trí quan trọng trong mối tương quan với các giai đoạn tố tụng khác, nên do vậy ý nghĩa của nó thể hiện ở một số điểm dưới đây:

Một là, giai đoạn điều tra vụ án có nhiệm vụ quan trọng là: phát hiện, thu thập chứng cứ, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, sử dụng chứng cứ lập hồ sơ đề nghị xử lý chính xác, có nghĩa xác định sự thật khách quan của vụ án. Nói một cách khác, nó là bước đầu xác định có tội phạm xảy ra hay không. Trường hợp nếu có tội phạm xảy ra, thì làm rõ tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và người phạm tội để làm cơ sở cho việc ra quyết định truy tố, quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc quyết định đình chỉ vụ án, bảo đảm cho công tác xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Còn trường hợp nếu không có tội phạm xảy ra, Cơ quan điều tra có thẩm quyền sẽ ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự trên những cơ sở chung.

Hai, hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự còn góp phần tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Theo định nghĩa chung của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người thì: *Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người*" hay nói ngắn gọn hơn: *"Quyền con người là những quyền bẩm sinh, vốn có của con người mà nếu không được hưởng thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người"* [98, tr. 4].

Khái niệm quyền con người là:

Một phạm trù lịch sử - cụ thể, là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại và là đặc trưng tự nhiên vốn có cần được tôn trọng và không thể bị tước đoạt của bất kỳ cá nhân con người nào sinh ra trên trái đất, đồng thời phải được bảo vệ bằng pháp luật bởi các quốc gia - thành viên Liên hợp quốc, cũng như bởi cộng đồng quốc tế [7, tr. 12].

Hoạt động điều tra còn có ý nghĩa xác lập cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện nội dung của quyền công tố, do đó, trong quá trình thực hiện hoạt động này, Cơ quan điều tra có quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn hạn chế tự do hay một số biện pháp điều tra có liên quan, ảnh hưởng đến quyền con người, vì vậy, đòi hỏi hoạt động điều tra phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp chế, tôn trọng sự thật, tiến hành các công việc một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ và tuân thủ theo đúng các trình tự, thủ tục do luật định, cũng như trong việc áp dụng các biện pháp điều tra chính thống hay nghiệp vụ (như: khám xét người và chỗ ở, đồ vật, kê biên tài sản, áp dụng các biện pháp ngăn chặn; v.v...) để làm rõ hành vi phạm tội, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, qua đó không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Ba là, chỉ có thông qua hoạt động điều tra tội phạm, Cơ quan điều tra mới có cơ sở để tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, để từ đó

đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm có hiệu quả, dự báo và có kế hoạch hóa phòng ngừa tội phạm trong thời gian tới, qua đó giữ vững ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội, cũng như góp phần giáo dục công dân ý thức chấp hành pháp luật và quy tắc của cuộc sống xã hội xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, giai đoạn điều tra còn có nhiệm vụ mở rộng công tác đấu tranh chống tội phạm, thu thập các tin tức về các phương thức, thủ đoạn, các phương tiện thực hiện tội phạm khác ngoài phạm vi vụ án đang điều tra [35, tr. 12-13].

Năm là, cũng qua công tác điều tra hình sự, Cơ quan điều tra xác định được mức độ gây ra thiệt hại (hậu quả) do tội phạm và người phạm tội đã gây ra cho xã hội, để làm cơ sở cho Tòa án quyết định mức bồi thường thiệt hại được phù hợp và chính xác cho người bị hại hay nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự.

Sáu là, thông qua điều tra làm rõ sự thật khách quan của vụ án, Cơ quan điều tra đã giữ vững và bảo đảm pháp chế, ổn định trật tự xã hội, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền. Đến lượt mình, Nhà nước pháp quyền lại tiếp tục làm cho pháp luật về tổ chức và điều tra của Cơ quan điều tra, về các nguyên tắc của hoạt động điều tra được hoàn thiện hơn, đầy đủ hơn, tôn trọng và bảo vệ quyền con người hơn, cũng như bảo đảm giải quyết vụ án hình sự được khách quan, công bằng, dân chủ và đúng pháp luật hơn. Bởi lẽ, Nhà nước pháp quyền là Nhà nước mà trong đó, pháp luật được tôn trọng và đề cao, pháp chế được ngự trị, các quyền và tự do của con người được bảo đảm, đồng thời tất cả các hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có hành vi phạm tội lẫn hành vi vi phạm trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự đều bị xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật.

Tóm lại, đối với bất kỳ vụ án hình sự nào thì hoạt động điều tra cũng là hết sức cần thiết và quan trọng. Có thể khẳng định rằng nếu thiếu hoạt động điều tra thì Tòa án không có cơ sở để xét xử vụ án. Tòa án muốn xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì trước đó giai đoạn điều tra phải: thu thập

được những chứng cứ chứng minh tội phạm là người phạm tội. Tuy nhiên, luật cũng quy định Cơ quan điều tra vừa phải thu thập được những chứng cứ buộc tội và cả những chứng cứ gỡ tội. Chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng hoặc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, cũng như chứng cứ xác định các tình tiết khác có liên quan của vụ án. Nếu giai đoạn điều tra không thu thập đầy đủ các chứng cứ hoặc việc thu thập chứng cứ có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì Tòa án sẽ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Kết quả điều tra là cơ sở quan trọng để bảo đảm tính đúng đắn cho các quyết định tố tụng như: quyết định truy tố, quyết định đưa vụ án ra xét xử; v.v...

Vì vậy, điều tra là một giai đoạn tố tụng có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Song các kết luận của Cơ quan điều tra không phải là những căn cứ duy nhất bắt buộc Tòa án phải dựa vào khi xét xử mà Tòa án phải tiến hành điều tra tại phiên tòa bằng việc kiểm tra, đánh giá và xác định lại các chứng cứ đã thu thập được trong giai đoạn điều tra để trên cơ sở đó mà ra bản án. Kết quả giải quyết vụ án hình sự phụ thuộc rất nhiều vào giai đoạn điều tra. Theo đó, chỉ khi điều tra vụ án được nhanh chóng, kịp thời và chính xác sẽ đẩy nhanh và mạnh tiến độ tố tụng để giải quyết vụ án.

1.1.4. Điều tra trong các mô hình tố tụng hình sự

Những nghiên cứu về điều tra chịu ảnh hưởng sâu sắc của lý luận nghiên cứu mô hình tố tụng hình sự, cho nên phần nội dung của luận án này trước tiên giới thiệu một số lý luận về mô hình tố tụng hình sự. Thực tế, mô hình tố tụng hình sự là sự thể hiện cách ứng xử của Nhà nước đối với người bị tình nghi phạm tội, quyết định toàn bộ quy trình tố tụng hướng tới sự tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng hay là sự bảo vệ quyền lợi của công dân và nhiều nội dung quan trọng khác.

Hiện nay, có hai mô hình tố tụng hình sự đặc trưng trên thế giới, về tên gọi thì có nhiều kiểu: một kiểu gọi là "mô hình tố tụng hình sự kiểm soát tội phạm" (*Crime Control Model*) với hàm ý đối lập với "mô hình tố tụng

hình sự công bằng" (*Due Process Model*); một kiểu khác gọi là "hệ tố tụng tranh tụng" (*Adversarial system*) với hàm ý đối lập với "hệ tố tụng thẩm vấn" (*Inquisitorial system*). Theo đó, về cơ bản, thì hai kiểu phân loại là giống nhau, "mô hình tố tụng hình sự kiểm soát tội phạm" và "hệ tố tụng thẩm vấn" hướng tới sự tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tố tụng; mà "mô hình tố tụng hình sự công bằng" và "hệ tố tụng tranh tụng" hướng tới việc tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của công dân. Hệ thống giá trị của mô hình "mô hình tố tụng hình sự kiểm soát tội phạm" cho rằng, việc trấn áp các hành vi phạm tội là chức năng quan trọng nhất của tố tụng hình sự. Để được coi là hiệu quả, mô hình kiểm soát tội phạm này cần hoạt động tố tụng được tiến hành nhanh chóng, dứt khoát và có tỷ lệ buộc tội cao. Sự nhanh chóng và dứt khoát vốn được coi là mục tiêu của mô hình kiểm soát tội phạm, thì trong mô hình tố tụng công bằng, chúng lại bị xem như sự lạm dụng quyền lực nhà nước, vì mô hình tố tụng công bằng được xây dựng trên quan điểm tôn trọng các quyền cá nhân và hạn chế quyền lực của các cơ quan và quan chức nhà nước.

Mô hình tố tụng công bằng nhấn mạnh một quy trình tìm kiếm bằng chứng nặng tính hình thức thông qua tranh tụng. Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm cho rằng, tự do quan trọng tới mức mọi hoạt động tố tụng đều phải hướng tới mục tiêu hạn chế tội phạm, trong khi mô hình tố tụng công bằng lại cho rằng, tự do quan trọng tới mức mọi hoạt động tố tụng đều cần phải đảm bảo rằng, các quyết định của Tòa án trong các vụ án hình sự phải được dựa trên những thông tin đáng tin cậy. Cả hai mô hình đều có mục tiêu là tự do xã hội. Một mô hình thì tìm cách đạt được mục tiêu đó bằng việc nhấn mạnh một thủ tục tố tụng hiệu quả đối với người vi phạm, trong khi mô hình kia thì nhấn mạnh việc hạn chế có hiệu quả sự can thiệp của nhà nước vào cuộc sống riêng tư của công dân.

Vì điều tra là một trong những giai đoạn của tố tụng hình sự, nên lý luận mô hình điều tra cũng không thể thoát khỏi lý luận mô hình tố tụng hình sự, nhưng lại có vài nét riêng bởi giai đoạn điều tra là giai đoạn khác với những giai đoạn tố tụng khác.

Nội dung chủ yếu được đề cập đến trong lý luận mô hình điều tra là vấn đề thể chế điều tra, tức vấn đề phân phối quyền lực (lợi ích) của chủ thể trong việc điều tra, tương ứng với mỗi kiểu mô hình điều tra là những phương án phân phối quyền lực (lợi ích) khác nhau, khiến cho những xung đột về quyền lực (lợi ích) xảy ra trong quá trình điều tra được giải quyết theo những cách hoàn toàn khác nhau. Như vậy, mô hình điều tra liên quan trực tiếp đến vấn đề chế ước quyền lực của Cơ quan điều tra và bảo đảm nhân quyền cho bị can, đồng thời có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với công tác nghiên cứu pháp lý và so sánh triển khai các mô hình điều tra.

Những nghiên cứu về mô hình điều tra chịu ảnh hưởng sâu sắc của lý luận nghiên cứu mô hình tổ tụng hình sự, nghiên cứu phân loại mô hình điều tra hiện nay đều dựa trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu mô hình tổ tụng hình sự. Có thể dựa trên nhiều loại tiêu chí để phân loại các mô hình điều tra.

**** Mô hình điều tra tranh tụng và mô hình điều tra thẩm vấn***

Do điều tra là một khâu trong tổ tụng hình sự, nên những đặc trưng tổ tụng hình sự đương nhiên cũng được thể hiện ra trong cấu trúc trình tự điều tra, từ đó hình thành nên sự khác biệt giữa hai kiểu mô hình điều tra là điều tra tranh tụng trong hệ thống Common Law và điều tra thẩm vấn trong hệ thống Civil Law. Chẳng hạn, cái tên mô hình điều tra "*kiểu tranh tụng*" đã nói lên đặc trưng cơ bản nhất của loại điều tra này là tính đối kháng trong quá trình điều tra, tức tăng cường vai trò và năng lực tổ tụng của bị can, nhấn mạnh tính bình đẳng và tính đối kháng giữa bị can và Cơ quan điều tra. Cụ thể là trong khi thẩm vấn, bị can có quyền im lặng, trước khi tiến hành thẩm vấn bước đầu, Cơ quan điều tra phải thông báo cho bị can biết điều này. Một khi bị can thực hiện quyền im lặng, cuộc thẩm vấn coi như kết thúc. Đồng thời, khi Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bị can được quyền nhờ luật sư trợ giúp pháp lý, mời người bào chữa và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Trừ trường hợp đặc biệt, bị can được quyền cho bảo lãnh trong quá trình điều tra, nhằm tạo điều kiện cho bị can có sự chuẩn bị đầy đủ

khi tham gia biện hộ. Trong điều tra, tất cả những động thái này đều nhằm nâng cao vai trò và năng lực tố tụng của bị can, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cũng như tăng cường phòng tránh những trở ngại đối với bị can. Quan trọng hơn là mô hình điều tra kiểu này cho phép bình đẳng quyền điều tra giữa hai bên truy tố và biện hộ. Do đó, quyền điều tra không còn là đặc quyền riêng phía nhà nước, người dân trong xã hội cũng có quyền tiến hành điều tra lấy chứng cứ, trong quá trình điều tra, hai bên truy tố và biện hộ đều có quyền điều tra lấy chứng cứ độc lập, không chỉ Cơ quan điều tra nhà nước mới có quyền triển khai điều tra tội phạm mà luật sư bào chữa cũng có thể nhờ một số nhân viên chuyên trách (thường là thám tử tư và giám định viên) đại diện cho bên biện hộ tiến hành điều tra biện hộ. Về mặt thời gian, hai hoạt động điều tra này diễn ra đồng thời và hạn định lẫn nhau, đối kháng về mặt quyền điều tra giữa bên truy tố và bên biện hộ thậm chí có thể kéo dài cho đến khi xét xử tại tòa kết thúc. Nhìn từ góc độ phương pháp điều tra, luật sư bào chữa có thể ủy quyền cho thám tử tư, giám định viên trực tiếp điều tra sự tình vụ án và thu thập những chứng cứ cần thiết, bao gồm kiểm tra hiện trường, hỏi nhân chứng và nghiệm thu vật chứng; v.v...

Thậm chí có trường hợp, luật sư bào chữa có thể nhờ nhân viên của những cơ quan cảnh sát không tham gia xử lý án tiến hành kiểm tra hiện trường, nghiệm thu vật chứng và ra tòa làm chứng [88, tr. 27]. Trái lại, nét nổi bật trong mô hình điều tra thẩm vấn thể hiện ở tính chủ động và tính vận dụng rộng rãi quyền lực nhà nước trong quá trình điều tra, nhằm thu thập chứng cứ phạm tội, tìm ra sự thật tội phạm, xác định người phạm tội, thông thường luật pháp nói rộng quyền điều tra thẩm vấn đối với Cơ quan điều tra và hạn chế quyền tố tụng của bị can trong quá trình điều tra, về các mặt như phương thức hỏi cung, thời hạn quản thúc giam giữ; v.v... đều có sự khác biệt tương đối lớn so với mô hình điều tra tranh tụng. Điều quan trọng là, luật pháp của đa số các nước theo mô hình điều tra thẩm vấn đều không thừa nhận vai trò tham gia của người bào chữa trong giai đoạn điều tra, một số ít cho phép người bào

chữa tham gia vào giai đoạn sau của điều tra nhưng quy định cũng rất nghiêm ngặt, càng không cho phép người bào chữa được tiến hành lấy chứng cứ (chỉ Cơ quan điều tra mới được phép điều tra lấy chứng), người bào chữa chỉ có quyền xin được thu thập chứng cứ.

Chúng tôi cho rằng, điểm khác biệt chủ yếu giữa mô hình điều tra tranh tụng và mô hình điều tra thẩm vấn hay cũng có thể nói cơ sở phân loại hai đối tượng là: có xem bị can là chủ thể tố tụng có vai trò và vị trí bình đẳng với Cơ quan điều tra hay không, quan trọng là có thừa nhận quyền điều tra lấy chứng độc lập của bị can và luật sư bào chữa hay không. Như trên đã nói, đặc trưng của mô hình điều tra tranh tụng trong hệ thống Common Law là tính đối kháng trong giai đoạn điều tra, tức tăng cường vai trò và năng lực tố tụng của bị can, nhấn mạnh tính bình đẳng và tính đối kháng giữa bên truy tố và bên biện hộ, nhằm giới hạn quyền điều tra của bên truy tố trong quá trình điều tra. Vì thế quyền điều tra không chỉ thuộc về phía Cơ quan điều tra mà thành viên phổ thông trong xã hội cũng có quyền tiến hành điều tra lấy chứng cứ, trong quá trình điều tra hai bên truy tố và biện hộ có quyền điều tra lấy chứng độc lập, bên truy tố có quyền triển khai điều tra tội phạm, bên biện hộ có quyền nhờ người triển khai điều tra biện hộ.

Trái lại, nét nổi bật của mô hình điều tra thẩm vấn là tính đơn nhất, tính đơn quyền trong trình tự. Với mô hình điều tra này, quyền điều tra riêng thuộc về phía Cơ quan điều tra nhà nước, cái gọi là điều tra ở đây là Cơ quan điều tra đơn phương tiến hành hoạt động điều tra nhằm thu thập chứng cứ, tìm sự thật phạm tội và xác minh tội phạm. Trong toàn bộ quá trình điều tra, quyền lực nhà nước được vận dụng một cách chủ động và rộng rãi, nhằm thu thập chứng cứ, tìm sự thật phạm tội và xác minh tội phạm và người phạm tội, Nhà nước trao toàn quyền tra hỏi, thẩm vấn cho phía Cơ quan điều tra, còn quyền tố tụng của bị can thì bị hạn chế hết mức có thể. Điều quan trọng là, luật pháp hầu hết các nước theo mô hình này đều không thừa nhận vai trò tham gia của người bào chữa trong giai đoạn điều tra, một số ít cho phép

người bào chữa tham gia giai đoạn sau của điều tra nhưng cũng quy định rất nghiêm ngặt. Bị can và luật sư bào chữa chỉ được phép sử dụng kết quả điều tra có sẵn do Cơ quan điều tra cung cấp (tức có quyền tra cứu hồ sơ bên truy tố), nhưng không được phép độc lập tiến hành điều tra; chỉ Cơ quan điều tra mới có quyền thu thập chứng cứ, luật sư bào chữa chỉ có quyền xin phép thu thập chứng cứ, tức là quyền xin được bảo toàn chứng cứ. Chẳng hạn, luật sư biện hộ ở Pháp tuy được phép có mặt tại hiện trường thẩm vấn, có quyền xem hồ sơ trước phiên dự thẩm và tiến hành chất vấn, phát biểu tại tòa dự thẩm nếu được quan tòa đồng ý, nhưng không có quyền điều tra cá nhân. Căn cứ theo quy định trong "Luật tố tụng hình sự Đức", bị can tuy có quyền ủy thác cho luật sư bào chữa trong quá trình điều tra, nhưng bị can và luật sư bào chữa đều không có quyền điều tra, kiểm sát tương ứng giống Cơ quan điều tra, chỉ có quyền xin điều chỉnh chứng cứ, mà không được phép tự điều tra trực tiếp lấy chứng. Theo đó, trong mô hình điều tra tranh tụng, do bên truy tố và bên biện hộ đồng thời tiến hành điều tra và đối kháng với nhau, nên được gọi là điều tra "*kiểu tranh tụng*", còn trong mô hình điều tra thẩm vấn, do Cơ quan điều tra đơn phương vận dụng thẩm quyền của mình tiến hành điều tra nên được gọi là điều tra kiểu "*thẩm vấn*".

**** Mô hình điều tra tư pháp và mô hình điều tra hành pháp***

Theo nguyên tắc phân loại nghiên cứu, với cùng một đối tượng, ta có thể xem xét dưới nhiều khía cạnh khác nhau, dựa theo những tiêu chí khác nhau, có thể phân chia nó thành những kiểu khác nhau, hình thành nên sự đa dạng trong nguyên lý mô hình. Đối với trình tự điều tra mà nói, ngoài việc có thể căn cứ vào vị trí và mối quan hệ trong trình tự giữa hai bên điều tra và biện hộ để chia thành hai loại mô hình điều tra là: điều tra tranh tụng và điều tra thẩm vấn, ta còn có thể dựa trên tiêu chí mối quan hệ ba bên là "*điều tra, biện hộ, xét xử*" (tức xem xét trình tự điều tra có chịu sự khống chế tư pháp từ phía tòa án hay không) để chia thành hai loại là: điều tra tư pháp và điều tra hành pháp. Trình tự điều tra chịu sự khống chế tư pháp được gọi là mô hình

điều tra tư pháp; còn trình tự điều tra không chịu sự khống chế tư pháp, đơn thuần do Cơ quan điều tra ra quyết định gọi là mô hình điều tra hành pháp. Nhìn chung, các nước phương Tây gồm các quốc gia có chế độ thông luật và các quốc gia có chế độ dân luật đều áp dụng mô hình điều tra tư pháp, tuy nhiên trước đó đại diện của những nước xã hội chủ nghĩa là Liên Xô cũ lại áp dụng mô hình điều tra hành pháp. Mặc dù sự chênh lệch về truyền thống tư pháp và bề dày văn hóa xã hội đã tạo nên điểm khác biệt trong chế độ tổ tụng của các quốc gia thông luật và các quốc gia dân luật, chẳng hạn trên phương diện tính chủ động của quan tòa, nếu đem so sánh cũng tồn tại sự khác biệt rõ rệt. Nhưng với tư cách là những đại diện cùng kế thừa tinh thần tư pháp hiện đại phương Tây, chúng cũng có những nét tương đồng nhất định về mặt quan điểm và thể chế tổ tụng, bất luận là quốc gia thông luật hay dân luật, kết cấu trình tự điều tra đều kiên trì thể chế điều tra tư pháp tổ hợp ba bên điều tra - biện hộ - xét xử dưới sự giám sát, đôn đốc và khống chế của quan tòa.

Khác với mô hình điều tra tư pháp, đặc trưng nổi bật của mô hình điều tra hành pháp mà Liên Xô cũ từng áp dụng là: trình tự điều tra do Cơ quan điều tra (bao gồm cơ quan kiểm sát) chủ động khống chế, quan tòa không tham gia vào công tác điều tra, việc áp dụng các biện pháp điều tra mang tính ngăn chặn do Cơ quan điều tra cân nhắc quyết định, vì thế thiếu trọng tài tư pháp (thẩm phán) trung lập để giám sát và khống chế hoạt động của Cơ quan điều tra, điều này dẫn đến toàn bộ trình tự điều tra thiếu kết cấu tư pháp tổ hợp ba bên bao gồm: điều tra - biện hộ - xét xử, hình thành nên kiểu kết cấu điều tra hành pháp, tức tổ hợp điều tra hai bên là Cơ quan điều tra và đối tượng chịu sự điều tra này.

1.1.5. Điều tra trong mối quan hệ với việc bảo vệ quyền con người

Khái niệm quyền con người có nguồn gốc từ thời Hy Lạp cổ dưới dạng các quyền tự nhiên của con người. Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, người nô lệ không được coi là con người, họ không có và không được xã hội thừa nhận các quyền con người. Chế độ phong kiến đã là một bước tiến hơn so với chế độ

chiếm hữu nô lệ bước đầu trong việc dành lại quyền tự do và giải phóng con người. Đến giai cấp tư sản, quyền con người được đề cập trực tiếp, giai cấp này lần đầu tiên biết nêu cao ngọn cờ nhân quyền, biết lợi dụng các tư tưởng tự do, bình đẳng, công lý... vốn là yêu cầu cấp thiết của tầng lớp nhân dân lao động, tuyệt đối hóa tự do cá nhân, đặc biệt nhấn mạnh yếu tố cá nhân trong khái niệm quyền con người (ví dụ: quyền tư hữu thiêng liêng). Theo đó, lần đầu tiên các quyền con người được đề cập từ cuộc cách mạng tư sản Anh với Luật về các quyền năm 1689; sau đó chính thức ghi trong các văn kiện quan trọng như Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776: "*Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*". Đến Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền Pháp năm 1791 tiếp tục khẳng định: "*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*"; v.v... Theo quan điểm của các nhà triết học thời đại khai sáng của thế kỷ 17 và 18 thì các quyền không thể tước bỏ được là các quyền tự nhiên do tạo hóa ban cho họ. Các quyền này không bị phá hủy khi xã hội dân sự được thiết lập và không một xã hội hay một Chính phủ nào có thể xóa bỏ hoặc "*chuyển nhượng*" các quyền này.

Các quyền không thể tước bỏ bao gồm các quyền tự do ngôn luận và thể hiện, quyền tự do tín ngưỡng và nhận thức, quyền tự do lập hội và quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật. Tuy nhiên, đây chưa phải là bản liệt kê đầy đủ các quyền mà các công dân có được trong một nền dân chủ. Các xã hội dân chủ đồng thời thừa nhận các quyền dân sự như quyền được xét xử công bằng, và còn lập nên các quyền chủ chốt mà bất kỳ Chính phủ dân chủ nào cũng phải duy trì. Vì các quyền này tồn tại không phụ thuộc vào chính phủ, do đó chúng không thể bị luật pháp bãi bỏ cũng như không phụ thuộc vào ý muốn nhất thời của đa số cử tri nào đó.

Việc điều tra trong tố tụng hình sự để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án có liên quan thiết thực và chặt chẽ với quyền con người một cách

mật thiết, nếu hoạt động điều tra đúng pháp luật, sẽ bảo vệ được quyền con người, nếu hoạt động này - có bất kỳ sai lầm nào, dù to hay nhỏ, nhiều hay ít, đều dẫn đến hệ quả tiêu cực, xâm phạm quyền con người. Quyền điều tra quá lớn mà không bị hạn chế thì sẽ dễ xâm hại đến quyền con người, mà trong giai đoạn điều tra quá coi trọng sự bảo vệ quyền con người thì khó đạt được mục đích điều tra. Đối với việc điều tra, một mặt phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về điều tra thu thập chứng cứ phạm tội, tìm bắt bị can, xác minh sự thật án, mặt khác phải bảo đảm quyền lợi cơ bản cho những đối tượng liên quan, đặc biệt là bị can, đồng thời không ngừng cải biến, điều chỉnh sao cho phù hợp với trình độ phát triển của xã hội, nỗ lực thực hiện những động thái bình ổn và cân bằng của mối quan hệ giữa nhu cầu điều tra với bảo đảm tôn trọng nhân quyền.

Vì việc điều tra ảnh hưởng tới quyền con người nên pháp luật cần có quy định để hạn chế sự lợi dụng quyền lực của Cơ quan điều tra, điều tra viên xâm phạm quyền con người. Chẳng hạn, các nước theo hệ thống Civil Law trong một thời gian dài chịu sự chi phối của Chủ nghĩa Chân thực thực thể, lập pháp cho phép quan tòa dự thẩm hoặc trao thẩm quyền điều tra to lớn cho cảnh sát tư pháp, tuy nhiên từ sau đại chiến thế giới lần thứ hai, các nước theo hệ thống Civil law phổ biến tăng cường không chế pháp luật đối với quyền điều tra, đồng thời ngày càng bảo đảm hơn quyền lợi hợp pháp của bị can và những đối tượng điều tra liên quan. Trên phương diện không chế pháp luật đối với quyền điều tra, các nước theo hệ thống Civil Law phổ biến áp dụng bốn biện pháp dưới đây:

Một là, thực hiện nguyên tắc quan tòa bảo lưu, những biện pháp ngăn chặn như tạm giam, khám xét, tịch thu, giám nghe; v.v... phải được quan tòa phê chuẩn mới được áp dụng, Cơ quan điều tra không được tự ý quyết định.

Hai là, nghiêm khắc hạn định phạm vi và trình tự hoạt động điều tra, đồng thời yêu cầu điều tra viên phải thi hành nhiệm vụ một cách khách quan, tuân theo những nguyên tắc đã được quy định trong việc điều tra và lấy

chứng, các biện pháp điều tra bí mật phải phù hợp với "*Nguyên tắc biện pháp cuối cùng*".

Ba là, thông qua chế độ cấm làm chứng cứ hoặc vô hiệu hóa trình tự nhằm điều chỉnh những vi phạm trong điều tra.

Bốn là, hạn chế năng lực chứng minh của biên bản điều tra nhằm giảm bớt những ảnh hưởng tiêu cực của hồ sơ điều tra đến tính khách quan, công bằng trong khâu xét xử tại tòa.

Về phương diện bảo hộ đối với bị can, các nước theo hệ thống Civil Law hầu như thừa nhận quyền được biết lí do bị bắt giữ và tính chất tố cáo, quyền im lặng khi bị thẩm vấn, quyền nhận sự hỗ trợ kịp thời từ phía luật sư sau khi bị bắt giữ, quyền gặp gỡ với người bào chữa, quyền thẩm tra tư pháp đối với việc tạm giam và quyền xin bảo toàn những chứng cứ có lợi, luật pháp Ý và một số quốc gia khác còn cho phép luật sư bào chữa có mặt tại hiện trường khi bị can bị thẩm vấn. Tuy nhiên, từ sau thập kỷ 80 của thế kỷ 20, do tội phạm khủng bố và tội phạm có tổ chức ngày một gia tăng, các nước theo hệ thống Civil Law đã tiến hành sửa đổi luật, mở rộng các phương pháp điều tra lấy chứng bí mật của Cơ quan điều tra và hạn chế bớt quyền lợi của bị can.

Ngược lại, trong các nước theo hệ thống Common Law, bắt đầu từ giai đoạn sau giữa thế kỷ 18 đã xác nhận quyền được biết lí do bị bắt giữ và tính chất tố cáo, quyền im lặng, quyền luật sư hỗ trợ và quyền được bảo lãnh. Tuy nhiên, cho đến đầu những năm 80 của thế kỷ 20, nước Anh vẫn không thừa nhận quyền thẩm vấn của cảnh sát đối với bị can, mặc dù thẩm vấn điều tra sớm đã là hành vi thường nhật bắt thành văn của cảnh sát. Do đó, để đẩy nhanh tiến trình điều tra sự thật vụ án, tại Điều 37 "*Luật cảnh sát và chứng cứ hình sự năm 1984*" của Anh đã xác nhận quyền được phép tạm giam bị can để lấy khẩu cung, "*Luật xét xử hình sự và trình tự công bằng năm 1994*" thêm một bước hạn chế quyền im lặng của bị can; đồng thời, một lượng lớn các điều khoản thành văn đã quy định đối tượng bị truy tố có trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ.

Năm 1987, với sự thành lập của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm lừa đảo nghiêm trọng và năm 2005 là Cục cảnh sát điều tra tội phạm có tổ chức nghiêm trọng đã mở rộng thẩm quyền của cảnh sát trong lĩnh vực điều tra tội phạm nghiêm trọng. Tuy nhiên, từ sau khi ban hành "*Luật cảnh sát và chứng cứ hình sự năm 1984*", Tòa án Anh cũng kiên trì lập trường bài trừ những hành vi lấy cung và thu thập chứng cứ phi pháp của phía cảnh sát. Sau khi triển khai thi hành "*Đạo luật nhân quyền*", Tòa án Anh quốc đặt toàn bộ nghiệp vụ tư pháp quốc nội dưới sự bảo hộ của Công ước Châu Âu về nhân quyền năm 1949, tăng cường thẩm tra tư pháp nghiêm ngặt đối với đề nghị bắt giam, cưỡng chế lấy chứng, khởi tố của bên tố tụng.

Cũng giống như nước Anh, nước Mỹ qua "*Cách mạng trật tự công bằng*" (Due process revolution)" vào thập kỷ 60 của thế kỷ 20, đã triển khai toàn diện dự luật về quyền lợi quy định trong hiến pháp Liên bang vào tư pháp Liên bang và các Bang, sau đó không lâu lại thông qua sửa đổi nguyên tắc bài trừ hành vi lấy chứng phi pháp trong tố tụng. Sau sự kiện "11-9", thông qua Luật chống khủng bố đã mở rộng hơn nữa thẩm quyền của Cục điều tra Liên bang trên phương diện chống tội phạm khủng bố.

Qua những thay đổi về mặt lập pháp điều tra của hai hệ thống pháp luật nêu trên, chúng ta dễ dàng nhận ra đó chính là động thái làm cân bằng nhu cầu tìm kiếm điều tra và đảm bảo nhân quyền dựa trên những bối cảnh xã hội cụ thể. Có thể nói, thu thập chứng cứ, tìm bắt bị can và xác minh sự thật vụ án trên cơ sở tôn trọng nhân quyền, có sự can thiệp của tư pháp đã trở thành hình mẫu giá trị cơ bản của trình tự điều tra nhà nước pháp quyền hiện đại.

Trung Quốc và Việt Nam về cơ bản đều thuộc mô hình tố tụng thẩm vấn, cuộc cải cách tư pháp đã và đang tiến hành đều cố gắng lấy những điểm tiên bộ của mô hình tố tụng tranh tụng, cũng như là ngày càng coi trọng quyền con người trong tố tụng hình sự. Với tư tưởng chỉ đạo là bình ổn và cân bằng nhu cầu điều tra với bảo hộ nhân quyền, trên phương diện xây dựng và hoàn thiện điều tra cần tuân thủ *ba* nguyên tắc sau đây:

Một là, đồng thời chú trọng hai vấn đề không chế tội phạm và bảo vệ nhân quyền, nhưng có thể ưu tiên thích đáng khía cạnh bảo vệ nhân quyền;

Hai là, tuân thủ nội dung công ước quốc tế, tích cực tiếp thu thông lệ quốc tế liên quan đến tư pháp hình sự;

Ba là, xuất phát từ tình hình trong nước cần đột phá trọng điểm, từng bước đi lên. Vì thế, cần coi trọng điều chỉnh kết cấu trình tự điều tra, hoàn thiện quy định luật pháp hiện hành. Tuy nhiên, về biện pháp, có thể khái quát theo *ba* phương diện dưới đây:

Phương diện thứ nhất, mở rộng quyền cho bị can và người bảo chữa. Căn cứ theo ý kiến nhận thức của giới nghiên cứu và những kinh nghiệm thực tiễn điều hành nhà nước pháp quyền, tác giả cho rằng, lập pháp nên thừa nhận những quyền lợi sau đây của bị can trong quá trình điều tra:

- Quyền được biết lí do bị bắt giữ và tính chất khởi tố;
- Quyền không bị ép nhận tội;
- Quyền mời luật sư hỗ trợ pháp luật;
- Quyền của người bảo chữa gặp mặt những bị can tự do và có mặt trong những trường hợp điều tra không bị hạn chế;
- Quyền xin bảo lãnh;
- Quyền xin bảo toàn chứng cứ có lợi.

Phương diện thứ hai, tăng cường sự kiểm soát thẩm quyền điều tra. Trước hết, phải đưa những biện pháp điều tra ngoài luật như nghe trộm, cưỡng chế lấy mẫu, điều tra dụ dỗ (cử điều tra viên bí mật nằm vùng) vào phạm vi nội dung điều chỉnh của luật, đồng thời quy định rõ phạm vi, điều kiện và trình tự án được phép áp dụng. Sau đó là hạn chế quyền không chế bị can của Cơ quan điều tra một cách thích hợp, phòng tránh hiện tượng bắt giam vô căn cứ và tạm giam quá thời hạn. Tiếp đến, cần phải hoàn thiện quy định luật hiện hành về trình tự và điều kiện tiến hành các hành vi điều tra lấy

chứng thông thường như điều tra thu thập, tịch thu, thẩm vấn; v.v..., hạn chế quyền tự quyết của Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra một cách thích hợp, cũng như phải bảo đảm quyền luật sư có mặt tại hiện trường, quyền xin thẩm tra tư pháp; v.v..., hạn chế những hành vi thẩm vấn điều tra, cưỡng chế thu thập chứng cứ, bắt giữ; v.v... Cuối cùng là phải hoàn thiện quy tắc chứng cứ, hạn chế năng lực chứng minh của biên bản điều tra, nghiêm khắc bài trừ lời chứng, vật chứng thu được từ việc thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật và xâm phạm quyền lợi hợp pháp, thủ tiêu động cơ điều tra phi pháp của Cơ quan điều tra.

Phương diện thứ ba, từng bước đưa vào mô hình điều tra thẩm tra tư pháp. Từ những thông lệ quốc tế và kinh nghiệm vận hành nhà nước pháp trị cho thấy, các biện pháp điều tra mang tính ngăn chặn như bắt giữ, tạm giam; v.v... về nguyên tắc đều cần sự phê chuẩn thẩm tra tư pháp độc lập. Đối với thẩm tra tư pháp tạm giam mà nói, ở giai đoạn đầu, có thể duy trì quyền quyết định của Cơ quan điều tra và viện kiểm sát, chỉ khi bị can bị bắt tạm giam không đồng ý với quyết định của các cơ quan này mới đệ đơn đề nghị tòa tiến hành thẩm tra tư pháp. Sau khi các điều kiện đầy đủ, thì quyền quyết định bắt giam và công tác thi hành thuộc về phía Tòa án.

1.2. CƠ SỞ CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU SO SÁNH VỀ ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

1.2.1. Đặc điểm của sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Với đối tượng và phương pháp nghiên cứu, sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có đặc điểm sau:

**** Về đối tượng nghiên cứu so sánh***

Đối tượng nghiên cứu so sánh của luận án này trực tiếp nhằm đúng vào vấn đề về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam.

Tuy nhiên, đối tượng nghiên cứu của Luật so sánh có phạm vi khá rộng, bao gồm như pháp luật nước ngoài (hiểu theo nghĩa rất rộng, bao gồm: tư duy pháp lý, nguồn luật... nghĩa là cả pháp luật trên giấy tờ lẫn pháp luật trong thực tế), pháp luật quốc gia, cơ chế áp dụng pháp luật, hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật, nghề luật; v.v... Việc lựa chọn vấn đề nào để so sánh phụ thuộc vào mục đích so sánh và mối quan tâm của Luật so sánh. Mặc dù chúng ta có thể so sánh hai hệ thống pháp luật hoặc nhiều hệ thống pháp luật với nhau, có thể so sánh luật hình thức hoặc luật nội dung, có thể so sánh các quy phạm pháp luật của các hệ thống pháp luật với nhau hoặc so sánh tổng thể các hệ thống pháp luật; v.v... Đương nhiên, việc so sánh đòi hỏi các quy phạm pháp luật (đối tượng so sánh) phải điều chỉnh cùng một vấn đề. Chẳng hạn, không nên đặt vấn đề so sánh giữa các quy định pháp luật về chứng khoán của Việt Nam với các quy định pháp luật về hôn nhân của Trung Quốc. Không nên so sánh các khái niệm, thuật ngữ trừu tượng, mà nên so sánh cách thức các hệ thống pháp luật điều chỉnh cùng một vấn đề thực tế trong cuộc sống. Để có thể so sánh được hai quy phạm pháp luật, chúng chỉ cần có cùng chức năng (là điều chỉnh lĩnh vực quan hệ, một nhóm loại, một quan hệ xã hội nào đó), chứ không nhất thiết phải cùng đạt được một mục đích.

Theo mục đích nghiên cứu của đề tài này và lý luận về đối tượng nghiên cứu của Luật so sánh, luận án này xác định đối tượng của nó là chế định điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam, gồm có những vấn đề chính như sau: hệ thống tổ chức và cơ chế lãnh đạo của tổ chức Cơ quan điều tra, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự, thủ tục điều tra, các biện pháp điều tra, các biện pháp ngăn chặn, vai trò của Viện kiểm sát đối với điều tra; v.v... các quy định khác nhau điều chỉnh như thế nào đối với một vấn đề nhất định nảy sinh ở cả hai nước. Bởi vì, điều tra là một giai đoạn tố tụng có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn, sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam sẽ là một vấn đề nghiên cứu khoa học rất có giá trị không chỉ trên

phương diện lý luận - thực tiễn, mà cả ý nghĩa chính trị - xã hội. Theo phân loại cách thức so sánh dựa trên quy mô so sánh thì nội dung luận án này thuộc cách thức so sánh vi mô, nó là cách thức so sánh một cách cụ thể, trực tiếp một quy phạm pháp luật, một chế định pháp luật của một hệ thống pháp luật với một quy phạm pháp luật, một chế định pháp luật tương ứng của một hệ thống pháp luật khác.

*** Về phương pháp so sánh**

Trong khoa học Luật so sánh, quan trọng hơn cả là phương pháp so sánh, đặc biệt là so sánh lập pháp.

Về phương pháp so sánh, luận án này cũng vận dụng những phương pháp thường dùng của Luật so sánh, nhưng trong quá trình nghiên cứu lại có đặc điểm riêng, biểu hiện như:

Một là, vì chất lượng của việc mô tả phụ thuộc vào khả năng và hiểu biết của người mô tả, khi thực hiện phương pháp so sánh trên cơ sở quan sát, mô tả khách quan, hiệu quả lại khác nhau, mà tác giả của luận án này có sống ở cả hai nước, biết được nhiều tình hình cụ thể về văn bản pháp luật và thực tiễn của việc điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam, nên không chỉ có thể nghiên cứu các văn bản cụ thể, mà còn có khả năng nghiên cứu cả những khía cạnh khác nữa chẳng như thực tiễn áp dụng của hai nước, có thể phân tích, đánh giá một cách toàn diện.

Dưới góc độ của một người nghiên cứu so sánh thì chúng ta có thể hình dung mỗi hệ thống pháp luật như là các bức tranh, bức ảnh về phong cảnh Hà Nội hay Bắc Kinh, để chúng ta có cái mà nói rằng đây là cảnh của Việt Nam, còn kia là cảnh của Trung Quốc. Tuy nhiên, phải đặt câu hỏi: liệu bức ảnh về Hà Nội hay Bắc Kinh đó thể hiện được bao nhiêu phần trăm thực tế của Trung Quốc và Việt Nam? Vào thế kỷ XIX, khi chúng ta coi việc so sánh pháp luật nghĩa là so sánh các văn bản pháp luật cụ thể của các nước, thì điều đó cũng giống như chúng ta xem tranh ảnh. Tuy nhiên, đến thời kỳ hiện

nay, nếu chúng ta chỉ nghiên cứu một bức ảnh thì chưa đủ. Chúng ta không chỉ phải nghiên cứu các văn bản cụ thể, mà còn phải nghiên cứu cả những khía cạnh khác nữa của pháp luật.

Ví dụ: Ở Việt Nam có Luật giao thông đường bộ, nhưng nếu ai chưa từng đến Việt Nam thì sẽ không thể hiểu được Luật giao thông đường bộ được thực hiện như thế nào ở Việt Nam, họ sẽ tưởng tượng việc đi lại ở Việt Nam cũng tương tự như ở Châu Âu hoặc bất cứ một nơi nào khác trên thế giới. Luật so sánh cũng như vậy. Chất lượng của việc mô tả phụ thuộc vào khả năng của người mô tả. Một bức ảnh, trong một chừng mực nào đó, không thể hiện được hết tất cả thực tiễn của đời sống. Văn bản pháp luật cũng vậy. Do đó, khi chúng ta mô tả pháp luật, phải cố gắng mô tả sao cho thấy được phần lớn thực tiễn pháp luật hiện hành. "*Hiểu biết thực tiễn pháp luật nước ngoài thiếu chính xác thường dẫn đến việc so sánh pháp luật kém chất lượng, sai về thực tiễn và đôi khi còn tồi tệ hơn là không so sánh gì cả*" [24, tr. 31].

Hai là, về phân loại phương pháp so sánh dựa trên cách thức tiến hành so sánh thì luận án này chủ yếu ứng dụng phương pháp so sánh tương phản và đồng nhất, bởi vì việc so sánh phải đi đến kết quả là tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa các đối tượng so sánh, đồng thời đánh giá tính hợp lý của các giải pháp pháp lý của hai nước, mà phương pháp này được sử dụng có thể phát hiện ra các điểm giống nhau và khác nhau của chế định điều tra của hai nước, từ đó có thể đánh giá, phân tích, lấy kinh nghiệm và tìm giải pháp với nhau.

Lý luận chung về phương pháp so sánh tương phản và đồng nhất của luật so sánh cho rằng, trong những trường hợp so sánh cụ thể, chúng ta có thể so sánh chỉ có mục đích lý giải điểm giống nhau (hoặc khác nhau) của đối tượng so sánh. Việc chọn cách tiếp cận nào hoàn toàn phụ thuộc quan điểm của người so sánh. Nếu chúng ta bắt đầu với giả định rằng các hệ thống pháp luật về cơ bản là giống nhau, thì nên tập trung vào khai thác các điểm khác biệt. Ngược lại, nếu về nguyên tắc các hệ thống pháp luật là khác nhau, thì

nên giải thích những điểm tương đồng. Chẳng hạn, khi so sánh hệ thống pháp luật Việt Nam và hệ thống pháp luật Trung Quốc, nên tìm ra những điểm khác biệt. Tuy nhiên, khi so sánh hệ thống pháp luật Việt Nam và hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, thì việc lý giải những điểm khác biệt và tương đồng đều thú vị như nhau. Thông thường, các luật gia so sánh nên cố gắng lý giải cả hai mặt tương đồng và khác biệt, cho dù chúng ta có thể tiếp cận vấn đề theo cách nào. Sau khi đã so sánh và lý giải sự tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, thì câu hỏi đặt ra là: giải pháp pháp lý của nước nào là tốt? Sự đánh giá này có thể là không mang tính bắt buộc, nhưng rất cần thiết đối với các người có ý tưởng hoàn thiện pháp luật. Việc đánh giá tính hợp lý của các giải pháp pháp lý của các hệ thống pháp luật phải dựa trên những giá trị nhất định, những tiêu chí nhất định.

Với mục đích hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc, luận án này khi sử dụng phương pháp so sánh tương phản và đồng nhất, không những tìm ra các điểm giống nhau và khác nhau của chế định điều tra của hai nước, mà còn đánh giá các sự khác biệt, đồng thời cố gắng lấy kinh nghiệm của Việt Nam và góp phần tìm giải pháp hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc.

1.2.2. Mục đích của việc so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Luật học so sánh là lý luận, hay là môn khoa học trong các ngành khoa học pháp lý. Mục đích của nó là nghiên cứu và so sánh các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật khác nhau với nhau và với các quy phạm của Luật quốc tế, làm sáng rõ sự giống nhau và khác nhau, xác định khuynh hướng phát triển chung của pháp luật [39, tr. 6].

Cũng có thể nói là mục đích của Luật so sánh là tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa các hệ thống pháp luật của các nước,

lý giải được nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá tính hợp lý của các giải pháp pháp lý của các hệ thống pháp luật. Điều này rất quan trọng đối với việc hoàn thiện pháp luật quốc gia. Như vậy, sau khi đã so sánh các văn bản pháp luật và thực tiễn của hai nước về chế định điều tra trong Luật tố tụng hình sự, lý giải sự tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, thì câu hỏi đặt ra là: giải pháp pháp lý của nước nào là tốt? khả thi? Sự đánh giá này rất có tính cần thiết đối với sự hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự.

Do đó, mục đích của sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam được xác định là qua sự nghiên cứu và so sánh các đối tượng nêu trên, đặc biệt là nghiên cứu về điều tra, về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, các nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra và các thiết chế liên quan; v.v... nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng, trên cơ sở góp phần tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc so với pháp luật Việt Nam.

1.2.3. Ý nghĩa của việc so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Trước hết phải khẳng định rằng, việc nghiên cứu Luật so sánh không chỉ nhằm xác định khuynh hướng phát triển chung của pháp luật. Chức năng đầu tiên và quan trọng nhất của luật so sánh là hỗ trợ cho các cơ quan lập pháp xây dựng pháp luật. Lịch sử đã cho biết rằng quá trình thống nhất luật tư ở Đức đã phải dùng đến phương pháp so sánh. Người ta không chỉ xem xét tới các luật lệ khác nhau có hiệu lực tại Đức, mà còn xem xét tới cả luật lệ của Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ và Áo [13]. Sự cần thiết nhất thể hóa và hội nhập pháp luật của các nước là hệ quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa đời sống kinh tế thế giới. Do đó, Luật so sánh phải tìm ra những vấn đề cụ thể nào cần thống nhất; những đặc điểm chung, sự giống nhau và sự khác nhau của các hệ thống pháp luật của các nước; căn nguyên của sự khác biệt giữa các hệ thống

pháp luật; và phải xây dựng các giải pháp cho tiến trình nhất thể hóa và hội nhập pháp luật. Luật so sánh có tác dụng vô cùng to lớn trong việc xây dựng một số lĩnh vực pháp luật từ xưa đến nay, tri thức về pháp luật nước ngoài có thể được khai thác cho nhiều mục đích.

Mặt khác, Trung Quốc và Việt Nam có những điểm khác biệt nhất định nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng trong các chính sách, biện pháp xây dựng nhà nước và pháp luật trong quá trình cải cách, đổi mới đất nước. Trên cơ sở đó, chúng ta nên nhận thức đến tầm quan trọng của việc chia sẻ kinh nghiệm xây dựng pháp chế ở hai quốc gia cũng như về một số luận điểm khoa học liên quan đến các khía cạnh của pháp chế trong Nhà nước.

Như vậy, chúng tôi cho rằng sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có nhiều ý nghĩa quan trọng cho việc cải cách và hoàn thiện chế định điều tra của Trung Quốc, cũng như của Việt Nam. Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan nhất định nên luận án này chỉ phân tích cái ý nghĩa và tác dụng của nó cho Trung Quốc, có nghĩa luận án sẽ tiếp thu những ưu điểm trong hệ thống pháp luật và thực tiễn điều tra của Cơ quan điều tra Việt Nam làm tư liệu tham khảo cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực tiễn điều tra của Trung Quốc, cụ thể:

Một là, sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có lợi ích cho công cuộc hoàn thiện pháp luật điều tra của Trung Quốc về mặt "khối lượng" điều chỉnh. Trong 30 năm qua, Trung Quốc đã ban hành được nhiều văn bản pháp luật, pháp quy và pháp lệnh về điều tra. Nhưng thực tế cho thấy, hệ thống pháp luật về chế định điều tra nói chung còn nhiều vấn đề bất cập, thiếu toàn diện, một số lĩnh vực quan trọng chưa có luật điều chỉnh, ví dụ liên quan đến tổ chức điều tra, thậm chí chưa có một pháp lệnh nào quy định cụ thể. Nói một cách khác, về mặt "khối lượng" pháp luật điều tra của Trung Quốc còn chưa đầy đủ, nhiều vấn đề pháp lý cụ thể vẫn chưa có câu trả lời và, trong thời gian gần đây cần hoàn thiện bổ sung. Chính vì vậy,

để hoàn thiện, bổ sung những lỗ hổng của hệ thống pháp luật điều tra Trung Quốc, hai câu hỏi cần có giải đáp:

- Đây là những điểm mà Trung Quốc chưa có văn bản pháp luật điều chỉnh chi tiết, cụ thể ?

- Sau khi tìm ra những điểm chưa hoàn thiện, thì điều chỉnh những khoảng trống này như thế nào ?

Kinh nghiệm thực tế cho thấy, hiểu biết pháp luật nước ngoài có thể giúp chúng ta rất nhiều khi trả lời hai câu hỏi trên. Đối với Trung Quốc, so với hệ thống pháp luật về điều tra thì có thể trả lời hai câu hỏi này.

Hai là, sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có lợi ích cho công cuộc hoàn thiện pháp luật điều tra của Trung Quốc về mặt "chất lượng" điều chỉnh. Ở Trung Quốc hiện nay, chất lượng điều chỉnh trong hệ thống pháp luật điều tra còn hạn chế, đôi khi không hợp lý, không còn phù hợp hoặc không có hiệu quả cao, do đó cần sửa đổi. Ở đây cũng vậy, hiểu biết những nội dung pháp luật điều tra của Việt Nam có thể giúp Trung Quốc cải thiện chất lượng điều chỉnh của hệ thống pháp luật điều tra đang tồn tại.

Ba là, sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có lợi ích cho công cuộc hoàn thiện pháp luật điều tra của Trung Quốc về mặt phương pháp hoàn thiện. Để đưa vào thực tế đời sống những giải pháp mà họ cho là phù hợp nhất với hoàn cảnh xã hội của mình, tức là để hoàn thiện pháp luật, các nhà làm luật phải luật hóa chúng. Trong thực tế, để luật hóa một giải pháp cụ thể, các nhà làm luật không chỉ có một mà một vài phương pháp khác nhau. Mỗi phương pháp có những ưu điểm và nhược điểm riêng của nó [14, tr. 14]. Ở đây, hiểu biết pháp luật điều tra của Việt Nam không chỉ giúp Trung Quốc hoàn thiện pháp luật về chất lượng cũng như khối lượng điều chỉnh mà còn giúp Trung Quốc lấy kinh nghiệm và bài học về phương pháp hoàn thiện pháp luật điều tra.

1.3. NỘI DUNG SO SÁNH VỀ ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Theo nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của đề tài, luận án này tập trung nghiên cứu so sánh về những nội dung như sau liên quan đến điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam.

1.3.1. Bộ máy điều tra

Bộ máy điều tra là một trong những vấn đề quan trọng về chế định điều tra, trong đó chủ yếu là vấn đề mô hình cơ cấu tổ chức điều tra, nó có nhiều ảnh hưởng với hiệu quả điều tra, thậm chí ảnh hưởng đến chất lượng toàn bộ hoạt động tố tụng. Chính vì vậy, nếu một bộ máy điều tra có mô hình cơ cấu hợp lý thì có thể đạt được hiệu quả cao đó là - không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, cũng như bảo vệ được quyền con người một cách đầy đủ. Ngược lại, một bộ máy điều tra có mô hình cơ cấu không hợp lý thì vừa tạo ra sự phức tạp trong quản lý hành chính, vừa làm nảy sinh hậu quả có sự tranh chấp về thẩm quyền điều tra, thậm chí có khi lại xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, không bảo đảm được lợi ích của Nhà nước và của công dân.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trung Quốc hiện nay có năm hệ thống Cơ quan điều tra đang tồn tại và hoạt động độc lập với nhau, được tổ chức trong hệ thống công an, an ninh, Viện kiểm sát, trong quân đội và nhà tù, có nhiều đầu mối quản lý khác nhau. Cũng nhiều ý kiến cho rằng bộ máy Cơ quan điều tra hiện tại của Trung Quốc là quá chồng chéo, nhiều đầu mối, do đó, không đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ và không thể phản ứng nhanh nhạy và kịp thời trước những diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm trong xã hội hiện nay. Mặt khác, nếu quyền hạn của Cơ quan điều tra quá lớn, quá tập trung sẽ không bảo vệ và bảo đảm được các quyền con người trong giai đoạn điều tra. Với những vướng mắc trên đây, yêu cầu đặt ra là phải tìm kiếm

mô hình tổ chức thích hợp, quyền hạn hoạt động hợp lý, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Do đó, việc đổi mới tổ chức, hoạt động các Cơ quan điều tra phải nhằm tạo lập cơ chế pháp lý hữu hiệu kiểm soát sự tuân thủ pháp luật và xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo đảm an toàn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc nghiên cứu để đổi mới tổ chức và hoạt động của các Cơ quan điều tra cần phải đặt trong tổng thể nghiên cứu về cải cách tư pháp nói chung và cần xác định rõ tiến trình, lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó, cần phải tính toán, cân nhắc nhiều mặt, phải căn cứ vào pháp luật, nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, kinh nghiệm hoạt động và tổ chức bộ máy của Bộ, ngành có liên quan để xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Cơ quan điều tra trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Việc đổi mới tổ chức của Cơ quan điều tra phải nhằm mục tiêu xây dựng Cơ quan điều tra trở thành một công cụ mạnh mẽ của Nhà nước, thực hiện chức năng tư pháp hình sự, có đủ quyền năng pháp lý, trực tiếp tiến hành các nhiệm vụ bảo đảm cho hoạt động điều tra, xử lý các vụ án hình sự được nghiêm minh, đúng người, đúng tội, nhanh chóng, kịp thời, góp phần bảo vệ chế độ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân. Tiến tới hình thành một hệ thống các Cơ quan điều tra phù hợp dựa trên cơ sở xác định rõ mô hình tổ chức và rành mạch về chức năng, nhiệm vụ, thích ứng với điều kiện thực tế của nhà nước, tinh gọn, có hiệu lực, có cơ sở pháp lý chặt chẽ và xác lập mối quan hệ cụ thể trong phối hợp thực thi pháp luật.

Do đó, nhằm đạt được những hiệu quả nêu trên, nghiên cứu so sánh về bộ máy điều tra của Trung Quốc và Việt Nam thì rất là cần thiết, vì tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của hai nước rất giống nhau, những kinh nghiệm của Việt Nam có thể làm mẫu tham khảo cho cuộc đổi mới tổ chức điều tra của Trung Quốc.

1.3.2. Hoạt động điều tra

Điều tra là hoạt động khám phá, phát hiện tội phạm, là hoạt động tố tụng nhằm thu thập, củng cố và kiểm tra chứng cứ. Hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành một cách khách quan, toàn diện, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và những chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng mọi hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội. Đây là nguyên tắc quan trọng xuất phát từ bản chất và vị trí của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự. Do điều tra là hoạt động tố tụng ở những giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng với nhiệm vụ chủ yếu là khôi phục lại vụ án, thu thập chứng cứ chứng minh có tội hay không có tội phạm xảy ra, một người có phải là người phạm tội. Vì thế, nếu hoạt động điều tra không khách quan, toàn diện, đầy đủ thì có thể dẫn tới những phiến diện một chiều. Hiệu quả của việc này có thể dẫn tới những sai lầm trong việc giải quyết vụ án như làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm. Sự thật khách quan, toàn diện đầy đủ trong hoạt động điều tra còn có thể thể hiện ở việc thu thập chứng cứ chứng minh những tình tiết vụ án phải xuất phát từ thực tế mà không được dựa vào ý chí chủ quan của mình, không được suy diễn, tưởng tượng, bịa đặt. Do đó, khi thu thập chứng cứ phải thu thập những chứng cứ kết tội, cũng như chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can trong vụ án. Chỉ có vậy, mới có thể tránh được những sai lầm, những “oan, sai” trong hoạt động điều tra vụ án hình sự của các cơ quan điều tra. Do đó, hoạt động điều tra là nội dung quan trọng nhất trong chế định điều tra. Bởi lẽ, hoạt động điều tra là phương thức hoạt động của chủ thể nhằm cảm thụ, tiếp nhận và phản ánh thông tin chứa đựng trong các dấu vết tội phạm, song hoạt động này diễn ra theo cơ chế nào? Thông tin về tội phạm được chuyển hóa thành chứng cứ như thế nào? Câu trả lời phải xuất phát từ mối quan hệ có tính quy luật giữa khách thể nhận thức và phương pháp nhận thức. Phương pháp nhận thức không phải do chủ thể lựa chọn tùy

tiện, mà nó còn phụ thuộc vào tính chất của khách thể. Nền tảng khách quan của phương pháp nhận thức là quy luật của khách thể nhận thức. Hoạt động điều tra là cơ sở có thể cho phép chúng ta làm rõ cơ cấu bên trong của hệ thống cấu thành của hoạt động điều tra, phân loại hoạt động điều tra; phân biệt các hoạt động điều tra giống nhau nhưng có mục đích rất khác nhau, ví dụ như: biện pháp khám nghiệm, khám xét, khám người; làm rõ hơn khả năng phục vụ hoạt động nhận thức của từng hoạt động điều tra, cụ thể trên cơ sở xác định vị trí của nó trong hệ thống các hoạt động điều tra và cho phép thực hiện việc lựa chọn đúng hoạt động điều tra cần thiết trong thực tiễn. Tuy nhiên, hoạt động điều tra được nhìn nhận và quy định khác nhau ở các quốc gia phụ thuộc vào quan điểm chính trị, chính sách hình sự, trình độ và cách thức tổ chức bộ máy phòng, chống tội phạm ở từng nước. Những quy định về hoạt động điều tra của Trung Quốc và Việt Nam có nhiều điểm khác nhau. So với quy định của Luật tố tụng hình sự hiện hành của hai nước, hoạt động điều tra trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam thì cụ thể hơn và có nhiều nội dung bảo vệ quyền con người, do đó, những nội dung lập pháp và kinh nghiệm thực tiễn có giá trị cao cho Trung Quốc tham khảo. Với những lý do nêu trên, nghiên cứu so sánh về hoạt động điều tra là phần nội dung rất quan trọng trong luận án này.

1.3.3. Cơ chế kiểm sát điều tra

Cơ chế kiểm sát điều tra có nghĩa là theo dõi và kiểm tra xem sự điều tra có thực hiện đúng những điều đã quy định không, có nghĩa là các thủ tục được xác lập nhằm mục đích ngăn chặn hoặc phát hiện rủi ro. Hệ thống kiểm sát điều tra bao gồm các cơ chế, quy trình, quy định về kiểm sát điều tra, cơ cấu tổ chức của kiểm sát điều tra được thiết lập trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu pháp luật đã đặt ra.

Kiểm sát hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự thể hiện chức năng của tổ chức kiểm sát, bảo đảm hoạt động điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Để đáp ứng yêu cầu này ngành kiểm sát phải không ngừng nâng cao chất lượng thực hiện chức năng của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Trong đó, sự kiểm sát của Viện kiểm sát là điều quan trọng nhất.

Thực tiễn của Việt Nam những năm qua cho thấy, các Viện kiểm sát đã cố gắng thực hiện tốt chức năng kiểm sát hoạt động điều tra vụ án hình sự, góp phần có hiệu quả trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Viện kiểm sát có thể kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của các cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bằng các hoạt động, chẳng hạn như: kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra; giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra (ví dụ: khám chỗ ở, khám người, đồ vật, thư tín; v.v...); quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của cơ quan điều tra; yêu cầu cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra, thay đổi, xử lý điều tra viên vi phạm pháp luật; nêu hành vi của điều tra viên có dấu hiệu phạm tội thì khởi tố về hình sự; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra, quyết định truy tố bị can; kiến nghị cơ quan tổ chức, đơn vị hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Các hoạt động kiểm sát điều tra trên đây được quy định cụ thể trong Bộ luật tố tụng hình sự và đã được thực tiễn một cách có hiệu quả nhất.

Trong khi đó, ở Trung Quốc, pháp luật có quy định một số hình thức kiểm sát của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, những quy định này không cụ thể và khó thao tác, đôi khi không thể kiểm sát được hoạt động điều tra. Do vậy, sự nghiên cứu so sánh về cơ chế kiểm sát điều tra của Trung Quốc và Việt Nam có nhiều ý nghĩa cho việc hoàn thiện cơ chế kiểm sát điều tra của Trung Quốc.

1.3.4. Các chế định liên quan đến điều tra

Ngoài những nội dung nêu trên, luận án này còn nghiên cứu so sánh một số chế định liên quan đến điều tra, cụ thể là các biện pháp ngăn chặn và chế định bào chữa trong giai đoạn điều tra. Bởi lẽ, hai chế định này có liên quan chặt chẽ với chế định điều tra. Các biện pháp ngăn chặn và chế định bào chữa trong giai đoạn điều tra có hợp lý hay không đều có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến chất lượng và hiệu quả của điều tra. Ngoài ra, trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam, các biện pháp ngăn chặn và chế định bào chữa trong giai đoạn điều tra có nhiều điểm khác biệt, qua so sánh tìm ra những nét tương đồng và khác biệt giữa chúng, đánh giá, phân tích các nội dung trong những chế định này liên điều tra, tổng kết những tác dụng tích cực và tiêu cực của những chế định này, từ đó chỉ ra những khuyết điểm và ưu điểm. Như vậy có thể tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện pháp luật về điều tra trong tố tụng hình sự của Trung Quốc.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu Chương 1 "*Những vấn đề lý luận về điều tra và so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam*" có thể đi đến các kết luận như sau:

Một là, điều tra là giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng hình sự, sau khi cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Trong giai đoạn này cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan điều tra) có nhiệm vụ thu thập chứng cứ, làm rõ tội phạm, người phạm tội và các tình tiết khác của vụ án, làm kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can. Giai đoạn này thường được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự cho đến khi Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án.

Hai là, Cơ quan điều tra đóng vai trò rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự

pháp luật, an toàn xã hội, các quyền và lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của công dân. Trong những chương trình, chiến lược cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, thì các vấn đề liên quan đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan điều tra, đảm bảo cho hoạt động công tố và yêu cầu đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật cần được coi là một trong những vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đặc biệt, việc điều chỉnh sao cho phù hợp với trình độ phát triển của xã hội, nỗ lực thực hiện những động thái bình ổn và cân bằng của mối quan hệ giữa nhu cầu điều tra và bảo đảm nhân quyền là điều rất quan trọng.

Ba là, bởi vì điều tra là một giai đoạn tố tụng có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn nên sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam sẽ là một vấn đề nghiên cứu khoa học rất có giá trị. Mục đích của sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam là thông qua sự nghiên cứu và so sánh các đối tượng, nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng, trên cơ sở góp phần tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc so với pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở này, luận án đã chỉ rõ nội dung so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam để phân tích trong Chương 2 luận án - Bộ máy điều tra; hoạt động điều tra; cơ chế kiểm sát điều tra và các chế định liên quan đến điều tra trong tố tụng hình sự.

Chương 2

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, CƠ CHẾ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÁC CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

2.1. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Cơ quan điều tra là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có chức năng *điều tra* làm rõ tội phạm và hành vi của người phạm tội, cũng như những vấn đề khác có liên quan đến vụ án hình sự để làm cơ sở cho việc truy tố, xét xử người phạm tội mà Viện kiểm sát và Tòa án thực hiện.

Cơ quan điều tra là chủ thể tiến hành hoạt động điều tra, có vai trò quan trọng nhất trong giai đoạn điều tra. Bởi lẽ, khác với các hoạt động khác, hoạt động điều tra tội phạm của Cơ quan điều tra "là hoạt động có tính xã hội và nhân văn, không chỉ động chạm đến tài sản vật chất, mà còn đời sống chính trị, tinh thần của công dân" [28, tr. 26]. Vì vậy, trong phần này, chúng tôi xin nghiên cứu vấn đề về tổ chức điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam.

2.1.1. Tổ chức điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc

2.1.1.1. Hệ thống tổ chức của Cơ quan điều tra

Theo quy định của Điều 135 Hiến pháp, Điều 18 Luật tố tụng hình sự, và Luật Cảnh sát nhân dân Trung Quốc, cơ quan có quyền tiến hành điều tra trong tố tụng hình sự bao gồm các Cơ quan Công an, cơ quan An ninh quốc gia, Viện kiểm sát, cơ quan bảo vệ của quân đội, cơ quan bảo vệ của nhà tù.

**** Cơ quan Công an***

Cơ quan Công an là Cơ quan điều tra chính của Nhà nước Trung Quốc, là bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống các cơ quan hành chính

Nhà nước. Thâm quyền của Cơ quan Công an là thụ lý và điều tra tất cả vụ án hình sự ngoài ra những vụ do Cơ quan điều tra khác thụ lý theo pháp luật quy định. Theo quy định của Luật tổ chức Cảnh sát nhân dân, cơ cấu tổ chức của Cơ quan Công an Trung Quốc bao gồm Cơ quan Công an trung ương, các cơ quan Công an địa phương, các cơ quan Công an chuyên biệt và bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân Trung Quốc.

a. Cơ quan Công an Trung ương

Cơ quan Công an Trung ương là Bộ Công an nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Bộ Công an phụ thuộc Quốc Vụ viện, là bộ phận cấu thành của Chính phủ Trung ương, là cơ quan hành chính Công an tối cao của Nhà nước. Bộ Công an theo sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện, quản lý an ninh xã hội, công việc bảo vệ an toàn trong nước và sự xây dựng đội ngũ công an của toàn quốc.

b. Cơ quan Công an địa phương

Cơ quan Công an địa phương là một bộ phận cấu thành của Chính phủ nhân dân cùng cấp, bao gồm bốn cấp như sau:

- *Sở Công an.* Sở công an được thành lập tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương. Sở công an phụ trách quản lý công việc an toàn công cộng trong phạm vi tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương đó.

- *Cục Công an cấp khu vực và thành phố.* Cục Công an cấp này được thành lập tại các khu vực thuộc tỉnh và khu tự trị, các châu tự trị, các thành phố trực thuộc tỉnh và khu tự trị, phụ trách quản lý công việc an toàn công cộng trong phạm vi chính quyền mình.

- *Cục Công an cấp huyện.* Cục Công an cấp này được thành lập tại các huyện, huyện tự trị và thành phố cấp huyện. Tại các quận trực thuộc thành phố thành lập chi Cục Công an, nó cũng là Cơ quan Công an cấp huyện. Cục Công an cấp huyện quản lý công việc an toàn công cộng trong phạm vi chính quyền mình.

- *Đồn Công an.* Đồn Công an được thành lập tại các đường phố và thị xã, phụ trách quản lý công việc an toàn công cộng trong phạm vi ấy. Nói cách khác, đồn Công an không phải là một cấp Cơ quan Công an, vì nó thực ra là cơ sở của Cục Công an cấp huyện.

c. Cơ quan Công an chuyên biệt

Cơ quan Công an chuyên biệt là bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống tổ chức Cơ quan Công an, được thành lập tại một số ngành chuyên nghiệp, là Cơ quan Công an mang tính chất chuyên môn. Cơ quan Công an chuyên biệt ngang quyền với Cơ quan Công an địa phương cùng cấp, nhưng phải tiếp nhận sự hướng dẫn của Bộ Công an và Cơ quan Công an địa phương về mặt tiến hành dịch vụ Công an. Cơ quan Công an chuyên biệt chủ yếu bao gồm:

- *Cơ quan Công an đường sắt.* Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Công an đường sắt chủ yếu là bảo vệ an toàn công cộng và trật tự vận chuyển trong hệ thống đường sắt, có thẩm quyền khởi tố và điều tra những vụ án hình sự trong nội bộ hệ thống đường sắt và trong quá trình vận chuyển. Cơ quan Công an đường sắt tự thành một hệ thống riêng, trong Bộ đường sắt có Cục Công an, trong các Cục quản lý đường sắt có Phòng Công an, dưới có các phân phòng Công an và dưới phân Phòng Công an thành lập đồn Công an nếu cần thiết.

- *Cơ quan Công an giao thông.* Cơ quan công an giao thông thiết lập tại hệ thống vận chuyển giao thông đường lộ, đường thủy, đường biển, trong Bộ giao thông có Cục Công an, dưới Cục Công an thiết lập Phòng Công an và đồn Công an nếu cần thiết. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Công an giao thông chủ yếu là bảo vệ an toàn và trật tự của vận chuyển trong hệ thống vận chuyển giao thông đường lộ, đường thủy, đường biển, có thẩm quyền khởi tố và điều tra những vụ án hình sự trong hệ thống của mình.

- *Cơ quan Công an hàng không dân dụng.* Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Công an hàng không dân dụng chủ yếu là bảo vệ an toàn và trật tự

trong nội bộ hệ thống hàng không và sân bay, đấu tranh và chống tội phạm về những phạm tội như phá hoại thiết bị của máy bay, cướp máy bay; v.v...

- *Cơ quan Công an Kiểm lâm.* Cơ quan Công an kiểm lâm được tổ chức trong hệ thống kiểm lâm, trong Tổng Cục kiểm lâm quốc gia có Cục Công an kiểm lâm, các địa phương thiết lập cơ cấu Công an nếu cần thiết. Cơ quan Công an kiểm lâm có thẩm quyền khởi tố và điều tra những vụ phạm tội vi phạm Luật kiểm lâm.

- *Cơ quan Công an Hải quan.* Cơ quan Công an hải quan được tổ chức trong hệ thống hải quan, trong Tổng Sở hải quan Nhà nước có Cục điều tra phạm tội buôn lậu, trong các hải quan địa phương trực thuộc Tổng Sở có Phân Cục điều tra phạm tội buôn lậu, ở dưới có Chi cục điều tra phạm tội buôn lậu. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Công an Hải quan khởi tố và điều tra những vụ án buôn lậu.

*** Cơ quan An ninh quốc gia**

Nhằm đáp ứng yêu cầu của chính sách mở cửa và tăng cường an ninh quốc gia, kỳ họp lần thứ nhất Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa 6 của Trung Quốc đã phê chuẩn việc thành lập Bộ An ninh quốc gia. Bộ An ninh quốc gia là cơ quan an ninh đặc biệt chịu trách nhiệm về điều tra những tình báo và điệp viên ngầm. Tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương thành lập Cục An ninh quốc gia. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, các địa phương ở Trung Quốc có thể thành lập chi nhánh hoặc có nhân viên an ninh quốc gia.

Theo quy định của Điều 4 Luật tố tụng hình sự, thẩm quyền tư pháp của Cơ quan An ninh quốc gia chủ yếu là thực hiện quyền điều tra các vụ án hình sự xâm phạm an ninh quốc gia, tức là phụ trách công tác chống gián điệp, bảo đảm an ninh quốc gia. Đồng thời, chịu trách nhiệm tiến hành điều tra, tạm giữ, hỏi cung và thi hành lệnh bắt người phạm tội, trên thực tế có thẩm quyền như Cơ quan Công an đối với các vụ án về an ninh.

*** Viện kiểm sát**

Điều 3 và Điều 18 Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định, Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm sát, phê chuẩn lệnh bắt, tiến hành điều tra, truy tố các vụ án do Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp thụ lý, điều này cho rằng Viện kiểm sát là một trong những cơ quan có thể điều tra vụ án hình sự ở Trung Quốc. Các tội tham ô, hối lộ, thiếu trách nhiệm của cán bộ nhà nước, và các tội xâm phạm các quyền cá nhân của công dân như giam giữ trái phép, bức cung, dùng nhục hình, trả thù, mưu hại và khám xét trái phép và tội phạm xâm phạm quyền dân chủ của công dân do cán bộ nhà nước lợi dụng chức quyền để thực hiện, sẽ do Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp thụ lý và điều tra. Đối với những vụ án khác liên quan đến các tội nghiêm trọng do cán bộ nhà nước thực hiện bằng việc lợi dụng chức quyền, nếu có cần thiết do Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp thụ lý, thì phải qua Viện kiểm sát cấp tỉnh hoặc cấp cao hơn quyết định, như vậy Viện kiểm sát mới có thể điều tra vụ án này.

Các Viện kiểm sát nhân dân đều gồm hai bộ phận có quyền điều tra là Cục chống tham ô, hối lộ, Cục này thụ lý và điều tra những vụ án về các tội tham ô, hối lộ và Cục chống tội thiếu trách nhiệm, xâm quyền, Cục này thụ lý và điều tra những vụ án khác do Viện kiểm sát trực tiếp thụ lý.

*** Cơ quan bảo vệ của quân đội**

Cơ quan bảo vệ của quân đội là Cơ quan điều tra thành lập trong quân đội. Các sư đoàn trở lên đều thành lập phòng bảo vệ. Phạm vi thẩm quyền của Cơ quan bảo vệ của quân đội là thụ lý và điều tra các vụ án hình sự của những quân nhân hiện đang tại ngũ trong quân đội; cũng như các vụ án làm tổn hại lợi ích quân sự của nhà nước và các vụ án ở khu tác chiến và khu giới nghiêm do Bộ tổng tư lệnh, bảo vệ sự an toàn của quân đội.

*** Cơ quan bảo vệ của nhà tù**

Các nhà tù thành lập Cơ quan bảo vệ, thụ lý và điều tra các vụ án hình sự phát sinh trong phạm vi nhà tù.

2.1.1.2. Cơ chế tổ chức

Cơ chế tổ chức là quy chế do pháp luật nhà nước quy định xoay quanh vấn đề cơ cấu mối quan hệ giữa các ban ngành các cấp. Cơ chế tổ chức quản lý của cơ quan công an Trung Quốc là mối quan hệ giữa Bộ Công an trực thuộc trung ương với cơ quan công an địa phương. Bộ Công an đặt dưới sự lãnh đạo của trung ương Đảng và Quốc vụ viện. Cơ quan Công an các cấp ở địa phương một mặt chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân địa phương, một mặt chịu sự lãnh đạo của Cơ quan Công an cấp trên, song sự lãnh đạo từ phía địa phương là chính. Chiến lược hoạt động của công an địa phương, công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm và thăng giáng chức của cán bộ ngành, kinh phí hoạt động; v.v... chủ yếu do cấp ủy Đảng quyết định phê duyệt. Trên thực tế, Cơ quan Công an cấp trên và bộ công an chỉ phụ trách công tác lãnh đạo và hướng dẫn nghiệp vụ.

Cơ chế tổ chức của các cơ quan Công an chuyên biệt là không giống nhau, chẳng hạn, cơ quan bảo vệ an ninh quân đội thuộc ban chính trị đồng cấp, là bộ phận hợp thành của cơ quan chính trị đồng cấp. Đơn vị này một mặt chịu sự lãnh đạo của cục chính trị và Đảng ủy quân sự, đồng thời cũng nhận sự chỉ đạo từ phía cơ quan bảo vệ an ninh quân đội cấp trên gần nhất. Toàn bộ các cơ quan bảo vệ an ninh quân đội đều đặt dưới sự lãnh đạo của cục chính trị, đồng thời chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của bộ công an trực thuộc trung ương. Bộ giao thông thành lập cơ quan an ninh, đó vừa là đơn vị hành chính sự nghiệp của bộ giao thông vừa là bộ phận cấu thành của Bộ công an, cơ quan này chịu sự lãnh đạo đồng thời của Bộ Giao thông và Bộ Công an, cụ thể là các vấn đề về biên chế, kinh phí, công tác Đảng vụ chính trị thì do bộ giao thông chỉ đạo, còn Bộ Công an nắm quyền chỉ đạo về mặt nghiệp vụ. Cơ quan an ninh trong bộ giao thông thuộc hệ thống an ninh giao thông các địa phương, phân cục và sở cảnh sát, chịu sự lãnh đạo của cơ quan công an sở tại, đồng thời nhận sự chỉ đạo nghiệp vụ từ phía Cục cảnh sát giao thông.

Cơ chế tổ chức của lực lượng cảnh sát vũ trang nhân dân cũng thực hiện hai tầng lãnh đạo, địa phương là chính, tức là một mặt chịu sự lãnh đạo

của cơ quan công an sở tại, một mặt chịu sự lãnh đạo của lực lượng cảnh sát vũ trang nhân dân cấp trên. Toàn bộ lực lượng cảnh sát vũ trang nhân dân đều được liệt vào hàng ngũ Bộ Công an trực thuộc Trung ương.

Về mặt cơ chế lãnh đạo của Cơ quan điều tra khác chẳng hạn như cơ quan an ninh quốc gia, Viện kiểm sát, cơ quan bảo vệ trong quân đội nhân dân và nhà tù, thì thực hành Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Cơ quan điều tra cấp trên.

Cơ chế tổ chức của các Cơ quan điều tra, theo kinh nghiệm lịch sử, thực tiễn và xu thế thời đại mới, thì rất nhấn mạnh hai vấn đề: *Một là*, kiên trì sự lãnh đạo của nhà nước đối với cơ quan Công an và *hai là*, kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với công tác an ninh. Đây là điểm mấu chốt trong thể chế quản lý ngành công an Trung Quốc, đồng thời cũng là nét đặc sắc và kinh nghiệm then chốt trong công tác an ninh quốc phòng Trung Quốc.

2.1.2. Tổ chức bộ máy của các Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

2.1.2.1. Hệ thống tổ chức

Theo quy định tại các Điều 110, 111 của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và Pháp lệnh tổ chức và điều tra hình sự 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009) thì các Cơ quan điều tra ở Việt Nam bao gồm:

*** Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân**

Theo Điều 9 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Cơ quan điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân được tổ chức thành 3 cấp:

- *Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an* gồm có: Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Văn phòng Cảnh sát điều tra. Các cơ quan này điều tra những tội đặc biệt nghiêm trọng, phức

tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

- *Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh* gồm có: Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra. Các cơ quan này điều tra các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

- *Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện* gồm có: Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và bộ máy giúp việc cơ quan Cảnh sát điều tra. Các cơ quan này điều tra các tội phạm được quy định từ Chương XII đến Chương XXII Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân.

Còn Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân gồm có: Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an. Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và 275 của Bộ luật hình sự khi các tội đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Việc quy định rõ ràng thẩm quyền của Cơ quan điều tra trong lực lượng Công an nhân dân và quyền hạn điều tra của các cơ quan khác như vậy sẽ giúp cho Cơ quan điều tra, thống nhất được hoạt động tố tụng và điều tra sẽ chính xác hơn. Tóm lại, trong lực lượng Cảnh sát nhân dân và An ninh nhân

dân đều có Cơ quan điều tra chuyên trách, tiến hành mọi biện pháp điều tra do Bộ luật tố tụng hình sự 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra 2004 quy định. Ngoài ra, còn có các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra lúc đầu. Cách tổ chức Cơ quan điều tra như thế giúp cho công tác điều tra được tập trung vào một mối, bảo đảm thống nhất việc chỉ đạo hoạt động điều tra.

*** Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân**

Thẩm quyền chung của Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân được xác định điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự. Về nguyên tắc, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân chỉ điều tra các tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự, điều đó có nghĩa rằng, thẩm quyền xét xử là cơ sở đầu tiên để phân định thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

Theo Điều 13 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì tổ chức Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân gồm có:

- *Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng* bao gồm Phòng điều tra, Phòng nghiệp vụ bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra hình sự. Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương những xét thấy cần trực tiếp điều tra.

- *Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương* bao gồm Ban điều tra và bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra hình sự. Cơ quan này điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự quân khu và tương đương hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra hình sự khu vực nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

- *Cơ quan điều tra hình sự khu vực*: bộ phận điều tra và bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra hình sự. Cơ quan điều tra hình sự khu vực điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXIII của Bộ luật hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét

xử của Tòa án quân sự khu vực, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Ngoài các cơ quan trên còn có các cơ quan khác được tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhân dân là những đơn vị Quân đội độc lập cấp Trung đoàn, Lữ đoàn. Do độc lập mà trong những trường hợp cần thiết thủ trưởng đơn vị Quân đội cấp Trung đoàn, Lữ đoàn có thể tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm ngăn chặn tội phạm.

**** Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao***

Việc đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ quan trọng của bất cứ cơ quan, đoàn thể nào. Đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm mục đích cho xã hội công bằng và văn minh không còn bất công trong xã hội. Chính vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009) một lần nữa xác định vai trò của Cơ quan điều tra ngành kiểm sát nhân dân. Trong đó, thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được quy định tại các điều 17, 18 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự. Tổ chức của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

- Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có các Phòng điều tra và bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra.

- Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có các Phòng điều tra và bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra.

Thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra các vụ án hình sự về một số loại tội phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân. Còn Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều này khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án.

Từ những quy định trên có thể thấy, so với Pháp lệnh tổ chức điều tra cũ thì Cơ quan điều tra trong Viện kiểm sát đã được thu gọn đầu mối, không còn Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát ở cấp tỉnh nữa. Như vậy, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát chỉ còn hai cơ quan chính. Vì thế theo Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, chỉ có Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát mới được tiến hành các hoạt động điều tra, còn các bộ phận, chức năng khác của Viện kiểm sát không được tiến hành các hoạt động điều tra. Điều này giúp cho Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát "hoạt động có hiệu quả hơn, không bị chồng chéo thẩm quyền, giảm chi phí hành chính cần thiết" [28, tr. 40].

Bên cạnh đó, ngoài các Cơ quan điều tra nói trên còn có đơn vị Bộ đội biên phòng, Cơ quan Hải quan, Cơ quan Kiểm lâm, Cơ quan Cảnh sát biển và các cơ quan khác trong lực lượng Công an nhân dân, trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhưng do lĩnh vực công tác của mỗi ngành, do yêu cầu của đấu tranh chống tội phạm mà được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

2.1.2.2. Cơ chế lãnh đạo

Hoạt động của Cơ quan điều tra phải phục tùng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đây là nguyên tắc quan trọng vì công tác điều tra rất quan trọng ở Việt Nam, trong một số vụ án nó liên quan trực tiếp đến chính trị, ngoại giao, an ninh quốc gia, kinh tế... mà đòi hỏi Cơ quan điều tra phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [35, tr. 15].

Trong hệ thống nội bộ, do hệ thống Cơ quan điều tra được tạo thành bởi nhiều Cơ quan điều tra các cấp khác nhau là Cơ quan điều tra cấp trên và Cơ quan điều tra cấp dưới. Xuất phát từ chính chất phức tạp của vụ án hình sự, có vụ án hình sự liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương hoặc có những vụ án hình sự mà Cơ quan điều tra cấp dưới không có đủ khả năng tiến hành hoạt động điều tra vì các lý do khác nhau đòi hỏi Cơ

quan điều tra cấp trên phải tự mình tiến hành điều tra hoặc là phối hợp với Cơ quan điều tra cấp dưới cùng tiến hành điều tra. Mặt khác, các Cơ quan điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân, lực lượng An ninh nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân đều nằm trong hệ thống lực lượng vũ trang của Nhà nước. Đặc tính mệnh lệnh, chấp hành trong mối quan hệ cấp trên, cấp dưới phải tuyệt đối tuân thủ nên Cơ quan điều tra cấp dưới phải chịu sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra cấp trên rõ ràng là đương nhiên.

Như vậy, ở đây sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra cấp trên đối với Cơ quan điều tra cấp dưới được thể hiện ở chỗ: Cơ quan điều tra cấp trên hướng dẫn hoạt động điều tra; đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu thay đổi Điều tra viên; yêu cầu Cơ quan điều tra cấp dưới báo cáo về quá trình điều tra và kết quả điều tra vụ án... Sự tuân thủ mệnh lệnh của Cơ quan điều tra cấp trên bảo đảm cho Cơ quan điều tra cấp dưới hoàn thành được nhiệm vụ điều tra vụ án.

2.1.3. So sánh tổ chức điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

2.1.3.1. Những điểm tương đồng và gần giống nhau

Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, chúng ta thấy rằng Trung quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng và gần giống nhau về mặt cơ cấu tổ chức Cơ quan điều tra.

Một là, cả hai nước đều có nhiều tiểu hệ thống Cơ quan điều tra đang tồn tại và hoạt động độc lập với nhau, được tổ chức trong lực lượng cảnh sát, an ninh, trong quân đội và hệ thống Viện kiểm sát, có nhiều đầu mối quản lý khác nhau. Trong số này, bên cạnh các Cơ quan điều tra mang tính chuyên trách, pháp luật tố tụng hình sự còn cho phép một số cơ quan hành chính cũng được quyền tham gia vào một số hoạt động điều tra: Bộ đội biên phòng, Cơ quan Hải quan, Cơ quan Kiểm lâm và các cơ quan khác thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân; thuộc lực lượng an ninh và các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân.

Hai là, về cơ bản cơ chế lãnh đạo đều có đặc trưng như Cơ quan điều tra cấp dưới phải chịu sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra cấp trên nhằm bảo đảm các Cơ quan điều tra phối hợp chặt chẽ với nhau, phòng, chống tội phạm một cách có hiệu quả nhất.

2.1.3.2. Những điểm khác nhau

So với tổ chức Cơ quan điều tra của Việt Nam, Trung Quốc có những điểm khác biệt về hệ thống tổ chức và cơ chế lãnh đạo như sau:

Thứ nhất, Trung Quốc không giống như Việt Nam thành lập một Cơ quan điều tra riêng trong lực lượng cảnh sát nhân dân, mà tổ chức một Phòng điều tra hình sự nằm trong các Cục Công an có chức năng điều tra các vụ án hình sự phổ thông, những vụ án hình sự đặc biệt có tổ chức những phòng điều tra chuyên biệt như phòng điều tra kinh tế, phòng phòng chống ma túy; v.v... Những phòng này đều là một phần cấu thành của Cục Công an, chịu sự lãnh đạo của thủ trưởng Cục Công an. Trong khi đó, Việt Nam thì có một Cơ quan điều tra riêng trong lực lượng Cảnh sát nhân dân, những Cục (Phòng) điều tra dịch vụ thì nằm trong Cơ quan Cảnh sát điều tra này, đều chịu sự lãnh đạo của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Thứ hai, để tăng cường an ninh quốc gia, Trung Quốc đã tổ chức một hệ thống Cơ quan an ninh quốc gia riêng, ở Trung ương thành lập Bộ An ninh quốc gia, tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương và những địa phương khác có cần thiết thì thành lập Cục An ninh quốc gia hoặc chi nhánh. Đây là một hệ thống Cơ quan điều tra thực hiện quyền điều tra các vụ án hình sự xâm phạm an ninh quốc gia, độc lập và ngang quyền với hệ thống Công an nhân dân, không phụ thuộc vào bất cứ Cơ quan điều tra nào khác, còn Cơ quan An ninh điều tra của Việt Nam thì lại nằm trong Bộ Công an và cả Quân đội nhân dân.

Thứ ba, Viện kiểm sát là một trong những cơ quan có thể điều tra vụ án hình sự ở Trung Quốc. Các tội tham ô, hối lộ, thiếu trách nhiệm của cán bộ

nhà nước và các tội xâm phạm các quyền cá nhân của công dân như giam giữ trái phép, bức cung, dùng nhục hình, trả thù, mưu hại và khám xét trái phép và tội phạm xâm phạm quyền dân chủ của công dân do cán bộ nhà nước lợi dụng chức quyền để thực hiện, sẽ do Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp thụ lý và điều tra. Tất cả các Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc đều gồm có hai bộ phận có quyền điều tra là Cục chống tham ô, hối lộ và Cục chống tội thiếu trách nhiệm, xâm quyền, trong khi đó, Việt Nam chỉ tổ chức Cơ quan điều tra trong Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự Trung ương mà thôi.

2.2. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

2.2.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự

2.2.1.1. Ở Trung Quốc

**** Nhiệm vụ của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự***

Theo quy định của Điều 2 Luật Cảnh sát nhân dân, Điều 2 Luật tố tụng hình sự, và văn bản quy định về trình tự giải quyết vụ án hình sự của Cơ quan Công an Trung Quốc, nhiệm vụ của Cơ quan điều tra là bảo đảm điều tra xác minh sự thật tội phạm một cách chính xác và kịp thời, áp luật một cách đúng đắn, trừng phạt các phần tử phạm tội, bảo đảm người vô tội không phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự, giáo dục công dân tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực đấu tranh với các hành vi phạm tội, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền dân chủ và những quyền lợi khác của công dân, bảo đảm thuận lợi xây dựng sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình tố tụng hình sự, nhiệm vụ chủ yếu của Cơ quan điều tra là theo thủ tục pháp lý để xác định và thu thập tất cả các bằng chứng cho vụ án, xác định sự thật của tội phạm, phát hiện và xác định các nghi phạm hình sự, và thực thi các biện pháp cần thiết để ngăn chặn các trường hợp tội phạm thực hiện và nghi phạm hình sự tiếp tục thực hiện các

hoạt động tội phạm hoặc trốn tránh điều tra, truy tố và xét xử, để đảm bảo việc tố tụng tiến hành một cách có hiệu quả. Để thực hiện những nhiệm vụ trên, pháp luật cho Cơ quan điều tra những quyền hạn nhất định.

*** *Quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự***

Quyền cơ bản của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự là khởi tố, điều tra, dự thẩm án hình sự theo quy định của pháp luật; quyết định và thi hành các biện pháp ngăn chặn; không được phép khởi tố đối với những vụ án theo luật không truy cứu trách nhiệm hình sự, những án đã đình chỉ truy cứu; đối với án đã kết thúc điều tra, thấy cần phải truy tố thì chuyển lên viện kiểm sát nhân dân để thẩm tra quyết định. Trường hợp bị can chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cần xử phạt hành chính, theo luật cho phép xử phạt; đối với tội phạm bị tuyên án tù có thời hạn dưới 1 năm hoặc còn thời hạn chấp hành hình phạt tù dưới 1 năm, được giao cho Cơ quan điều tra thi hành; còn thi hành những hình phạt như quản chế, tạm giữ, tước quyền lợi chính trị, trục xuất, cải tạo không giam giữ; đối với tội phạm được tha và hoãn thi hành tạm giữ, hoãn thi hành án tù có thời hạn phải tiến hành giám sát và giáo dục.

Theo tính chất của những quyền của Cơ quan điều tra, chúng ta có thể chia nhóm như sau:

- *Quyền khởi tố vụ án và điều tra.* Đối với những vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của mình, Cơ quan điều tra có quyền quyết định khởi tố hay không. Sau khi khởi tố vụ án, Cơ quan điều tra được quyền tiến hành một loạt các hoạt động điều tra, như là hỏi cung bị can, lấy lời khai của nhân chứng, nạn nhân, kiểm tra, tìm kiếm, thu giữ chứng cứ, giám định; v.v...

- *Quyền cưỡng chế.* Để bảo đảm việc điều tra hình sự tiến hành một cách thuận lợi, ngăn chặn nghi phạm hình sự, bị cáo tự sát, chạy trốn, che giấu hoặc phá hủy các chứng cứ và tiếp tục xảy ra các sự kiện như gây hại cho xã hội, các Cơ quan điều tra theo yêu cầu và thủ tục luật định, có thể thi hành các

biện pháp ngăn chặn như ban hành lệnh bắt buộc nghi can hình sự phải có mặt, hoặc lệnh cho người này phải tìm người bảo lãnh hoặc đặt tiền để đảm bảo sự có mặt của bị can trong giai đoạn điều tra, giám sát khu dân cư, tạm giam, bắt giữ, để tạm thời hạn chế quyền tự do của nó.

- *Quyền dự thẩm.* Sau khi một vụ án hình sự được điều tra phá án, các Cơ quan điều tra có quyền tiến hành dự thẩm, kết thúc điều tra theo thời hạn luật định, ghi "truy tố trình" hoặc "không truy tố các trình"; nếu trong trường hợp Cơ quan điều tra thấy rằng những người bị can không nên bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì phải hủy bỏ vụ án và phóng thích người ấy kịp thời.

- *Quyền chế ước.* Cơ quan điều tra có quyền đề nghị Viện kiểm sát truy tố. Đối với những vụ án do Cơ quan điều tra chuyển giao Viện kiểm sát nhân dân truy tố mà Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định không truy tố, nếu Cơ quan điều tra nghĩ rằng quyết định này không chính xác thì có quyền yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân này cho xem xét lại, nếu ý kiến không thể được chấp nhận, có thể đưa lên Viện kiểm sát nhân dân cấp trên để rút ra xem xét.

- *Quyền thi hành.* Sau khi Tòa án nhân dân kết tội cho bị cáo, Cơ quan điều tra có quyền thi hành một số hình phạt. Đối với những tội phạm bị giam ngăn hạn, bị quản chế, hoặc bị tước quyền lợi chính trị, do Cơ quan điều tra thi hành.

2.2.1.2. Ở Việt Nam

*** *Nhiệm vụ của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự***

Trên cơ sở chức năng của mình, Cơ quan điều tra Việt Nam được quy định những nhiệm vụ cụ thể, nhiệm vụ của Cơ quan điều tra nói chung nằm trong nhiệm vụ của Luật tố tụng hình sự được quy định tại Điều 1 Bộ luật tố tụng hình sự:

Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm,

không làm oan người vô tội" nhằm góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng quy tắc của cuộc sống [4].

Nhiệm vụ đó được cụ thể hóa tại Điều 3 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009), đó là:

Cơ quan điều tra: tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Đối với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong lực lượng Cảnh sát nhân dân, lực lượng An ninh nhân dân và trong Quân đội nhân dân, khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kịp thời phát hiện tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Các Cơ quan điều tra có nhiệm vụ tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố, tìm nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa.

**** Quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự***

Về quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam chủ yếu qua những quy định về quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của những người tiến hành tố tụng nhằm phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng người tiến hành tố tụng và tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nội dung của những quy định gồm có:

- *Quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra.* Thủ trưởng Cơ quan điều tra là người đứng đầu Cơ quan điều tra, chịu trách nhiệm về hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra.

Thủ trưởng Cơ quan điều tra trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra; quyết định phân công Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong việc điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động điều tra của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên; quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên; quyết định thay đổi điều tra viên; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

Khi thực hiện việc điều tra vụ án hình sự, Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những quyền hạn sau:

- + Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định không khởi tố vụ án; quyết định nhập hoặc tách vụ án;
- + Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn;
- + Quyết định truy nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, xử lý vật chứng;
- + Quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi;
- + Kết luận điều tra vụ án;
- + Quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra;
- + Trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

Khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra vắng mặt, một Phó thủ trưởng được Thủ trưởng ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được giao.

Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những quyền hạn, nghĩa vụ giống như nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình.

- *Quyền hạn của Điều tra viên.* Điều tra viên tiến hành điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Điều tra viên có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- + Lập hồ sơ vụ án hình sự;
- + Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- + Quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng;
- + Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản;
- + Tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm kiểm tra;
- + Tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan điều tra;

Điều tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng Cơ quan điều tra về những hành vi và quyết định của mình.

Đối với những hoạt động điều tra thuộc thẩm quyền của mình, Điều tra viên phải chịu trách nhiệm về những hoạt động mà mình đã tiến hành. Đối với những hoạt động điều tra thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì Điều tra viên không được tự ý tiến hành mà chỉ có quyền kiến nghị với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra để Thủ trưởng quyết định. Trong trường hợp không nhất trí với quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì Điều tra viên vẫn phải chấp hành quyết định đó, nhưng có quyền khiếu nại lên Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên có quyền đề ra các yêu cầu với cơ quan, tổ chức và công dân tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động điều tra. Các cơ quan, tổ chức và công dân được yêu cầu có trách nhiệm chấp hành.

2.2.1.3. So sánh về nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự giữa Trung Quốc và Việt Nam

Đối chiếu, tra cứu những quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam, chúng ta có thấy rằng nhiệm vụ của Cơ quan điều tra trong Luật tố tụng hình sự của hai nước tương đồng với nhau, mà những quy định về quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Bộ luật tố tụng hình sự thì rõ ràng khác nhau.

*** Về nhiệm vụ của Cơ quan điều tra**, hai nước đều có điểm tương đồng như sau:

Một là, Cơ quan điều tra của hai nước đều có nhiệm vụ tiến hành điều tra tất cả các tội phạm thuộc thẩm quyền được giao, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ để nghị truy tố.

Hai là, khi tiến hành điều tra vụ án hình sự, Cơ quan điều tra hình sự của hai nước đều có nhiệm vụ tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, các tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục.

Ba là, Cơ quan điều tra của hai nước đều có nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động của các giai đoạn tố tụng tiếp theo: kê biên tài sản để đảm bảo việc thi hành án; tham gia vào những đề xuất nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật hình sự, tố tụng hình sự; góp phần cho những vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Những quy định về *quyền hạn* của Cơ quan điều tra trong Bộ luật tố tụng hình sự của hai nước thì rõ ràng khác nhau. Bộ luật tố tụng hình sự Việt

Nam quy định quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của những người tiến hành tố tụng. Trong khi đó, Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc chỉ quy định quyền hạn của Cơ quan điều tra chung, không quy định quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của những người tiến hành tố tụng, khi tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đại diện Cơ quan điều tra thực hiện những quyền. Bởi vì, quyền hạn của những người tiến hành tố tụng chưa được quy định một cách rõ ràng, trong thực tiễn toàn do Cơ quan điều tra làm nội quy phân định quyền hạn và trách nhiệm của từng người tiến hành tố tụng dựa trên cơ sở quyền hạn của Cơ quan điều tra, nhưng những nội quy của các Cơ quan điều tra lại khác nhau, không tốt cho pháp chế thống nhất. So với quy định của hai nước, Việt Nam phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng người tiến hành tố tụng, điều này có thể tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình khi được giao hoặc khi được phân công hay ủy quyền, ở một chừng mực nhất định có điểm hợp lý hơn những quy định của Trung quốc.

2.2.2. Thủ tục điều tra trong Luật tố tụng hình sự

2.2.2.1. Ở Trung Quốc

Căn cứ nhưng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc, Cơ quan điều tra khi tiến hành thủ tục tố tụng phải tuân theo trình tự, thủ tục sau:

*** Thụ án**

Trường hợp công dân giao người, báo án, khiếu nại, tố cáo hoặc bị can ra đầu thú, Cơ quan điều tra đều phải lập tức tiếp nhận, hỏi rõ tình hình, đồng thời lập biên bản, sau khi tuyên đọc không có sai sót, do người giao người, người báo án, người khiếu nại tố cáo, người ký tên hoặc đóng dấu. Khi cần thiết, Cơ quan điều tra có thể ghi âm lại.

Khi tiếp nhận án, Cơ quan điều tra phải lập "*Bảng đăng ký tiếp nhận án hình sự*", làm tài liệu gốc cho việc thụ lý vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, đồng thời cất giữ làm tài liệu điều tra ban đầu.

Nhân viên công tác của Cơ quan điều tra tiếp nhận tố cáo, khiếu nại phải giải thích rõ cho người tố cáo, người khiếu nại về trách nhiệm pháp luật phải chịu nếu như cố ý vu khống. Tuy nhiên, chỉ cần không phải là ngụy biện sự thật, làm giả chứng cứ, cho dù sự thật tố cáo, khiếu nại có nhầm lẫn thậm chí là tố cáo sai, cũng phải phân biệt với tội cố ý vu khống.

Cơ quan điều tra phải bảo đảm an toàn cho người báo án, tố cáo, khiếu nại và người thân của người báo án, tố cáo, khiếu nại. Nếu như người báo án, tố cáo, khiếu nại không muốn công khai danh tính và hành vi tố giác, báo án của mình, phải đảm bảo giữ bí mật cho họ. Đối với những án tiếp nhận, hoặc manh mối tội phạm được phát hiện, Cơ quan điều tra phải nhanh chóng tiến hành thẩm tra. Qua thẩm tra thấy sự thật tội phạm là có thật, nhưng không phải án thuộc thẩm quyền xử lý của mình, trong vòng 24 tiếng phải xin thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, ký phát "*Thông báo di lý vụ án*", chuyển cho cơ quan đủ thẩm quyền xử lý.

Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử lý nhưng phải áp dụng biện pháp cấp bách, phải áp dụng biện pháp cấp bách trước rồi sau đó làm thủ tục chuyển cho cơ quan chủ quản. Qua thẩm tra, đối với án vừa xử lý tố tụng và án hình sự nhẹ người bị hại có chứng cứ chứng minh, phải chuyển toàn bộ hồ sơ án cùng với chứng cứ lên tòa án có thẩm quyền, đồng thời báo cho đương sự tự truy tố lên tòa. Qua thẩm tra, trường hợp chưa đến mức phải xử phạt hình sự, thấy cần xử lý hành chính thì tiến hành xử lý theo luật.

*** Khởi tố vụ án**

Cơ quan điều tra sau khi thụ lý vụ án, qua thẩm tra, thấy rằng sự thật tội phạm cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, do đơn vị tiếp nhận ra "*Báo cáo khởi tố vụ án hình sự*", được người thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn cho phép khởi tố.

Trường hợp thấy sự thật tội phạm hoặc tình tiết tội phạm ít nghiêm trọng, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc thuộc một trong

những trường hợp không phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, đơn vị tiếp nhận phải làm "*Đơn xin không khởi tố*", được người phụ trách Cơ quan điều tra cấp trên phê chuẩn, không khởi tố.

Đối với những vụ án có người khiếu nại tố cáo, nếu quyết định không khởi tố, Cơ quan điều tra phải ra "*Thông báo không khởi tố*", trong 7 ngày chuyển cho đối tượng. Trường hợp đối tượng khiếu nại không đồng ý với nội dung thông báo, có thể đệ đơn phúc thẩm lên Cơ quan điều tra ra quyết định trước đó trong vòng 10 ngày sau khi nhận được "*Thông báo không khởi tố*". Cơ quan điều tra ra quyết định trước đó sau khi nhận được đơn phúc thẩm, trong vòng 7 ngày phải có văn bản trả lời.

Đối với vụ án Viện kiểm sát yêu cầu tường trình rõ lý do không khởi tố, trong vòng 7 ngày phải lập "*Bản tường trình lý do không khởi tố*", sau khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, chuyển lên Viện kiểm sát.

Trường hợp Viện kiểm sát thấy rằng lý do không khởi tố không được thành lập, sau khi nhận được thông báo yêu cầu khởi tố của Viện kiểm sát, trong vòng 15 ngày Cơ quan điều tra phải quyết định khởi tố, đồng thời chuyển "*Quyết định khởi tố*" lên Viện kiểm sát.

Trường hợp quyết định khởi tố điều tra những vụ án khó, phức tạp, nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phải chuẩn bị tốt phương án điều tra. Phương án điều tra phải gồm các nội dung sau: 1) Bước đầu phân tích và phán đoán tình hình vụ án, gồm xác định độ tin cậy nguồn manh mối và phạm vi nghi vấn; 2) Hướng điều tra và phạm vi điều tra; 3) Các biện pháp cần áp dụng để xác minh án; 4) Tổ chức và phân công lực lượng điều tra; 5) Đòi hỏi móc nối chặt chẽ như thế nào các khâu phối hợp những phương diện liên quan; 6) Điều lệ và quy định phải tuân thủ trong quá trình điều tra; 7) Trường hợp thuộc án phạm có âm mưu từ trước, còn phải đề xuất biện pháp ngăn chặn phá hoại hiện tại và phòng tránh những tổn thất có thể gây ra.

*** Phá án, đình chỉ án**

Phá án phải có đầy đủ các điều kiện sau: *Một là*, sự thật tội phạm đã có chứng cứ chứng minh; *hai là*, có chứng cứ chứng minh sự thật tội phạm là chứng cứ do bị can thực hiện và *ba là*, bị can hoặc thủ phạm chính đã quy án. Đối với án đã có đủ điều kiện phá án, cơ quan xử lý án phải lập báo cáo phá án, xin Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn.

Báo cáo phá án phải gồm các nội dung sau: 1) Kết quả điều tra án; 2) Lý do và cơ sở phá án; 3) Phân công tổ chức phá án và trình tự các bước phá án; 4) Các biện pháp phá án khác và kiến nghị các bước công tác tiếp theo.

Qua điều tra nếu phát hiện một trong những trường hợp dưới đây phải lập tức đình chỉ vụ án:

- Trường hợp không có sự việc phạm tội;
- Trường hợp tình tiết phạm tội nhẹ, ít nguy hiểm, không bị xem là tội phạm;
- Trường hợp tội phạm đã quá thời hạn truy tố có hiệu lực;
- Trường hợp được đặc xá;
- Trường hợp bị can tử vong;
- Các trường hợp không truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật khác;

Trường hợp cần hủy bỏ vụ án, Tổ làm án phải làm báo cáo xin đình chỉ án, xin thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn. Báo cáo xin đình chỉ án gồm các nội dung sau: 1) Căn cứ khởi tố trước đó; 2) Kết quả điều tra vụ án và 3) Lý do và căn cứ hủy án.

Khi Cơ quan điều tra quyết định đình chỉ án, trường hợp bị can đã bị tạm giam, phải lập tức trả tự do và cấp chứng nhận thả người, đồng thời thông báo lên viện kiểm sát đã phê chuẩn lệnh tạm giam trước đó.

*** Tiến hành điều tra**

Đối với án hình sự đã khởi tố, Cơ quan điều tra phải tiến hành điều tra, thu thập, sàng lọc dữ liệu chứng cứ xem xét nghi phạm có tội hay vô tội, tội nghiêm trọng hay tội ít nghiêm trọng một cách toàn diện và khách quan, đồng thời tiến hành thẩm tra, xác thực.

Trong quá trình điều tra tội phạm, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Cơ quan điều tra có thể tạm giữ những phân tử nghi can nghiêm trọng hoặc tội phạm đang có hành vi phạm tội, đối với bị can đủ điều kiện tạm giam, phải bắt tạm giam theo luật. Nghiêm cấm áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can khi chưa có chứng cứ, hay chỉ đơn thuần là dựa vào phán đoán trực quan.

Trong quá trình điều tra tội phạm, căn cứ vào nhu cầu áp dụng các biện pháp và thủ đoạn điều tra, Cơ quan điều tra phải nghiêm chỉnh tiến hành theo đúng trình tự và điều kiện pháp luật quy định.

*** Kết thúc điều tra, đề nghị truy tố**

Những vụ án đã kết thúc điều tra, điều tra viên phải lập báo cáo kết thúc vụ án. Báo cáo kết thúc vụ án phải bao gồm các nội dung sau: 1) Tình hình cơ bản của bị can; 2) Có sử dụng hay không biện pháp ngăn chặn và lý do; 3) Sự thật của vụ án và bằng chứng và 4) Căn cứ pháp luật và ý kiến xử lý.

Xử lý các vụ án đã hoàn tất công tác điều tra, do Thủ trưởng Cơ quan Công an cấp huyện trở lên phê chuẩn, những vụ án lớn, nghiêm trọng phức tạp, khó cần thông qua tập thể họp thảo luận và đưa ra quyết định.

Sau khi kết thúc điều tra, phải chỉnh lý toàn bộ tài liệu vụ án, đính tập theo đúng yêu cầu. Khi chuyển vụ án lên Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố, chỉ chuyển hồ sơ tố tụng, hồ sơ điều tra do Cơ quan điều tra cất giữ. Tài liệu thu được từ kỹ thuật điều tra, khi cần sử dụng làm bằng chứng công khai, áp dụng biện pháp xử lý tương ứng theo quy định.

Đối với những án sự việc phạm tội đã rõ ràng, chứng cứ đầy đủ chính xác, tính chất tội phạm và tội danh được nhận định đúng, thủ tục pháp lý hoàn chỉnh, cần truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, phải phát "*Đơn truy tố*", sau khi được Thủ trưởng Cơ quan Công an cấp huyện trở lên phê chuẩn, chuyển toàn bộ tài liệu vụ án và chứng cứ lên Viện kiểm sát thẩm tra quyết định.

"*Đơn truy tố*" của vụ án đồng phạm phải ghi rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm chịu tội và thái độ nhận tội cụ thể của từng bị can trong cùng một vụ án, phân biệt đề xuất ý kiến xử lý. Nếu cho rằng quyết định truy tố của Viện kiểm sát có sai sót, trong vòng 7 ngày phải đệ "*Đơn phúc thẩm*", sau khi được Thủ trưởng Cơ quan Công an cấp huyện trở lên phê chuẩn, chuyển lên Viện kiểm sát nhân dân đồng cấp để xét phúc thẩm. Trường hợp yêu cầu phúc thẩm không được chấp nhận, trong vòng 7 ngày có thể đệ "*Đơn xin phúc thẩm*", được Cơ quan Công an cấp huyện trở lên phê chuẩn rồi chuyển lên Viện kiểm sát nhân dân cấp trên gần nhất để xét phúc thẩm. Trường hợp người bị hại đề xuất tố tụng dân sự, phải ghi rõ trong hồ sơ vụ án, khi chuyển đi thẩm tra truy tố phải chú thích rõ ở phía dưới "*Đơn truy tố*".

Trong quá trình điều tra, phát hiện bị can chưa đến mức phải xử phạt hình sự chỉ cần xử phạt hành chính, được Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, tiến hành xử lý hành chính hoặc chuyển xử lý cho các ban ngành liên quan khác theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, sau khi nhận được thông báo điều chỉnh vi phạm của Viện kiểm sát, phải kịp thời hoặc điều chỉnh, đồng thời báo cáo tình hình bằng văn bản lên Viện kiểm sát.

*** Điều tra bổ sung**

Điều tra kết thúc, vụ án được chuyển lên Viện kiểm sát nhân dân để thẩm tra truy tố, trường hợp Viện kiểm sát hoàn trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra sau khi nhận được văn bản, phải hoàn tất việc điều tra bổ sung trong vòng 1 tháng dựa trên khung yêu cầu điều tra bổ sung của Viện kiểm sát. Điều tra bổ sung có giới hạn là 2 lần.

Đối với những vụ án Viện kiểm sát hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra trước đó phải tiến hành thẩm tra toàn diện, tường tận chân tướng vụ việc, chứng cứ và những ý kiến xử lý, nghiên cứu phân tích ý kiến trả lại yêu cầu điều tra bổ sung của viện kiểm sát, căn cứ vào tình hình cụ thể, xin Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, phân biệt xử lý như sau:

- Trường hợp nhận định sự thật vụ án đã rõ ràng, nhưng chứng cứ chưa đầy đủ, sau khi bổ sung chứng cứ, phải lập "*Báo cáo điều tra bổ sung*", chuyển lên Viện kiểm sát thẩm tra; đối với những chứng cứ không có cách nào bổ sung thêm, phải chú thích rõ.

- Trường hợp trong quá trình điều tra bổ sung, phát hiện can phạm mới hoặc hành vi phạm tội mới, thấy cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, phải lập "*Đơn truy tố*" lần 2, chuyển lên Viện kiểm sát để thẩm tra.

- Trường hợp phát hiện sự thật tội phạm được nhận định trước đó có thay đổi lớn, chưa cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, phải đề xuất ý kiến xử lý mới, đồng thời thông báo kết quả xử lý cho Viện kiểm sát nhân dân đã hoàn trả hồ sơ.

- Trường hợp thấy sự thật tội phạm được nhận định trước đó là rõ ràng, chứng cứ đầy đủ, Viện kiểm sát nhân dân hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không chính đáng, phải nêu rõ lý do và chuyển lên Viện kiểm sát nhân dân thẩm tra.

Cơ quan điều tra phải kịp thời thu thập và cung cấp đầy đủ những tài liệu chứng cứ cần thiết phục vụ cho việc xét xử tại tòa theo yêu cầu của Viện kiểm sát.

2.2.2.2. Ở Việt Nam

Quá trình giải quyết vụ án hình sự bao gồm nhiều hoạt động tổ tụng khác nhau và được chia ra thành nhiều giai đoạn tổ tụng độc lập. Đối với Cơ quan điều tra tiến hành tổ tụng thì phải theo những trình tự và thủ tục sau.

*** Khởi tố vụ án**

Thời điểm bắt đầu của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được tính từ khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện hoặc nhận được những thông tin về tội phạm từ những nguồn khác nhau (tố giác của công dân, tin báo của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội; v.v...).

Khi phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin và xác định có hay không dấu hiệu phạm tội, làm cơ sở cho việc ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: *Khi phát hiện có dấu hiệu phạm tội thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội".*

Thông thường khi xác định có dấu hiệu phạm tội thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999, đối với một số tội xâm hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tác giả, sáng chế, phát minh của người bị hại nếu không có những tình tiết nghiêm trọng mà chỉ có những tình tiết quy định tại khoản 1 của các điều luật tương ứng, thì cơ quan có thẩm quyền chỉ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất yếu cầu. Trong những vụ án về những tội phạm này, có thể người bị hại tha thứ cho người phạm tội hoặc không muốn đưa ra công khai vì có thể gây phiền phức hoặc ảnh hưởng không tốt đến đời tư, nên họ không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Nếu người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại là chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất không yếu cầu khởi tố thì các cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, sau khi đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự (vụ án đã được khởi tố, điều tra)... trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm, nếu người bị hại rút yêu cầu khởi tố thì vụ án phải được đình chỉ. Trong những trường hợp cần thiết, tuy người bị hại rút yêu cầu khởi tố Viện kiểm sát hoặc Tòa án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án. Đó là những trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn, do bị ép buộc, cưỡng bức. Người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức.

Trình tự khởi tố vụ án hình sự trải qua các bước sau: Tiếp nhận các nguồn tin về tội phạm; kiểm tra, xác minh, bổ sung tin tức về tội phạm và ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

**** Tiến hành điều tra***

Đối với án hình sự đã khởi tố, Cơ quan điều tra phải tiến hành điều tra, thu thập, sàng lọc dữ liệu chứng cứ xem xét nghi phạm có tội hay vô tội, tội nghiêm trọng hay tội ít nghiêm trọng một cách toàn diện và khách quan, đồng thời tiến hành thẩm tra, xác thực.

Trong quá trình điều tra tội phạm, căn cứ vào nhu cầu áp dụng các biện pháp và thủ đoạn điều tra, Cơ quan điều tra phải nghiêm chỉnh tiến hành theo đúng trình tự và điều kiện pháp luật quy định.

- *Thời hạn điều tra.* Theo quy định tại Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, thời hạn điều tra vụ án hình sự không được quá hai tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá ba tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không được quá bốn tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thời hạn điều tra được tính từ khi khởi tố vụ án hình sự cho đến khi kết thúc điều tra.

Trong những trường hợp vụ án có tính chất phức tạp, không thể hoàn thành việc điều tra trong thời hạn kể trên, cần phải gia hạn điều tra thì chậm nhất là 10 ngày, trước khi hết hạn điều tra, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát gia hạn điều tra. Việc gia hạn điều tra được quy định cụ thể như sau:

+ Đối với tội phạm ít nghiêm trọng được gia hạn điều tra một lần không quá 2 tháng;

+ Đối với tội phạm nghiêm trọng được gia hạn điều tra hai lần, lần thứ nhất không quá 3 tháng, lần thứ hai không quá 2 tháng;

+ Đối với tội phạm rất nghiêm trọng được gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá 4 tháng;

+ Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được gia hạn điều tra ba lần, mỗi lần không quá 4 tháng.

Thẩm quyền ra hạn điều tra thuộc về Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp, cụ thể là:

+ Đối với tội phạm *ít nghiêm trọng* thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp khu vực gia hạn điều tra. Nếu vụ án được thụ lý, điều tra ở cấp tỉnh, cấp quân khu thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra.

+ Đối với tội phạm *nghiêm trọng* thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Trong trường hợp vụ án được thụ lý, điều tra ở cấp tỉnh, cấp quân khu thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền gia hạn cả hai lần.

+ Đối với tội phạm *rất nghiêm trọng* thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân

khu gia hạn điều tra lần thứ hai. Trong trường hợp vụ án được thụ lý để điều tra ở cấp tỉnh, cấp quân khu thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn lần thứ nhất và lần thứ hai;

+ Đối với tội phạm *đặc biệt nghiêm trọng* thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự cấp khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương gia hạn điều tra lần thứ ba.

Trong trường hợp vụ án được thụ lý để điều tra ở cấp trung ương thì việc gia hạn thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Khi đã hết thời hạn gia hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì Cơ quan điều tra phải ra quyết định đình chỉ điều tra.

- *Biên bản điều tra*. Khi tiến hành điều tra phải lập biên bản theo quy định. Điều tra viên lập biên bản phải đọc lại biên bản cho người tham gia tố tụng nghe, giải thích cho họ biết quyền được bổ sung và nhận xét về biên bản. Nhận xét đó được ghi vào biên bản. Người tham gia tố tụng và Điều tra viên cùng ký tên vào biên bản.

Trong trường hợp người tham gia tố tụng từ chối ký vào biên bản, thì việc đó phải được ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Nếu người tham gia tố tụng vì nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc vì lý do khác mà không thể ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; Điều tra viên và người chứng kiến cùng xác nhận. Người không biết chữ thì điểm chỉ vào biên bản.

*** *Tạm đình chỉ điều tra***

Tạm đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra tạm ngừng việc tiến hành điều tra vụ án hình sự hoặc tạm ngừng điều tra đối với những bị can nhất định khi có các căn cứ luật định. Theo quy định tại Điều 160 Bộ luật tố tụng

hình sự năm 2003, Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra trong những trường hợp sau:

Khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết hạn điều tra. Trong trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu thì chỉ tạm đình chỉ điều tra khi đã hết thời hạn điều tra.

Trong trường hợp đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả giám định mà hết thời hạn điều tra thì tạm đình chỉ điều tra và việc giám định vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

Nếu không biết bị can đang ở đâu thì Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi tạm đình chỉ điều tra.

Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bị hại.

*** Kết thúc điều tra**

Việc điều tra vụ án hình sự kết thúc khi Cơ quan điều tra ra quyết định đề nghị truy tố bị can hoặc quyết định đình chỉ vụ án.

- *Đề nghị truy tố.* Khi có đầy đủ chứng cứ để xác định có tội phạm và bị can thì Cơ quan điều tra làm bản kết luận điều tra đề nghị truy tố. Bản kết luận điều tra trình bày diễn biến hành vi phạm tội, nêu rõ các chứng cứ chứng minh tội phạm, những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án, có nêu rõ lý do và căn cứ đề nghị truy tố.

Kèm theo bản kết luận điều tra có bản kê về thời hạn điều tra, biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng có ghi rõ thời gian tạm giữ, tạm giam, vật chứng, việc kiện dân sự, biện pháp để bảo đảm việc phạt tiền, bồi thường và tịch thu tài sản, nếu có.

- *Đình chỉ điều tra.* Đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra ngừng (chấm dứt) việc điều tra đối với vụ án hình sự hoặc đối với bị can khi có những căn cứ luật định.

Khi đình chỉ điều tra, Cơ quan ra kết luận điều tra nêu rõ quá trình điều tra, lý do và căn cứ đình chỉ điều tra. Trong thời hạn 2 ngày, kể từ khi ra kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp; gửi quyết định đình chỉ điều tra cho bị can, người bào chữa.

Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra trong những trường hợp sau:

- Khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 hoặc Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự hoặc Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự.

- Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

Quyết định đình chỉ điều tra ghi rõ thời gian, địa điểm ra quyết định, lý do và căn cứ đình chỉ điều tra, việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trả lại đồ vật, tài liệu đã tạm giữ, nếu có và những vấn đề khác có liên quan. Cơ quan điều tra phải gửi quyết định đình chỉ điều tra cho Viện kiểm sát cùng cấp và báo ngay cho bị can, người bị hại biết.

Nếu trong vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can thì có thể đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

Trong những trường hợp do diễn biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa (khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự) hoặc người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 3 Điều 25 Bộ luật hình sự) thì Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án và có thể chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội hữu quan xử lý.

- *Phục hồi điều tra.* Phục hồi điều tra là việc Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra vụ án hoặc bị can trước đó đã bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra thì Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày ra quyết định phục hồi điều tra, cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Nếu việc điều tra bị đình chỉ theo quy định tại điểm 5 và điểm 6 Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát cùng cấp ra quyết định phục hồi điều tra.

2.2.2.3. So sánh thủ tục điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Xem xét những quy định về trình tự, thủ tục của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng trong Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam, chúng ta có thể thấy rằng hai nước có nhiều điểm tương đồng, những trình tự và thủ tục cơ bản hầu như giống nhau, đều có thụ lý nguồn tin vụ án, khởi tố vụ án, tiến hành điều tra, kết thúc điều tra, điều tra bổ sung; v.v... Phân tích về nguyên nhân này, chủ yếu do hai nước đều là nước có chế độ xã hội chủ nghĩa, nền tố tụng hình sự đều ảnh hưởng rất lớn từ nền tố tụng hình sự của Liên Xô cũ, cho nên chế độ cơ bản trong tố tụng hình sự nhất là trình tự, thủ tục tiến hành tố tụng có nhiều điểm tương đồng.

Đương nhiên hai nước cũng có một số quy định cụ thể khác nhau, chẳng hạn như nhưng thời hạn tiến hành tố tụng, về vấn đề này thì khó nói thế nào là hợp lý, nhưng có một số điểm khác nhau thì liên quan đến vấn đề tính hợp lý, ví dụ đối với vụ án hình sự hoặc đối với bị can khi có những căn cứ luật định, Cơ quan điều tra Việt Nam ngừng (chấm dứt) việc điều tra. Khi đình chỉ điều tra, Cơ quan ra kết luận điều tra nêu rõ quá trình điều tra, lý do

và căn cứ đình chỉ điều tra. Trong thời hạn 2 ngày, kể từ khi ra kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong khi đó, ở Trung Quốc, trong trường hợp này, Cơ quan điều tra có thể tự ra quyết định hủy án, mà không cần chuyển hồ sơ cũng không cần thông báo cho Viện kiểm sát biết. Chỉ có trường hợp bị can đã do Viện kiểm sát phê chuẩn bắt tạm giam, sau khi Cơ quan điều tra đã ra quyết định hủy án, phải thông báo cho Viện kiểm sát biết, điều này dễ gây ra kết quả lạm dụng quyền hủy án.

Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam có quy định về tạm đình chỉ điều tra và phục hồi điều tra, trong một số trường hợp những quy định này rất là cần thiết và hợp lý, nhưng Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc không có chế định này, vậy có thể tham khảo cho Trung Quốc.

2.2.3. Các biện pháp điều tra

2.2.3.1. Các biện pháp điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc

Các điều quy định trong Mục 2 đến Mục 8 của Chương 2 Phần II trong Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc đã nêu rõ các biện pháp điều tra như sau:

**** Thẩm vấn nghi can***

Trong giai đoạn điều tra, điều tra viên của Viện kiểm sát nhân dân hoặc Cơ quan Công an phải tiến hành thẩm vấn nghi can. Khi thẩm vấn phải có từ hai điều tra viên trở lên tham gia.

Đối với những nghi can không cần phải bắt hoặc giam có thể bị triệu tập đến một địa điểm được chỉ định trong thành phố hoặc thị trấn nơi người đó cư trú để thẩm vấn hoặc việc thẩm vấn có thể được tiến hành tại nơi cư trú của người này. Tuy nhiên, người thẩm vấn phải xuất trình giấy tờ do Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an cấp. Thời điểm thẩm vấn từ lúc triệu tập hoặc buộc phải trình diện không quá 12 giờ. Không được lợi dụng việc liên tục triệu tập hoặc buộc phải trình diện để giam giữ nghi can.

Khi thẩm vấn một nghi can, trước tiên điều tra viên phải hỏi nghi can đã thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào hay không và để cho họ trình bày các tình tiết phạm tội hoặc giải thích sự vô tội của mình; sau đó có thể hỏi thêm. Nghi can phải trả lời một cách trung thực các câu hỏi của điều tra viên, nhưng cũng có quyền từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào không liên quan đến vụ án.

Trong khi thẩm vấn một nghi can bị câm hoặc điếc, phải có một cán bộ có khả năng sử dụng tốt ngôn ngữ dấu hiệu tham gia và những tình huống như vậy phải được ghi vào biên bản.

Biên bản thẩm vấn phải được đưa cho nghi can xem, nếu nghi can không thể đọc, biên bản phải được đọc cho họ nghe. Nếu thấy biên bản còn thiếu hoặc chưa chính xác, nghi can có thể bổ sung hay sửa chữa. Khi nghi can công nhận văn bản không có sai sót thì ký tên hoặc điểm chỉ vào đó. Điều tra viên cũng phải ký tên vào biên bản. Nếu nghi can yêu cầu được tự viết một bản tường trình, họ phải được cho phép làm điều này. Khi cần thiết điều tra viên cũng có thể yêu cầu nghi can viết bản tường trình.

Sau khi nghi can bị Cơ quan điều tra thẩm vấn lần đầu tiên hoặc từ ngày bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nghi can có thể chỉ định một luật sư để trợ giúp họ về mặt pháp lý và thực hiện việc khiếu nại, tố cáo thay mặt mình. Nếu nghi can bị bắt, luật sư được chỉ định có thể thay mặt họ để yêu cầu có người bảo lãnh trong giai đoạn chờ xét xử. Nếu vụ án liên quan đến bí mật nhà nước, phải có những phê chuẩn của Cơ quan điều tra đối với việc chỉ định luật sư của nghi can.

Luật sư được chỉ định có quyền tìm kiếm từ Cơ quan điều tra các thông tin về tội phạm bị tình nghi và có thể gặp gỡ nghi can trong trại giam để tìm hiểu vụ án. Khi luật sư gặp nghi can trong trại giam, căn cứ vào tính nghiêm trọng của tội phạm và nếu thấy cần thiết thì Cơ quan điều tra có thể cử người tham gia cuộc gặp. Nếu vụ án liên quan đến bí mật quốc gia, trước khi gặp nghi can, luật sư phải có sự phê chuẩn của Cơ quan điều tra.

*** Lấy lời khai người làm chứng, người bị hại**

Điều tra viên có thể lấy lời khai của người làm chứng tại nơi ở hoặc nơi làm việc của họ nhưng phải xuất trình giấy chứng nhận của Viện kiểm sát hoặc cơ quan công an cấp. Khi cần thiết cũng có thể thông báo cho người làm chứng đến Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an để lấy lời khai. Điều tra viên phải lấy lời khai của từng người làm chứng.

Khi lấy lời khai của từng người làm chứng, điều tra viên phải hướng dẫn cho họ cung cấp chứng cứ và khai báo đúng sự thật và phải thông báo cho họ đúng về trách nhiệm pháp lý nếu cố tình khai báo sai hoặc che giấu chứng cứ. Khi lấy lời khai của người làm chứng dưới 18 tuổi, có thể mời người đại diện theo pháp luật của họ tham gia.

Biên bản lấy lời khai phải được đưa cho người làm chứng xem, nếu người làm chứng không thể đọc, biên bản phải được đọc cho họ nghe. Nếu thấy biên bản còn thiếu hoặc chưa chính xác, người làm chứng có thể bổ sung hay sửa chữa. Khi người làm chứng công nhận văn bản không có sai sót thì kí tên hoặc điểm chỉ vào đó. Điều tra viên cũng phải ký tên vào biên bản. Nếu người làm chứng yêu cầu được tự viết một bản tự khai, họ phải được cho phép làm điều này. Khi cần thiết điều tra viên cũng có thể yêu cầu người làm chứng viết bản tự khai.

Các quy định trong tất cả các nội dung về sự lấy lời khai của người làm chứng nêu trên sẽ được áp dụng trong việc lấy lời khai của người bị hại.

*** Khám nghiệm và kiểm tra hiện trường**

Điều tra viên phải tiến hành khám nghiệm hoặc kiểm tra hiện trường, đồ vật, nhân thân, tử thi có liên quan đến tội phạm, dụng các loại thủ đoạn kỹ thuật, kịp thời thu tập những chứng cứ liên quan đến vụ án. Khi cần thiết có thể chỉ định hoặc mời chuyên gia đến khám nghiệm, kiểm tra dưới sự chỉ đạo của điều tra viên.

Mọi tổ chức và cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ hiện trường và thông báo ngay cho Cơ quan điều tra cử người đến điều tra.

Để tiến hành khám nghiệm, kiểm tra, điều tra viên phải có giấy tờ của Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an cấp.

Đối với những tử thi không rõ nguyên nhân chết, cơ quan công an có quyền yêu cầu giải phẫu tử thi và báo cho người nhà của nạn nhân có mặt.

Điều tra viên có thể kiểm tra nhân thân của người bị hại hoặc nghi can để xác định một số đặc điểm, tình trạng thương tích hoặc trạng thái sinh lý. Nếu nghi can từ chối việc kiểm tra, khi xét thấy cần thiết, điều tra viên có thể tiến hành việc kiểm tra bắt buộc. Việc kiểm tra nhân thân đối với phụ nữ phải do điều tra viên là nữ hoặc bác sĩ tiến hành.

Kết quả khám nghiệm, kiểm tra phải được ghi trong biên bản có chữ ký hoặc đóng dấu của người tham gia khám nghiệm, kiểm tra và người làm chứng. Khi thẩm tra vụ án, nếu thấy việc khám nghiệm, kiểm tra của Cơ quan Công an cần phải làm lại, Viện kiểm sát nhân dân có thể yêu cầu Cơ quan Công an tiến hành khám nghiệm, kiểm tra lại và cử kiểm sát viên đến cùng kiểm tra.

*** Khám xét**

Để thu thập chứng cứ phạm tội, bắt giữ người phạm tội, Cơ quan điều tra phải tiến hành khám người, đồ vật, nơi cư trú của nghi can và của bất kỳ ai che giấu tội phạm hoặc chứng cứ phạm tội, cũng như những nơi liên quan khác.

Mọi tổ chức hoặc cá nhân đều có nghĩa vụ phải giao nộp vật chứng, chứng cứ bằng tài liệu hoặc âm thanh, hình ảnh có thể chứng minh việc có tội hay vô tội của nghi can theo yêu cầu của Viện kiểm sát và Cơ quan Công an.

Sau khi được sự phê chuẩn của thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên, điều tra viên có thể tiến hành khám xét người, vật phẩm, nơi ở và những chỗ liên quan khác của bị can, người có khả năng che giấu tội phạm hoặc chứng cứ tội phạm. Tiến hành khám xét, phải xuất trình "*Lệnh khám xét*" cho người bị khám xét thấy, số lượng điều tra viên thi hành việc khám xét không dưới 2 người.

Trong thời gian thực hiện việc bắt tạm giữ, bắt tạm giam, nếu gặp một trong những tình huống khẩn cấp dưới đây, không cần "*Lệnh khám xét*" vẫn có thể tiến hành khám xét.

- Trường hợp có khả năng mang theo hung khí trên người;
- Trường hợp có khả năng cất giấu các vật phẩm gây hại như chất nổ, thuốc độc;
- Trường hợp có khả năng che giấu, tiêu hủy, chuyển dịch các chứng cứ tội phạm;
- Trường hợp có khả năng che giấu những bị can khác;
- Tình hình khẩn cấp phát sinh bất ngờ.

Khi tiến hành khám xét, tại hiện trường khám xét phải có mặt người bị khám xét hoặc thân nhân, láng giềng của người bị khám xét hoặc người chứng kiến khác. Khám người phụ nữ phải do nữ điều tra viên tiến hành.

Tình hình khám xét phải lập "*Biên bản khám xét*", do điều tra viên lập, người bị khám xét hoặc người nhà, láng giềng của người bị khám xét hoặc người chứng kiến khác ký tên, đóng dấu. Trường hợp người bị khám xét hoặc người nhà không có mặt tại hiện trường, hoặc từ chối ký tên, đóng dấu, điều tra viên phải chú thích rõ trong biên bản.

*** *Thu giữ đồ vật, tài liệu là chứng cứ***

Bất cứ đồ vật và tài liệu nào được phát hiện trong quá trình kiểm tra hoặc khám xét có thể sử dụng để chứng minh việc có tội hay vô tội của nghi can sẽ bị thu giữ. Các đồ vật và tài liệu không liên quan đến vụ án có thể không bị thu giữ. Những đồ vật, tài liệu bị thu giữ phải bảo quản, niêm phong cẩn thận và không được sử dụng hoặc tiêu hủy.

Điều tra viên phải kiểm tra một cách cẩn thận toàn bộ đồ vật, tài liệu bị thu giữ cùng với người chứng kiến và người chủ của đồ vật. Danh sách chi tiết sẽ được lập thành hai bản tại nơi thu giữ và phải được điều tra viên, người

chứng kiến và chủ đồ vật kí hoặc đóng dấu. Một bản sao danh sách đó phải được giao cho chủ đồ vật, và một bản sao khác phải được lưu trong hồ sơ của vụ án để tham khảo.

Khi thấy cần phải thu giữ thư, điện tín của nghi can, điều tra viên, sau khi có phê chuẩn của cơ quan công an hoặc Viện kiểm sát nhân dân, có thể thông báo cho cơ quan bưu chính viễn thông kiểm tra và giao nộp thư, điện tín liên quan đến thu giữ. Khi không cần thiết phải tiếp tục thu giữ thì phải báo ngay cho cơ quan bưu chính viễn thông biết.

Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan Công an, do yêu cầu điều tra tội phạm, có thể kiểm tra hoặc phong tỏa tài khoản, đồ vật gửi giữ của nghi can theo quy định. Nếu tài khoản hoặc đồ vật gửi giữ của nghi can đã bị phong tỏa thì không thể phong tỏa lần thứ hai.

Nếu qua điều tra cho thấy các đồ vật, tài liệu, thư, điện tín bị thu giữ hoặc tài khoản và đồ vật gửi bị phong tỏa thực sự không liên quan gì đến vụ án thì phải hủy bỏ việc thu giữ và phong tỏa trong thời hạn 3 ngày và hoàn trả đồ vật cho chính chủ hoặc cơ quan bưu chính viễn thông.

*** Giám định**

Khi có những vấn đề đặc biệt liên quan đến vụ án cần phải được giải quyết để làm rõ các tình tiết của vụ án, các chuyên gia có thể được chỉ định hoặc mời đến giám định.

Sau khi giám định, chuyên gia giám định phải viết bản kết luận giám định và ký tên vào đó. Việc tái giám định cần thiết do có những mâu thuẫn trong việc giám định y tế về thương tích cá nhân và giám định bệnh về tâm thần phải được tiến hành tại bệnh viện do chính quyền nhân dân cấp tỉnh chỉ định. Sau khi giám định, chuyên gia phải làm kết luận bằng văn bản có ký tên của mình và đóng dấu của bệnh viện.

Nếu chuyên gia cố tình giám định sai thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cơ quan điều tra phải thông báo cho nghi can và người bị hại biết kết luận giám định sẽ được sử dụng làm chứng cứ trong vụ án. Việc giám định bổ sung hoặc giám định lại có thể được tiến hành dựa trên yêu cầu của do nghi can hoặc người bị hại.

Thời gian kiểm tra tình trạng tâm thần của nghi can không được tính vào thời hạn giải quyết vụ án.

*** Thực nghiệm điều tra**

Để xác minh án, khi cần thiết, được sự phê chuẩn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên, có thể tiến hành thực nghiệm điều tra. Nhiệm vụ của thực nghiệm điều tra là:

- Xác định xem trong một điều kiện nhất định có khả năng nghe hoặc nhìn thấy hay không;
- Xác định xem trong một khoảng thời gian nhất định có thể hoàn thành một hành vi nào đó hay không;
- Xác định xem trong điều kiện nào thì có thể phát sinh một hiện tượng nào đó;
- Xác định xem trong một điều kiện nào đó, một hành vi nào đó và dấu tích nào đó có thể bị lẫn làm một;
- Xác định xem trong điều kiện nào đó, khả năng sử dụng vật gì đó hoặc không thể để lại dấu tích nào đó;
- Xác định dấu tích nào đó có thể bị biến dạng trong điều kiện như thế nào;
- Xác định xem một sự việc nào đó phát sinh như thế nào.

Tiến hành thực nghiệm điều tra, nghiêm cấm toàn bộ các hành vi gây hại, sỉ nhục người khác hoặc trái với đạo đức, luân lý.

Quá trình và kết quả của thực nghiệm điều tra, phải ra "*Biên bản thực nghiệm điều tra*" do điều tra viên tham gia thực nghiệm ký tên hoặc đóng dấu.

*** Nhận dạng**

Để xác minh án, khi cần thiết điều tra viên có thể yêu cầu người bị hại, bị can hoặc nhân chứng tiến hành nhận dạng vật phẩm, giấy tờ, thi thể, địa điểm hoặc bị can liên quan đến tội phạm.

Tiến hành nhận dạng bị can phải được thủ trưởng ban chuyên án phê chuẩn. Nhận dạng phải được tiến hành dưới sự giám đốc của điều tra viên. Điều tra viên giám đốc nhận dạng không được ít hơn 2 người.

Trước khi tổ chức nhận dạng, phải hỏi người nhận dạng tường tận các đặc trưng nhận dạng cụ thể của đối tượng, tránh để người nhận dạng nhìn thấy đối tượng bị nhận dạng.

Khi có nhiều người cùng tiến hành nhận dạng một đối tượng, phải tiến hành riêng biệt đối với từng người.

Khi nhận dạng, phải sắp xếp đối tượng bị nhận dạng giữa những đối tượng khác, không được để lại bất kỳ ám hiệu nào cho người nhận dạng. Khi nhận diện bị can, số người đưa ra để nhận dạng không được ít hơn 7 người; trường hợp nhận dạng bị can qua ảnh, không được ít hơn 10 tấm ảnh.

Đối với nhận dạng bị can, khi người nhận dạng không muốn tiến hành công khai, có thể tiến hành trong điều kiện không lộ diện người nhận dạng, điều tra viên chịu trách nhiệm giữ bí mật.

Quá trình và kết quả nhận dạng phải được lập thành "*Biên bản nhận dạng*", do nhân viên điều tra ký tên, người nhận dạng và người làm chứng ký tên hoặc đóng dấu.

Trường hợp nghi phạm phải bắt tạm giam đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra có thể phát lệnh truy nã, áp dụng các biện pháp có hiệu lực truy bắt về quy án.

Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên trong khu vực thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, có thể trực tiếp phát lệnh truy nã; trường hợp vượt khỏi khu

vực phạm vi thẩm quyền phải xin Cơ quan điều tra cấp trên có quyền quyết định phát lệnh truy nã.

Phạm vi phát lệnh truy nã do người phụ trách Cơ quan điều tra phát lệnh truy nã quyết định. Trong lệnh truy nã phải ghi rõ danh tính, biệt danh, tên thường gọi, tên giểu, giới tính, tuổi tác, dân tộc, quốc tịch, nơi sinh, nguyên quán, địa chỉ thường trú, nghề nghiệp, số chứng minh nhân dân, đặc điểm ăn mặc, ngoại hình của đối tượng bị truy nã đồng thời dán kèm ảnh chụp trong thời gian gần nhất của đối tượng, có thể đính kèm dấu vân tay và ảnh các vật chứng khác. Ngoài các nội dung cần bảo mật, phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát án và tóm lược tình hình vụ án.

Sau khi lệnh truy nã được phát đi, nếu phát hiện tình tiết mới quan trọng có thể làm thông báo bổ sung. Thông báo bổ sung phải ghi rõ số hiệu và ngày tháng của lệnh truy nã trước đó. Sau khi Cơ quan điều tra có liên quan nhận được lệnh truy nã, phải kịp thời bố trí điều tra truy bắt. Sau khi bắt được bị can, phải nhanh chóng thông báo lên cơ quan phát lệnh truy nã, đồng thời sau khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, thi hành bắt giam theo lệnh truy nã. Cơ quan phát lệnh truy nã trước đó phải lập tức tiến hành xác thực, đồng thời xử lý theo quy định của pháp luật. Nhằm ngăn chặn tội phạm vượt biên trốn thoát, trường hợp cần áp dụng các biện pháp khống chế biên tại các cửa khẩu biên phòng, phải ra "*Thông báo đối tượng khống chế biên*" theo quy định có liên quan, sau khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, trình lên Cơ quan điều tra cấp tỉnh phê chuẩn, làm thủ tục khống chế biên. Trường hợp cần áp dụng biện pháp khống chế biên trên phạm vi toàn quốc, phải trình lên Bộ Công an phê chuẩn.

Trường hợp cần khống chế quyền tự do cá nhân của bị can tại trạm kiểm tra biên phòng, phải đồng thời xuất trình các văn bản pháp luật có liên quan. Trong tình huống khẩn cấp, Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên có xuất công hàm, giao nộp trước cho đồn kiểm tra biên phòng sở tại, nhưng phải bổ sung thủ tục trong vòng 7 ngày.

Nhằm phát hiện manh mối tội phạm nghiêm trọng, truy thu tài sản, chứng cứ liên can vụ án, tìm bắt nghi phạm, khi cần thiết, được Cơ quan Công an cấp huyện trở lên phê chuẩn, có thể dán thông cáo treo thưởng. Thông cáo treo thưởng phải ghi rõ tình hình cơ bản của đối tượng treo thưởng và khoản tiền thưởng cụ thể. Lệnh truy nã, thông cáo treo thưởng có thể được phát rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: ti-vi, đài, báo, mạng Internet.

Sau khi xác thực bị can đã ra đầu thú, bị giết hoặc bị bắt, cơ quan phát lệnh truy nã phải đình lệnh truy nã, thông báo không biên, thông cáo treo thưởng trong phạm vi truy nã, thông báo và thông cáo trước đó. Truy nã bị can, bị cáo hoặc tội phạm vượt ngục trốn thoát, áp dụng quy định có liên quan tại phần này.

2.2.3.2. Các biện pháp điều tra trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

**** Khởi tố bị can***

Khởi tố bị can là việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố về hình sự một người khi có đủ căn cứ xác định người đó đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đến mức cần truy cứu trách nhiệm hình sự với họ. Khoản 1 Điều 126 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: "*Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can*".

Quyết định khởi tố bị can ghi rõ: thời gian, địa điểm ra quyết định; họ tên, chức vụ người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của bị can; bị can bị khởi tố về tội gì, theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự; thời gian, địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của tội phạm. Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội khác nhau thì trong quyết định khởi tố bị can phải ghi rõ từng tội danh và điều, khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng. Sau khi khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải chụp ảnh, lập danh chỉ bản của bị can và đưa vào hồ sơ vụ án.

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị

can đó cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn việc khởi tố. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và gửi ngay cho Cơ quan điều tra.

Trong trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi phạm tội chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can.

Sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra mà Viện kiểm sát phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố bị can. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra.

Cơ quan điều tra phải giao ngay quyết định khởi tố bị can của mình hoặc quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát và giải thích quyền, nghĩa vụ cho bị can quy định tại Điều 49 của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra phải giao ngay cho người đã bị khởi tố. Việc giao nhận các quyết định nói trên phải lập biên bản theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng hình sự.

**** Hỏi cung bị can***

Hỏi cung bị can là hoạt động điều tra do điều tra viên và kiểm sát viên (trong trường hợp cần thiết) tiến hành nhằm thu thập chứng cứ từ lời khai của bị can.

Sau khi có quyết định khởi tố bị can, điều tra viên có thể tiến hành hỏi cung bị can. Để cuộc hỏi cung bị can đạt kết quả cao, điều tra viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, vạch kế hoạch hỏi cung bị can, dự kiến những vấn đề cần hỏi, phương pháp, chiến thuật hỏi cung, thời gian, địa điểm hỏi cung.

Không được hỏi cung vào ban đêm, trong trường hợp không thể trì hoãn được thì có thể hỏi cung vào ban đêm nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Địa điểm hỏi cung thường là trụ sở Cơ quan điều tra. Trong trường hợp cần thiết có thể tiến hành hỏi cung bị can tại nơi ở của bị can.

Sau khi đã lập kế hoạch, điều tra viên gửi giấy triệu tập bị can. Giấy triệu tập bị can cần ghi rõ họ tên, chỗ ở của bị can, ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm có mặt, gặp ai và trách nhiệm về việc vắng mặt không có lý do chính đáng.

Bị can phải có mặt theo giấy triệu tập, trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc có biểu hiện trốn tránh thì Cơ quan điều tra ra quyết định áp giải bị can theo quy định tại Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Quyết định này phải được đọc cho bị can nghe trước khi áp giải.

Nếu bị can đang bị tạm giam, thì điều tra viên gửi ngay giấy triệu tập cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi bị can làm việc để giao lại cho bị can.

Khi nhận giấy triệu tập, bị can phải ký nhận, có ghi rõ ngày, giờ nhận. Nếu bị can không ký nhận thì phải lập biên bản về việc đó và gửi cho Cơ quan điều tra, nếu bị can vắng mặt, có thể giao giấy triệu tập cho một người đã thành niên trong gia đình. Khi triệu tập được bị can hoặc trích xuất bị can, đưa đến địa điểm hỏi cung thì điều tra viên tiến hành hỏi cung.

Trước khi hỏi cung, điều tra viên phải tiến hành kiểm tra, xác định xem có đúng bị can cần được xét hỏi không, đọc quyết định khởi tố bị can (nếu là lần hỏi cung đầu tiên) và giải thích cho bị can biết quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 49 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Việc này phải được ghi vào biên bản. Nếu cuộc hỏi cung có người phiên dịch, người bào chữa thì điều tra viên giải thích quyền và nghĩa vụ của họ rồi tiến hành hỏi cung.

Khi tiến hành hỏi cung, điều tra viên để cho bị can tự trình bày về những vấn đề liên quan (có thể trình bày bằng miệng hoặc viết lời khai). Khi bị can trình bày xong lời khai của mình, điều tra viên hỏi về những vấn đề bị

can trình bày chưa rõ, những vấn đề cần trình bày thêm và hỏi các câu hỏi theo dự kiến. Điều tra viên phải căn cứ vào diễn biến cuộc hỏi cung để điều chỉnh các câu hỏi theo dự kiến (kế hoạch) cho phù hợp. Khi tiến hành hỏi cung bị can, điều tra viên cũng cần lưu ý:

- Không được dùng các hình thức mớm cung, bức cung, dùng nhục hình khi tiến hành hỏi cung bị can. Điều tra viên bức cung hoặc dùng nhục hình đối với bị can có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 298 và Điều 299 Bộ luật hình sự;

- Nếu vụ án có nhiều bị can thì phải hỏi riêng từng bị can và không để họ tiếp xúc với nhau;

- Nếu bị can là người chưa thành niên, thì khi hỏi cung phải có mặt cha, mẹ hoặc người đỡ đầu, người bào chữa hoặc các thầy, cô giáo của bị can;

- Mỗi lần hỏi cung, điều tra viên phải lập biên bản hỏi cung. Ngoài những nội dung của một biên bản tố tụng nói chung (ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ người tiến hành hỏi cung, họ tên, tuổi, nghề nghiệp của bị can...), biên bản phải ghi đầy đủ lời trình bày của bị can, các câu hỏi và câu trả lời. Nghiêm cấm điều tra viên tự mình thêm, bớt hoặc sửa chữa lời khai của bị can.

Sau khi hỏi cung, điều tra viên đọc lại biên bản cho bị can nghe hoặc để bị can tự đọc, rồi điều tra viên cùng bị can ký vào biên bản. Trong trường hợp có sửa chữa, bổ sung vào biên bản thì điều tra viên và bị can cùng ký xác nhận. Nếu biên bản có nhiều trang thì điều tra viên và bị can phải ký vào từng trang của biên bản. Trong trường hợp bị can viết tự khai thì điều tra viên cùng bị can ký vào bản tự khai đó. Nếu hỏi cung có người phiên dịch, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị can thì những người này cũng phải cùng ký tên vào từng trang của biên bản.

Nếu việc hỏi cung được ghi âm thì sau khi hỏi cung, phải phát lại để bị can và điều tra viên cùng nghe. Biên bản phải ghi lại nội dung việc hỏi cung, bị can và điều tra viên cùng ký xác nhận.

Trong trường hợp cần thiết, kiểm sát viên có thể hỏi cung bị can. Việc hỏi cung bị can được tiến hành theo quy định chung như đối với trường hợp điều tra viên tiến hành hỏi cung bị can.

*** Lấy lời khai người làm chứng**

Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành qua các bước sau:

- Khi quyết định lấy lời khai người làm chứng, điều tra viên phải lập kế hoạch lấy lời khai. Trong kế hoạch phải dự kiến thời gian, địa điểm lấy lời khai, những vấn đề cần làm rõ khi lấy lời khai, những câu hỏi sẽ hỏi người làm chứng, phương pháp lấy lời khai;

- Thời gian lấy lời khai, không tiến hành vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản;

- Địa điểm lấy lời khai thông thường được tiến hành tại trụ sở Cơ quan điều tra. Trong trường hợp cần thiết có thể lấy lời khai ở nơi cư trú, nơi làm việc của người làm chứng (ví dụ: người làm chứng là người chưa thành niên; v.v...). Sau khi đã lập kế hoạch lấy lời khai, điều tra viên gửi giấy triệu tập người làm chứng. Giấy triệu tập phải ghi rõ họ tên, chỗ ở của người làm chứng, ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm có mặt, gặp ai và trách nhiệm về việc vắng mặt không có lý do chính đáng.

Trong trường hợp người làm chứng đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát triệu tập nhưng cố ý không đến mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc điều tra, truy tố thì cơ quan đã triệu tập người làm chứng có thể ra quyết định dẫn giải người làm chứng theo quy định tại Điều 134 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Khi người làm chứng có mặt tại địa điểm tiến hành lấy lời khai, điều tra viên phải kiểm tra căn cước của người làm chứng, giải thích quyền và nghĩa vụ của người làm chứng, sau đó xác minh mối quan hệ của người làm chứng với bị can, người bị hại... và những tình tiết khác về nhân thân người làm chứng.

Sau khi đã làm xong thủ tục ban đầu, điều tra viên để cho người làm chứng trình bày (bằng miệng hoặc viết) về những tình tiết mà họ biết về vụ án, sau đó điều tra viên đặt câu hỏi để người làm chứng trả lời. Các câu hỏi theo kế hoạch của điều tra viên có thể được điều chỉnh lại cho phù hợp. Khi tiến hành lấy lời khai người làm chứng, điều tra viên không được đặt những câu hỏi có tính chất gợi ý. Mỗi lần lấy lời khai người làm chứng đều phải lập biên bản. Biên bản lấy lời khai người làm chứng được lập giống như biên bản hỏi cung bị can.

Trong những vụ án có nhiều người làm nhân chứng, thì phải lấy lời khai riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau khi lấy lời khai. Nếu người làm chứng là người chưa đủ 16 tuổi thì phải mời cha mẹ, người đại diện hợp pháp khác của người làm chứng hoặc thầy, cô giáo của họ tham dự việc lấy lời khai. Trong trường hợp cần thiết, kiểm sát viên có thể triệu tập và lấy lời khai người làm chứng.

**** Lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***

Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, việc triệu tập, lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được tiến hành giống như việc lấy lời khai của người làm chứng.

**** Đối chất***

Trong trường hợp có sự mâu thuẫn trong lời khai giữa hai hay nhiều người thì Điều tra viên tiến hành đối chất.

Nếu có người làm chứng hoặc người bị hại tham gia đối chất thì trước tiên Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố tình khai báo gian dối. Việc này phải được ghi vào biên bản.

Khi bắt đầu đối chất, Điều tra viên hỏi về mối quan hệ giữa những người tham gia đối chất, sau đó hỏi họ về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Khi

đã nghe những lời khai trong đôi chất, Điều tra viên có thể hỏi thêm từng người. Điều tra viên cũng có thể để cho những người tham gia đôi chất hỏi lẫn nhau; câu hỏi và trả lời của những người này phải được ghi vào biên bản. Chỉ sau khi những người tham gia đôi chất đã khai xong mới được nhắc lại những lời khai lần trước của họ.

Biên bản đôi chất phải lập theo quy định tại các điều 95, 125 và 132 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*** Nhận dạng**

Khi cần thiết, Điều tra viên có thể mời người hoặc đưa vật, ảnh cho người làm chứng, người bị hại hoặc bị can nhận dạng. Điều tra viên phải hỏi trước người nhận dạng về những tình tiết, vết tích và đặc điểm mà nhờ đó họ có thể nhận dạng được.

Số người, vật hoặc ảnh đưa ra để nhận dạng ít nhất phải là ba và về bề ngoài phải tương tự giống nhau. Đối với việc nhận dạng tử thi thì không áp dụng nguyên tắc này. Trong trường hợp đặc biệt có thể cho xác nhận người qua tiếng nói.

Nếu người làm chứng hay người bị hại là người nhận dạng thì trước khi tiến hành, Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố ý khai báo gian dối. Việc giải thích đó phải được ghi vào biên bản.

Trong khi tiến hành nhận dạng, Điều tra viên không được đặt câu hỏi có tính chất gợi ý. Sau khi người nhận dạng đã xác nhận một người, một vật hay một ảnh trong số được đưa ra để nhận dạng thì Điều tra viên yêu cầu họ giải thích là họ đã căn cứ vào các vết tích hoặc đặc điểm gì mà xác nhận người, vật hay ảnh đó. Việc tiến hành nhận dạng phải có mặt người chứng kiến.

Biên bản nhận dạng phải được lập theo quy định tại các điều 95, 125 và 132 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong biên bản cần ghi rõ nhân thân của

người nhận dạng và của những người được đưa ra để nhận dạng; những đặc điểm của vật, ảnh được đưa ra để nhận dạng; các lời khai báo, trình bày của người nhận dạng.

*** Khám xét**

Khám xét là biện pháp điều tra nhằm tìm kiếm dấu vết tội phạm, vật chứng hoặc những đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Điều 140 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về căn cứ khám người, khám chỗ ở, làm việc, địa điểm như sau:

- Việc khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do tội phạm mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

- Khi có chứng cứ, tài liệu cho rằng tại chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người hiện người bị truy nã đang trốn, thì Cơ quan điều tra có thể khám chỗ ở, địa điểm.

- Khi có căn cứ, tài liệu cho rằng trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm có những đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra có thể khám thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, những người có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam thì cũng có quyền ra lệnh khám xét, cụ thể là những người sau đây có quyền ra lệnh khám xét:

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp;

- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp;

- Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử;

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Lệnh khám xét của những người này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Trong trường hợp không thể trì hoãn được theo khoản 2 Điều 141 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, thì những người có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp cũng có quyền ra lệnh khám xét, bao gồm:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;
- Người chỉ huy quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới.
- Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi khám xong, người ra lệnh khám xét phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp.

+ *Thủ tục khám người.* Khi bắt đầu khám người, phải đọc lệnh khám và đưa cho đương sự đọc lệnh khám đó; giải thích cho đương sự và những người có mặt biết quyền và nghĩa vụ của họ. Người tiến hành khám phải yêu cầu đương sự đưa ra những đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án, nếu đương sự từ chối thì tiến hành khám.

Khi khám người thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến.

Có thể tiến hành khám người mà không cần có lệnh trong trường hợp bắt người hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người đồ vật, tài liệu cần thu giữ.

+ *Thủ tục khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm.* Khi khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm phải có mặt người chủ hoặc người đã thành niên trong gia đình họ, có đại diện chính quyền xã, phường hoặc thị trấn và người láng giềng chứng kiến. Trong trường hợp đương sự và người trong gia đình họ cố tình

vắng mặt, bỏ trốn hoặc đi vắng lâu ngày mà việc khám xét không thể trì hoãn, thì phải có đại diện chính quyền và hai người láng giềng chứng kiến. Không được khám chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Khi khám chỗ làm việc của một người thì phải có mặt người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ vào biên bản. Việc khám chỗ ở, làm việc phải có đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến.

Trước khi khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, nếu có mặt của đương sự thì sau khi đọc lệnh, người thi hành lệnh yêu cầu đương sự đưa ra trong người những đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án, nếu đương sự từ chối không đưa ra thì tiến hành khám.

Trong quá trình khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, những người có mặt tại nơi khám xét không được tự ý rời khỏi nơi bị khám xét khi chưa được sự đồng ý của điều tra viên. Những người có mặt tại nơi khám xét không được liên hệ, trao đổi với nhau hoặc trao đổi với những người khác cho đến khi khám xong.

**** Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện***

Khi cần thiết phải thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện thì Cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành, trừ trường hợp không thể trì hoãn nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản và sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp biết.

Người thi hành lệnh phải thông báo cho người phụ trách cơ quan bưu điện hữu quan trước khi tiến hành thu giữ. Người phụ trách cơ quan bưu điện hữu quan phải giúp đỡ người thi hành lệnh thu giữ hoàn thành nhiệm vụ.

Khi thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, phải có đại diện của cơ quan bưu điện chứng kiến và ký xác nhận vào biên bản.

Cơ quan ra lệnh thu giữ phải thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ biết. Nếu thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, cơ quan ra lệnh thu giữ phải thông báo ngay.

**** Tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét***

Theo quy định tại Điều 145 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Khi khám xét, Điều tra viên được tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án. Đối với đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết phải niêm phong thì tiến hành trước mặt chủ đồ vật hoặc đại diện gia đình, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu khi tiến hành khám xét phải được lập biên bản. Biên bản tạm giữ được lập thành bốn bản: một bản giao cho người chủ đồ vật, tài liệu; một bản đưa vào hồ sơ vụ án; một bản gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và một bản giao cho cơ quan quản lý đồ vật, tài liệu bị tạm giữ.

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, đồ vật, tài liệu, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ, tạm giữ hoặc bị niêm phong phải được bảo quản nguyên vẹn. Người được giao bảo quản mà phá hủy, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại tài sản được giao bảo quản thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 310 Bộ luật hình sự

**** Kê biên tài sản***

Kê biên tài sản là biện pháp nhằm bảo đảm cho việc thi hành án về tịch thu tài sản, phạt tiền, bồi thường thiệt hại được thuận lợi.

Cơ quan có thẩm quyền chỉ được áp dụng biện pháp kê biên tài sản khi bị can, bị cáo bị truy cứu trách nhiệm về tội mà Bộ luật hình sự quy định mà có thể họ sẽ bị tịch thu tài sản hoặc phạt tiền, hoặc chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, những người có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam cũng có quyền ra lệnh

kê biên tài sản. Lệnh của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

Chỉ được kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Chỉ kê biên những tài sản có giá trị, không kê biên những tài sản cần thiết, tối thiểu cho cuộc sống và sản xuất hàng ngày của gia đình người bị kê biên.

Tài sản bị kê biên được giao cho chủ tài sản hoặc người thân thích của họ bảo quản. Trước khi tiến hành kê biên tài sản, người thi hành lệnh phải đọc lệnh, giải thích cho đương sự và những người có mặt biết quyền và nghĩa vụ của họ, sau đó tiến hành kê biên. Khi tiến hành kê biên tài sản, phải có mặt đương sự hoặc người đã thành niên trong gia đình, đại diện chính quyền xã, phường, hoặc thị trấn và người láng giềng chứng kiến.

Người tiến hành kê biên phải lập biên bản ghi rõ địa điểm, ngày, giờ, tháng, năm kê biên, họ tên, người kê biên, đương sự, đại diện chính quyền địa phương, người chứng kiến, tên và tình trạng từng tài sản bị kê biên... Biên bản được đọc cho đương sự và những người có mặt nghe và cùng ký tên. Những khiếu nại của đương sự được ghi vào biên bản, có chữ ký xác nhận của họ và của người tiến hành kê biên.

Biên bản được kê biên được lập thành ba bản: một bản giao ngay cho đương sự sau khi kê biên xong; một bản gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và một bản đưa vào hồ sơ vụ án. Khi xét thấy việc kê biên không còn cần thiết, thì người có thẩm quyền ra lệnh kê biên tài sản phải kịp thời ra quyết định hủy bỏ lệnh kê biên.

**** Khám nghiệm hiện trường***

Khám nghiệm hiện trường là biện pháp điều tra trực tiếp tại hiện trường nhằm phát hiện dấu vết tội phạm, vật chứng và những tài liệu khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án hình sự.

Khám nghiệm hiện trường có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự. Trong mọi trường hợp, trước khi tiến hành khám nghiệm, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường. Khi khám nghiệm, phải có người chứng kiến; có thể để cho bị can, người bị hại, người làm chứng và mời nhà chuyên môn tham dự việc khám nghiệm.

Khi khám nghiệm hiện trường, Điều tra viên tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ, mô tả hiện trường, đo đạc, dựng mô hình, thu lượm và xem xét tại chỗ dấu vết của tội phạm, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án; ghi rõ kết quả xem xét vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

Trong trường hợp không thể xem xét ngay được thì đồ vật và tài liệu thu giữ phải được bảo quản, giữ nguyên trạng hoặc niêm phong đưa về nơi tiến hành điều tra.

**** Khám nghiệm tử thi***

Biện pháp điều tra khám nghiệm tử thi được tiến hành trong những vụ án cần xác định nguyên nhân cái chết và xem xét, phát hiện những dấu vết trên tử thi. Khi khám nghiệm tử thi phải có bác sĩ pháp y tham gia và người chứng kiến. Trong trường hợp cần khai quật tử thi để khám nghiệm, thì phải có quyết định của Cơ quan điều tra và phải thông báo cho gia đình nạn nhân biết trước khi tiến hành. Trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập người giám định.

Việc khám nghiệm tử thi trong mọi trường hợp phải được thông báo trước cho Viện kiểm sát cùng cấp. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm tử thi. Khi khám nghiệm tử thi phải lập biên bản theo quy định tại Điều 95 và Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

**** Xem xét dấu vết trên thân thể***

Điều tra viên tiến hành xem xét thân thể người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng để phát hiện trên người họ dấu vết của tội

phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Trong trường hợp cần thiết thì Cơ quan điều tra trung cầu giám định pháp y.

Việc xem xét thân thể phải do người cùng giới tiến hành và phải có người cùng giới chứng kiến. Trong trường hợp cần thiết thì có bác sĩ tham gia. Không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm hoặc sức khỏe của người bị xem xét thân thể.

**** Thực nghiệm điều tra***

Để kiểm tra và xác minh những tài liệu, những tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án, Cơ quan điều tra có quyền thực nghiệm điều tra bằng cách cho dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc mọi tình tiết khác của một sự việc nhất định và tiến hành các hoạt động thực nghiệm cần thiết. Khi thấy cần, có thể đo đạc, chụp ảnh, ghi hình, vẽ sơ đồ.

Khi tiến hành thực nghiệm điều tra, phải có người chứng kiến. Trong trường hợp cần thiết, người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng cũng có thể tham gia. Không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những người tham gia việc thực nghiệm điều tra.

**** Trung cầu giám định***

Giám định không phải là hoạt động điều tra mà là một hoạt động chuyên môn của Giám định viên, nhằm đưa ra những kết luận chuyên môn về các vấn đề được trung cầu, giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác định các tình tiết của vụ án có liên quan. Các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định:

- Nguyên nhân chết người, tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động;

- Tình trạng tâm thần của bị can, bị cáo trong trường hợp có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ;

- Tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc người bị hại trong trường hợp có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức và khai báo đúng đắn đối với những tình tiết của vụ án;

- Tuổi của bị can, bị cáo, người bị hại, nếu việc đó có ý nghĩa đối với vụ án và không có tài liệu khẳng định tuổi của họ hoặc có sự nghi ngờ về tính thiếu chính xác của những tài liệu đó;

- Chất độc, chất ma túy, chất phóng xạ, tiền giả.

Trong quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ họ tên, chức vụ người quyết định trưng cầu giám định; họ, tên người được trưng cầu hoặc tên Cơ quan tiến hành giám định, các yêu cầu giám định cụ thể, tài liệu, đồ vật được gửi đến Cơ quan giám định để giám định; ghi rõ quyền và nghĩa vụ của người giám định theo quy định tại Điều 60 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Việc giám định có thể tiến hành tại Cơ quan giám định hoặc nơi tiến hành điều tra vụ án ngay sau khi có quyết định trưng cầu giám định, nhưng phải báo trước cho giám định viên biết. Trong khi giám định, người giám định có thể yêu cầu cung cấp thêm các mẫu cần giám định, cung cấp những tài liệu cần thiết, tham dự hỏi cung, lấy lời khai... để tạo điều kiện cần thiết cho việc kết luận. Điều tra viên phải tạo điều kiện cho người giám định làm tốt nhiệm vụ của mình.

Sau khi tiến hành giám định, giám định viên phải làm kết luận giám định. Nội dung kết luận giám định phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành giám định, họ, tên, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của người giám định; những người tham gia khi tiến hành giám định; những dấu vết, tài liệu, đồ vật và tất cả những gì đã được giám định, phương pháp được áp dụng để giải quyết các vấn đề được đặt ra.

Giám định viên chỉ được kết luận về chuyên môn chứ không được kết luận về nội dung vụ án (như bị can có tội hay không...). Để làm sáng tỏ hoặc bổ sung nội dung kết luận giám định, Cơ quan trưng cầu giám định có thể hỏi thêm người giám định về những tình tiết cần thiết và có thể quyết định giám

định lại hoặc giám định bổ sung. Nếu giám định lại, thì việc giám định lại phải được tiến hành bằng người hoặc nhóm người giám định khác.

2.2.3.3. So sánh về các biện pháp điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Qua những nội dung nêu trên chúng ta có thể thấy rằng: những biện pháp điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam đều có, nhưng Việt Nam, nhưng có một số biện pháp điều tra mà trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc không có. Nói chung, so với những quy định về biện pháp điều tra, loại hình biện pháp điều tra của Việt Nam nhiều hơn, nội dung quy định cụ thể hơn và hợp lý hơn, chủ yếu biểu hiện như sau:

Một là, trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam có biện pháp điều tra là khởi tố bị can sau khi có quyết định khởi tố vụ án, mà trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc thì không có biện pháp này. Ở Việt Nam, từ khi có quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khi có những căn cứ do luật định. Một người chưa bị khởi tố thì không bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn, trừ trường hợp người đó bắt người trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang. Quyết định khởi tố bị can phải qua Viện kiểm sát phê chuẩn xong mới làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bị can theo quy định tại Điều 49 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, mà Trung Quốc không có khâu này, từ khi khởi tố vụ án, Cơ quan điều tra thì có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với các nghi can, hoạt động có tính tùy ý, dễ xâm phạm quyền tự do thân thể của công dân là nghi can.

Hai là, trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam có biện pháp điều tra là *đổi chất*, nhưng trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc hiện nay thì không có. Theo đó, đổi chất là một biện pháp điều tra rất có hiệu quả đối với việc làm rõ sự thật của vụ án, ngày xưa ở Trung Quốc cũng thường dùng biện pháp điều tra này để làm sáng tỏ vụ án.

Ba là, những quy định về các biện pháp điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Việt Nam cụ thể hơn so với Trung Quốc. Ví dụ: Luật tố tụng hình sự Việt Nam có một số điều khoản quy định một cách rõ ràng và cụ thể về các biện pháp điều tra như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể; v.v... nhưng Luật tố tụng hình sự Trung Quốc chỉ quy định còn tương đối chung chung trong các biện pháp khám nghiệm, kiểm tra, mà vấn đề này chắc chắn là càng cụ thể càng tốt hơn.

Bốn là, so với Trung Quốc, khi tiến hành hoạt động điều tra của Việt Nam coi trọng và chú ý đến việc tôn trọng và bảo vệ quyền của con người hơn. Ví dụ: khi hỏi cung bị can, người bào chữa có thể cho phép có mặt, cấm hỏi cung bị can vào ban đêm, nhưng ở Trung Quốc không có những quy định tương ứng này.

2.3. CƠ CHẾ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

2.3.1. Cơ chế kiểm sát điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc

Theo quy định của Điều 3 Luật tố tụng hình sự Trung Quốc, cơ quan có thẩm quyền kiểm sát hoạt động điều tra là Viện kiểm sát. Quan hệ hiện hành giữa Viện kiểm sát và Cơ quan Công an của Trung Quốc được quy định bởi Hiến pháp và Bộ luật tố tụng hình sự, dựa trên trình tự hình sự là khởi tố vụ án điều tra đến thẩm tra truy tố, hình thành nên mối quan hệ tương hỗ giữa Cơ quan Công an và Viện kiểm sát. Theo quy định của pháp luật, nó trực tiếp biểu hiện ra dưới ba thang bậc. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quyền điều tra các án hình sự thuộc về phía Cơ quan Công an (trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng), Viện kiểm sát nắm quyền công tố và quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật nhất định, hai cơ quan hoàn toàn độc lập không phụ thuộc nhau, tuy nhiên "*phân công phụ trách, phối hợp tương hỗ, chế ước lẫn nhau*". Trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có thể thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra dưới đây:

Một là, giám sát sự khởi tố vụ án. Viện kiểm sát nhân dân cho rằng Cơ quan Công an không khởi tố vụ án điều tra đối với án cần khởi tố vụ án điều tra, hoặc người bị hại cho rằng Cơ quan Công an không khởi tố vụ án điều tra đối với án cần điều tra có quyền đệ lên Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân sẽ yêu cầu Cơ quan Công an làm sáng tỏ lý do không khởi tố vụ án. Viện kiểm sát nhân dân nhận thấy lý do không khởi tố vụ án của Cơ quan Công an là không có căn cứ sẽ gửi công văn yêu cầu Cơ quan Công an khởi tố vụ án, Cơ quan Công an sau khi nhận được công văn phải lập tức khởi tố vụ án.

Hai là, phê chuẩn lệnh bắt giam. Khi Cơ quan Công an yêu cầu bắt giam nghi phạm, phải đệ đơn xin lệnh bắt giam, kèm theo hồ sơ án, chứng cứ phạm tội, tất cả được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân đồng cấp thẩm cứu phê chuẩn. Trong trường hợp cần thiết, trọng án, Viện kiểm sát nhân dân có thể cử người đến làm việc trực tiếp với Cơ quan Công an. Sau khi tiến hành thẩm cứu đối với vụ án mà Cơ quan Công an xin lệnh bắt giam nghi phạm, Viện kiểm sát nhân dân căn cứ vào tình hình cụ thể mà phê chuẩn lệnh bắt giam hoặc không. Đối với lệnh bắt giam được phê chuẩn, Cơ quan Công an phải lập tức thi hành, đồng thời kịp thời báo cáo tiến trình thi hành án cho phía Viện kiểm sát. Còn đối với những lệnh bắt giam không được phê chuẩn, Cơ quan Công an phải lập tức thả người sau khi nhận được công văn, đồng thời báo cáo kịp thời tình hình thi hành cho Viện kiểm sát. Đối với lệnh bắt giam không được Viện kiểm sát phê chuẩn, nếu Cơ quan Công an cho rằng có sự nhầm lẫn, có thể đệ đơn kháng nghị lên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao hơn. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao sẽ lập tức tiến hành thẩm cứu, đưa ra quyết định cuối cùng và gửi thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới cũng như Cơ quan công an để thi hành.

Ba là, tính hợp pháp của hoạt động điều tra và thẩm tra. Điều 76 Luật tố tụng hình sự quy định:

Viện kiểm sát nhân dân trong công tác thẩm cứu phê chuẩn lệnh bắt giữ, nếu phát hiện hoạt động điều tra của Cơ quan Công

an có hành vi vi phạm pháp luật sẽ thông báo đến cơ quan công an để tiến hành điều chỉnh, Cơ quan Công an có nghĩa vụ báo cáo tình hình điều chỉnh lên Viện kiểm sát [4].

Trong giai đoạn thẩm tra truy tố, ban thẩm cứu truy tố của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình thẩm cứu truy tố, nếu phát hiện nhân viên điều tra có hành vi trái pháp luật trong thu thập lời khai từ nghi phạm, lời khai của người bị hại, lời làm chứng của nhân chứng sẽ đề nghị điều chỉnh, đồng thời yêu cầu Cơ quan điều tra cử điều tra viên khác tiến hành điều tra lại toàn bộ vụ án, trường hợp cần thiết viện kiểm sát có thể đứng ra tự tiến hành điều tra và tìm chứng cứ.

Bốn là, phát hồi lệnh điều tra bổ sung hoặc quyết định không truy tố. Những hồ sơ án mà Cơ quan Công an chuyển lên, Viện kiểm sát sau khi thẩm tra, nếu thấy hồ sơ không rõ ràng, chứng cứ chưa đủ, có thể hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan Công an tiếp tục điều tra, cũng có thể tự động tiến hành điều tra bổ sung; Nếu xét thấy không nhất thiết truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc tình tiết phạm tội nhẹ, không cần tuyên phạt hoặc có thể miễn trừ tội danh, Viện kiểm sát sẽ đưa ra quyết định không truy tố; Cơ quan Công an nếu thấy phán quyết của Viện kiểm sát chưa thỏa đáng có quyền yêu cầu phúc nghị, nếu ý kiến không được tiếp nhận có thể đệ đơn xin phúc thẩm lên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao hơn. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao hơn sẽ tiến hành phúc tra và gửi công văn thông báo kết quả đến đơn vị đệ đơn và Viện kiểm sát cấp dưới. Viện kiểm sát còn có quyền yêu cầu điều chỉnh đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra của Cơ quan Công an.

2.3.2. Cơ chế kiểm sát điều tra trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Theo quy định của Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Viện kiểm sát là cơ quan có thẩm quyền kiểm sát hoạt động điều tra. Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự chủ yếu thể hiện sự *phối hợp* và *ché ược*.

Một là, mối quan hệ phối hợp. Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xuất hiện từ khi Viện kiểm sát được thành lập năm 1960. Cho đến nay, đã có nhiều văn bản quy định về mối quan hệ này trong tổ tụng hình sự, đặc biệt là từ khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định tương đối những vấn đề cơ bản nhất về mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Bởi lẽ, sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là đòi hỏi tất yếu khách quan của thực tiễn. Do đó, sự phối hợp này cần được thực hiện trên cơ sở chủ động, tích cực của mỗi cơ quan, vì có như vậy mới bảo đảm và góp phần cho mỗi cơ quan hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình đã được pháp luật quy định.

Hai là, mối quan hệ chế ước. Trong hoạt động tố tụng hình sự cần thiết phải có sự chế ước lẫn nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Sự cần thiết của nó thể hiện ở - tính khó khăn phức tạp của hoạt động tố tụng hình sự; mặt khác, một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự đòi hỏi tôn trọng sự khách quan, toàn diện và đầy đủ. Bên cạnh đó, hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện bởi những con người cụ thể, chịu sự tác động của các nhân tố khách quan và chủ quan từ môi trường xã hội. Quan hệ chế ước giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không phải là quan hệ chấp hành và điều hành, những cũng không phải là quan hệ chế ước một chiều từ phía Viện kiểm sát đối với Cơ quan điều tra, mà cả hai cơ quan này đều có thể chế ước lẫn nhau trong hoạt động tố tụng hình sự ở một chừng mực nhất định.

Như vậy, Viện kiểm sát tham gia vào quá trình tố tụng với hai chức năng: kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố. Trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát kiểm sát các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, đảm bảo việc điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ. Bên cạnh đó, Viện kiểm sát phải phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra và đề ra biện pháp khắc phục kịp thời. Theo đó, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra; khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi điều tra viên theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; nếu hành vi của điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự;

- Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác; quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong trường hợp không phê chuẩn thì trong quyết định không phê chuẩn phải nêu rõ lý do;

- Hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can;

- Quyết định việc truy tố bị can; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Khi thực hiện công tác kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra;

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng;

- Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra;

- Yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp tài liệu cần thiết về vi

phạm pháp luật của Điều tra viên; yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý nghiêm minh điều tra viên đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra;

- Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát. Đối với những yêu cầu và quyết định quy định tại các điểm 4, 5 và 6 Điều 112 Bộ luật tố tụng hình sự, nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan đã kiến nghị.

2.3.3. So sánh cơ chế kiểm sát điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Từ những điều trên cho thấy, mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan Công an Việt Nam, Trung Quốc trong Luật tố tụng hình sự về mặt cơ cấu tổng thể có những nét tương đồng nhất định, Cơ quan Công an đóng vai trò là Cơ quan điều tra đầu não, Viện kiểm sát đóng vai trò là cơ quan giám chế pháp luật và cơ quan công tố; tuy nhiên trong mối quan hệ tương hỗ thì chúng vẫn có những sự khác biệt rõ rệt. Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam trong tố tụng hình sự ngoài chức năng tự truy tố, còn có chức năng giám sát và chỉ đạo cưỡng chế đối với hoạt động cũng như đội ngũ nhân viên của Cơ quan điều tra. Chủ yếu có mấy điểm khác biệt sau:

Một là, trong quá trình điều tra án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam thể hiện rõ vai trò chỉ đạo của quyền công tố đối với quyền điều tra, trong khi đó Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc không có quyền năng này. Như đã nói ở trên, Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam khi phát hiện có dấu hiệu phạm tội có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, đồng thời có thể căn cứ vào tình hình thực tế yêu cầu Cơ quan điều tra thay đổi tội danh và

nghi phạm nghi án bất cứ khi nào; nếu thấy cần thiết, có thể căn cứ theo quy định của Luật tố tụng hình sự trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra như: thẩm tra nghi phạm, hỏi nhân chứng, người bị hại, cùng với nguyên cáo, bị cáo trong tố tụng dân sự và người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan trong vụ án; có thể quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ lệnh bắt giữ, giam giữ và các biện pháp cưỡng chế khác đối với nghi phạm. Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc trong quá trình điều tra không có quyền hạn này đối với việc khởi tố vụ án điều tra của Cơ quan Công an.

Hai là, cũng trong quá trình điều tra hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam có thể trực tiếp tiến hành thẩm tra và giám sát đối với nhân viên, hoạt động và quyết định của Cơ quan điều tra. Viện kiểm sát có thể yêu cầu nhân viên điều tra rút lui; có quyền yêu cầu kỷ luật nhân viên điều tra vi phạm. Đối với các hoạt động điều tra, Viện kiểm sát đều có quyền cử người tại hiện trường. Nhiều hành vi điều tra và biện pháp cưỡng chế đều phải thông qua Viện kiểm sát phê chuẩn; Có quyền hủy bỏ quyết định vô căn cứ của Cơ quan điều tra. Hơn nữa sự chỉ đạo và giám sát này mang tính cưỡng chế pháp luật, Cơ quan điều tra phải tiếp nhận và thi hành. Trong khi quyền thẩm tra giám sát của Viện kiểm sát Trung Quốc ngoài giám sát khởi tố vụ án và phê chuẩn lệnh giam giữ phát sinh trong quá trình điều tra, những công việc khác được xem như một dạng thẩm tra giám sát sau sự việc, biểu hiện cụ thể của công tác này là lập biên bản thẩm tra kết quả hoạt động điều tra của Cơ quan Công an, cả những ý kiến hoặc các kiến nghị giám sát liên quan còn thiếu các biện pháp an ninh chặt chẽ.

Ba là, Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam trong giai đoạn điều tra còn có chức năng "trọng tài" nhất định. Người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra đưa ra tố cáo, buộc tội, Viện kiểm sát sẽ phụ trách thẩm tra, xử lý. Khi có bất đồng giữa các Cơ quan điều tra hoặc có bất đồng với Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát hàng hải, Viện kiểm sát có quyền quyết định do cơ quan nào được tiến hành điều tra. Trong khi Luật tố tụng hình sự

Trung Quốc trong giai đoạn điều tra xuất hiện bất đồng này sẽ do nội bộ hệ thống hợp tác giải quyết, Viện kiểm sát không có chức năng "trọng tài" này.

2.4. CÁC CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Trong Luật tố tụng hình sự, nhiều chế định có liên quan đến điều tra, phạm nội dung của luận án này sẽ chỉ nghiên cứu so sánh hai chế định tương đối quan trọng đối với điều tra: *một là*, các biện pháp ngăn chặn, *hai là*, chế định bào chữa trong giai đoạn điều tra.

2.4.1. Các biện pháp ngăn chặn

2.4.1.1. Các biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc

Các điều quy định của Chương 6 Phần I trong Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc đã nêu rõ các biện pháp điều tra như sau:

*** Áp giải**

Khi triệu tập bị can, bị can phải có mặt theo giấy triệu tập. Trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc có biểu hiện trốn tránh thì Cơ quan điều tra có thể ra quyết định áp giải. Cơ quan điều tra căn cứ vào tình hình vụ án có thể tiến hành áp giải đến một địa điểm được chỉ định trong thành phố, huyện nơi cơ quan này đang đóng ở đó để tiến hành thẩm vấn.

Thời gian áp giải thẩm vấn không được kéo dài quá 12 tiếng, không được biến tướng hình thức áp giải thẩm vấn liên tục thành tạm giữ bị can.

Trường hợp cần đổi sang biện pháp ngăn chặn khác đối với người bị áp giải, phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn trong thời hạn áp giải thẩm vấn; trường hợp không phê chuẩn phải lập tức kết thúc áp giải.

*** Bảo lĩnh hậu thẩm**

Bảo lĩnh hậu thẩm là một loại biện pháp ngăn chặn không cần giam giữ, có nghĩa là Tòa án, các Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an

lệnh cho một số nghi phạm hình sự, bị cáo hình sự trả tiền hoặc gửi người bảo lãnh, để đảm bảo tuân thủ quy định, đến trình diện ngay khi được triệu tập.

Cơ quan điều tra cho phép *bảo lãnh hậu thẩm* đối với bị can thuộc các trường hợp sau đây:

- Trường hợp có khả năng bị phạt quản chế, tạm giam tù hoặc áp dụng độc lập các hình phạt bổ sung;

- Trường hợp có khả năng bị phạt trên mức tù có thời hạn, áp dụng bảo lãnh hậu thẩm nhưng không phát sinh tính nguy hiểm đối với xã hội;

- Trường hợp bị can, bị tạm giam mắc bệnh nặng, hoặc là phụ nữ đang mang thai, hoặc đang thời kỳ nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

- Trường hợp bị can bị tạm giữ, chứng cứ chưa phù hợp với điều kiện bị tạm giam;

- Trường hợp sau khi đề nghị tạm giam, Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh tạm giam, yêu cầu phúc nghị, phúc thẩm;

- Trường hợp vụ án đã bắt giam bị can, nhưng không thể kết thúc vụ án trong thời hạn luật quy định, cần phải tiếp tục điều tra;

- Trường hợp sau khi chuyển hồ sơ truy tố, Viện kiểm sát quyết định không truy tố, yêu cầu phúc nghị, phúc thẩm.

Đối với tội phạm tái phạm, tội phạm chủ mưu của tập đoàn tội phạm, bị can mượn cơ ốm bệnh, tàn phế để trốn tránh sự điều tra, tội phạm xâm hại an ninh quốc gia, tội phạm bạo lực và các bị can phạm tội nghiêm trọng khác, không được bảo lãnh hậu thẩm.

Trường hợp bị can bị bắt giam và đại diện pháp nhân của bị can, nhân thân, người bào chữa cho bị can xin bảo lãnh hậu thẩm, phải có đơn đề xuất. Cơ quan điều tra sau khi nhận được đơn, trong vòng 7 ngày phải trả lời phúc đáp. Trường hợp đồng ý cho bảo lãnh hậu thẩm, phải hoàn tất các thủ tục bảo lãnh hậu

thẩm theo quy định pháp luật, trường hợp không đồng ý cho bảo lãnh hậu thẩm phải có văn bản thông báo đến người xin bảo lãnh đồng thời nêu rõ lý do.

Trường hợp Cơ quan điều tra ra quyết định bảo lãnh hậu thẩm đối với bị can, phải yêu cầu bị can đề xuất cá nhân nhận bảo lãnh hoặc nộp tiền bảo lãnh. Đối với một bị can, Cơ quan điều tra không được lệnh cho bị can ấy đồng thời đề xuất cả người bảo lãnh và nộp tiền bảo lãnh. Trường hợp bị can đủ điều kiện bảo lãnh hậu thẩm nhưng vừa không nộp tiền bảo lãnh vừa không có đảm bảo của cá nhân nhận bảo lãnh, có thể áp dụng giám sát cư trú.

Trường hợp áp dụng hình thức cá nhân nhận bảo lãnh, cá nhân nhận bảo lãnh phải có đủ các điều kiện dưới đây, đồng thời được sự xác nhận của Cơ quan điều tra: 1) Không liên can đến vụ án; 2) Có đủ năng lực thực thi nghĩa vụ bảo lãnh; 3) Có quyền lợi chính trị, lý lịch nhân thân tốt; 4) Có chỗ ở và thu nhập cố định.

Cá nhân nhận bảo lãnh phải thực hiện các nghĩa vụ dưới đây:

- Giám sát người được bảo lãnh tuân thủ quy định tại Điều 86 của Quy định của Cơ quan điều tra làm vụ án hình sự (cụ thể nêu sau).

- Phát hiện người được bảo lãnh có khả năng phát sinh hoặc đã phát sinh hành vi vi phạm quy định tại Điều 86 của Quy định của Cơ quan điều tra làm vụ án hình sự, phải kịp thời thông báo cho Cơ quan điều tra thi hành bảo lãnh hậu thẩm.

Cá nhân nhận bảo lãnh phải điền vào "*Giấy bảo lãnh*", đồng thời ký tên hoặc đóng dấu lên "*Giấy bảo lãnh*". Trường hợp người được bảo lãnh vi phạm quy định phải tuân thủ, người nhận bảo lãnh không kịp thời báo cáo, Cơ quan điều tra sau khi tiến hành điều tra xác thực, được thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, ra "*Quyết định xử phạt đối với người nhận bảo lãnh*", xử phạt tiền đối với người nhận bảo lãnh; trường hợp cấu thành tội phạm, phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Trường hợp bị can không vi phạm quy định có liên quan tại Điều 86 của quy định này trong suốt thời gian bảo lãnh hậu thẩm, hoặc thuộc một

trong những trường hợp quy định tại Điều 168 của quy định này, cùng với việc hủy bỏ bảo lãnh hậu thẩm, Cơ quan điều tra phải hoàn trả số tiền bảo lãnh cho bị can. Trường hợp quyết định hoàn trả tiền bảo lãnh, sau khi thẩm tra nghiêm ngặt phải xin Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, ký phát "*Quyết định hoàn trả tiền bảo lãnh*". Sau khi quyết định hoàn trả tiền bảo lãnh cho bị can, cùng với việc hủy bỏ bảo lãnh hậu thẩm, Cơ quan điều tra phải thông báo cho ngân hàng được chỉ định tiến hành hoàn trả số tiền bảo lãnh cho bị can, đồng thời do bị can ký tên (đóng dấu) đi kèm chỉ trên "*Quyết định hoàn trả tiền bảo lãnh*".

Điều 86 Quy định của Cơ quan điều tra xử lý vụ án hình sự quy định rằng, Cơ quan điều tra phải tuyên đọc những quy định mà bị can được bảo lãnh hậu thẩm phải tuân thủ dưới đây:

- Không được tự ý rời khỏi thành phố, huyện đang cư trú khi chưa được sự phê chuẩn của cơ quan chịu trách nhiệm thi hành;
- Phải đến trình diện ngay khi được triệu tập;
- Không được phép quấy rối người làm chứng dưới mọi hình thức;
- Không được phép tiêu hủy, làm giả chứng cứ hoặc câu kết tiêu hủy, làm giả chứng cứ.

Trường hợp Cơ quan điều tra ra quyết định bảo lãnh hậu thẩm, phải kịp thời thông báo cho phòng cảnh sát địa phương nơi bị can cư trú thi hành. Trường hợp Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định quyết định bảo lãnh hậu thẩm, phải xử lý theo từng trường hợp cụ thể: Trường hợp cá nhân nhận bảo lãnh, sau khi nhận được văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan, sau khi xác thực người được bảo lãnh hậu thẩm, Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên chịu trách nhiệm thi hành phải kịp thời chỉ định phòng cảnh sát nơi cư trú của bị can, bị cáo thi hành; trường hợp bảo lãnh tiền, sau khi nhận được văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan, Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên chịu trách nhiệm thi hành, phải kịp thời thông báo cho người

được bảo lãnh hậu thẩm tiến hành nộp tiền bảo lãnh, đồng thời chỉ định phòng cảnh sát nơi bị can, bị cáo cư trú thi hành.

Trường hợp người được bảo lãnh, người nhận bảo lãnh vi phạm các quy định phải tuân thủ, Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên ra quyết định tịch thu tiền bảo lãnh hoặc xử phạt tiền đối với người nhận bảo lãnh, đồng thời kịp thời thông báo tình hình thực thi lên cơ quan quyết định bảo lãnh hậu thẩm trước đó.

Đồn cảnh sát chịu trách nhiệm thi hành bảo lãnh hậu thẩm phải thực hiện các chức trách sau: 1) Giám sát, giáo dục bị can, bị cáo tuân thủ các quy định liên quan; 2) Giám sát cá nhân nhận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; 3) Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm các quy định phải tuân thủ và cá nhân nhận bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phải kịp thời báo cho Cơ quan điều tra ra quyết định; 4) 10 ngày trước khi hết hạn bảo lãnh hậu thẩm, phải thông báo cho cơ quan ra quyết định trước đó.

Thời hạn tối đa của bảo lãnh hậu thẩm không quá 12 tháng. Trường hợp cần hủy bỏ bảo lãnh hậu thẩm, do cơ quan quyết định trước đó ra quyết định đình bảo lãnh hậu thẩm, giấy thông báo, chuyển đến cơ quan chịu trách nhiệm thi hành. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành phải kịp thời thông báo cho người được bảo lãnh hậu thẩm và cá nhân nhận bảo lãnh biết.

*** *Giám sát cư trú***

Giám sát cư trú có nghĩa là Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các Cơ quan Công an tổ tụng hình sự ra lệnh cho các nghi can, bị cáo không được rời khỏi chỗ ở hoặc chỗ chỉ định cư trú trong thời hạn quy định, và theo dõi hành động của họ để hạn chế tự do cá nhân của họ.

Cơ quan điều tra có thể giám sát cư trú đối với bị can thuộc một trong những trường hợp dưới đây:

- Trường hợp có khả năng bị phạt quản chế, tạm giữ hoặc độc lập áp dụng các hình phạt bổ sung;

- Trường hợp có khả năng bị phạt trên mức tù có thời hạn, áp dụng bảo lãnh hậu thẩm, không phát sinh tính nguy hiểm đối với xã hội;

- Trường hợp bị can phải tạm giam mắc trọng bệnh, hoặc là phụ nữ đang mang thai, hoặc đang thời kỳ nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

- Trường hợp bị can bị tạm giữ, chứng cứ chưa phù hợp với điều kiện bị tạm giam;

- Trường hợp sau khi đề nghị tạm giam, Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh tạm giam, yêu cầu phúc nghị, phúc thẩm;

- Trường hợp vụ án đã bắt giam bị can, nhưng không thể kết thúc án trong thời hiệu luật quy định, cần phải tiếp tục điều tra;

- Trường hợp sau khi chuyển truy tố, Viện kiểm sát quyết định không truy tố, yêu cầu phúc nghị, phúc thẩm.

Cơ quan điều tra phải tuyên đọc những quy định mà bị can chịu giám sát cư trú phải tuân thủ dưới đây:

- Không được phép rời khỏi chỗ ở, chỗ ở không cố định thì chưa được cơ quan chịu trách nhiệm thi hành phê chuẩn, không được rời khỏi chỗ ở được chỉ định;

- Không được gặp gỡ những người khác ngoài những người cùng cư trú và luật sư bào chữa khi chưa được phê chuẩn;

- Phải đến trình diện ngay khi nhận được giấy triệu tập;

- Không được quấy rối người làm chứng dưới mọi hình thức;

- Không được tiêu hủy, làm giả chứng cứ hoặc câu kết tiêu hủy, làm giả chứng cứ.

Chỗ ở cố định là chỉ chỗ sinh sống hợp pháp của bị can trong thành phố, huyện có cơ quan thụ lý án đóng tại đó; chỗ ở được chỉ định là chỉ chỗ sinh sống do Cơ quan điều tra chỉ định cho bị can ở trong thành phố, huyện có cơ quan thụ lý án đóng tại đó.

Bị can bị giám sát cư trú vi phạm những quy định phải tuân thủ, thuộc một trong những trường hợp sau, Cơ quan điều tra phải xin lệnh bắt tạm giam: 1) Bỏ trốn trong thời gian giám sát cư trú; 2) Dùng biện pháp bạo lực, uy hiếp quấy rối người làm chứng; 3) Tiêu hủy, làm giả chứng cứ hoặc câu kết tiêu hủy, làm giả chứng cứ; 4) Trong thời gian chấp hành giám sát cư trú lại tiến hành hoạt động phạm tội; 5) Có các hành vi vi phạm quy định đã nêu trên, tình tiết nghiêm trọng.

Trường hợp người chịu giám sát cư trú nếu có lý do chính đáng cần rời khỏi nơi ở hoặc nơi cư ở chỉ định, đồn cảnh sát chịu trách nhiệm thi hành phải báo cáo và xin Cơ quan điều tra cấp huyện phê chuẩn. Trường hợp do Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân quyết định giám sát cư trú, trước khi Cơ quan điều tra đưa ra quyết định phải được sự đồng ý của cơ quan quyết định trước đó.

Trường hợp Cơ quan điều tra quyết định giám sát cư trú, do đồn cảnh sát địa phương nơi nghi phạm cư trú hoặc chỉ định cư trú chịu trách nhiệm thi hành.

Trong thời gian giám sát cư trú, Cơ quan điều tra không được phép gián đoạn điều tra, đối với bị can chịu sự giám sát cư trú, phải căn cứ theo diễn biến vụ án kịp thời hủy bỏ biện pháp giám sát cư trú hoặc đổi biện pháp ngăn chặn khác.

Thời hạn giám sát cư trú tối đa không quá 6 tháng. 10 ngày trước khi thời hiệu giám sát cư trú mãn hạn, cơ quan thi hành phải thông báo cho cơ quan ra quyết định trước đó.

Trường hợp cần hủy bỏ giám sát cư trú, phải được sự phê chuẩn của thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên, ký phát "*Quyết định hủy bỏ giám sát cư trú*". Hủy bỏ giám sát cư trú phải kịp thời thông báo cho cơ quan thi hành, người chịu giám sát cư trú và đơn vị có liên quan.

*** *Tạm giữ***

Cơ quan điều tra có thể tiến hành tạm giữ đối với người đang có hành vi phạm tội hoặc phần tử nghi can nghiêm trọng trong những trường hợp sau:

- Trường hợp đang chuẩn bị có hành vi phạm tội, đang thực hiện hành vi phạm tội hoặc bị phát giác ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội;
- Trường hợp người bị hại hoặc nhân chứng tận mắt chứng kiến tại hiện trường chỉ ra người phạm tội;
- Trường hợp phát hiện bằng chứng phạm tội trên người hoặc chỗ ở;
- Trường hợp có ý định tạt, bỏ trốn hoặc đang bỏ trốn sau khi phạm tội;
- Trường hợp có khả năng tiêu hủy, làm giả chứng cứ hoặc câu kết tiêu hủy, làm giả chứng cứ;
- Trường hợp không thành khẩn khai báo họ tên, nơi ở và lý lịch không rõ ràng;
- Trường hợp gây án liên hoàn, tái phạm nhiều lần, kết bè gây án.

Đối với người bị tạm giữ, Cơ quan Công an phải tiến hành thẩm vấn trong vòng 24 tiếng sau khi bắt giữ. Phát hiện trường hợp không cần tạm giữ, được sự phê chuẩn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên, ký phát "*Thông báo thả người*", trại tạm giam căn cứ vào thông báo thả người này phát cho người bị tạm giữ "*Giấy chứng nhận thả người*", đồng thời lập tức thả người.

Sau khi tạm giữ, trong vòng 24 tiếng phải ra thông báo tạm giữ, gửi cho nhân thân hoặc đơn vị người bị tạm giữ, nhưng nếu thuộc vào một trong những trường hợp liệt kê dưới đây, được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, có thể không cần gửi thông báo:

- Trường hợp bị can của cùng một vụ án có khả năng bỏ trốn, cất giấu, tiêu hủy hoặc làm giả chứng cứ;
- Trường hợp không thành khẩn khai báo họ tên thật, nơi ở và lý lịch không minh bạch;
- Trường hợp gây cản trở điều tra hoặc không có cách nào để thông báo khác.

Sau khi loại bỏ được các trường hợp nêu trên, phải lập tức thông báo cho gia đình hoặc đơn vị nơi người bị bắt giữ công tác của nó biết. Trường hợp không thông báo trong vòng 24 tiếng, phải chú thích rõ nguyên nhân trên giấy thông báo tạm giữ.

Đối với bị can bị tạm giữ, qua thẩm tra thấy cần thiết bắt tạm giam, trong vòng 3 ngày sau khi tạm giữ phải đệ lên viện kiểm sát nhân dân thẩm tra phê chuẩn. Trong trường hợp đặc biệt, được sự phê chuẩn của Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên, thời gian xin thẩm tra phê chuẩn lệnh tạm giam có thể kéo dài từ 1 đến 4 ngày.

Đối với những phần tử nghi can nghiêm trọng gây án liên hoàn, tái phạm nhiều lần, kết bè gây án, được Thủ trưởng Cơ quan Công an cấp huyện trở lên phê chuẩn, thời gian xin thẩm tra phê chuẩn có thể kéo dài 1 tháng.

Trường hợp bị can không thành khẩn khai báo tên họ, địa chỉ thường trú, lý lịch không minh bạch, trong 24 tiếng không thể điều tra rõ phải xin lệnh tạm giam, được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, thời hạn tạm giữ được tính từ ngày xác minh rõ lý lịch của bị can, nhưng không được gián đoạn quá trình điều tra đối với hành vi phạm tội của bị can.

Đối với trường hợp có bằng chứng chứng minh sự thật về bị can, cũng có thể xin phê chuẩn lệnh tạm giam dựa theo họ tên mà bị can đã khai báo.

Sau khi thẩm tra đối với bị can bị tạm giữ, căn cứ vào tình hình vụ án, được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, phân biệt đưa ra ương xử lý như sau: 1) Trường hợp cần tạm giam, trong thời hạn tạm giữ hoàn tất thủ tục xin phê chuẩn bắt tạm giam; 2) Trường hợp cần truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng không cần tạm giam, sau khi hoàn tất thủ tục bảo lãnh hậu thẩm hoặc giám sát cư trú, trực tiếp chuyển truy tố lên Viện kiểm sát nhân dân; 3) Trường hợp trong thời hạn tạm giữ vẫn chưa điều tra ra sự thật tội phạm, sau khi làm thủ tục bảo lãnh hậu thẩm hoặc giám sát cư trú, tiếp tục điều tra; 4) Thuộc vào một trong những trường hợp quy định tại Điều 168 của

Quy định Cơ quan điều tra xử lý vụ án hình sự, đình chỉ vụ án, thả người bị tạm giữ, cấp giấy chứng nhận thả người. Trường hợp cần xử phạt hành chính thì tiến hành xử lý theo luật.

*** Tạm giam**

Đối với bị can đã có chứng cứ xác minh sự thật phạm tội, có thể tuyên phạt hình phạt tù trở lên, trường hợp áp dụng biện pháp bảo lãnh hậu thẩm, giám sát cư trú; v.v... vẫn không chắc chắn được tránh phát sinh nguy hiểm đối với xã hội, cần tạm giam, nên lập tức xin phê chuẩn tạm giam. Đối với bị can cần tạm giam, nếu là bị can mắc bệnh hiểm nghèo, hoặc bị can là phụ nữ đang mang thai, đang trong thời kỳ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, có thể áp dụng biện pháp bảo lãnh hậu thẩm hoặc giám sát cư trú.

Có chứng cứ chứng minh sự thật phạm tội là chỉ những trường hợp dưới đây:

- Trường hợp có bằng chứng chứng minh đã phát sinh sự việc phạm tội;
- Trường hợp có bằng chứng chứng minh sự thật tội phạm là do bị can thực hiện;
- Trường hợp bằng chứng chứng minh bị can thực hiện hành vi phạm tội đã được xác minh là có thật.

Sự thật tội phạm có thể là một trong số những hành vi phạm tội mà bị can đã thực hiện.

Trường hợp cần xin phê chuẩn bắt giam bị can, phải được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, ra "*Đơn xin phê chuẩn bắt giam*", 1 bản gồm 3 tờ, cùng tài liệu và chứng cứ vụ án gửi lên Viện kiểm sát nhân dân đồng cấp để thẩm tra.

Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân không phê chuẩn lệnh bắt giam đồng thời có thông báo điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra phải căn cứ theo khung điều tra bổ sung của Viện kiểm sát để tiến hành điều tra bổ sung. Cơ

quan điều tra hoàn tất điều tra bổ sung, trường hợp thấy đủ điều kiện bắt giam, phải đệ đơn xin phê chuẩn bắt giam lần 2.

Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân không phê chuẩn bắt giam mà không nêu rõ lý do, Cơ quan điều tra có thể yêu cầu viện kiểm sát nêu rõ lý do.

Đối với trường hợp Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn bắt tạm giam, Cơ quan điều tra sau khi nhận được quyết định không phê chuẩn bắt tạm giam, nếu bị can đã bị tạm giữ, phải lập tức trả tự do, cấp "*Chúng nhận thả người*", đồng thời trong vòng 3 ngày chuyển biên bản thực thi lên viện kiểm sát nhân dân ra quyết định không phê chuẩn bắt tạm giam. Đối với bị can đã bị tạm giữ nhưng không phê chuẩn tạm giam, trường hợp Cơ quan điều tra thấy cần thiết phải điều tra bổ sung, yêu cầu phúc nghị hoặc xin phúc thẩm, có thể chuyển sang bảo lãnh hậu thẩm hoặc giám sát cư trú.

Đối với trường hợp Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định không phê chuẩn bắt tạm giam, nếu cho rằng có sai sót cần xét lại, trong vòng 5 ngày phải đệ "*Đơn yêu cầu phúc nghị*" lên Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên xin phê chuẩn, sau đó gửi lên Viện kiểm sát đồng cấp xem xét. Nếu kiến nghị không được chấp nhận, trường hợp thấy cần phúc thẩm, trong vòng 5 ngày phải ra "*Đơn xin phúc thẩm*" sau khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, kèm theo "*Quyết định phúc nghị*" của Viện kiểm sát nhân dân, gửi toàn bộ lên Viện kiểm sát nhân dân cấp trên gần nhất xin phúc thẩm.

Khi thi hành bắt tạm giam, phải xuất trình "*Lệnh tạm giam*" trước người bị tạm giam, đồng thời lệnh cho người bị tạm giam ký tên (đóng dấu), điểm chỉ trên lệnh, trường hợp người bị tạm giam từ chối ký tên (đóng dấu), điểm chỉ phải chú thích rõ. Điều tra viên thi hành bắt tạm giam không được ít hơn 2 người.

Đối với người bị tạm giam, phải tiến hành thẩm vấn trong vòng 24 tiếng sau khi tạm giam, trường hợp phát hiện không cần thiết tạm giam, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, ký phát "*Thông báo thả người*".

Trại tạm giam chiếu theo "*Thông báo thả người*" cấp cho người bị tạm giam "*Chứng nhận thả người*", lập tức thả người, đồng thời tường trình rõ lý do thả người bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn tạm giam trước đó.

Sau khi thi hành tạm giam đối với bị can, trong vòng 24 tiếng phải ra "*Thông báo tạm giam*", chuyển cho gia đình hoặc đơn vị của người bị tạm giam, nhưng nếu thuộc một trong những trường hợp liệt kê dưới đây, được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, có thể không thông báo:

- Trường hợp bị can cùng một vụ án có khả năng bỏ trốn, cất giấu, tiêu hủy hoặc làm giả chứng cứ;

- Trường hợp không thành khẩn khai báo tên họ thật, địa chỉ, lý lịch không minh bạch;

- Trường hợp gây cản trở điều tra hoặc không có cách nào thông báo.

Thời hạn giam giữ sau khi bắt tạm giam bị cáo không quá 2 tháng. Vụ án phức tạp, vụ án không kết thúc khi hết thời hiệu, phải ra "*Kiến nghị xin phê chuẩn gia hạn tạm giam*", sau khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, 7 ngày trước khi mãn hạn phải chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân đồng cấp để đệ lên Viện kiểm sát nhân dân cấp trên gần nhất xin phê chuẩn gia hạn 1 tháng.

Trường hợp những vụ án vẫn không thể kết thúc điều tra trong thời hiệu đã nêu trên, mà quy định được liệt kê dưới đây, phải ra "*Đơn xin phê chuẩn gia hạn tạm giam*", Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, 7 ngày trước khi hết hạn phải chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân đồng cấp báo Viện kiểm sát cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc phê chuẩn, gia hạn 2 tháng: 1) Vụ án lớn phức tạp vùng biên giao thông đi lại vô cùng khó khăn; 2) Vụ án tập đoàn tội phạm lớn; 3) Vụ án lớn, phức tạp gây án liên hoàn; 4) Vụ án lớn phức tạp phạm vi liên can rộng, khó lấy chứng cứ.

Bị can có khả năng bị tuyên án hình phạt tù có thời hạn trên 10 năm, Căn cứ theo điều trên, trường hợp hết gia hạn mà vẫn không thể kết thúc điều

tra, phải ra "*Thư kiến nghị xin phê chuẩn gia hạn tạm giam*" được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn, 7 ngày trước khi hết thời hiệu gia hạn phải chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân đồng cấp báo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc phê chuẩn, xin gia hạn tiếp 2 tháng.

Trường hợp phát hiện bị can có hành vi phạm tội nghiêm trọng khác nữa trong thời gian điều tra, trong vòng 5 ngày kể từ ngày có phát hiện phải báo lên Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên xin phê chuẩn, sau khi được phê chuẩn, tiến hành tính toán lại thời hạn tạm giam để điều tra, ra "Thông báo tính lại thời hạn tạm giam", chuyển cho trại tạm giam, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn bắt tạm giam trước đó dự trừ án.

Trường hợp bị can không thành khẩn khai báo danh tính, địa chỉ thật, lý lịch không minh bạch, Thời hiệu tạm giam điều tra tính bắt đầu từ ngày xác minh rõ lý lịch, nhưng không được gián đoạn điều tra tìm chứng cứ đối với hành vi phạm tội của bị can. Trường hợp sự thật tội phạm rõ ràng, chứng cứ xác thực, đầy đủ, có thể chuyển khởi tố lên Viện kiểm sát nhân dân theo danh tính mà bị can tự khai báo.

2.4.1.2. Các biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

Biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam bao gồm:

**** Bắt người***

- *Bắt bị can, bị cáo để tạm giam.* Những người sau đây có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam: a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp; b) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp; c) Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử; d) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Lệnh bắt phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ của người ra lệnh; họ tên, địa chỉ của người bị bắt và lý do bắt. Lệnh bắt phải có chữ ký của người ra lệnh và có đóng dấu. Người thi hành lệnh phải đọc lệnh, giải thích lệnh, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng của người bị bắt chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt người.

Không được bắt người vào ban đêm, trừ trường hợp bắt khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Bắt người trong trường hợp khẩn cấp.* Trong những trường hợp sau đây thì được bắt khẩn cấp: a) Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; b) Khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; c) Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Những người sau đây có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; b) Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; c) Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

Nội dung lệnh bắt và việc thi hành lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 80 của Bộ luật tố tụng

hình sự. Trong mọi trường hợp, việc bắt khẩn cấp phải được báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn. Viện kiểm sát phải kiểm sát chặt chẽ căn cứ bắt khẩn cấp quy định tại Điều này. Trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát phải trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt trước khi xem xét, quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn.

Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn và tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Nếu Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn thì người đã ra lệnh bắt phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

- *Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.* Đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt, cũng như người đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản và giải ngay người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Khi bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt.

Sau khi bắt hoặc nhận người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 24 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt.

Còn đối với người bị truy nã thì sau khi lấy lời khai, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy nã để đến nhận người bị bắt.

Sau khi nhận người bị bắt, cơ quan đã ra quyết định truy nã phải ra ngay quyết định đình nã. Trong trường hợp xét thấy cơ quan đã ra quyết định truy nã không thể đến nhận ngay người bị bắt thì sau khi lấy lời khai, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải ra ngay quyết định tạm giữ và thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy nã biết.

Sau khi nhận được thông báo, cơ quan đã ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam đã được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn cho Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Sau khi nhận được lệnh tạm giam, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt có trách nhiệm giải ngay người đó đến trại tạm giam nơi gần nhất.

Người thi hành lệnh bắt trong mọi trường hợp đều phải lập biên bản. Biên bản phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm bắt, nơi lập biên bản; những việc đã làm, tình hình diễn biến trong khi thi hành lệnh bắt, những đồ vật, tài liệu bị tạm giữ và những khiếu nại của người bị bắt. Biên bản phải được đọc cho người bị bắt và những người chứng kiến nghe. Người bị bắt, người thi hành lệnh bắt và người chứng kiến phải cùng ký tên vào biên bản, nếu ai có ý kiến khác hoặc không đồng ý với nội dung biên bản thì có quyền ghi vào biên bản và ký tên. Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu của người bị bắt phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Khi giao và nhận người bị bắt, hai bên giao và nhận phải lập biên bản. Ngoài ra, biên bản giao nhận còn phải ghi rõ việc bàn giao các biên bản lấy lời khai, đồ vật, tài liệu đã thu thập được, tình trạng sức khỏe của người bị bắt và mọi tình tiết xảy ra lúc giao nhận.

Người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay cho gia đình người đã bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú hoặc làm việc biết. Nếu thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay.

*** Tạm giữ**

Tạm giữ có thể được áp dụng đối với những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã.

Những người có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Bộ luật tố tụng hình sự, Chỉ huy trưởng vùng Cảnh sát biển có quyền ra quyết định tạm giữ.

Người thi hành quyết định tạm giữ phải giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

Quyết định tạm giữ phải ghi rõ lý do tạm giữ, ngày hết hạn tạm giữ và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

Thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày, kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Trong trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ, nhưng không quá ba ngày. Trong trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá ba ngày. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn; trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị gia hạn và tài liệu liên quan đến việc gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Trong khi tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Thời gian tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam. Một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam.

*** Tạm giam**

Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp sau đây: a) Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng; b) Bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn

cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp sau đây: a) Bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; b) Bị can, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử; c) Bị can, bị cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Những người có thẩm quyền ra lệnh bắt được quy định tại Điều 80 của Bộ luật tố tụng hình sự có quyền ra lệnh tạm giam. Lệnh tạm giam của những người được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 80 của Bộ luật tố tụng hình sự phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn.

Cơ quan ra lệnh tạm giam phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam và cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam cư trú hoặc làm việc biết.

*** *Cấm đi khỏi nơi cư trú***

Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án.

Những người quy định tại khoản 1 Điều 80 của Bộ luật tố tụng hình sự, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị can, bị cáo phải làm giấy cam đoan không đi khỏi nơi cư trú của mình, phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy triệu tập.

Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú và giao bị can, bị cáo cho chính quyền xã, phường, thị trấn để quản lý, theo dõi họ. Trong trường hợp bị can, bị cáo có lý do chính đáng phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú và phải có giấy phép của cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn đó.

Bị can, bị cáo vi phạm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

*** *Bảo lĩnh***

Bảo lĩnh là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lĩnh.

Cá nhân có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người thân thích của họ. Trong trường hợp này thì ít nhất phải có hai người. Tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là thành viên của tổ chức của mình. Khi nhận bảo lĩnh, cá nhân hoặc tổ chức phải làm giấy cam đoan không để bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án. Khi làm giấy cam đoan, cá nhân hoặc tổ chức nhận bảo lĩnh được thông báo về những tình tiết của vụ án có liên quan đến việc nhận bảo lĩnh.

Những người quy định tại khoản 1 Điều 80 của Bộ luật tố tụng hình sự, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định về việc bảo lãnh.

Cá nhân nhận bảo lãnh cho bị can, bị cáo phải là người có tư cách, phẩm chất tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Việc bảo lãnh phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc. Đối với tổ chức nhận bảo lãnh thì việc bảo lãnh phải có xác nhận của người đứng đầu tổ chức.

Cá nhân hoặc tổ chức nhận bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ đã cam đoan và trong trường hợp này bị can, bị cáo được nhận bảo lãnh sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

*** *Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm***

Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình trạng tài sản của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập.

Những người quy định tại khoản 1 Điều 80 của Bộ luật tố tụng hình sự, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Quyết định của những người quy định tại điểm d khoản 1 Điều 80 của Bộ luật tố tụng hình sự phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Cơ quan ra quyết định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm phải lập biên bản ghi rõ số lượng tiền, tên và tình trạng tài sản đã được đặt và giao cho bị can hoặc bị cáo một bản.

Trong trường hợp bị can, bị cáo đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án triệu tập mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì số tiền hoặc

tài sản đã đặt sẽ bị sung quỹ Nhà nước và trong trường hợp này bị can, bị cáo sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Trong trường hợp bị can, bị cáo chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam đoan thì cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm trả lại cho họ số tiền hoặc tài sản đã đặt.

Trình tự, thủ tục, mức tiền hoặc giá trị tài sản phải đặt để bảo đảm, việc tạm giữ, hoàn trả, không hoàn trả số tiền hoặc tài sản đã đặt được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.4.1.3. So sánh các biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Đối chiếu những nội dung nêu trên, chúng ta cơ thể nhận thấy các biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng và khác biệt.

Về biện pháp ngăn chặn cơ bản, Trung Quốc và Việt Nam đều có tạm giữ, tạm giam, nội dung bảo lãnh hậu thẩm trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc cũng đã bao gồm những biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc, áp giải là thuộc một loại biện pháp ngăn chặn, mà trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam, áp giải chỉ là một trong những hoạt động điều tra, nhưng xét vào nội dung thì về cơ bản hơi giống nhau.

Khác biệt về hình thức và nội dung của biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự thì rất rõ ràng. Cụ thể, về mặt hình thức, hai nước có những khác biệt như sau:

Một là, những quy định về biện pháp ngăn chặn trong Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc theo thứ tự từ nhẹ đến nặng, mà ở Việt Nam không sắp xếp như vậy, ở một góc độ nào đó chỉ chia ra thành các biện pháp ngăn chặn có tính chất hạn chế tự do và không hạn chế tự do.

Hai là, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam phân biệt biện pháp ngăn chặn bắt và tạm giữ, tạm giam, mà Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc thì không coi biện pháp bắt là một loại biện pháp ngăn chặn riêng, vì biện pháp bắt liên kết chặt chẽ với biện pháp tạm giữ và tạm giam, thông thường thực hiện đồng thời, cho nên các thủ tục bắt đều quy định vào biện pháp tạm giữ và tạm giam.

Ba là, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam phân biệt quy định những biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm một cách cụ thể, trong khi đó, Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc chỉ quy định biện pháp bảo lãnh hậu thẩm chung, không cụ thể và rõ ràng như Việt Nam.

Trong khi đó, về mặt *nội dung*, hai nước cũng có một số điểm khác biệt như sau.

Thứ nhất, Trung Quốc có một biện pháp ngăn chặn là giám sát chỗ cư trú, đây là một biện pháp hạn chế tự do rất là nghiêm khắc, hoàn toàn khác với cấm đi khỏi nơi cư trú của Việt Nam, bởi vì người bị giám sát cư trú không được đi khỏi chỗ cư trú, phạm vi có thể cho người này hoạt động chỉ có chỗ ở thôi, vậy thì như đã bị giữ, nhưng không bị giữ ở trại giam thôi.

Thứ hai, trong biện pháp tạm giữ của Việt Nam, kể từ khi ra quyết định tạm giữ, trong thời hạn 12 giờ, quyết định tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát kiểm sát việc tạm giữ. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Thời hạn tạm giữ tối đa là không quá 9 ngày, khi hết thời hạn tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì người đã ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Thời hạn tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam nếu sau khi bị tạm giữ, người bị tạm giữ đã bị khởi tố bị can và bị tạm giam. Một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam. Nhưng ở Trung Quốc, Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ không

cần Viện kiểm sát phê chuẩn, cũng không cần thông báo cho Viện kiểm sát, Viện kiểm sát không có quyền hủy bỏ quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra. Thời hạn tạm giữ tối đa ở Trung Quốc là 37 ngày. Thời hạn tạm giữ không được trừ vào thời hạn tạm giam nếu sau khi bị tạm giữ, người bị tạm giữ đã bị khởi tố bị can và bị tạm giam.

Thứ ba, trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam, biện pháp ngăn chặn tạm giam thường được áp dụng trong trường hợp bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Trường hợp bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng thì phải là Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên 2 năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội mới được thực hành tạm giam. Cơ quan điều tra quyết định tạm giam phải xin Viện kiểm sát phê chuẩn. Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam của những người này trong thời hạn không quá 3 ngày. Trung Quốc quy định trường hợp bị can, bị cáo phạm tội do Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù có hạn trở lên thì có thể ra quyết định tạm giam rồi. Thời hạn viện kiểm sát quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra là 7 ngày.

Thứ tư, trong một số trường hợp nhất định, ở Việt Nam, chỉ cần bị can, bị cáo viết một tờ giấy cam đoan không đi khỏi nơi cư trú của mình, phải có mặt đúng thời gian, địa điểm theo giấy triệu tập, thì những người có thẩm quyền bắt bị can, bị cáo để tạm giam và thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có thể ra quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú; trong khi đó, ở Trung Quốc thì phải đặt tiền hoặc có người nhận bảo lãnh. Ở Việt Nam, *tổ chức* có thể nhận bảo lãnh cho bị can, bị cáo, còn ở Trung Quốc, chỉ có cá nhân có thể nhận bảo lãnh cho bị can, bị cáo. Quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Ở Việt Nam, những người có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam và Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền quyết

định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành, nhưng ở Trung Quốc, quyết định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm của Cơ quan điều tra không cần chịu sự phê chuẩn của Viện kiểm sát.

2.4.2. Vai trò của người bào chữa trong giai đoạn điều tra

2.4.2.1. Ở Trung Quốc

Người bào chữa là người tham gia tố tụng để đưa ra những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và giúp đỡ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Theo quy định của Điều 96 Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc, Cơ quan điều tra phải bảo đảm hoạt động hành nghề của luật sư (người bào chữa) theo quy định của pháp luật, bảo đảm trong giai đoạn điều tra, luật sư (người bào chữa) có thể tiến hành những nghiệp vụ theo luật như sau:

- Thông qua Cơ quan điều tra tìm hiểu tội danh nghi can của bị can;
- Gặp bị can, tìm hiểu tình hình vụ án thông qua bị can;
- Tư vấn pháp luật, đại diện kháng cáo và khiếu nại tố cáo;
- Xin bảo lãnh hậu thẩm cho bị can bị tạm giam.

Sau khi tiến hành thẩm vấn bị can lần thứ nhất theo luật hoặc kể từ ngày áp dụng biện pháp ngăn chặn, Cơ quan điều tra phải giải thích cho bị can về quyền được mời người bào chữa làm trợ giúp pháp luật, đại diện kháng cáo và khiếu nại tố cáo, đồng thời ghi hồ sơ án.

Đối với những án liên quan đến bí mật nhà nước, Cơ quan điều tra phải giải thích cho bị can biết muốn mời người bào chữa phải được Cơ quan điều tra phê chuẩn.

Vụ án liên quan đến bí mật nhà nước, là chỉ những vụ án có tình tiết hoặc toàn bộ vụ án mang tính chất liên quan đến bí mật nhà nước, không thể

coi sự cần thiết giữ bí mật cho tài liệu và ý kiến xử lý liên quan trong quá trình điều tra vụ án hình sự là án liên quan đến bí mật nhà nước.

Bị can có thể tự đứng ra mời người bào chữa, nhân thân của bị can cũng có thể đại diện đứng ra mời người bào chữa.

Bị can có thể đề xuất yêu cầu mời người bào chữa bằng văn bản hoặc bằng miệng. Trường hợp đề xuất bằng miệng, Cơ quan điều tra phải ghi lại thành biên bản và do bị can ký tên (đóng dấu), điểm chỉ.

Trường hợp bị can đang bị giam giữ đề xuất yêu cầu mời người bào chữa, trại tạm giam phải kịp thời chuyển yêu cầu này cho Cơ quan điều tra xử lý vụ án, Cơ quan điều tra phải kịp thời chuyển đến nhân viên được ủy thác của trại hoặc Văn phòng luật sư của trại. Bị can đề xuất yêu cầu mời người bào chữa, nhưng không chỉ rõ đối tượng cụ thể, Cơ quan điều tra phải kịp thời thông báo đến hội luật gia (đoàn luật sư) sở tại hoặc cơ quan hành chính tư pháp để giới thiệu người bào chữa cho bị can.

Bị can của cùng một vụ án không được phép mời cùng một người bào chữa. Đối với những vụ án liên quan đến bí mật nhà nước, trường hợp bị can hoặc nhân thân của bị can đề xuất yêu cầu mời người bào chữa, trong vòng 3 ngày sau khi nhận được yêu cầu, Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phải quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn, đồng thời gửi thông báo đến bị can hoặc nhân thân bị can.

Cơ quan điều tra phát hiện vụ án có liên quan đến bí mật nhà nước, trường hợp bị can đã mời được người bào chữa, phải kịp thời thông báo cho bị can biết người bào chữa đã được mời không được phép tham gia vào hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra. Trường hợp nghi phạm vẫn kiên quyết mời người bào chữa đó, phải được Cơ quan điều tra phê chuẩn.

Đối với án không liên quan đến bí mật nhà nước, người bào chữa gặp mặt bị can không cần sự phê chuẩn của Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra

không nên coi việc cần thiết giữ bí mật của quá trình điều tra như án liên quan đến bí mật nhà nước mà không phê chuẩn.

Đối với những án liên quan đến bí mật nhà nước, người bào chữa muốn gặp mặt bị can phải điền vào "*Đơn xin gặp mặt bị can*" và được Cơ quan điều tra cấp huyện trở lên phê chuẩn. Trường hợp Cơ quan điều tra không phê chuẩn đơn xin gặp mặt, phải nêu rõ lý do cho người bào chữa biết.

Trường hợp người bào chữa đề xuất được gặp mặt bị can, trong vòng 48 tiếng, Cơ quan điều tra phải bố trí cuộc gặp; đối với những án đồng phạm phức tạp nghiêm trọng như: tổ chức, lãnh đạo, thành viên băng đảng tội phạm xã hội đen, tổ chức, lãnh đạo, thành viên các tổ chức tội phạm hoạt động khủng bố hoặc tội phạm buôn lậu, buôn bán độc phẩm, tội phạm tham ô tham nhũng; v.v..., trường hợp người bào chữa đề xuất được gặp mặt bị can, trong vòng 5 ngày phải bố trí cuộc gặp.

Trường hợp người bào chữa gặp mặt bị can đang bị tạm giam có nhân viên phiên dịch đi cùng, phải được Cơ quan điều tra phê chuẩn. Khi người bào chữa gặp mặt bị can đang bị tạm giam, căn cứ vào tình hình và yêu cầu của vụ án, Cơ quan điều tra có thể cử người giám sát tại hiện trường gặp mặt.

Người bào chữa gặp mặt bị can đang bị tạm giam, Cơ quan điều tra phải kiểm tra thẻ luật sư, thư giới thiệu của sở vụ luật sư, thư mời, giấy thông báo gặp mặt của Cơ quan điều tra và giấy chứng nhận cho phép nhân viên phiên dịch tham gia gặp mặt. Đối với vụ án liên quan đến bí mật nhà nước, còn phải kiểm tra "*Quyết định phê chuẩn gặp mặt bị can*" do Cơ quan điều tra cấp.

Khi người bào chữa gặp mặt bị can đang bị tạm giam, Cơ quan điều tra phải nhắc nhở những người tham gia gặp mặt tuân thủ nội quy nơi gặp mặt.

Khi người bào chữa gặp mặt bị can đang bị tạm giam vi phạm quy định pháp luật hoặc nội quy nơi gặp mặt, cảnh vệ có mặt tại đó phải tiến hành ngăn chặn, khi cần có thể quyết định đình chỉ cuộc gặp.

Trường hợp người bào chữa có hành vi vi phạm những quy định liên quan trong tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra phải kịp thời ngăn chặn và gửi thông báo đến Ban quản lý luật sư.

2.4.2.2. Ở Việt Nam

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam, người bào chữa có thể là: Luật sư; người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc bào chữa viên nhân dân.

Những người sau đây không được bào chữa: Người đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó; người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó; người tham gia trong vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định hoặc người phiên dịch. Một người bào chữa có thể bào chữa cho nhiều người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong cùng một vụ án, nếu quyền và lợi ích của họ không đối lập nhau. Nhiều người bào chữa có thể bào chữa cho một người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải xem xét, cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do.

Đối với trường hợp tạm giữ người thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra phải xem xét, cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do.

Người bào chữa do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ lựa chọn. Trong những trường hợp sau đây, nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình: *Một là*, bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự; *Hai là*, bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Trong các trường hợp này, bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là thành viên của tổ chức mình.

Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra.

Người bào chữa có *quyền* như sau:

- Có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nêu điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa;

- Đề nghị Cơ quan điều tra báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can;

- Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc

từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác;

- Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu;
- Gặp người bị tạm giữ; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam;
- Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật;
- Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

Bên cạnh đó, người bào chữa có cũng có các *nghĩa vụ* trong giai đoạn điều tra như sau:

- Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Tùy theo mỗi giai đoạn tố tụng, khi thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, thì người bào chữa có trách nhiệm giao cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Việc giao nhận các tài liệu, đồ vật đó giữa người bào chữa và cơ quan tiến hành tố tụng phải được lập biên bản theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Giúp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Không được từ chối bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mà mình đã đảm nhận bào chữa, nếu không có lý do chính đáng;

- Tôn trọng sự thật và pháp luật; không được mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật;

- Không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện việc bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Người bào chữa làm trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa, xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2.4.2.3. So sánh về vai trò của người bào chữa trong giai đoạn điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam

Trung Quốc và Việt Nam về việc phân loại các hình thức bào chữa về cơ bản là giống nhau, được chia thành hình thức tự bào chữa, mời người bào chữa và cử người bào chữa. Nói chung, nội dung và giai đoạn áp dụng các thủ tục tố tụng rằng có một số sự khác biệt. Tự bào chữa, mời người bào chữa trong Luật tố tụng hình sự giữa hai nước cũng tương tự, có thể được áp dụng trong mọi giai đoạn của thủ tục tố tụng hình sự. Tuy nhiên, sự cử người bào chữa của Trung Quốc là chỉ áp dụng trong giai đoạn xét xử, được cử làm người bào chữa chỉ có thể là các luật sư có nghĩa vụ hỗ trợ pháp lý. Trong khi đó, ở Việt Nam, người bào chữa được cử trong cả giai đoạn điều tra, truy tố, và không cần chắc chắn phải là luật sư, miễn là tình hình thuộc vào bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự; hoặc bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, mà không mời người bào chữa.

Số lượng của người bào chữa ở Trung Quốc bị hạn chế một cách nghiêm khắc, một nghi phạm, bị cáo chỉ có thể được ủy thác 1-2 người bào chữa, trong trường hợp có đồng phạm, không cho phép một luật sư bào chữa cho nhiều nghi phạm. Ở Việt Nam thì không hạn chế về số lượng các người bào chữa, miễn là trong một vụ án hình sự, quyền của người bị tạm giam, các nghi can, bị cáo không mâu thuẫn nhau.

Ngoài ra, về *quyền* của người bào chữa thì hai nước có nhiều điểm khác biệt rõ ràng như sau:

Một là, Luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định người bào chữa có quyền có mặt trong khi điều tra viên hỏi cung bị can, bị cáo, tiến hành các hoạt động điều tra quan trọng khác. Đây vẫn còn tranh chấp bất tận trong lý thuyết của Trung Quốc, trong Luật tố tụng hình sự thì chưa bao giờ trao quyền này cho người bào chữa.

Hai là, Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc quy định rằng chỉ có các luật sư làm người bào chữa có thể điều tra và thu thập bằng chứng, nhưng chỉ áp dụng cho giai đoạn truy tố, xét xử, các giai đoạn điều tra là không được phép điều tra thu thập chứng cứ. Còn ở Việt Nam, mỗi giai đoạn của quá trình tố tụng có thể điều tra và thu thập chứng cứ, bằng chứng, cũng không hạn chế là chỉ có luật sư làm người bào chữa mới có thể điều tra và thu thập bằng chứng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua nghiên cứu Chương 2 "*Tổ chức và hoạt động điều tra, cơ chế kiểm sát điều tra và các chế định liên quan đến điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam*", có thể đi đến các kết luận như sau:

Một là, Trung Quốc và Việt Nam đều có nhiều tiêu hệ thống Cơ quan điều tra tồn tại và hoạt động độc lập với nhau. Về cơ bản, cơ chế lãnh đạo đều có đặc trưng như Cơ quan điều tra cấp dưới phải chịu sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra cấp trên để các Cơ quan này có sự phối hợp chặt chẽ với nhau, góp phần phòng, chống tội phạm một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, cũng có một số khác biệt, Trung Quốc không thành lập Cơ quan điều tra riêng trong lực lượng cảnh sát nhân dân như Việt Nam, mà do các Cục Công an mang chức năng điều tra các vụ án hình sự phổ thông. Trung Quốc đã tổ chức một hệ thống Cơ quan an ninh quốc gia riêng, độc lập và ngang quyền với hệ thống Công an nhân dân. Tất cả các Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc đều gồm có hai bộ phận có quyền điều tra, trong khi đó ở Việt Nam lại không kết cấu như vậy.

Hai là, những quy định về quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Bộ luật tố tụng hình sự của hai nước thì rõ ràng khác nhau. Việt Nam phân định

rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng người tiến hành tố tụng có thể tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, do đó, có hợp lý hơn những quy định của Trung Quốc. Ngoài ra, trình tự, thủ tục của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam có nhiều mặt tương đồng, những trình tự và thủ tục cơ bản hầu như giống nhau, chủ yếu do hai nước đều là nước có chế độ xã hội chủ nghĩa, nên tố tụng hình sự đều được Liên Xô cũ ảnh hưởng rất lớn. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục tiến hành tố tụng của hai nước vẫn còn một số điểm khác nhau, Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc không có quy định về tạm đình chỉ điều tra và phục hồi điều tra như trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam, tuy trong một số trường hợp những quy định này rất là cần thiết và hợp lý. Ở Trung Quốc, trình tự, thủ tục tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra ít khi bị Viện kiểm sát giám sát, điều này không tốt cho bảo vệ quyền của người bị can. Ngoài ra, so với những quy định về biện pháp điều tra của Trung Quốc, loại hình biện pháp điều tra của Việt Nam nhiều hơn, nội dung quy định cụ thể hơn và hợp lý hơn; hoạt động điều tra của Việt Nam coi trọng quyền của con người hơn. Đặc biệt, mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra của Trung Quốc và Việt Nam trong Luật tố tụng hình sự, về mặt cơ cấu tổng thể có những nét tương đồng, nhưng vẫn có những sự khác biệt rõ rệt. Quyền của Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam trong giai đoạn điều tra nhiều hơn, đóng vai trò quan trọng hơn Viện kiểm sát của Trung Quốc. Đặc biệt, cũng trong giai đoạn điều tra, quyền của người bào chữa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam nhiều hơn, đóng vai trò quan trọng hơn so với người bào chữa của Trung Quốc.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU TRA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ TRUNG QUỐC TRÊN CƠ SỞ TIẾP THU KINH NGHIỆM VIỆT NAM

3.1. NHỮNG CƠ SỞ CỦA VIỆC TIẾP THU KINH NGHIỆM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU TRA CỦA VIỆT NAM

3.1.1. Vài nét sự tương đồng của Việt Nam với Trung Quốc về thể chế chính trị, kết cấu xã hội, kinh tế, văn hóa, lịch sử, địa lý

Việt Nam nằm trong bán đảo Đông Dương, thuộc vùng Đông Nam châu Á. Lãnh thổ Việt Nam chạy dọc bờ biển phía đông của bán đảo này. Việt Nam có biên giới đất liền với *Trung Quốc*.

Về chính trị, Việt Nam hiện nay là một nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị đã thực hiện theo cơ chế chỉ có duy nhất một đảng chính trị là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, với tôn chỉ là: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ thông qua cơ quan quyền lực là Quốc hội Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất lãnh đạo trên chính trường Việt Nam theo quy định trong Điều 4 của Hiến pháp 1992. Người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam là một Tổng Bí thư.

Quốc hội, theo Hiến pháp là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Nhiệm vụ của Quốc hội là giám sát, quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, những nguyên tắc chủ yếu của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Nhiệm kỳ Quốc hội là 5 năm.

Chủ tịch nước, theo Hiến pháp là người đứng đầu Nhà nước được Quốc hội bầu do Chủ tịch Quốc hội giới thiệu từ đề cử của Ban Chấp hành Trung

ương. Chủ tịch nước có 12 quyền hạn theo Hiến pháp trong đó quan trọng nhất là: công bố hiến pháp, luật, pháp lệnh. Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chánh án Tòa án tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước là 5 năm.

Chính phủ, theo Hiến pháp là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ chịu sự giám sát và thực hiện chế độ báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Nhiệm kỳ Chính phủ là 5 năm. Chính phủ gồm có Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch nước giới thiệu từ đề cử của Ban Chấp hành Trung ương để Quốc hội bầu.

Các Phó Thủ tướng do Thủ tướng đề nghị Quốc hội phê chuẩn, là người giúp việc cho Thủ tướng và được Thủ tướng ủy nhiệm khi Thủ tướng vắng mặt. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ do Thủ tướng đề nghị Quốc hội phê chuẩn, đảm nhiệm chức năng quản lý nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác được giao.

Chính phủ Việt Nam có 18 bộ và 4 cơ quan ngang bộ. Ngoài ra, chính phủ còn quản lý 5 cơ quan hành chính và 3 cơ quan truyền thông trực thuộc là Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam.

Việt Nam có một nền văn hóa rất đa dạng, phong phú và giàu bản sắc bởi đó là sự giao hòa văn hóa của 54 sắc tộc cùng tồn tại trên lãnh thổ. Bên cạnh đó, văn hóa Việt Nam còn chịu nhiều *ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc* cùng với nền văn minh lúa nước của người dân Đông Nam Á. Ngoài ra, nền văn học Việt Nam đã có lịch sử hàng nghìn năm, được bắt đầu từ văn học dân gian và kế tiếp là văn học viết. Trong suốt thời kỳ phong kiến *do ảnh hưởng từ Trung Quốc*, các tác phẩm văn học của Việt Nam thường được viết bằng chữ Hán và cũng chỉ được hiện hành ở tầng lớp quan lại quý tộc, tới thế kỷ 18 các tác

phẩm được thể hiện bằng chữ Nôm đã thâm nhập vào đời sống thường nhật khi cái tôi cá nhân trong các tác phẩm được thể hiện. Đặc biệt hơn, từ đầu thế kỷ 20 khi các tác phẩm văn học Việt Nam được thống nhất viết bằng chữ Quốc ngữ với ảnh hưởng từ phương Tây đã mang đến cho văn học viết được "hiện đại hóa" từ hình thức, thể loại đến tư tưởng và nội dung sáng tác; v.v...

Như vậy, qua những đặc điểm cơ bản về thể chế chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, lịch sử của Việt Nam cho thấy có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc, đặc biệt là thể chế chính trị, kết cấu xã hội và địa lý, văn hóa - lịch sử. Đây còn là các điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu so sánh pháp luật của hai nước trong giai đoạn hiện nay.

3.1.2. Vài nét thực tiễn về điều tra của Việt Nam trong những năm gần đây

Trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, điều tra là hoạt động khám phá, phát hiện tội phạm, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự pháp luật, an toàn xã hội, các quyền và lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của công dân. Trong hoạt động này, Cơ quan điều tra phải tiến hành thu thập được các chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội và những tình tiết khác của vụ án, đồng thời xác lập cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện nội dung của quyền công tố.

Hiện nay, số lượng các vụ án do các Cơ quan điều tra thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân khởi tố. Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và của Bộ Công an, Các Cơ quan điều tra trong lực lượng Cảnh sát nhân dân trong 5 năm gần đây (2003 - 2007) đã khởi tố, điều tra 297.616 vụ án hình sự, với 440.271 bị can. Trong đó:

- Các Cơ quan điều tra thuộc Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội khởi tố, điều tra 84,5%;
- Các Cơ quan điều tra thuộc Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế chiếm 3%;

- Các Cơ quan điều tra thuộc Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy chiếm 12%;

- Các Cơ quan điều tra thuộc Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng chiếm 0,5%.

Số vụ và người phạm tội bị khởi tố, điều tra qua các năm như sau:

- Năm 2003: án khởi tố mới trong năm là 55.545 vụ, 81.368 bị can; tổng số án thụ lý là 66.312 vụ và 99.621 bị can; án kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố: 51.041 vụ và 78.978 bị can;

- Năm 2004: án khởi tố mới trong năm là 54.652 vụ và 80.417 bị can; tổng số án thụ lý là 65.169 vụ và 98.461 bị can; án kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố: 49.441 vụ và 77.884 bị can;

- Năm 2005: án khởi tố mới trong năm là 57.840 vụ, 83.519 bị can, so với năm 2004 tăng 2.968 vụ (5,4%) và 4.884 bị can (6,2%); án kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố chiếm tỷ lệ cao trong tổng số án đã giải quyết: 36.866 vụ (97,2%) và 57.819 bị can (98%), so với cùng kỳ năm 2004 tăng 0,06% số vụ và tăng 0,3% số bị can;

- Năm 2006: án khởi tố trong năm là 64.870 vụ, 97.836 bị can, so với năm 2005 tăng 7.030 vụ (12,15%) và 14.317 bị can (17,14%); án kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố: 58.349 vụ (97,5%) và 96.937 bị can (98,1%), so sánh với năm 2005 tăng 0,3% số vụ và tăng 0,1% số bị can;

- Năm 2007: án khởi tố mới trong năm là 64.709 vụ, 97.131 bị can; tổng số án thụ lý là 80.291 vụ và 124.873 bị can; án kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố: 57.854 vụ và 97.147 bị can; v.v...

Còn kết quả đề nghị truy tố cho thấy, trong năm năm 2003 - 2007, lực lượng Cảnh sát Điều tra đã điều tra 360.524 vụ án hình sự và 551.934 bị can; đã chuyển Viện kiểm sát nhân dân các cấp đề nghị truy tố 253.551 vụ và 408.765 bị can. Số vụ án và số bị can đề nghị truy tố từng năm như sau:

- Năm 2003 đề nghị Viện kiểm sát truy tố 51.041 vụ và 78.978 bị can;
- Năm 2004 đề nghị Viện kiểm sát truy tố 49.441 vụ và 77.884 bị can;
- Năm 2005 đề nghị Viện kiểm sát truy tố 36.866 vụ và 57.819 bị can;
- Năm 2006 đề nghị Viện kiểm sát truy tố 58.349 vụ và 96.937 bị can;
- Năm 2007 đề nghị Viện kiểm sát truy tố 57.854 vụ và 97.147 bị can;
- v.v...

Ngoài ra, cũng theo số liệu của Cục thống kê tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2004-2009, thực trạng trả hồ sơ của Viện kiểm sát các cấp trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra như sau:

Bảng 3.1: Tỷ lệ các vụ án do Viện kiểm sát trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra các cấp giai đoạn 2004-2009

TỶ LỆ CÁC VỤ ÁN DO VIỆN KIỂM SÁT TRẢ HỒ SƠ CHO CƠ QUAN ĐIỀU TRA				
Năm	Số vụ kiểm sát điều tra	Số vụ trả hồ sơ	Tỷ lệ	Ghi chú
2004	49.441	3.162	6,39 %	
2005	51.214	2.994	5,84 %	
2006	57.229	3.302	5,76 %	
2007	57.760	3.413	5,86 %	
2008	62.429	3.042	4,87 %	
2009	60.156	2.191	3,64 %	
Tổng cộng	338.643	18.104	5,34%	Trung bình

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trong tổng số 18.104 vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên tổng số 338.643 vụ do Cơ quan điều tra kết thúc điều tra đề nghị truy tố, chiếm tỷ lệ trung bình là 5,34%. Trong đó lý do Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung bao gồm:

- Trả hồ sơ do còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án, quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chiếm tỷ lệ 73,09 %;

- Trả hồ sơ do có căn cứ để khởi tố bị cao về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác, quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chiếm tỷ lệ 11,25%;

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, quy định tại khoản 3 Điều 168 Bộ luật tố tụng hình sự chiếm tỷ lệ 8,71 %;

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì những lý do khác chiếm tỷ lệ 6,89%.

Đáng chú ý là trong tổng số vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung, có 103 vụ sau khi tiến hành điều tra bổ sung đã dẫn đến đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, cụ thể là:

- Năm 2004: 13 vụ;

- Năm 2005: 11 vụ;

- Năm 2006: 26 vụ;

- Năm 2007: 52 vụ;

- Năm 2008 và năm 2009: chưa thống kê.

Ngoài ra, nghiên cứu riêng về các vụ án kinh tế cho thấy: Năm 2008, đã có hơn 63.000 vụ án được khởi tố để điều tra, về án kinh tế đã khởi tố 282 vụ án kinh tế, điển hình là PMU Đại lộ Đông Tây và môi trường nước ở thành phố H. Đặc biệt, tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp cũng gia tăng, trong năm đã khởi tố 196 vụ. Năm qua, toàn ngành thụ lý thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra 63.094 vụ án/109.312 bị can (tăng 3.998 vụ, 8.740 bị can so với 2007), đã giải quyết 96,6% số vụ và 95,4% số bị can. Về công tác tổ chức, năm qua có 52 cán bộ vi phạm quy chế ngành, vi phạm pháp luật. Viện đã xử lý kỷ luật 45 người, xử lý trách nhiệm hình sự 5 người [100].

Về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cấp đã chủ động phối hợp với Cơ quan điều tra đưa hoạt động kiểm sát giải quyết tố giác, báo tin về tội phạm vào nề nếp. Trong năm 2009, toàn ngành đã thụ lý thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra 60.156 vụ án và trên 83.000 bị can. Viện kiểm sát

các địa phương tiếp tục phối hợp với Tòa án nâng cao số lượng, chất lượng các phiên tòa xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp ở cả hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Phần lớn kiểm sát viên đã được nâng cao kỹ năng trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án, nhất là những vụ án phức tạp [102].

Cũng trong năm 2009, Cơ quan điều tra đã khởi tố trên 66.000 vụ án, trong đó tội phạm về tham nhũng là 289 vụ (giảm bảy vụ so với năm 2008). Số vụ án mới khởi tố đã giảm nhiều so với năm trước. Việc này phần nhiều là do thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều trong Bộ luật hình sự, nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội không còn bị coi là tội phạm và đã được xử lý bằng biện pháp khác.

Theo TS. Khuất Văn Nga, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho biết với sự chỉ đạo quyết liệt của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng với việc triển khai đồng bộ các giải pháp nên chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra có chuyển biến tích cực. Các vụ án oan, sai và việc trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tố tụng đã giảm đáng kể mà chúng tôi đã phân tích ở trên.

Bên cạnh đó, tỷ lệ các vụ án do Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát các cấp giai đoạn 2004-2009 như sau:

Bảng 3.2: Tỷ lệ các vụ án do Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát các cấp giai đoạn 2004-2009

TỶ LỆ CÁC VỤ ÁN DO TÒA ÁN TRẢ HỒ SƠ CHO VIỆN KIỂM SÁT				
Năm	Số vụ truy tố	Số vụ trả hồ sơ	Tỷ lệ	Ghi chú
2004	49.182	2.517	5,11 %	
2005	50.732	2.398	4,72 %	
2006	56.553	3.232	5,72 %	
2007	57.332	3.297	5,75 %	
2008	60.687	2.969	4,89 %	
2009	59.486	2.692	4,52 %	
Tổng cộng	334.332	17.109	5,11%	Trung bình

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trong tổng số 17.109 vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên tổng số 334.332 vụ do Viện kiểm sát đã truy tố, chiếm tỷ lệ trung bình là 5,11%. Trong đó lý do Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung bao gồm:

- Trả hồ sơ khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chiếm tỷ lệ 69,9 %;

- Trả hồ sơ do có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có người đồng phạm khác, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chiếm tỷ lệ 11,59%;

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự chiếm tỷ lệ 9,9 %;

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì những lý do khác chiếm tỷ lệ 8,63%.

Đáng chú ý có 133 vụ sau khi tiến hành điều tra bổ sung đã dẫn đến đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, cụ thể là:

- Năm 2004: 50 vụ;

- Năm 2005: 21 vụ;

- Năm 2006: 28 vụ;

- Năm 2007: 54 vụ;

- Năm 2008 và năm 2009: chưa thống kê; v.v...

Bên cạnh đó, gần đây ngày 30/9/2010, tại phiên họp thứ 35 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời, nghe các Ủy ban Tư pháp, Tài chính - ngân sách của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra các báo cáo nói trên của Chính phủ. Theo đánh giá của Chính phủ, trong năm qua, công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục chuyển biến rõ rệt trên một số mặt như xây dựng thể chế, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, triển

khai các giải pháp phòng ngừa. Qua thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, các cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều sai phạm, chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng tài sản công. Đã kiến nghị thu hồi 8.152,6 tỷ đồng, 2.108,5 ha đất (đã thu được 3.335 tỷ đồng, 245,4 ha đất); kiến nghị xử lý kỷ luật 562 tập thể, 2.035 cá nhân; chuyển Cơ quan điều tra các cấp để xem xét, xử lý hình sự 87 vụ việc, trong đó có 62 vụ, 84 đối tượng liên quan đến tham nhũng. Các cơ quan chức năng đã khởi tố 188 vụ án với 373 bị can về các tội danh tham nhũng (giảm 23% số vụ án và giảm 28% số bị can so cùng kỳ năm trước). Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đã truy tố 253 vụ với 631 bị can (giảm 13% số vụ và giảm 10% số bị can so cùng kỳ năm trước). Tòa án nhân dân các cấp xét xử sơ thẩm 211 vụ án với 479 bị cáo (giảm 8% số vụ và 11% số bị cáo so cùng kỳ năm trước) [99].

Năm 2010, tội phạm tham ô vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong số các vụ án tham nhũng bị khởi tố (51,5% số vụ; 54,9% số bị can); tội nhận hối lộ chiếm 11,1% số vụ, 7,7% số bị can; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản chiếm 12,7% số vụ, 9,1% số bị can; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ chiếm 17% số vụ, 21,1% số bị can. Còn lại là các tội danh khác. Trong tổng số bị can bị khởi tố về hành vi tham nhũng, cán bộ cấp xã, phường chiếm tỷ lệ 30,9%; cấp quận, huyện: 22,5%; cấp tỉnh: 13,1%; cấp Trung ương: 0,3%; các tổ chức khác: 33,2%. Hạn chế chủ yếu vẫn là việc chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng hiệu quả chưa cao [99].

Thông qua dư luận quần chúng, đánh giá của các tổ chức quốc tế và với việc các vụ án tham nhũng vẫn còn xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp; một số đối tượng tham nhũng lại là những người trong cơ quan bảo vệ pháp luật... nên Chính phủ nhận định, tình hình tham nhũng năm 2010 tuy có giảm nhưng trên một số lĩnh vực vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp và trở nên tinh vi hơn. Nghiêm trọng nhất vẫn là tham nhũng trong lĩnh vực quản lý đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, thuế, quản lý tài sản công. Dư luận quần chúng vẫn bức xúc trước thực trạng tham nhũng, tiêu cực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, việc đánh giá, dự báo tình hình tham

những hiện còn khó khăn do một số giải pháp nhằm đo lường, đánh giá tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng mới được triển khai thực hiện. Chính phủ sẽ tiếp tục quan tâm chỉ đạo các hoạt động này. Thẩm tra báo cáo nói trên của Chính phủ, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội nhận thấy, cho đến nay, các cơ quan chức năng đã phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử hàng trăm vụ tham nhũng với hàng trăm đối tượng phạm tội nhưng cả nước mới chỉ có 25 cơ quan, tổ chức, đơn vị tự phát hiện được tham nhũng, trong khi đó các năm: 2008, 2009, 2010 không ít vụ tham nhũng đã khởi tố, sau đó đình chỉ điều tra. Lý do chủ yếu là người vi phạm đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, có nhân thân tốt nên không xử lý hình sự mà chuyển xử lý hành chính như vụ ông Võ Nhật D. - Tổng Giám đốc Công ty cao-su S.L. nhận hối lộ 300 triệu đồng, sau ba ngày tạm giữ, Cơ quan điều tra đã tạm tha ông D. với lý do có văn bản bảo lãnh của lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp cao-su V.; vụ bà Trần Thị T. lợi dụng chức vụ quyền hạn, dùng thủ đoạn hợp thức hóa chứng từ chiếm đoạt 2.900 tấn phân bón trị giá 1,222 tỷ đồng, có dấu hiệu phạm tội (tham ô tài sản) tại Công ty F. Đà Nẵng. Qua giám sát, Ủy ban Tư pháp đã đề nghị Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét lại Quyết định đình chỉ vụ án hình sự số 02 ngày 24/12/2008 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ., nhưng cho tới nay vẫn chưa phục hồi điều tra để giải quyết... Ủy ban Tư pháp nhận thấy, Báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2010 đã phản ánh nhiều mặt hoạt động, kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa và công tác phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; đã nêu nhận định về tình hình tham nhũng năm 2010, phân tích một số hạn chế và nguyên nhân, đồng thời, đã đưa ra những phương hướng, nhiệm vụ và kiến nghị về công tác phòng, chống tham nhũng trong năm 2011 [99]; v.v...

3.1.3. Thực tiễn đổi mới về tổ chức và tổ chức hoạt động của Cơ quan điều tra ở Việt Nam

Sau hơn 10 năm áp dụng, mô hình tổ chức Cơ quan điều tra hiện nay của Việt Nam đã thu được những kết quả quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng

chống tội phạm. Tuy nhiên, những năm gần đây do tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, với những phương thức và thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; v.v... đòi hỏi Cơ quan điều tra tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ở Việt Nam hiện có nhiều ý kiến khác nhau về mô hình tổ chức của Cơ quan điều tra. Có ý kiến cho rằng mô hình tổ chức Cơ quan điều tra hiện tại vẫn còn phù hợp và phát huy tác dụng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên vấn đề đổi mới chưa cần thiết phải đặt ra.

Ý kiến khác lại cho rằng, bộ máy Cơ quan điều tra hiện tại là quá công kênh, nhiều đầu mối, không đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ và không thể phản ứng nhanh nhạy và kịp thời trước những diễn biến phức tạp của tình hình phạm tội, vì vậy cần sắp xếp lại Cơ quan điều tra theo hướng tổ chức một hệ thống Cơ quan điều tra thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Vì vậy, đã có nhiều phương án được đề xuất, mỗi phương án đều dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn để thuyết phục.

Chúng tôi cho rằng, việc tổ chức Cơ quan điều tra Việt Nam như hiện nay có một số ưu điểm là phát hiện nhanh chóng, xử lý kịp thời tội phạm trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như trình độ cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung và Cơ quan điều tra nói riêng còn nhiều hạn chế, việc tổ chức Cơ quan điều tra đều khắp là một ưu điểm, đặc biệt là hầu hết Cơ quan điều tra được tổ chức trong công an, quân đội là phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ của lực lượng vũ trang: đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, xây dựng và bảo vệ an ninh quốc gia. Tuy nhiên, việc tổ chức Cơ quan điều tra như hiện nay còn tồn tại một số vấn đề là:

Một là, Cơ quan điều tra được tổ chức như hiện nay là chưa bảo đảm tính hệ thống về mặt tổ chức và quản lý cũng như hoạt động. Hiện tại, Cơ quan điều tra Việt Nam được tổ chức gồm 6 tiểu hệ thống, với nhiều đầu mối quản lý (Công an, quân đội, Viện kiểm sát...) và tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi hệ thống mà tổ chức nhiều cấp. Trung bình mỗi tỉnh có 3 Cơ quan

điều tra cấp tỉnh, cả nước có đến gần 200 Cơ quan điều tra, chưa kể đến Cơ quan điều tra cấp huyện và hàng chục Cơ quan điều tra trong quân đội. Mỗi quan hệ giữa các Cơ quan điều tra thuộc hệ thống đều có sự độc lập và khép kín về phương diện, điều hành và lãnh đạo chuyên môn. Hiện tại, ngoài Bộ luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì vẫn chưa có một văn bản pháp luật của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chung cho hoạt động của cả bộ máy điều tra tố tụng, xác định rõ mối quan hệ giữa các Cơ quan điều tra trong cùng ngành cũng như khác ngành, chỉ có những văn bản hướng dẫn riêng của cơ quan hành chính quản lý ngành đối với Cơ quan điều tra thuộc ngành mình. Vì vậy, chưa tổng hợp và phát huy được sức mạnh của cả hệ thống.

Hai là, cách thức tổ chức Cơ quan điều tra như hiện nay vừa tạo ra sự phức tạp trong quản lý hành chính, vừa làm nảy sinh hậu quả có sự tranh chấp về thẩm quyền điều tra và có khi lại xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, mà chưa có cơ chế khắc phục, hoặc đã có nhưng chưa rõ ràng là quan hệ hành chính hay tố tụng. Chẳng hạn, việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa Cơ quan điều tra trong cùng hệ thống do Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp giải quyết. Trong khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra không phải là người tiến hành tố tụng (trừ trường hợp đặc biệt). Vì vậy, không thể giao cho họ giải quyết những vấn đề liên quan đến tố tụng mà chưa có quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm kèm theo.

Ba là, việc tổ chức Cơ quan điều tra trong Viện kiểm sát với mục đích là điều tra nhanh chóng các vụ án được phát hiện trong khi tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật; điều tra một cách khách quan các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp và điều tra các vụ án kinh tế, phức tạp khi thấy cần thiết. Tuy nhiên, với chức năng và nhiệm vụ của Viện kiểm sát, thậm chí mâu thuẫn ngay trong mục đích khi tổ chức Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát. Chẳng hạn, điều tra viên của Cơ quan điều tra có vi phạm trong quá trình điều tra (bức cung, dùng nhục hình...) vụ án sẽ được giao cho Cơ quan điều tra của

Viện kiểm sát điều tra, nếu điều tra viên của Viện kiểm sát cũng có những vi phạm tương tự thì cơ quan nào sẽ tiến hành điều tra?

Những vấn đề về tổ chức lại hệ thống các Cơ quan điều tra đã được Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*", trong đó khẳng định là "*ngiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện tiến tới tổ chức lại các Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự*". Như vậy, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp của Việt Nam đã có Đề án về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49/NQ-TW đã nêu. Theo đó, về Cơ quan điều tra, đề án đề nghị cụ thể như sau:

* *Về chức năng, nhiệm vụ*: Cơ bản vẫn giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân như hiện nay (theo pháp luật hiện hành) nhưng các nhiệm vụ cụ thể được xác định rõ, hoàn thiện một bước để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong tình hình mới;

* *Mô hình tổ chức*: Cơ bản giữ nguyên mô hình tổ chức của hệ thống Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân như hiện nay nhưng được kiện toàn một bước để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các Cơ quan điều tra. Hệ thống Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân được tổ chức theo ba cấp như sau:

- Ở Bộ Công an có hai hệ thống Cơ quan điều tra là Cơ quan An ninh điều tra và Cơ quan Cảnh sát điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có các đơn vị điều tra trực thuộc Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm của Bộ Công an;

- Ở cấp tỉnh, có Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan An ninh điều tra trực thuộc Công an tỉnh;

- Ở cấp huyện, có Cơ quan Cảnh sát điều tra trực thuộc Công an cấp huyện.

+ *Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an* giữ nguyên như hiện nay, bao gồm các điều tra viên và trợ lý điều tra được bố trí thành các đơn vị cấp

phòng nghiệp vụ. Các cơ quan khác thuộc lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là các đơn vị nghiệp vụ.

+ *Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an* gồm các đơn vị (bộ phận) điều tra chuyên trách như sau:

- a) Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- b) Cục Tham mưu phòng, chống tội phạm;
- c) Cục Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về trật tự xã hội;
- d) Cục Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ;
- đ) Cục Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về ma túy;
- e) Cục Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về tham nhũng;
- f) Cục Ngoại tuyến và Kỹ thuật phòng, chống tội phạm.

Ngoài ra, các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bao gồm: Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường thủy; Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Cảnh sát truy nã tội phạm; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

+ *Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh*: bao gồm các điều tra viên và trợ lý điều tra được bố trí thành một số đội nghiệp vụ. Đối với lực lượng an ninh nhân dân, do đặc thù nên vẫn được tổ chức các cơ quan trinh sát hoạt động theo nguyên tắc nghiệp vụ đặc biệt. Các phòng nghiệp vụ an ninh được giao hai chức năng riêng biệt: điều tra trinh sát và điều tra hình sự.

+ *Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh* do một Phó Giám đốc Công an tỉnh là Thủ trưởng Cơ quan, bao gồm các đơn vị (bộ phận): Phòng Tham mưu phòng, chống tội phạm, Phòng Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Phòng Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về

trật tự quản lý kinh tế và chức vụ; Phòng Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về ma túy; Đơn vị kỹ thuật phòng, chống tội phạm.

+ Cơ quan điều tra Công an huyện: trực thuộc Công an cấp huyện do Thủ trưởng Cơ quan công an cấp huyện làm Thủ trưởng, có thực 1 đến 2 Phó Thủ trưởng Công an cấp huyện là Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Tổ chức cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện bao gồm: Đội Tham mưu phòng, chống tội phạm, Đội Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát phòng ngừa và điều tra tội phạm về ma túy; Đơn vị kỹ thuật phòng, chống tội phạm.

Theo đó, mô hình tổ chức trên đây bảo đảm sự ổn định của hệ thống tổ chức hiện nay, nhất là bối cảnh Bộ Công an mới triển khai mô hình tổ chức theo Nghị định 77/NĐ-CP ngày 15/5/2009 và mới phân cấp thẩm quyền điều tra cho Công an cấp huyện.

Ngoài ra, dưới góc độ khoa học, chúng tôi cho rằng, việc tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, quan điểm của một luật gia Việt Nam, GS. TSKH. Lê Văn Cẩm với hai phương án lớn để khắc phục vấn đề này, đó là cần phải ban hành một văn bản pháp luật mới để điều chỉnh việc tổ chức và hoạt động của hệ thống Cơ quan điều tra, qua đó còn để khắc phục tình trạng manh mún và xé lẻ như hiện nay và thực hiện đúng các yêu cầu của Nghị quyết số 49/NQ-TW đã nêu. Cho nên, mô hình của việc tổ chức lại hệ thống các Cơ quan điều tra của Việt Nam có thể được triển khai theo một trong hai phương án dưới đây.

* *Phương án thứ nhất*: (có thể coi là bước đệm để thực hiện phương án thứ hai nếu như vì những lý do nào đó mà phương án thứ hai chưa thể triển khai được ngay trong vài năm tới) - soạn thảo và ban hành văn bản pháp luật mới với tên gọi là Luật "*Về hệ thống các Cơ quan điều tra ở Việt Nam*" (dù tên gọi thế nào thì cũng cần phải phù hợp với tên gọi của *Luật về Viện công tố*). Nếu theo phương án này, thì hệ thống Cơ quan điều tra của Việt Nam sẽ có các đặc điểm cơ bản như sau:

- *Đặc điểm thứ nhất* - về tính chất, hệ thống Cơ quan điều tra ở Việt Nam theo Luật mới ban hành sẽ là một hệ thống Cơ quan điều tra chung và *độc lập*, duy nhất và thống nhất từ trên xuống dưới vì sẽ được tổ chức và hoạt động theo thẩm quyền điều tra tất cả các tội phạm tương ứng mà năm Cục chuyên trách kiểm sát điều tra hình sự của Viện Công tố (chứ không phải theo thẩm quyền lãnh thổ - căn cứ vào địa giới hành chính như trước đây). Đồng thời, ưu điểm của tính chất này còn là ở chỗ - sẽ không còn tình trạng manh mún và xé lẻ của hệ thống Cơ quan điều tra như đang được tổ chức trên cơ sở các quy định của Pháp lệnh năm 2004 hiện hành (các điều 9-25) - khi các Cơ quan điều tra không nằm trong một hệ thống một hệ thống chung, duy nhất và thống nhất từ trên xuống dưới, mà trái lại nằm rải rác cùng một lúc trong nhiều cơ quan nhà nước khác nhau (ví dụ: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và ở cả các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra - Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm, Hải quan, Cảnh sát biển, v.v...).

- *Đặc điểm thứ hai* - về cơ cấu chuyên môn nghiệp vụ, để bảo đảm việc điều tra theo luật định, thì hệ thống Cơ quan điều tra ở Việt Nam chỉ nên tổ chức ở hai cấp là cấp Trung ương và cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tương ứng như sau:

1) Đối với cấp Trung ương - sẽ thành lập Ủy ban điều tra Trung ương với cơ cấu là năm Cục chuyên trách sau:

- a) Cục điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- b) Cục điều tra các tội phạm hình sự thường;
- c) Cục điều tra các tội phạm về ma túy;
- d) Cục điều tra các tội phạm về tham nhũng và;
- d) Cục điều tra các tội phạm trong các lực lượng vũ trang nhân dân.

2) Đối với cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, thì hoạt động điều tra hình sự sẽ được tổ chức theo một trong hai hướng là:

a) Hướng *thứ nhất* - thành lập các Ủy ban điều tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với năm Phòng điều tra tương ứng với 05 nhóm tội phạm mà 05 Cục điều tra của Ủy ban điều tra Trung ương có nhiệm vụ điều tra (như đã nêu trên);

b) Hướng *thứ hai* - thành lập Văn phòng Cơ quan đại diện của Ủy ban điều tra Trung ương tại các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương với 05 Phòng điều tra tương ứng với 05 nhóm tội phạm mà năm Cục điều tra của Ủy ban điều tra Trung ương có nhiệm vụ điều tra. Còn đối với cấp quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh - sẽ không thành lập các Ủy ban điều tra mà các tội phạm trên địa bàn các cấp này sẽ do Ủy ban điều tra tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (nếu theo hướng *thứ nhất*) hoặc Văn phòng Cơ quan đại diện của Ủy ban điều tra Trung ương (nếu theo hướng *thứ hai*) tại các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp điều tra.

- *Đặc điểm thứ ba* - về sự khả thi, việc thành lập một hệ thống Cơ quan điều tra chung, duy nhất và thống nhất từ trên xuống dưới sẽ bảo đảm được sự khả thi của hoạt động điều tra hình sự vì các lý do sau:

1) Bảo đảm tính độc lập - vì với một hệ thống Cơ quan điều tra như phương án này thì các điều tra viên sẽ không còn bị phụ thuộc vào thủ trưởng cơ quan (mà trong đó có Cơ quan điều tra ấy) do sự phục tùng về quan hệ hành chính, mà chỉ tuân theo pháp luật và hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật;

2) Bảo đảm tính chuyên sâu - vì với một hệ thống Cơ quan điều tra như vậy thì trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các điều tra viên sẽ ngày càng được nâng cao hơn và;

3) Bảo đảm tính gọn nhẹ - vì với một hệ thống Cơ quan điều tra như vậy thì sự chỉ đạo hoạt động điều tra hình sự trên toàn quốc sẽ đơn giản hơn, tránh được sự manh mún, chồng chéo và phức tạp như hệ thống Cơ quan điều tra hiện hành với sự phụ thuộc vào nhiều loại cơ quan chủ quản.

* *Phương án thứ hai*: (chính là phương án tổ chức lại hệ thống các Cơ quan điều tra theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 49/NQ-TW là: "*tăng cường sự trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra*") - hệ thống các Cơ quan điều tra sẽ không độc lập nhưng vẫn chung, duy nhất và thống nhất từ trên xuống dưới. Nếu theo Phương án này thì:

Một là, đối với cấp Trung ương sẽ chuyển 05 Cục điều tra 05 nhóm tội phạm (như đã nêu ở Phương án thứ nhất) sang trực thuộc hệ thống Viện Công tố Trung ương (tương ứng với năm Cục kiểm sát điều tra hình sự);

Hai là, đối với cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - thành lập Văn phòng Cơ quan đại diện của Viện Công tố Trung ương tại các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương với cơ cấu là 05 Phòng điều tra tương ứng với 05 nhóm tội phạm mà 05 Cục điều tra của Viện công tố Trung ương có nhiệm vụ điều tra, đồng thời 05 Phòng điều tra này của Cơ quan đại diện Viện Công tố Trung ương sẽ đảm nhiệm cả việc điều tra tất cả các tội phạm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tương ứng (chứ không thành lập các Cơ quan điều tra cấp quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh).

Ba là, phương án này sẽ có các ưu điểm như sau:

1) Thể hiện đúng theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW về "*tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra*" mà suy cho cùng là Viện Công tố phải chỉ đạo Cơ quan điều tra vì theo quy luật phát triển chung và thực tiễn của các Nhà nước pháp quyền trên thế giới - vấn đề này chỉ có thể thực hiện được khi Cơ quan điều tra trực thuộc và nằm trong hệ thống Viện Công tố;

2) Về cơ bản, phương án thứ hai này vẫn bảo đảm được sự hội tụ đầy đủ tất cả các đặc điểm về tính chất, cơ cấu chuyên môn nghiệp vụ và sự khả thi (như ở *phương án thứ nhất*).

Chúng tôi cho rằng, quan điểm và phương án đưa ra này không những có giúp ích cho cuộc đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều

tra của Việt Nam, mà còn có thể làm tư liệu tham khảo cho cuộc cải cách tư pháp hình sự của Trung Quốc, đặc biệt là đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra.

3.2. NHỮNG CẢI CÁCH TƯ PHÁP VÀ CẢI CÁCH ĐIỀU TRA Ở TRUNG QUỐC HIỆN NAY

3.2.1. Những cải cách tư pháp ở Trung Quốc

Gần 60 năm xây dựng đất nước, đặc biệt là 30 năm cải cách mở cửa trở lại đây, cải cách tư pháp ở Trung Quốc đến nay đã trải qua một hành trình lịch sử đầy khó khăn và gian khổ. Trong tiến trình phát triển tư pháp thời kỳ đầu xây dựng đất nước, có đến ba sự kiện pháp chế lớn, quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng, đặt nền móng lịch sử cho cải cách tư pháp Trung Quốc đương đại:

Một là, thủ tiêu "*Lục pháp toàn thư*" của Chính phủ quốc dân Nam Kinh, tức là trước thời khắc Đại cách mạng nhân dân giành thắng lợi, tháng 2/1949, Trung ương Đảng Cộng sản nhân dân Trung Hoa đã ra Chỉ thị "*Thủ tiêu "Lục pháp toàn thư" của Quốc dân đảng và xác lập nguyên tắc tư pháp vùng giải phóng*", xác lập nguyên tắc hoạt động tư pháp chính quyền dân chủ nhân dân mới sau khi "*Lục pháp toàn thư*" bị thủ tiêu;

Hai là, hoạt động cải cách tư pháp thời kỳ đầu dựng nước, thêm một bước xóa sạch tàn dư của quan niệm tư pháp cũ của "*Lục pháp toàn thư*" trong hệ thống tư pháp, vạch rõ ranh giới giữa các nguyên tắc luật pháp mới và cũ;

Ba là, "*Hiến pháp Ngũ tứ*" xác lập thể chế tư pháp của nước Trung Quốc mới và khung chế độ tư pháp cơ bản.

Tuy nhiên, trong những ngày tháng lịch sử sau đó, như chúng ta đều biết, do đường lối cải cách luật pháp và tư pháp này mắc phải sai lầm nghiêm trọng. Nên bắt đầu từ năm 1957, trào lưu tư tưởng hư vô luật pháp và tư pháp phát triển rộng rãi, đến mức thành bi kịch lịch sử là "*Đại cách mạng văn hóa*", khiến cho pháp chế xã hội chủ nghĩa và chế độ tư pháp của Trung Quốc rơi vào tình trạng què quặt trên mọi phương diện.

Từ sau đại hội Trung ương Đảng lần thứ 3 khóa XI vào năm 1978 cho đến giữa những năm 80 của thế kỷ 20, nền pháp chế và tư pháp của Trung Quốc mới được khôi phục và hoàn thiện một cách toàn diện và đầy đủ hơn. Hiến pháp năm 1982, "*Chỉ thị của Trung ương Đảng Cộng sản về kiên trì bảo đảm thực hiện hình pháp và thi hành thiết thực Luật tố tụng hình sự*" năm 1979, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; v.v..., đều là những nền tảng quan trọng cho việc xác lập mới và hoàn thiện chế độ tư pháp ở Trung Quốc. Từ đó, cải cách tư pháp Trung Quốc đương đại bắt đầu tiến hành cải cách toàn diện, phân thành ba thời kỳ quan trọng dưới đây.

*** Thời kỳ đầu: Lấy cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách tư pháp**

Từ các mốc thời gian nêu trên có thể thấy, thời kỳ này kéo dài khoảng 10 năm từ giữa thập kỷ 80 cho đến giữa thập kỷ 90 của thế kỷ này. Nội dung cải cách hoạt động xét xử chủ yếu trong thời kỳ này gồm: từng bước thay đổi mô hình xét xử của chủ nghĩa quyền lực, coi trọng bằng chứng của đương sự, tăng cường đối chất chéo và mở tòa tranh luận đối với chứng cứ, phát huy tích cực chức năng mở tòa thẩm lý; tăng cường áp dụng trình tự rút gọn theo luật, kịp thời xử lý những tranh chấp kinh tế thông thường; rút gọn trình tự tố tụng, giảm thiểu kinh phí trong tố tụng, nhằm đạt hiệu quả xét xử cao nhất; mở rộng quyền hạn của tòa hợp nghị, nâng cao trình độ xét xử độc lập theo luật; v.v... Thúc đẩy toàn diện cải cách hoạt động xét xử, tạo điều kiện cho việc đẩy nhanh chuyển biến sâu sắc trong mô hình xử án và nâng cao chất lượng xử án.

Trong thời kỳ này, cải cách chế độ quản lý nhân sự của tòa án cũng bước đầu được triển khai. Tháng 11/1988, Trung ương và Tòa án nhân dân tối cao quyết định tiến hành cải cách thí điểm thể chế cán bộ Tòa án đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng lấy sự quản lý của Tòa án cấp trên làm chủ đạo tại 4 điểm là tỉnh là Hắc Long Giang, Triết Giang, Phúc Kiến và khu tự trị Nội Mông Cổ. Ngày 28/2/1995, Hội nghị lần thứ 12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 8 đã thông qua "*Luật pháp quan của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*". Đây là

việc làm có ý nghĩa đánh dấu trong tiến trình cải cách chế độ nhân sự Tòa án Trung Quốc đương đại. Xuất phát từ mục đích bảo đảm quyền thi hành xét xử độc lập theo luật của pháp quan, bảo đảm trách nhiệm phải thực thi theo luật của pháp quan, luật này quy định tương đối cụ thể các vấn đề như chức trách, nghĩa vụ và quyền lợi, điều kiện miễn nhiệm của pháp quan; v.v... Từ đó mở ra cánh cửa xây dựng chuyên môn hóa đội ngũ pháp quan Trung Quốc.

Nhìn một cách tổng quát có thể thấy, cải cách tư pháp - Tòa án trong thời kỳ này tuy còn ở giai đoạn khởi điểm, nền tảng lý luận chính trị chưa có sự chuẩn bị đầy đủ, nhưng đã giành được những thắng lợi đáng kể trong cải cách hoạt động xét xử và cải cách chế độ pháp quan, nó không chỉ có ý nghĩa mở đường mà còn là nền tảng cũng như kho kinh nghiệm quý báu phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh tiến trình cải cách tương quan sau này.

Thời kỳ thứ hai: Sách lược quản lý nhà nước bằng pháp luật dẫn đến cải cách tư pháp toàn diện

Tháng 10/1997, Đại hội Đảng lần thứ 15 nhóm họp, đề ra nhiệm vụ lịch sử quản lý nhà nước bằng pháp luật, xây dựng *Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa*, đồng thời nhấn mạnh phải thúc đẩy tiến trình cải cách tư pháp, về mặt chế độ, đảm bảo quyền thi hành xét xử độc lập và quyền kiểm sát theo luật của cơ quan tư pháp. Do đó, từ sau cải cách đến nay, cải cách tư pháp ở Trung quốc đã bước vào thời kỳ thứ 2.

Về phía Tòa án, trong thời kỳ này, cải cách tư pháp chủ yếu được triển khai trong nội bộ trên mọi phương diện. "*Cương lĩnh cải cách 5 năm lần thứ nhất*" lần đầu tiên đã nêu một cách hệ thống các mục tiêu và nguyên tắc của cải cách tư pháp Tòa án, đề ra 39 nhiệm vụ cải cách cụ thể, liên quan đến 7 lĩnh vực lớn là cải cách phương thức hoạt động xét xử, cải cách tổ chức hoạt động xét xử, cải cách tổ chức cơ cấu nội bộ Tòa án, cải cách chế độ quản lý nhân sự Tòa án, xây dựng hiện đại hóa văn phòng Tòa án, cải cách quản lý xét xử và cơ chế giám sát xã hội, cải cách Tòa án theo chiều sâu, trở thành văn kiện quan trọng chỉ đạo công cuộc cải cách tư pháp Tòa án nhân dân Trung

Hoa. Quảng thời gian 5 năm ban hành "*Cương lĩnh cải cách 5 năm lần thứ nhất*", lấy "*công bằng và hiệu quả*" làm hướng mở rộng, kiện toàn cơ bản, triển khai mạnh mẽ hoạt động cải cách tư pháp tòa án, được xem là 5 năm cải cách gặt hái được nhiều thành quả to lớn nhất.

Tóm lại, xây dựng và thực hiện "*Cương lĩnh cải cách 5 năm lần thứ nhất*" đã làm thay đổi sâu sắc diện mạo cơ bản của ngành tòa án, hỗ trợ thúc đẩy tiến trình lịch sử hiện đại hóa chế độ Tòa án Trung Quốc. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện "*Cương lĩnh*" vẫn còn tồn tại một số hạn chế và bất cập cần được tiếp tục giải quyết, chủ yếu là: tiến trình cải cách diễn ra chưa đồng đều, chưa đủ nhất quán và quy phạm, sự xung đột giữa cải cách tư pháp và chế độ luật pháp hiện hành chưa hoàn thiện ngày càng bộc lộ rõ rệt.

Thời kỳ thứ ba: Thời kỳ cải cách thể chế tư pháp

Thời kỳ này được đánh dấu bằng đại hội Đảng lần thứ XVI vào năm 2002. Tiến trình cải cách tư pháp trong thời kỳ này lộ rõ khác biệt so với cải cách trong hai thời kỳ trước là nó bắt đầu đụng chạm nhiều hơn đến các các vấn đề thuộc tầng thể chế. Vì vậy, Đại hội Đảng lần thứ XVI đã sử dụng thuật ngữ "*cải cách thể chế tư pháp*" (chứ không phải là cải cách tư pháp) để "*chụp*" lại toàn bộ viễn cảnh phát triển của lĩnh vực tư pháp Trung Quốc thời kỳ này. Nó coi việc bảo đảm thực hiện công bằng và chính nghĩa trong phạm vi toàn xã hội là đặc trưng mang tính bản chất của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh hơn nữa phải kiện toàn thể chế tư pháp, dựa trên đòi hỏi của nền tư pháp công bằng, hoàn thiện sắp xếp cơ cấu tổ chức, vạch rõ giới hạn quyền lực và chế độ quản lý của cơ quan tư pháp, tiến thêm bước nữa trong việc kiện toàn một thể chế tư pháp phân quyền rõ ràng, phối hợp tương hỗ, chế định lẫn nhau, vận hành hiệu quả; Nhấn mạnh phải cải tiến chế độ quản lý tư pháp, cơ chế công tác và thể chế quản lý nhân sự, tài sản của Ủy ban cải cách tư pháp, từng bước thực hiện tách biệt giữa xét xử tư pháp và sự vụ hành chính tư pháp đồng kiểm sát.

Nhằm quán triệt thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ XVI, Trung ương Đảng cho thành lập Ban chỉ đạo cải cách thể chế tư pháp Trung

ương, phụ trách chỉ đạo và triển khai các công tác cải cách thể chế tư pháp. Đây là tiền lệ đầu tiên trong lịch sử lãnh đạo của Đảng. Cuối năm 2004, Trung ương Đảng triển khai bước đầu đề án cải cách thể chế tư pháp và cơ chế công tác đến Ban chỉ đạo cải cách thể chế tư pháp Trung ương, xây dựng nguyên tắc cơ bản của cải cách thể chế tư pháp, xác định 35 biện pháp cải cách, triển khai nhiệm vụ chính của cải cách thể chế tư pháp và cơ chế công tác toàn quốc trong thời kỳ sau khi ban hành lệnh. Căn cứ vào triển khai thống nhất của Trung ương, năm 2005, Tòa án nhân dân tối cao cho công bố "*Cương lĩnh cải cách Tòa án nhân dân 5 năm lần thứ 2*"; năm 2005, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng ban hành "*Đề án thực hiện 3 năm tiến đến cải cách kiểm sát theo chiều sâu*". Điều này cho thấy cải cách tư pháp ở Trung Quốc bắt đầu bước vào giai đoạn mới - giai đoạn cải cách thể chế.

"*Cương lĩnh cải cách 5 năm*" đề ra 50 nhiệm vụ cơ bản của công cuộc cải cách tư pháp tòa án nhân dân từ năm 2004 đến 2008, chủ yếu là:

- Cải cách và hoàn thiện chế độ trình tự tố tụng, thực hiện tư pháp công bằng, nâng cao hiệu suất tư pháp, bảo hộ quyền lực tư pháp;

- Cải cách và hoàn thiện thể chế thực thi và cơ chế công tác, kiện toàn cơ cấu thực thi, hoàn thiện trình tự thực thi, ưu việt hóa điều kiện thực thi, tiến thêm 1 bước giải quyết "*Chấp hành nan*" (khó thực thi);

- Cải cách và hoàn thiện tổ chức và cơ cấu xét xử, thực hiện mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa xét và xử;

- Cải cách và hoàn thiện chế độ quản lý xét xử tư pháp và quản lý hành chính tư pháp, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho tòa án nhân dân trong việc thực thi nhiệm vụ xét xử;

- Cải cách và hoàn thiện chế độ quản lý nhân sự tư pháp, tăng cường đảm bảo chuyên môn của pháp quan, đẩy nhanh tiến trình xây dựng chuyên môn hóa pháp quan;

- Cải cách và tăng cường chế độ giám sát nội bộ Tòa án và tiếp nhận giám sát của các bộ ngành bên ngoài khác, hoàn thiện cơ chế giám sát đối với

quyền xét xử, quyền thực thi và vận hành quản lý, duy trì sự liêm khiết của tư pháp; không ngừng thúc đẩy cải cách thể chế cơ chế công tác của Tòa, xác lập chế độ tư pháp hiện đại phù hợp với yêu cầu của nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa. Dưới sự triển khai thống nhất của Trung ương và sự chỉ đạo cụ thể của tòa án nhân dân, cải cách tư pháp Tòa án đã giành được những bước tiến rõ rệt. Trong thời gian này, cải cách chế độ hợp chuẩn án tử hình, cải cách chế độ tái thẩm dân sự, cải cách chế độ thực thi, cải cách chế độ hội thẩm; v.v... đều giành được những bước đột phá quan trọng.

Tóm lại, thi hành "*Cương lĩnh cải cách 5 năm lần thứ 2*", trong một chừng mực nào đó đã đụng chạm tới những vấn đề thuộc tầng thể chế của lĩnh vực tư pháp, đây chính là cơ hội để tích lũy kinh nghiệm quý báu cũng như đặt nền tảng quan trọng cho công cuộc cải cách thể chế tư pháp theo chiều sâu và chiều rộng.

Tháng 10/2007, đại hội Đảng lần thứ XVII nhóm họp, đã tiếp sức cho tiến trình cải cách thể chế tư pháp bước thêm một bước tiến xa hơn. Đại hội Đảng lần thứ 17 đặt ra "*Thực hiện toàn diện các sách lược trị quốc cơ bản theo luật, đẩy nhanh sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa*", muốn thế phải *Cải cách thể chế tư pháp theo chiều sâu, ưu việt hóa bộ máy quyền lực của hệ thống tư pháp, hành vi tư pháp quy phạm, xây dựng chế độ tư pháp xã hội chủ nghĩa công bằng, hiệu quả và quyền uy, bảo đảm cơ quan xét xử, viện kiểm sát thực thi quyền xét xử và quyền kiểm sát của mình một cách công bằng và tuân theo pháp luật*. Quả nhiên, từ Đại hội Đảng XV đề ra "*Thúc đẩy cải cách tư pháp*", đến Đại hội XVI nêu rõ thêm "*Thúc đẩy cải cách thể chế tư pháp*", đã thực hiện bước chuyển biến quan trọng từ cải cách tư pháp sang cải cách thể chế tư pháp. Trên cơ sở này, Đại hội Đảng XVII đã đề xuất triển khai chiến lược quan trọng "*Cải cách thể chế tư pháp theo chiều sâu*", đồng thời lấy "*Xây dựng chế độ tư pháp xã hội chủ nghĩa công bằng, hiệu quả, quyền uy*" là mục tiêu tổng thể của cải cách thể chế tư pháp theo chiều sâu. So với trước đây, mục tiêu thúc đẩy cải cách thể chế tư pháp của Trung ương Đảng thể hiện rõ tầm nhìn xa hơn, đường lối rõ rệt hơn, độ quyết tâm cao hơn.

Dưới sự triển khai thống nhất của Trung ương, một vòng quay mới của cải cách tư pháp Tòa án đang sắp lăn bánh trên mọi mặt của đời sống pháp luật.

Từ đó có thể thấy, thời kỳ thứ 3 của tiến trình cải cách tư pháp Trung Quốc đương đại, tức thời kỳ cải cách thể chế tư pháp, đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển theo chiều sâu. Thông qua cải cách thể chế tư pháp theo chiều sâu, sẽ đáp ứng đầy đủ hơn nhu cầu tư pháp ngày càng tăng cao của quần chúng nhân dân, xây dựng một nền tư pháp xã hội chủ nghĩa công chính, hiệu quả và quyền uy, phát huy cao độ tính ưu việt của chế độ tư pháp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc.

Nhiệm vụ cải cách tư pháp Trung Quốc đương đại hiện nay là nhiệm vụ vừa nặng nề vừa lâu dài. Tuy nhiên, tin tưởng rằng, chỉ cần nắm vững đường lối đúng đắn, trước sau như một, kiên trì tiến lên cùng thời gian, tích cực thúc đẩy trong sự bình ổn, có con đường cải cách tư pháp xã hội chủ nghĩa của phong cách Trung Quốc mới, nhất định càng đi càng mở rộng, chế độ tư pháp xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc công chính, hiệu quả, quyền uy nhất định sẽ mở ra nhiều vận hội mới và tiếp cho dân tộc Trung Hoa một sức sống mạnh mẽ.

3.2.2. Những cải cách điều tra ở Trung Quốc

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường, trong xu hướng không ngừng thúc đẩy đường lối "pháp trị", công tác điều tra cũng đứng trước những thách thức và áp lực trước đây chưa từng phải đối mặt. Trước những thách thức ấy, Cơ quan điều tra sau một thời gian dài mày mò tìm tòi và thử nghiệm, năm 1997 đã chính thức bước lên con đường cải cách điều tra hình sự.

3.2.2.1. Bối cảnh cải cách điều tra

Bất kỳ một chủ trương đổi mới nào đều có những điều kiện lịch sử khách quan và nguyên nhân thực tiễn sâu xa của nó, những điều kiện, nguyên nhân này luôn quyết định định hướng giá trị, xác lập mục tiêu và sự lựa chọn

mô hình của đổi mới. Do đó, khi bàn về đổi mới điều tra nói riêng hay cải cách tư pháp nói chung, trước tiên, chúng ta phải có kiến thức toàn diện và rõ ràng về bối cảnh xã hội của công cuộc đổi mới, nếu không sẽ khó tránh khỏi rơi vào tình trạng tuyệt đối hóa và có cái nhìn phiến diện. Theo quan điểm của tác giả luận án, cải cách điều tra thậm chí là cải cách tư pháp, đều được đặt ra trong bối cảnh lớn là nền kinh tế thị trường từng bước được xác lập và phát triển, xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế, xu hướng nhất thể hóa ngày càng rõ rệt, và chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, lộ trình pháp trị không ngừng được thúc đẩy. Trong bối cảnh ấy, công tác điều tra đang đứng trước hai thử thách nặng nề là sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự và hiện đại hóa pháp chế.

*** *Bối cảnh thứ nhất: Sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự***

Thực hiện cải cách mở cửa, phát triển nền kinh tế thị trường, dẫn đến sự biến thái nhanh chóng trong kết cấu xã hội, cơ cấu kinh tế và hệ tư tưởng của người dân, đặc biệt là sự điều chỉnh quan hệ lợi ích, kéo theo vô số những mâu thuẫn xã hội, dẫn đến các nhân tố tội phạm, thời cơ, điều kiện mà các phần tử tội phạm có thể lợi dụng để gây án tăng lên. Hơn nữa, trong thời khắc chuyển giao giữa thể chế mới và thể chế cũ, cơ chế quản lý xã hội vốn có bị suy yếu rõ rệt, cơ chế quản lý xã hội mới vẫn chưa xác lập và kiện toàn. Điều này dẫn đến cải cách mở cửa hơn 20 năm trở lại đây, trong một thời gian dài, con số tội phạm hình sự của Trung Quốc luôn đứng ở vị trí cao. Theo thống kê cho thấy, năm 1983, khi tiến hành chiến dịch "*truy quét nghiêm ngặt*", con số vụ án hình sự cả nước đã lên đến trên 61 vạn vụ, đến 2001 con số đó là 445 vạn vụ, tức là tăng hơn 7 lần so với năm 1983. Từ năm 2001 đến 2002 cả nước 1 lần nữa tiến hành chiến dịch "*truy quét nghiêm ngặt*", nhưng con số vụ án hình sự cả nước năm 2002 vẫn trên 433 vạn vụ, năm 2003 trên 439 vạn vụ, vẫn ở mức cao không giảm, năm 2004 trên 440 vạn vụ, năm 2005 trên 445 vạn vụ, năm 2006 trên 471 vạn vụ, năm 2008 trên 482 vạn vụ, năm 2009 trên 496 vạn vụ và 6 tháng đầu năm 2010 gần 240 vạn vụ.

Trong 20 năm tới, Trung Quốc sẽ thực hiện bước nhảy tăng thu nhập GDP đầu người từ 1000 USD lên mức 4000 USD. Kinh nghiệm lịch sử của nhiều nước trên thế giới cho thấy, đây sẽ là thời kỳ kết cấu xã hội có nhiều biến động nhất, các loại mâu thuẫn xã hội cũng diễn ra căng thẳng nhất. Do đó, có thể dự đoán trước được rằng cục diện con số tội phạm hình sự cao sẽ vẫn tiếp tục duy trì, an ninh xã hội đứng trước những áp lực và thử thách lớn [51, tr. 18]. Đặc biệt là 5 loại tội phạm mang tính quốc tế, con đẻ của xu hướng toàn cầu hóa kinh tế: tội phạm xuyên quốc tế, tội phạm bạo lực có đặc trưng sử dụng súng và thuốc nổ, tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen, tội phạm buôn bán ma túy, tội phạm kinh tế nghiêm trọng như tham ô tham nhũng, gian lận tài chính, rửa tiền; v.v..., tội phạm kỹ thuật cao gây án qua mạng máy tính và internet; v.v..., sẽ từng bước thâm nhập vào xã hội Trung Quốc [52, tr. 1].

*** *Bối cảnh thứ hai: Hiện đại hóa pháp chế***

Thập kỷ 80 của thế kỷ 20 Trung Quốc tiến hành cải cách xã hội, trên thực tế là phải hoàn thành chuyển đổi mô hình xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Có quan hệ mật thiết với phát triển hiện đại hóa chính trị, kinh tế, văn hóa, hiện đại hóa pháp chế cần phải thâm nhập và phát triển đồng bộ với các lĩnh vực nêu trên. Cái gọi là hiện đại hóa pháp chế là chỉ cải cách nội dung pháp chế lạc hậu, cũ kỹ của nhà nước Trung Quốc cũ, xác lập chế độ pháp luật dân chủ, văn minh, khoa học tương ứng với sự phát triển của chính trị, kinh tế, văn hóa hiện đại. Đặc điểm của hiện đại hóa pháp chế là dân chủ hóa, văn minh hóa, khoa học hóa [53, tr. 96]. Theo đó, "*Cải cách chế độ tổ tụng hình sự Trung Quốc đang tiến hành hiện nay, chính là một công trình vĩ đại lấy mục tiêu xây dựng chế độ tổ tụng hình sự hiện đại để tiến hành cải tạo cơ bản chế độ tổ tụng hình sự hiện hành*" [54, tr. 138]. Cùng với hiện đại hóa tổ tụng hình sự, hoạt động điều tra cũng phải được tiến hành đồng thời, từng bước thực hiện pháp trị hóa, khoa học hóa, văn minh hóa hoạt động điều tra.

Vài năm gần đây, tiến trình hiện đại hóa pháp chế ở Trung Quốc không ngừng được đẩy mạnh, đồng thời ảnh hưởng sâu sắc đến công tác điều

tra. Năm 1996, sửa đổi Luật tố tụng hình sự, cải cách chế độ xét xử, hoàn thiện các biện pháp ngăn chặn, tăng cường sự tham gia của luật sư trong giai đoạn điều tra; v.v... đã thúc đẩy tiến trình dân chủ hóa, khoa học hóa tố tụng hình sự. Tiếp đó là sách lược cơ bản "*Quản lý nhà nước bằng pháp luật*" do Đại hội Đảng XV đề xướng, "*Chế độ tư pháp xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm thực hiện công bằng, chính nghĩa trong toàn xã hội*" của Đại hội Đảng XVI, tư tưởng phát triển khoa học "*Lấy nhân làm gốc*" của Đại hội Trung ương 3 khóa XVI, chủ trương "Dân chủ chấp chính, khoa học chấp chính, y pháp chấp chính" được đề ra trong Đại hội IV; v.v..., đã phản ánh sự thay đổi lớn trong sách lược trị quốc cũng như quan niệm chấp chính của Đảng. Tương ứng với đó, đề án sửa đổi hiến pháp được thông qua tại Hội nghị Đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ 2 khóa IX chủ trương đưa "*Quản lý nhà nước bằng pháp luật*" vào nội dung hiến pháp, phương án sửa đổi hiến pháp được thông qua tại hội nghị Đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ 2 khóa 9 cũng quyết định ghi vào hiến pháp hai nội dung là "*Nhà nước tôn trọng và bảo hộ nhân quyền*" và "*Xây dựng chính trị xã hội chủ nghĩa văn minh*", tiếp đó sẽ nâng cấp những chủ trương này trở thành những nguyên tắc hiến pháp của Nhà nước. Sự thay đổi này đã làm cho phong trào cải cách tư pháp những năm gần đây phát triển mạnh mẽ, đồng thời đặt ra nhiệm vụ và yêu cầu mới trong công tác đổi mới hoạt động điều tra.

Chịu ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, phong trào thúc đẩy chính trị dân chủ và nhân quyền trên phạm vi toàn thế giới, quan niệm về quyền lợi và ý thức pháp luật của công dân Trung Quốc không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên "*Sự nâng cao ý thức pháp luật xã hội đương nhiên áp lực đối với chức năng tư pháp cũng càng lớn, trên các phương diện như hiệu suất công tác, xử lý công bằng của chức năng tư pháp đều sẽ phải chịu sự kiểm chứng và bình luận phê phán của ý thức pháp luật ngày càng được nâng cao*" [55, tr. 124]. Trên phương diện điều tra, phản ánh kỳ vọng rất lớn của đông đảo công chúng vào một Cơ quan điều tra phá án thần tốc, công bằng, văn minh.

Xu hướng toàn cầu hóa, cũng đem đến cho tư pháp hình sự Trung Quốc những ảnh hưởng và áp lực nhất định. Đặc biệt là sau khi Trung Quốc gia nhập tổ chức WTO, đồng thời tham gia hoặc ký kết 10 công ước nhân quyền quốc tế, trong đó có "*Công ước quốc tế về lợi ích kinh tế, xã hội và văn hóa*", "*Công ước quốc tế về quyền công dân và quyền lợi chính trị*". Điều này đòi hỏi tư pháp hình sự Trung Quốc phải không ngừng theo sát các chuẩn tắc thông lệ quốc tế, phải tuân thủ "*Một vài yêu cầu chính nghĩa*" được áp dụng phổ biến trong chế độ tư pháp của hầu hết các nước [56, tr. 273]. Xuất phát từ góc nhìn toàn cầu hóa, tuyệt đối không được coi yếu tố lạc hậu, hủ bại của chế độ tư pháp Trung Quốc là "*đặc sắc Trung Quốc*" mà tự tôn tự xưng.

Sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự và hiện đại hóa pháp chế là hai bối cảnh lớn mà Trung Quốc phải đối mặt khi tiến hành đổi mới hoạt động điều tra nói riêng hay cải cách tư pháp hình sự nói chung. Trong bối cảnh đó, công tác điều tra đứng trước hai nhiệm vụ lớn: *Một là*, phải nâng cao hơn nữa hiệu suất điều tra, tăng cường đấu tranh và khống chế tội phạm hình sự; *hai là*, phải chấp pháp công bằng văn minh, bảo hộ thiết thực quyền con người. Nếu chỉ nhấn mạnh hiệu suất điều tra mà xem nhẹ chấp pháp công bằng, hoặc quá nhấn mạnh trình tự chính nghĩa mà xem nhẹ đấu tranh chống tội phạm, sẽ đều là phiến diện và có hại.

3.2.2.2. Sự tiến triển của công tác đổi mới hoạt động điều tra và những hạn chế, bất cập

Đứng trước thử thách của sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự và hiện đại hóa pháp chế, chế độ điều tra được sinh ra từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp và mô hình chính trị tập quyền cao độ tỏ ra thiếu linh hoạt và sự tương thích.

Để bắt kịp xu hướng thay đổi, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của việc thi hành Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự sửa đổi, từ năm 1997, Cơ quan điều tra đã bắt đầu thực hiện đổi mới hoạt động điều tra. Tiến hành đổi mới hoạt động điều tra sau nhiều năm, cho thấy hiệu quả rõ rệt, đáng được ghi

nhận. Tuy nhiên, đây là đổi mới do Cơ quan điều tra độc lập tiến hành nên khó tránh khỏi còn nhiều hạn chế và bất cập, vì vậy không có cách nào để giải quyết những vấn đề mang tính chiều sâu và gốc rễ. Đặc biệt là nó quá coi trọng hiệu suất, dẫn đến những hạn chế và bất cập càng trở nên nghiêm trọng hơn. Đổi mới hoạt động điều tra hình sự là một trong những bộ phận quan trọng của đổi mới công tác điều tra, là động thái quan trọng, chủ động của Cơ quan điều tra trong việc điều chỉnh và tăng cường đấu tranh phòng chống tội phạm nhằm theo kịp xu thế thay đổi trị an xã hội thời kỳ mới. Nội dung chủ yếu gồm có:

Một là, đổi mới hoạt động điều tra, thể chế công tác phân loại dự thẩm, xử lý vụ án do tổ điều tra hình sự độc lập hoàn thành, thực hiện nhất thể hóa khởi tố, điều tra, thẩm vấn, đề nghị bắt tạm giam, chuyển truy tố;

Hai là, tổ điều tra hình sự thuộc Cơ quan điều tra các cấp huyện, tỉnh (thành phố), khu tự trị chịu trách nhiệm điều tra phá án đối với hầu hết các vụ án, tổ chức các cơ quan cảnh sát điều tra khu vực, hỗ trợ cho đơn vị điều tra trực thuộc tuyến cơ sở trên phương diện người và của (tính đến tháng 11 năm 2004, toàn quốc tổ chức hơn 8.000 đội cảnh sát điều tra hình sự khu vực, con số hơn 9 vạn cảnh sát hình sự trước cải cách đã tăng lên hơn 14 vạn. Trong đó đội cảnh sát điều tra hình sự khu vực gần 10 vạn, đảm trách nhiệm vụ chủ chốt trong điều tra phá án);

Ba là, hoàn thiện cơ chế phản ứng nhanh, lấy "110" làm liên minh tác chiến chỉ đạo các lực lượng cảnh sát chuyên biệt, nâng cao khả năng phản ứng nhanh của tổ điều tra phá án;

Bốn là, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cảnh sát hình sự, hoàn thiện cơ chế thi đua - khen thưởng [57, tr. 12].

Từ đó có thể thấy, đổi mới điều tra hình sự là sự cải biến quan trọng, được tiến hành trong khuôn khổ thể chế tư pháp và pháp luật, thuộc nội dung điều chỉnh chức trách điều tra, tăng cường xây dựng nghiệp vụ và hoàn thiện cơ chế vận hành của nội bộ Cơ quan điều tra, về cơ bản không đề cập đến chế độ điều tra và trình tự điều tra.

Về mặt giá trị mà nói, đổi mới hoạt động điều tra hình sự tuy đã nhấn mạnh công tác nâng cao chất lượng xử lý án, chấp pháp nghiêm minh công bằng, nhưng mục tiêu cải cách lại đặt trọng tâm vào việc cắt giảm các khâu điều tra, nâng cao hiệu suất điều tra, tăng cường năng lực chiến đấu. Triển khai còn thiếu tính thực thi trên các phương diện như tăng cường giám sát không chế, bảo hộ nhân quyền đối với bị can. Chẳng hạn, xóa bỏ khâu dự thẩm trong xử lý án hình sự, tuy có lợi cho việc nâng cao hiệu suất điều tra, thực hiện bắt giữ nhanh, khởi tố nhanh, nhưng không có lợi trong việc nắm bắt, giám sát và đôn đốc án, dẫn đến chất lượng xử lý án ở nhiều địa phương sa sút rõ rệt; tính đơn nhất của nhân viên xử lý án khiến cho việc kháng cáo và lời tự bào chữa của bị can chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức, đồng thời tạo cơ hội cho những hành động phủ bại ngày một gia tăng; tổ chức các Cơ quan Cảnh sát Điều tra khu vực, tạo thuận lợi cho nhân viên điều tra có thể nhanh chóng tiếp cận báo động, kịp thời xuất kích và phá án nhanh gọn, tuy nhiên cơ quan cảnh sát điều tra kiểu này phân tán ở khắp nơi gây khó khăn trong công tác quản lý, dẫn đến sự gia tăng nhanh các hiện tượng dùng hình bức cung và lấy chứng cứ thông qua các thủ đoạn phi pháp; các Cơ quan Cảnh sát điều tra khu vực thiếu sự đảm bảo về kinh phí, nên thường tận dụng mọi kẽ hở để kiếm lợi cá nhân, kết quả là sinh ra hiện tượng "*làm phật thay hình*", ảnh hưởng xấu đến chấp pháp công bằng.

Tóm lại, đổi mới hoạt động điều tra theo hướng nâng cao hiệu suất này phù hợp với tình hình tội phạm hình sự gia tăng ngày một nghiêm trọng của Trung Quốc, do đó nó có tác dụng tích cực đối với đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh xã hội. Theo thống kê, so với cải cách năm 1997, số lượng vụ án hình sự được phá trong năm 2001 tăng 25,8%, Viện kiểm sát phê chuẩn bắt tạm giam đối với các trường hợp bị can tăng 60,4%, số lượng chuyển truy tố tăng 63,8%. Đến sáu tháng đầu năm 2010, số lượng vụ án hình sự được phá trong thời gian này tăng 45,5%, Viện kiểm sát phê chuẩn bắt tạm giam đối với các trường hợp bị can tăng 77,6%, số lượng chuyển truy tố tăng 82,1%.

Sau đổi mới, năng lực chiến đấu, tác phong công tác, diện mạo tinh thần của chiến tuyến điều tra hình sự toàn quốc, trong đó gồm cả tinh thần hợp tác đoàn kết giữa các các vùng, đều có tiến bộ vượt bậc, ngành điều tra hình sự từ đội ngũ đến công tác đều có những biến đổi lớn, sâu sắc mang tính lịch sử, công tác điều tra hình sự có cục diện tốt đẹp chưa từng thấy [58]. Do đó, xét toàn thể đổi mới hoạt động điều tra hình sự là thành công, cần phải ghi nhận. Nó và làn sóng "*Truy quét nghiêm ngặt*" trở thành hướng đi đúng đắn, hiệu quả trong việc ứng phó với những cao điểm phá án hình sự và tinh thần giữ vững quyền chủ động trong đấu tranh với tội phạm của Cơ quan điều tra trong bối cảnh biến thái của trật tự xã hội.

Đồng thời, cũng nên nhìn thấy những mặt hạn chế trong đổi mới hoạt động điều tra hình sự. Theo đó, một số vấn đề mang tính chiều sâu và thuộc về chế độ mà công tác điều tra đang phải đối mặt như vấn đề về thể chế điều tra, trình tự điều tra, nhìn xa thì đổi mới điều tra hình sự không thể giải quyết nổi. Hơn nữa, nó quá thiên về chiều hướng theo đuổi mục đích là hiệu suất, nên cũng khiến cho nguyên tắc công bằng, nguyên tắc bảo đảm nhân quyền trong chế độ điều tra và công tác điều tra Trung Quốc vốn chưa thực sự đầy đủ nay lại càng trở nên nổi cộm. Trong thực tiễn chấp pháp, không những không ngăn chặn được những vi phạm trong quá trình chấp pháp như dùng hình bức cung, lấy chứng phi pháp, giam giữ quá thời hạn, lạm dụng các biện pháp ngăn chặn; v.v..., mà ở một số nơi còn có hiện tượng gia tăng. Do đó, chúng ta cần phải xuất phát từ góc nhìn rộng hơn, đặt đổi mới điều tra dưới suy tính chỉnh thể của sự nghiệp cải cách tư pháp hình sự Trung Quốc, bắt đầu một lộ trình và kế hoạch cụ thể cho việc cải cách mới.

Đổi mới điều tra hình sự đã được tiến hành trong nhiều năm nay, nhưng do thiếu thể chế chính trị, điều kiện đảm bảo và phối hợp cải cách thể chế tư pháp, dẫn đến công tác điều tra còn nhiều hạn chế và bất cập cho đến nay vẫn chưa được giải quyết, so với Việt Nam và các nước khác tiên bộ, còn tồn tại vấn đề như sau:

*** Cơ chế điều tra không thuận lợi, tổ chức cơ cấu điều tra chưa hợp lý**

Cơ chế quản lý điều tra hai tầng lãnh đạo "*Kết hợp quản lý chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan điều tra từ trên xuống dưới và quản lý chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền đồng cấp, trong đó lấy chỉ đạo của đảng ủy và chính quyền đồng cấp làm chính*" dễ tạo nên sự biệt lập giữa các vùng, cảnh lệnh không thông suốt, khó đáp ứng nhu cầu truy bắt tội phạm xuyên khu vực, tội phạm lưu động. Đồng thời, cũng khiến cho hoạt động điều tra khó tránh khỏi sự can thiệp của cơ quan đảng ủy và chính quyền địa phương, dẫn đến hiện tượng lạm dụng quyền điều tra và chủ nghĩa bảo hộ cục bộ nghiêm trọng. Nội bộ Cơ quan điều tra ngoài các ban điều tra hình sự, điều tra kinh tế, điều tra phòng chống ma túy, còn có các ban ngành chức năng khác như trị an, biên phòng, giao thông; v.v..., nên quyền và lực lượng điều tra bị phân tán, không thể đáp ứng được yêu cầu chuyên môn hóa điều tra, đồng thời còn dễ dẫn đến hiện tượng vận dụng lẫn lộn giữa quyền quản lý hành chính và quyền điều tra, có khi thì sử dụng quyền điều tra để giải quyết những vấn đề trị an hoặc dân sự, như giải quyết các tranh chấp kinh tế; có lúc lại dùng biện pháp xử phạt hành chính để tiến hành kết án đối với vụ án hình sự, làm cho "*làm phạt thay hình*", "*xử lý giảm cách*".

*** Sự điều tra quá chú trọng vào việc truy bắt tội phạm mà xem nhẹ vấn đề bảo vệ nhân quyền**

Luật pháp Trung Quốc cho phép Cơ quan điều tra phát huy cao độ quyền chấp pháp của mình, Cơ quan điều tra có quyền quyết định các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, bảo lãnh hậu thẩm, giám sát cư trú... (trừ bắt tạm giam), toàn quyền áp dụng các hành vi điều tra mang tính cưỡng chế như khám xét, tịch thu, niêm phong; v.v..., trước sự việc không cần sự phê chuẩn của cơ quan tư pháp, và sau sự việc cũng không chịu sự thẩm tra của cơ quan tư pháp. Thực thi quyền điều tra, nhiều hơn nữa là ý vào tự luật của Cơ quan điều tra nên thiếu giám sát có hiệu lực mang tính chế độ. Dẫn đến bị can ở vào thế giống kiểu khách thể điều tra trong quá trình điều tra, không có cách

nào để xin bảo hộ từ phía cơ quan tư pháp trước những biện pháp ngăn chặn và những hành vi điều tra mang tính ngăn chặn được Cơ quan điều tra áp dụng, trong khi thậm chí có nghĩa vụ phải khai đúng sự thật, không được hưởng quyền im lặng, sự tham gia và vai trò của người bào chữa trong giai đoạn điều tra bị hạn chế rất nhiều [59]. Kiểu trình tự điều tra này dẫn đến sự mất cân bằng nghiêm trọng giữa hai lực lượng tranh tụng trong giai đoạn điều tra, không chỉ tạo nên mô hình xét xử kiểu tranh tụng thiếu hài hòa nghiêm trọng trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc, mà còn dễ dẫn đến hiện tượng lạm dụng quyền điều tra của Cơ quan điều tra. Sự "*sung túc*" của những hiện tượng điều tra vi phạm pháp luật như dùng hình bức cung, mớm cung, lừa cung, lạm dụng thi hành các biện pháp ngăn chặn, giam giữ người quá hạn; v.v... đều liên quan đến sự thiếu hụt trong trình tự điều tra nói trên.

*** Thông tin và kỹ thuật điều tra lạc hậu, mô hình điều tra đơn nhất**

Do nghiệp vụ cơ sở điều tra như thông tin tình báo hình sự, hạn chế chức vụ, kiểm sát bị can hình sự; v.v... còn yếu kém, mức độ thông tin hóa điều tra còn thấp, dẫn đến công tác điều tra ở Trung Quốc chủ yếu men theo mô hình bị động "*Do án đích nhân*". Kiểu mô hình điều tra này, trong điều kiện tỷ lệ tội phạm không cao, mức độ lưu động tội phạm thấp, hành vi phạm tội để lại hậu quả gây hại rõ ràng, có thể hoàn thành mục tiêu không chế tội phạm, bảo vệ an ninh ổn định xã hội. Do đó, nhưng trước tình hình tỷ lệ tội phạm tăng cao, tội phạm lưu động nhiều, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi狡 hoạt, thì kiểu mô hình điều tra này không có cách nào để đáp ứng đòi hỏi đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả. Về phương diện kỹ thuật hóa điều tra, gần đây Cơ quan điều tra đã cho ứng dụng rộng rãi các kỹ thuật như kỹ thuật mạng máy tính, kỹ thuật giám định ADN, kỹ thuật lấy vân tay; v.v... vào phá án truy nã, tuy nhiên ở nhiều Cơ quan điều tra cấp cơ sở vẫn tồn tại vấn đề đầu tư phần cứng ít, thiết bị kỹ thuật lạc hậu, thiếu đội ngũ nhân viên kỹ thuật, hàm lượng kỹ thuật trong công tác điều tra nhìn chung vẫn ở mức thấp. Tỷ lệ khảo sát hiện trường vụ án hình sự ở Trung Quốc chỉ chiếm 30%, tỷ lệ lấy

bằng chứng từ những dấu tích ở hiện trường vào khoảng 70%, trong đó tỷ lệ lấy vân tay ở hiện trường chưa đến 10%. Dẫn đến điều tra trên thực tế vẫn theo mô hình điều tra "*Từ cung đến chứng*", điều tra viên sau khi phát hiện manh mối phạm tội, theo thói quen lập tức không chế và thẩm vấn bất ngờ bị can, lấy lời khai, nhưng sau đó lại dùng chính lời khai ấy để làm hướng thu thập và hoàn thiện các chứng cứ khác [60, tr. 15]. Hạn chế lớn nhất của mô hình "*Từ cung đến chứng*" là đã tạo nên hiện tượng dùng hình bức cung bị nghiêm cấm sử dụng trong thực tiễn điều tra, gây ra hàng loạt các án oan.

*** *Đội ngũ điều tra lực lượng mỏng, chất lượng yếu kém***

Lực lượng cảnh sát hình sự cả nước (bao gồm cả đội cảnh sát điều tra khu vực) chưa đến 10 vạn người, nhưng mỗi năm cả nước có đến hơn 400 vạn vụ án bị khởi tố hình sự, như vậy mỗi năm tính ra mỗi nhân viên hình sự phải phụ trách từ mấy chục đến hơn một trăm vụ, trên thực tế đây là nhiệm vụ khó mà gánh vác nổi. Tiến trình chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa đội ngũ điều tra diễn ra chậm, công tác tuyển dụng và lựa chọn điều tra viên còn thiếu những tiêu chuẩn nghiêm ngặt, một bộ phận tương đối lớn các điều tra viên thiếu tố chất nghiệp vụ và năng lực xử lý án cần thiết, không thể đảm nhiệm chức trách điều tra. Điều tra viên thiếu sự bồi dưỡng và huấn luyện một cách bài bản có hệ thống, kỹ năng thực tiễn và thể lực tương đối yếu kém, tồn tại vấn đề "*nói không xong, đuổi không đến, đánh không thắng*". Theo điều tra, trong đội ngũ cảnh sát Trung Quốc, nhân viên có tuổi nghề từ 10 năm trở lên vẫn chưa một lần nổ súng, không biết kỹ năng đấu vật, không hiểu về các kỹ năng tự bảo vệ trong chặn và kiểm tra tội phạm [61], dẫn đến nhiều sự hy sinh vô nghĩa trong thực tiễn điều tra.

*** *Cơ chế vận hành công tác điều tra chưa hoàn thiện***

Sự thiếu hụt trong cơ chế vận hành điều tra đã hạn chế ưu thế nên có của trình tự điều tra "*kiểu hiệu suất*" ở Trung Quốc, kìm hãm sự nâng cao hiệu suất điều tra. Chẳng hạn, sự phối hợp chưa đầy đủ của các Cơ quan điều tra dẫn đến thẩm tra rời rạc, kỹ thuật điều tra phân tán, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý án; bố trí nguồn điều tra thiếu khoa học, ảnh hưởng đến hiệu quả điều

tra; ban ngành điều tra thiếu cơ chế cạnh tranh khen thưởng, cơ chế giám sát, tìm hãm và cơ chế đảm bảo kinh phí khoa học, khiến cho điều tra viên thiếu tính tích cực, ý thức trách nhiệm và thiếu cái tâm của nghề.

Những vấn đề nêu trên có thể được khái quát thành hai phương diện: *Một là*, trình độ pháp chế hóa điều tra thấp, quyền điều tra thiếu sự giám sát; *hai là*, đội ngũ điều tra và xây dựng nghiệp vụ yếu kém, năng lực điều tra hạn chế. Hai điều này cùng phát huy tác dụng khiến cho công tác điều tra của Trung Quốc đang đứng trước bối cảnh vô cùng khó khăn. Bởi vì những điểm bất cập nêu trên, làm công tác điều tra của Trung Quốc đang đứng trước bối cảnh khó khăn, chủ yếu trên hai phương diện là:

Thứ nhất, năng lực điều tra còn yếu kém, hiệu suất điều tra thấp, tội phạm hình sự ngày càng diễn biến phức tạp và rất nghiêm trọng, trực tiếp uy hiếp cảm giác an toàn của người dân.

Theo số liệu do đồng chí trợ lý Bộ trưởng Bộ Công an Trương Tân Phong công bố qua điện đàm trong Hội diễn toàn quân ngành cảnh sát hình sự toàn quốc ngày 10/6/2004, hiệu suất phá án hình sự hiện nay của Trung Quốc vào khoảng trên dưới 30%. Cũng có thể nói, mỗi năm có khoảng 70%, tức gần 3 triệu vụ án hình sự chưa được phá. Ngoài ra, hiện tại cả nước vẫn còn gần 30 vạn tội phạm bỏ trốn chưa bắt về quy án [51, tr. 195]. Chính vì vậy, với hiệu suất phá án và con số tội phạm bị truy nã như vậy, hậu quả là có một số lượng tương đối lớn phần tử phạm tội chưa bị đấu tranh thích đáng, ngầm ẩn tai họa nghiêm trọng đối với trị an xã hội. Đây cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng con số án hình sự mãi đứng ở vị trí cao, không thể giảm thiểu, cảm giác an toàn của quần chúng nhân dân bị uy hiếp. Nhiều năm trở lại đây, vấn đề tội phạm hình sự luôn là điểm nóng được đông đảo các giới trong xã hội quan tâm chú ý. Điều tra cảm giác an toàn của công chúng lần thứ 3 do Cục thống kê quốc gia triển khai vào tháng 11/2003 cho thấy, cảm giác an toàn của công chúng chịu ảnh hưởng từ nhiều nhân tố, nhưng nhân tố tội phạm hình sự vẫn giữ vị trí tiên phong.

Thứ hai, chấp pháp thiếu công bằng, nghiêm khắc, hiện tượng vi phạm điều tra trở nên nổi cộm, Cơ quan điều tra phải đối mặt với rất nhiều sự chỉ trích, nghi ngờ từ dư luận. Trên thực tế, hiện tượng vi phạm điều tra bị nghiêm cấm vẫn đang diễn ra không ngừng, biểu hiện: phát sinh dùng hình bức cung, tồn tại trên phạm vi rộng hành vi lợi dụng xe hình, biến tướng hình phạt thể chất để ép cung và các hành vi dẫn cung, mớm cung, kết quả là tạo nên những án oan kinh thiên động địa, như án oan Đỗ Bôi Vũ ở Vân Nam, án oan Lý Hóa Vĩ ở Liêu Ninh; v.v...; vấn đề lạm dụng các biện pháp ngăn chặn trở nên nổi cộm, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, bảo lãnh hậu thẩm, giám sát cư trú còn rất tùy tiện, vấn đề giam giữ quá hạn vẫn chưa được giải quyết triệt để; Khi áp dụng các biện pháp điều tra như khám xét, tịch thu, niêm phong, có lúc vẫn tự ý mở rộng phạm vi áp dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Một lượng lớn các hiện tượng vi phạm điều tra đã không chỉ vi phạm quan niệm trình tự chính nghĩa, mà còn xa rời mục tiêu công bằng, tổn hại nghiêm trọng đến hình ảnh của Cơ quan điều tra, kéo theo nguy cơ mất đi sự tín nhiệm của công chúng xã hội. Mấy năm gần đây, đài báo liên tục vạch trần các vụ án có hiện tượng dùng hình bức cung, lấy chứng cứ thông qua bạo lực, giam giữ quá hạn, lạm dụng các biện pháp ngăn chặn, đã dấy lên làn sóng phản đối và phê bình nghiêm khắc từ các giới trong xã hội đối với Cơ quan điều tra, thậm chí có 1 thời xuất hiện cả luồng dư luận "*yêu ma hóa*" cảnh sát. Vì thế, hàng năm Trung Quốc đều tổ chức hội thảo điều tra học và pháp học, và đây dường như đã trở thành một hội nghị phê bình và tự phê bình của ngành.

3.3. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CẢI CÁCH VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU TRA CỦA TRUNG QUỐC TRÊN CƠ SỞ TIẾP THU KINH NGHIỆM VIỆT NAM

Với những vướng mắc đã nêu trên, yêu cầu đặt ra là phải tìm kiếm mô hình tổ chức thích hợp, quyền hạn hoạt động hợp lý, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Việc đổi mới tổ chức, hoạt động các Cơ quan điều tra phải nhằm tạo lập cơ chế pháp lý hữu hiệu kiểm sát sự tuân thủ pháp luật và xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo đảm an toàn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc nghiên cứu để đổi mới tổ chức và hoạt động của các Cơ quan điều tra cần phải đặt trong tổng thể nghiên cứu về cải cách tư pháp nói chung và cần xác định rõ tiến trình, lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó, cần phải tính toán, cân nhắc nhiều mặt, phải căn cứ vào pháp luật, nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, kinh nghiệm hoạt động và tổ chức bộ máy của Bộ, ngành có liên quan, đồng thời cũng có thể lấy kinh nghiệm tiên bộ của Việt Nam, để xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Cơ quan điều tra trong hệ thống các cơ quan tư pháp.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra phải nhằm mục tiêu xây dựng Cơ quan điều tra trở thành một công cụ mạnh mẽ của Nhà nước, thực hiện chức năng tư pháp hình sự, có đủ quyền năng pháp lý, trực tiếp tiến hành các nhiệm vụ bảo đảm cho hoạt động điều tra, xử lý các vụ án hình sự được nghiêm minh, đúng người, đúng tội, nhanh chóng, kịp thời, góp phần bảo vệ chế độ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân. Tiến tới hình thành một hệ thống các Cơ quan điều tra phù hợp dựa trên cơ sở xác định rõ mô hình tổ chức và rành mạch về chức năng, nhiệm vụ, thích ứng với điều kiện thực tế của nhà nước, tinh gọn, có hiệu lực; có cơ sở pháp lý chặt chẽ và xác lập mối quan hệ cụ thể trong phối hợp thực thi pháp luật.

3.3.1. Những định hướng cải cách điều tra của Trung Quốc

Như trên đã nói, cải cách điều tra ở Trung Quốc được triển khai trong bối cảnh tội phạm hình sự có sự gia tăng về số lượng và hiện đại hóa pháp chế, vấn đề phải đối mặt không chỉ là vấn đề hiệu suất điều tra thấp, đấu tranh chống tội phạm yếu, mà còn là vấn đề chấp pháp thiếu công bằng, chưa đảm bảo nhân quyền một cách đầy đủ. Do đó, chúng tôi cho rằng cải cách điều tra

trong thời gian tới cần bảo đảm về mặt giá trị, mục tiêu đổi mới và nội dung của nó, cụ thể là:

- Về mặt *giá trị*, cần nhấn mạnh vào công bằng và hiệu suất, kiên trì truy bắt tội phạm và đảm bảo nhân quyền, đồng thời nỗ lực thực hiện đồng bộ cùng phát triển.

- Về *mục tiêu đổi mới*, phải xoay quanh mục tiêu tổng thể là thúc đẩy pháp chế hóa điều tra và nâng cao năng lực điều tra, thực hiện pháp chế hóa, chuyên môn hóa, khoa học hóa điều tra;

- Về *nội dung đổi mới*, phải kiên trì phối hợp đồng thời đổi mới trình tự điều tra, đổi mới thể chế điều tra và đổi mới nghiệp vụ điều tra; về mặt phương pháp đổi mới, phải kiên trì kết hợp thiết kế tổng thể và phân bước thực hiện, căn cứ vào điều kiện khách quan từng bước thúc đẩy đổi mới chế độ điều tra. Nếu không làm được như vậy sẽ khó lòng đối phó với những thách thức, khó lòng vượt qua khó khăn, khó lòng đưa công tác điều tra bước lên con đường lớn - con đường văn minh chính trị - xã hội của toàn nhân loại.

Thứ nhất, phải cải cách điều tra để thúc đẩy pháp chế hóa điều tra

Pháp chế hóa điều tra chủ yếu dùng để chỉ hợp lý hóa trình tự điều tra. "Pháp trị có nghĩa là quyền pháp chế, mà ở đó hợp lý hóa trình tự hình sự thể hiện tinh thần pháp trị. Pháp trị có thể được giải thích là tiến hành kiểm sát hợp lý đối với quyền lực và bảo hộ có hiệu quả đối với quyền lợi. Mục đích của hợp lý hóa trình tự hình sự là ở thực hiện phân phối công bằng và kiểm sát cân đối giữa quyền lực và quyền lợi" [63, tr. 66]. Do đó, hợp lý hóa trình tự điều tra bao hàm hai ý nghĩa: *một là*, kiểm sát hợp lý quyền lực; *hai là*, bảo hộ nhân quyền một cách hiệu quả.

Xuất phát từ cách nhìn này, các luật giả đưa ra các đề án đổi mới trình tự điều tra của Trung Quốc như sau:

Một là, xác lập chế độ thẩm tra tư pháp, do tòa án thẩm tra, phê chuẩn đối với hành vi điều tra mang tính cưỡng chế và những biện pháp ngăn chặn;

Hai là, mở rộng quyền tố tụng trong giai đoạn điều tra của bị can và người bào chữa, gồm có xác lập quyền im lặng, quyền tiếp xúc giữa người bào chữa và bị can, quyền lấy chứng cứ điều tra trong giai đoạn điều tra, quyền xem hồ sơ án v.v..., duy trì sự cân đối thích hợp lực lượng tranh tụng;

Ba là, xây dựng quy tắc bài trừ lấy chứng cứ phi pháp, xác lập quy tắc bài trừ tuyệt đối đối với việc lấy khẩu cung vi phạm pháp luật, đồng thời tiến đến xác lập quy tắc bài trừ đối với những vật chứng khác thu được một cách phi pháp, để cơ bản ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật trong điều tra.

Phải nói rằng, tất cả những đề án này đều có ý nghĩa quan trọng đối với công tác hợp lý hóa chế độ điều tra. Tuy nhiên, chúng còn mang màu sắc chủ nghĩa tư tưởng, chưa tính đến bối cảnh cơ bản của đất nước giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và thể chế hiến pháp hiện hành. Do vậy, được xem là mục tiêu lâu dài của sự nghiệp đổi mới điều tra, đồng thời là công cụ bẻ lái con thuyền đổi mới, là yếu tố làm mới tư duy đổi mới, nhưng hiện tại vẫn chưa thể đưa vào lập pháp. Vì vậy, bất kỳ một chủ trương đổi mới nào đều cần có những điều kiện cần và đủ, "hiện tại vấn đề chủ yếu của pháp chế Trung Quốc không phải ở bản thân chế độ luật pháp mà là ở chỗ điều kiện nâng đỡ chế độ chưa được chuẩn bị đầy đủ" [64, tr. 14]. Các điều kiện thực tiễn cần tính đến trong đổi mới trình tự điều tra ở Trung Quốc hiện nay gồm:

Hình thái an ninh xã hội. Hiện tại và giai đoạn về sau, cục diện tội phạm hình sự không ngừng gia tăng một cách khó kiểm soát. Trước tình hình đó, "ổn định áp đảo tất cả" là yêu cầu chính trị, nhu cầu an toàn của quần chúng tương đối cao, do đó đổi mới trình tự điều tra nhất định phải kiêm cả hiệu suất điều tra. Đặc biệt là hiện nay, khi sự đầu tư của nhà nước về sức người sức của cho công tác điều tra còn khó cải thiện, thì không thể quá hạn chế thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

Hiện trạng phát triển kinh tế xã hội. Trước mắt, Trung Quốc vẫn ở giai đoạn chủ nghĩa xã hội sơ khai, cả nước vừa giải quyết xong vấn đề cơm

no áo ấm, vẫn còn mấy chục triệu người chưa thoát nghèo, năng lực tài chính có hạn. Kinh phí cho Cơ quan điều tra ở rất nhiều địa phương còn chưa được đảm bảo, ở một vài khu vực khó khăn đối với Cơ quan điều tra mà nói có thể nói là "không có đầu tư", thậm chí là "đầu tư phản khoa học" (giao chỉ tiêu thu phạt cho Cơ quan điều tra). Do đó đổi mới trình tự điều tra phải triển khai từ từ, từng bước, không thể nóng vội đốt cháy giai đoạn.

Truyền thống văn hóa pháp luật và ý thức pháp luật của người dân.

"Mỗi người hướng đến sự an toàn và tự do khác nhau, trước an toàn và tự do, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia cũng có những lựa chọn khác nhau. Lựa chọn hướng đi trên nền tảng thực tiễn đất nước, không chỉ thực dụng mà còn phù hợp với ý nguyện của đông đảo quần chúng dân" [65, tr. 490]. Bất luận là truyền thống hay hiện đại, nhân dân Trung Quốc luôn theo đuổi trật tự và an toàn, vì thế nhất định phải chú ý đấu tranh tội phạm và bảo vệ nhân quyền, không thể vì quá nhấn mạnh chính nghĩa trình tự mà xem nhẹ chính nghĩa thực tiễn.

Thế chế Hiến pháp hiện hành. Thế chế Hiến pháp hiện hành quy định Viện kiểm sát là cơ quan giám sát pháp luật Nhà nước, quy định mối quan hệ giữa ba cơ quan luật công kiểm là "*phân công phụ trách, phối hợp tương hỗ, chế định lẫn nhau*", điều này hạn chế triển khai toàn diện cải cách tư pháp hình sự. Tuy nhiên, trong một thời gian ngắn tạm thời chưa thể tiến hành tái sửa đổi hiến pháp hiện hành. Do vậy, trước mắt đổi mới trình tự điều tra khó có bước đột phá, đương sự hóa và độc lập tư pháp, thẩm phán trung lập của viện kiểm sát đều thiếu nền tảng chính trị cơ bản. Vì thế chúng tôi cho rằng, sửa đổi Luật tố tụng hình sự lần này, vẫn không có cách nào để tiến hành cải tạo triệt để hình thức tranh tụng đối trong trình tự điều tra ở Trung Quốc. Trên thực tế, chỉ có thể xây dựng một mô hình điều tra có nền tảng là chủ nghĩa chức quyền, đồng thời thu nạp và dung hợp những nhân tố mang tính mô hình tranh tụng. Con đường đổi mới một là tham chiếu theo những quy tắc, quy định về tố tụng hình sự trong công ước nhân quyền của Liên hợp quốc, cố gắng áp dụng "Tiêu chuẩn thấp nhất của chuẩn tắc tư pháp hình sự Liên hợp

quốc" mà hệ thống pháp luật đại lục, hệ thống pháp luật Anh Mỹ và rất nhiều hệ thống pháp luật của các quốc gia khác trên thế giới đã áp dụng, nhất là phải lấy kinh nghiệm tiến bộ của Việt Nam, vì Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử; v.v... Hai là, đối mặt trực diện với những vấn nạn nổi cộm như: bức cung, giam giữ quá hạn, lấy chứng phi pháp và lạm dụng biện pháp ngăn chặn, đề xuất phương án giải quyết thiết thực có tính khả thi, thông qua giải quyết những vấn nạn này để thúc đẩy hoàn thiện trình tự.

Thứ hai, phải áp dụng đồng thời nhiều chiến lược, nâng cao hơn nữa năng lực điều tra

Ngày 15/10/2004, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào khi tham dự Hội thảo toàn ngành Công an nhân dân đã nhấn mạnh, Cơ quan điều tra phải thiết thực nâng cao năng lực bảo hộ an ninh quốc gia, năng lực chèo lái thể cục trị an xã hội, năng lực xử lý những tình huống phát sinh bất ngờ và năng lực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Theo tác giả, nâng cao "*4 năng lực*" của Cơ quan điều tra, không thể tách rời khỏi việc nâng cao năng lực điều tra, năng lực điều tra là một trong những năng lực hạt nhân của Cơ quan điều tra.

Nhiều năm trở lại đây, do đầu tư của ngân sách nhà nước cho công tác điều tra tội phạm về các mặt "nhân, tài, lực" chưa thực sự đầy đủ, nên năng lực điều tra của Cơ quan điều tra chủ yếu được duy trì dựa vào đầu tư quá độ của ngân sách nhà nước đối với các Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, tiến trình pháp chế hóa điều tra lại nhất định phải tiến hành song song với việc hạn chế và tước bỏ quyền điều tra, do đó đã ảnh hưởng đến năng lực điều tra. Nhiều khi, "*mức độ bảo đảm nhân quyền và bảo đảm kinh phí cho phá án hình sự trong tổ tụng hình sự tỷ lệ thuận với nhau, và tỷ lệ nghịch với hiệu suất phá án*" [66, tr. 5]. Do đó, rất nhiều đồng chí trong ngành đã vì điều này mà phản đối đối mới một trong những nguyên nhân chính là ý thức ỷ lại, dựa dẫm và quá "yêu" quyền điều tra.

Nhất định phải nhận thức được rằng, trong bối cảnh quản lý nhà nước theo pháp luật, xây dựng văn minh chính trị xã hội, Cơ quan điều tra tuyệt đối

không thể tiếp tục đơn thuần dựa dẫm vào đầu tư quá độ đối với nguồn quyền lực điều tra của nhà nước để duy trì năng lực điều tra, lại càng không thể đặt nâng cao hiệu suất điều tra lên trên sự tổn hại đến lợi ích hợp pháp của bị can, người tham gia tố tụng và các công dân khác. Hạn chế quyền điều tra trong một chừng mực nhất định nào đó sẽ làm giảm năng lực điều tra, tuy nhiên đó là cái giá bắt buộc phải trả của nền pháp trị. Hơn nữa, sự thiếu hụt này hoàn toàn có thể được bù đắp thông qua các phương diện như hợp nhất nguồn lực cảnh sát, mở rộng các kỹ xảo công nghệ, chuyển đổi mô hình điều tra, hoàn thiện cơ chế công tác, nâng cao tổ chất đội ngũ; v.v...

3.3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện về tổ chức và hoạt động điều tra của Trung Quốc

**** Về việc đổi mới tổ chức của Cơ quan điều tra***

Chúng ta biết rằng việc sắp xếp lại Cơ quan điều tra sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan khác, ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề cán bộ và nhiều vấn đề quan trọng khác của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. Cho nên, việc đổi mới Cơ quan điều tra cần phải nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện, có tổng kết và đánh giá thực tiễn để đưa ra mô hình tổ chức Cơ quan điều tra phù hợp. Vì vậy, theo chúng tôi việc đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra phải quán triệt các quan điểm sau đây:

Thứ nhất, đổi mới phải tích cực, khẩn trương, nhưng cần phải có bước đi thích hợp, đảm bảo an ninh chính trị, phù hợp với tình hình, có tính đến khả năng phẩm chất và trình độ của đội ngũ cán bộ hiện có và sẽ có, đảm bảo tính kế thừa, chỉ sửa đổi bổ sung những vấn đề nào thật sự cần thiết và cấp bách, những quy định đang còn phù hợp và phát huy tác dụng thì không cần sửa đổi.

Thứ hai, đổi mới phải bảo đảm phù hợp, đáp ứng được yêu cầu thực tế của công tác điều tra tội phạm đang đòi hỏi, đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể của Trung Quốc trong thời điểm hiện tại và dự báo cho những năm tiếp theo.

Thứ ba, đổi mới phải trên cơ sở phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật và việc xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo đảm an toàn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Quán triệt các quan điểm chỉ đạo trên đây chúng tôi đề nghị:

- Giữ nguyên mô hình tổ chức Cơ quan điều tra trong, an ninh và quân đội. Qua nhiều năm áp dụng vào thực tiễn, mô hình Cơ quan điều tra hiện nay trong an ninh và Cơ quan điều tra trong quân đội vẫn phát huy tác dụng. Vì vậy, đặt vấn đề đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra, đặc biệt là Cơ quan điều tra trong an ninh và quân đội trong thời điểm hiện nay và trong những năm tiếp theo là chưa thật cần thiết. Hơn nữa tổ chức Cơ quan điều tra ở hai cơ quan này rất thuận lợi với phát huy hiệu quả trong hoạt động chủ động đấu tranh phòng chống tội phạm.

Có ý kiến cho rằng việc xây dựng mô hình tổ chức Cơ quan điều tra thống nhất từ trung ương đến địa phương, trên cơ sở sáp nhập các hệ thống Cơ quan điều tra hiện tại để bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và độc lập trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, theo chúng tôi phương án này khó thuyết phục, bởi lẽ nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều vấn đề lớn và phức tạp mà trong thời điểm hiện tại chưa thể giải quyết được và đã có ý kiến cho rằng phương án này thực chất là phình thêm đầu mối chứ không phải là tinh gọn đầu mối. Vì vậy, chúng tôi đề nghị tiếp tục giữ nguyên mô hình tổ chức Cơ quan điều tra trong an ninh và quân đội.

- Không tổ chức Cơ quan điều tra trong Viện kiểm sát. Đề nghị trên xuất phát từ những lý do sau đây:

+ *Về lý luận*, việc tổ chức Cơ quan điều tra ở Viện kiểm sát là không phù hợp với quan điểm đổi mới về việc thu gọn đầu mối Cơ quan điều tra. Mặt khác, việc tổ chức Cơ quan điều tra ở Viện kiểm sát thành một hệ thống thì khó có thể phát huy được hiệu quả trong hoạt động điều tra. Hơn nữa, theo Hiến pháp thì kiểm tra, kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố

là chức năng cơ bản của Viện kiểm sát. Vì vậy nên tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát tập trung sức để thực hiện tốt hai chức năng cơ bản này.

Việc tổ chức Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát đã phá vỡ quan hệ tổ tụng và không đảm bảo tính khách quan trong hoạt động kiểm sát các hoạt động điều tra. Sẽ là không hợp lý nếu Cơ quan điều tra và cơ quan kiểm sát hoạt động điều tra là ngang quyền nhau dưới sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát; cũng sẽ không hợp lý nếu cho rằng điều tra viên của Cơ quan điều tra (thuộc công an, an ninh, quân đội) vi phạm pháp luật còn điều tra viên của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát không bao giờ vi phạm trong quá trình điều tra. Nếu vi phạm thì cơ quan nào sẽ phát hiện và cơ quan nào sẽ tiến hành điều tra và nếu để Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát điều tra liệu có khách quan không khi mục đích xây dựng Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát để bảo đảm tính khách quan trong hoạt động điều tra. Tuy nhiên, ở đây cần chú ý là một trong hai chức năng cơ bản của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố. Để thực hiện tốt chức năng cơ bản này, Viện kiểm sát phải có quyền chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ các hoạt động điều tra. Bởi lẽ, quá trình điều tra không hiệu quả, có nhiều vi phạm thì Viện kiểm sát không đủ cơ sở và điều kiện để công tố được, vì vậy Bộ luật tố tụng hình sự cần quy định theo hướng khẳng định Viện kiểm sát có quyền kiểm sát và chỉ đạo các hoạt động điều tra, mà không chỉ dừng lại ở việc kiểm sát các hoạt động điều tra như hiện nay.

- Tổ chức lại các Cơ quan điều tra ngoài an ninh, quân đội cho gọn đầu mối, chỉ tổ chức một hệ thống Cơ quan Công an thống nhất chỉ đạo hoạt động điều tra; kết hợp chặt chẽ giữa công tác trình sát và hoạt động điều tra theo tổ tụng. Trong Công an nhân dân chỉ nên tổ chức một hệ thống Cơ quan điều tra (từ trung ương đến địa phương); chỉ đạo Cơ quan điều tra là Thủ trưởng Cơ quan Công an. Cơ quan điều tra có điều tra viên cao cấp, trung cấp, sơ cấp và các cán bộ giúp việc. Thủ trưởng Cơ quan điều tra, điều tra viên khi tiến hành tố tụng không căn cứ chức danh hành chính. Về lâu dài, không nên quy định cho các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một

số hoạt động điều tra, điều tra tố tụng, vì đây là những cơ quan quản lý nhà nước, tồn tại ở nhiều lĩnh vực và trong hoạt động quản lý của mình mà phát hiện hành vi có dấu hiệu phạm tội thì phải báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để quyết định việc khởi tố, điều tra. Các cơ quan khác có trách nhiệm phối hợp theo sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra chuyên trách. Nguyên tắc Cơ quan điều tra chỉ đạo các cơ quan khác liên quan đến hoạt động điều tra còn được áp dụng trong quan hệ giữa Cơ quan điều tra với cơ quan trinh sát, giữa điều tra viên với trinh sát viên. Mô hình tổ chức Cơ quan điều tra như hiện nay được tổ chức theo hướng điều tra viên và trinh sát ở trong cùng một cơ quan; do đó, một mặt phải làm tốt công tác phòng ngừa, mặt khác, bộ phận điều tra phải làm tốt công tác điều tra tội phạm.

Ngoài ra, một số cơ quan khác như: Giao thông, Đường sắt, Hàng không dân dụng, Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Hải quan, hoặc các cơ quan khác trong Công an nhân dân chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu, như: Lập biên bản về sự việc phạm tội xảy ra; bảo vệ hiện trường, thu giữ tang vật, phương tiện, giữ người phạm tội... sau đó chuyển mọi tài liệu, tang vật, người bị bắt giữ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra theo trình tự, thủ tục tố tụng hình sự.

- *Đẩy mạnh xây dựng chuyên môn hóa đội ngũ điều tra, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ.* Phải xây dựng và hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, kiểm tra sát hạch, thăng quân hàm, đào thải đối với nhân viên điều tra, kích thích sức sống của đội ngũ, bình ổn đội ngũ nhân tài trong lĩnh vực điều tra. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ và rèn luyện tại các vị trí, hoạch định nội dung huấn luyện hoàn chỉnh bài bản có hệ thống, để trong 1 thời gian nhất định, mỗi nhân viên điều tra đều nhận được sự bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ và các kỹ năng nghiệp vụ điều tra, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ điều tra, dự thẩm và tố tụng độc lập. Phải căn cứ vào nhu cầu thực tiễn, thu hút đội ngũ nhân tài trên các lĩnh vực như tài chính chứng khoán, ngoại ngữ, vi tính, pháp luật, kế toán, thậm chí là nhân tài chuyên ngành tâm lý học, ngôn ngữ học; v.v...,

nâng cao trình độ chuyên môn hóa trong đội ngũ điều tra. Đồng thời xây dựng "Vườn nhân tài" của cả nước, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia pháp án, thẩm vấn; chuyên gia tâm lý tội phạm, chuyên gia kỹ thuật hình sự, phát huy vai trò của họ trong những tình huống điều tra khó.

- Tách biệt giữa bộ phận phụ trách giam giữ và Cơ quan điều tra.

Trại tạm giam với tư cách thuộc Cơ quan điều tra, khiến cho trong giai đoạn điều tra, về cơ bản bị can phải chịu kiểm sát một phía từ Cơ quan điều tra. Bộ phận phụ trách điều tra do nhận được sự phối hợp tuyệt đối từ bộ phận phụ trách giam giữ, nên có thể dễ dàng đạt được mục đích thẩm vấn, lấy khẩu cung đối với bị can mà không chịu bất kỳ sự can thiệp hay hạn chế nào. Do đó, cần phải tách biệt bộ phận phụ trách giam giữ và Cơ quan điều tra, kể cả nhà tù, trại giáo dưỡng cũng vậy, giao cho các đơn vị chính tư pháp quản lý, nhằm tăng cường sự giám sát đối với Cơ quan điều tra.

- Xác lập cơ chế bảo đảm kinh phí của Cơ quan điều tra. Phải kết hợp cải cách thể chế điều tra, xác lập và hoàn thiện cơ chế bảo đảm kinh phí cho điều tra tội phạm, giảm thiểu áp lực thiếu kinh phí điều tra cho Cơ quan điều tra cấp cơ sở. Theo nguyên tắc phân chia quyền lực, ngân sách Trung ương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí điều tra cho công tác phá những vụ án hình sự nghiêm trọng mang tính quốc gia và xuyên tỉnh (thành phố), khu tự trị; đối với những án hình sự liên quan đến hai khu vực trở lên, đặc biệt là vụ án có tội phạm thuộc tổ chức xã hội đen và tội phạm kinh tế lớn, về nguyên tắc, chính quyền cấp trên gần nhất có trách nhiệm cấp kinh phí bảo đảm điều tra. Đồng thời, cần xác lập cơ chế quỹ hỗ trợ kinh phí, nhằm tăng cường hỗ trợ từ phía Trung ương và chính quyền tỉnh đối với những khu vực còn khó khăn, bảo đảm hoạt động chấp pháp tại những khu vực này được triển khai thuận lợi.

*** Về việc đổi mới hoạt động điều tra**

Trong quá trình hoạt động điều tra Trung Quốc, quyền của Cơ quan điều tra quá tập trung và thiếu sự hạn chế, giám sát, dễ gây ra những sai lầm tư pháp nghiêm trọng như bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, làm oan người

vô tội, làm quyền con người không được bảo vệ tốt trong giai đoạn điều tra. Vì vậy, chúng tôi đề nghị lấy kinh nghiệm của Việt Nam và những nước khác, đổi mới mô hình điều tra và cải cách hoạt động điều tra như sau.

- ***Xây dựng chế độ thẩm tra đối với những biện pháp ngăn chặn và các hành vi điều tra mang tính ngăn chặn.*** Thẩm phán lấy thân phận người thứ ba trung lập tham gia vào quá trình điều tra, tiến hành thẩm tra phê chuẩn đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn như: tạm giữ, tạm giam, giám sát cư trú, bảo lãnh hậu thẩm và những hành vi điều tra mang tính chất cưỡng chế như: khám xét, tịch thu; v.v..., đây là mô hình điều tra lý tưởng. Tuy nhiên cần lưu ý, tiền đề xây dựng kiểu chế độ thẩm tra này là nền tư pháp độc lập và thẩm phán hoàn toàn trung lập, nếu như không có nền tư pháp độc lập và thẩm phán trung lập thật sự, kiểu thẩm tra này vừa không thể phát huy tác dụng bảo vệ quyền lợi của bị can, trái lại còn dẫn đến lãng phí nguồn tư pháp và giảm hiệu suất tư pháp do trình tự thủ tục rườm rà [65, tr. 509]. Do đó, trong tình hình hiện nay, khi nền tư pháp độc lập và thẩm phán trung lập ở Trung Quốc vẫn chưa xây dựng hoàn thiện, thì trạng thái thẩm tra tư pháp lý tưởng này vẫn rất khó để đạt được, cho dù có tăng thêm quy định trong lập pháp, thì trong thực tiễn cũng khó phát huy tác dụng. Con đường thực hiện, là dưới thể chế Hiến pháp hiện hành, tham khảo chế định điều tra của Việt Nam, nỗ lực phát huy vai trò là cơ quan giám sát pháp luật nhà nước của Viện kiểm sát, do cơ quan này tiến hành thẩm tra phê chuẩn đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và các hành vi điều tra mang tính chất cưỡng chế của Cơ quan điều tra. Đồng thời cho phép, trong tình huống khẩn cấp, Cơ quan điều tra có quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Ví dụ như có thể tiến hành bắt giữ khi bị can đang thực hiện hành vi phạm tội, có thể tiến hành niêm phong, tịch thu những vật chứng có khả năng bị tiêu hủy; v.v... Tuy nhiên, trong vòng 24 tiếng phải báo cáo lên viện kiểm sát, sau khi thẩm tra xong, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc xóa bỏ biện pháp ngăn chặn. Ngoài ra, nhằm tăng cường trợ giúp tư pháp, phải cho phép bị can, thân nhân bị can và luật sư bào chữa được phép xin phúc thẩm lên Viện kiểm sát nhân dân cấp

trên gần nhất đối với những biện pháp ngăn chặn và hành vi điều tra mang tính cưỡng chế. Trường hợp vẫn không đồng ý với kết quả phúc thẩm, có thể truy tố lên Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân trên cơ sở lắng nghe tranh luận của hai bên, đưa ra phán quyết duy trì hoặc hủy bỏ.

- **Cho phép bị can hưởng quyền không bị ép buộc khai nhận tội.** Xét thực tế, hiện tại Trung Quốc thiếu hụt nghiêm trọng nguồn lực điều tra, trình độ kỹ thuật điều tra yếu kém, lạc hậu, việc thực hiện cho phép bị can hưởng quyền không bị ép buộc khai nhận tội giống như "*quyền im lặng*" trong luật pháp Mỹ là điều không thể. Tuy nhiên, quy định "*đối với những câu thẩm vấn của nhân viên điều tra, bị can phải trả lời đúng sự thật*" tại Điều 93 Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành vẫn còn nhiều bất cập. Nó không những vi phạm quy định điều ước quốc tế "*Bất kỳ ai đều không bị ép nhận tội*" hay "*Công ước quốc tế về quyền công dân và quyền lợi chính trị*", mà còn dễ dẫn đến hiện tượng dụng hình bức cung. Do vậy, kiến nghị, khi sửa đổi Luật tố tụng hình sự nên xóa bỏ quy định tại Điều 93 này, đồng thời tăng thêm quy định "*Bị can, bị cáo được hưởng quyền không bị ép buộc khai nhận tội*" [67, tr. 31].

- **Mở rộng quyền tố tụng của người bào chữa trong giai đoạn điều tra.** Trong giai đoạn điều tra, cho phép người bào chữa quyền xem hồ sơ vụ án, quyền điều tra lấy chứng cứ, quyền gặp gỡ trao đổi với bị can bị giam giữ, có như vậy, mới có lợi cho việc thực hiện bào chữa bình đẳng và bảo đảm quyền lợi cho bị can. Tuy nhiên, trong tình hình hiện tại, trình độ phát triển kinh tế Trung Quốc còn chưa thực sự cao, đội ngũ luật sư vẫn còn thiếu, chế độ đãi ngộ đối với luật sư vẫn chưa kiện toàn, chỉ có thể phân giai đoạn để thực hiện các quyền của người bào chữa. Chẳng hạn, trong giai đoạn điều tra trước mắt có thể tạm thời không cho phép quyền điều tra lấy chứng cứ và quyền xem hồ sơ án đối với người bào chữa, nhưng để tránh tình trạng lấy chứng cứ phiến diện từ phía Cơ quan điều tra, có thể cho phép bị can và người bào chữa được quyền xin phép tự điều tra lấy chứng cứ và bảo vệ chứng cứ có liên quan. Về quyền tiếp xúc với bị can đang bị giam giữ, có thể căn cứ vào tình hình tiến

triển của quá trình điều tra để phân giai đoạn thực hiện. Chẳng hạn, ở giai đoạn đầu điều tra, có thể tiếp tục sử dụng biện pháp Cơ quan điều tra cử người đến hiện trường, nhưng sau khi điều tra tiến hành được một giai đoạn (chẳng hạn như sau khi bắt tạm giam), phải cho phép người bào chữa và bị can bị giam giữ được quyền liên lạc tiếp xúc tự do, bí mật với nhau. Về quyền có mặt khi bị can trả lời thẩm vấn của người bào chữa, trên thực tế vẫn còn thiếu những điều kiện cho phép thực hiện. Hiện nay, do số lượng luật sư và năng lực kinh tế của bị can có hạn nên yêu cầu người bào chữa có mặt tại hiện trường của tất cả các cuộc thẩm vấn là điều không thể thực hiện được và cũng không cần thiết. Do đó, có thể tính đến việc xác lập chế độ luật sư trực ban tại các nơi giam giữ, mỗi ngày bố trí số lượng luật sư trực ban nhất định, tiến hành giám sát quá trình thẩm vấn thông qua việc trực tiếp đến tham dự tại hiện trường hoặc qua camera giám sát, tránh hiện tượng dựng hình bức cung phát sinh. Đồng thời, đối với trường hợp chứng cứ liên can đến bí mật nhà nước, cá nhân hoặc chứng cứ có khả năng bị thông đồng, câu kết làm giả, tiêu hủy, có thể hạn chế sự có mặt của luật sư tại hiện trường, hoặc chỉ cho phép luật sư giám sát quá trình thẩm vấn dưới hình thức "*trông mà không nghe*" (chỉ nhìn thấy quá trình thẩm vấn mà không nghe thấy nội dung thẩm vấn). Về yêu cầu ghi âm, ghi hình lại toàn bộ quá trình thẩm vấn, do năng lực kinh tế của các Cơ quan điều tra có hạn, nên trước mắt chỉ có thể áp dụng đối với số ít các vụ án lớn và nghiêm trọng.

- ***Xây dựng quy tắc bài trừ chứng cứ phi pháp.*** Đối với việc bài trừ những chứng cứ bằng lời phi pháp, hiện tại chỉ dùng 2 điều khoản quy định tư pháp để giải thích là chưa đủ, vì vậy, kiến nghị khi sửa đổi Luật tố tụng hình sự phải quy định rõ "*Lời khai của bị can, bị cáo, lời khai của người bị hại, lời làm chứng của người làm chứng thu được từ việc áp dụng các biện pháp phi pháp như dùng hình bức cung hoặc uy hiếp, lợi dụng, lừa bịp; v.v... phải bị bài trừ, không thể được coi là căn cứ để định tội*". Do đó, nhằm ngăn chặn việc dùng hình bức cung, kiến nghị thi hành chế độ hoán đổi trách nhiệm lấy

chứng, tức là khi bị can, bị cáo tố giác nhân viên chấp pháp đã dùng hình bức cung đối với họ, cơ quan công tố phải đứng ra đảm nhận trách nhiệm chứng minh làm rõ là "không có hành vi dùng hình bức cung". Làm như vậy, cũng có thể thúc đẩy quá trình điều tra, cơ quan truy tố chủ động áp dụng chế độ ghi âm, ghi hình đồng bộ và bố trí luật sư có mặt tại hiện trường thẩm vấn; v.v..., để hạn chế phát sinh hiện tượng dùng hình bức cung. Đối với những chứng cứ khác thu được từ việc lấy cung phi pháp (tức "*quả của cây độc*") và những chứng cứ vật chứng thu được từ việc sử dụng thủ đoạn vi phạm pháp luật, có bị bài trừ hay không vẫn còn đang là vấn đề thiếu nhất quán trong luật pháp các nước trên thế giới. Tác giả bài viết này cho rằng, Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, đối với loại chứng cứ thuộc trường hợp thứ nhất, chỉ cần không phát hiện vi phạm trong quá trình thu thập bản thân chứng cứ, không bị bài trừ; còn đối với loại chứng cứ thứ hai, phải căn cứ vào tình hình cụ thể, do thẩm phán căn cứ vào mức độ vi phạm mà đưa ra phán quyết bài trừ hay không.

- Đưa các biện pháp điều tra mang tính kỹ thuật và bí mật vào pháp luật. Đưa các kỹ thuật điều tra như ghi âm bí mật, camera nghe trộm và các biện pháp điều tra bí mật như điều tra theo kiểu lôi kéo, điều tra nằm vùng vào trong Luật tố tụng hình sự, là yêu cầu của pháp chế hóa điều tra. Về tính chất đặc biệt và tính cơ mật của những kỹ thuật và biện pháp điều tra kiểu này, Luật tố tụng hình sự chỉ có thể đưa ra những quy tắc mang tính nguyên tắc. Về quyền hạn phê chuẩn, do những biện pháp điều tra kiểu này về cơ bản không liên quan đến việc cưỡng chế người và tài sản nên tác giả kiến nghị vẫn do Cơ quan điều tra tự ý áp dụng, tuy nhiên phải báo cáo lên viện kiểm sát để có phương án trừ bị. Làm như thế, vừa có thể bảo đảm hiệu suất điều tra lại vừa thuận tiện cho việc giám sát của Viện kiểm sát, đồng thời hỗ trợ tăng cường tính hợp pháp và sức thuyết phục của các chứng cứ bí mật thu được.

- Nỗ lực triển khai kỹ thuật hình sự, thúc đẩy mô hình điều tra lấy vật chứng làm trung tâm. Trong thực tiễn điều tra, để ngăn chặn hiện tượng dùng hình bức cung bị luật pháp nghiêm cấm và xóa bỏ triệt để ảnh hưởng

của chủ nghĩa khẩu cung, phải triệt tiêu mô hình điều tra truyền thống lấy "Từ cung đến chứng" làm chủ đạo, khuyến khích mô hình điều tra mới lấy vật chứng làm trung tâm. Cơ quan điều tra phải đổi mới tư duy, tăng cường đầu tư, tích cực học hỏi và ứng dụng những kỹ thuật khoa học hiện đại, tăng cường ý thức chủ động vận dụng chứng cứ khoa học và kỹ xảo khoa học vào công tác xử lý án, không ngừng nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong hoạt động điều tra.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua nghiên cứu Chương 3 "*Hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự ở Trung Quốc trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm Việt Nam*" cho phép đi đến các kết luận như sau:

Một là, sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự và hiện đại hóa pháp chế là hai bối cảnh lớn mà Trung Quốc phải đối mặt khi tiến hành đổi mới hoạt động điều tra nói riêng hay cải cách tư pháp hình sự nói chung. Do đó, công tác điều tra đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa hiệu suất điều tra, tăng cường đấu tranh và ngăn ngừa tội phạm hình sự nhưng phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Hai là, việc cải cách điều tra của Trung Quốc đang gặp ít nhiều vấn đề và khó khăn. Những thực tiễn về điều tra và đổi mới về tổ chức và hoạt động Cơ quan điều tra ở Việt Nam có thể làm tham khảo cho việc cải cách điều tra của Trung Quốc tiếp thu các điểm hợp lý về mặt quy định của pháp luật và tổ chức, cũng như thực tiễn thi hành.

Ba là, việc đổi mới tổ chức, hoạt động các Cơ quan điều tra của Trung Quốc phải nhằm tạo lập cơ chế pháp lý hữu hiệu kiểm sát sự tuân thủ pháp luật và xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo đảm an toàn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc nghiên cứu để đổi mới tổ chức và hoạt động của các Cơ quan điều tra cần phải đặt trong tổng thể nghiên cứu về cải cách tư pháp nói chung và cần xác định rõ tiến trình, lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ "*Nghiên cứu so sánh về trình tự điều tra giữa Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam*" cho phép chúng tôi đưa ra những kết luận chính như sau:

Một là, Luật so sánh là môn khoa học nghiên cứu và so sánh các hệ thống pháp luật các nước, nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng, trên cơ sở góp phần tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện của hệ thống pháp luật quốc gia so với hệ thống pháp luật các nước và pháp luật quốc tế, từ đó góp phần hội nhập quốc tế trong lĩnh vực pháp luật. Đề tài luận án này đã sử dụng phương pháp khoa học của luật so sánh nghiên cứu về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam.

Hai là, Cơ quan điều tra đóng vai trò rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự pháp luật, an toàn xã hội, các quyền và lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của công dân. Trong những chương trình, chiến lược cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, thì các vấn đề liên quan đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan điều tra, bảo đảm cho hoạt động công tố và yêu cầu bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật cần được coi là một trong những vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam sẽ là một vấn đề nghiên cứu khoa học rất có giá trị. Mục đích của sự so sánh về điều tra trong Luật tố tụng hình sự Trung Quốc và Việt Nam thì là qua sự nghiên cứu và so sánh các đối tượng nêu trên, nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng, trên cơ sở góp phần tạo thuận lợi cho sự tương thích và hoàn thiện pháp luật về điều tra trong Luật tố tụng hình sự của Trung Quốc so với Việt Nam.

Ba là, Trung Quốc và Việt Nam đều có nhiều tiểu hệ thống Cơ quan điều tra tồn tại và hoạt động độc lập với nhau. Về cơ bản, cơ chế lãnh đạo đều có đặc trưng như Cơ quan điều tra cấp dưới phải chịu sự chỉ đạo của Cơ quan điều tra cấp trên nhằm bảo đảm các Cơ quan điều tra phối hợp với nhau,

phòng, chống tội phạm một cách có hiệu quả. Tuy vậy, cũng có một số khác biệt, Trung Quốc không thành lập Cơ quan điều tra riêng trong lực lượng Cảnh sát nhân dân như Việt Nam, mà do các Cục Công an mang chức năng điều tra các vụ án hình sự phổ thông. Trung Quốc đã tổ chức một hệ thống Cơ quan An ninh quốc gia riêng, độc lập và ngang quyền với hệ thống Công an nhân dân. Tất cả các Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc đều gồm có hai bộ phận có quyền điều tra, mà Việt Nam không vậy.

Bốn là, so với những quy định về quyền hạn của Cơ quan điều tra, thủ tục, trình tự điều tra, biện pháp điều tra và biện pháp ngăn chặn của Trung Quốc, những quy định của Việt Nam thì cụ thể hơn và hợp lý hơn, và ở một chừng mực nhất định, hoạt động điều tra của Việt Nam coi trọng các quyền của con người hơn.

Năm là, so với những quy định về vai trò của Viện kiểm sát và người bào chữa. Trong giai đoạn điều tra của Trung Quốc, thì quyền của Viện kiểm sát nhân dân và người bào chữa Việt Nam nhiều hơn, đóng vai trò quan trọng hơn.

Sáu là, sự gia tăng về số lượng của tội phạm hình sự và hiện đại hóa pháp chế là hai bối cảnh lớn mà Trung Quốc phải đối mặt khi tiến hành đổi mới hoạt động điều tra nói riêng hay cải cách tư pháp hình sự nói chung. Trong bối cảnh đó, công tác điều tra đứng trước hai nhiệm vụ lớn - phải nâng cao hơn nữa hiệu suất điều tra, tăng cường đấu tranh và khống chế tội phạm hình sự; mặt khác phải chấp pháp công bằng văn minh, bảo hộ thiết thực quyền con người. Nếu chỉ nhấn mạnh hiệu suất điều tra mà xem nhẹ chấp pháp công bằng, hoặc quá nhấn mạnh trình tự chính nghĩa mà xem nhẹ đấu tranh chống tội phạm, sẽ đều là phiến diện và có hại.

Và cuối cùng, *bảy là*, việc cải cách điều tra của Trung Quốc đang gặp nhiều vấn đề và khó khăn. Những thực tiễn và đổi mới về tổ chức và hoạt động Cơ quan điều tra ở Việt Nam có thể làm tham khảo cho việc cải cách điều tra của Trung Quốc. Việc đổi mới tổ chức, hoạt động các Cơ quan điều tra của Trung Quốc phải nhằm tạo lập cơ chế pháp lý hữu hiệu kiểm sát sự tuân thủ pháp luật và xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo đảm an toàn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

**NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Ngũ Quang Hồng (2009), "Nghiên cứu so sánh về tổ chức và chức năng của Viện kiểm sát giữa Trung Quốc và Việt Nam", *Tạp chí Khoa học (Chuyên san Luật học)*, Đại học Quốc gia Hà Nội, (2).
2. Ngũ Quang Hồng (2009), "Tư tổ trong tố tụng hình sự Trung Quốc", *Tạp chí Khoa học (Chuyên san Luật học)*, Đại học Quốc gia Hà Nội, (4).
3. 伍光红：《弹劾式侦查模式在我国的构建》，载《广西社会科学》2008年第12期。Ngũ Quang Hồng (2008), "Nên xây dựng mô hình điều tra tranh tụng ở Trung Quốc", *Tạp chí Khoa học xã hội Quảng Tây, Trung Quốc*, (12).
4. 伍光红：《中越检察院在侦查阶段的职能比较研究》，载《广西民族学院学报(哲社版)》2009年第3期。Ngũ Quang Hồng (2009), "Nghiên cứu so sánh về chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra giữa Trung Quốc và Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc, (3).
5. 伍光红：《中越刑事侦查讯问制度比较研究》，载《广西民族学院学报(哲社版)》2009年第5期。Ngũ Quang Hồng (2009), "Nghiên cứu so sánh về chế định hỏi cung giữa Trung Quốc và Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc, (5).
6. 伍光红：《中越刑事辩护制度比较研究》，载《广西民族学院学报(哲社版)》2010年第2期。Ngũ Quang Hồng (2010), "Nghiên cứu so sánh về chế định bảo chữa giữa Trung Quốc và Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc, (2).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. A-léch-xây-ép (1986), *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta*, (Người dịch: Đồng Ánh Quang, người hiệu đính: Nguyễn Đình Lộc), Nxb Pháp lý, Hà Nội.
2. *Bộ luật tổ tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa* (1997), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. *Bộ luật tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988* (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
4. *Bộ luật tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003* (2004), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2004), "Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự", *Kiểm sát*, (2).
6. Lê Cẩm (2006), "Tổ chức quyền tư pháp - Yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho thành công của chiến lược cải cách tư pháp", *Nhà nước và pháp luật*, (5).
7. Lê Cẩm (2006), "Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự", *Tòa án nhân dân*, 11(6).
8. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (Đồng chủ biên) (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Khổng Hà, Trần Minh Hương (2000), *Tìm hiểu Luật tố tụng hình sự*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

13. Ngô Huy Cương, "Vấn đề cơ bản về Luật so sánh" Trong trang web, [Http://www.wattpad.com](http://www.wattpad.com).
14. Đỗ Văn Đại (2004), "Vai trò của Luật so sánh trong công cuộc hoàn thiện pháp luật Việt Nam", *Khoa học pháp lý*, (1).
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới*, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội
17. Bùi Kiên Điện (2008), "Điều tra vụ án hình sự nhìn từ một vụ án", Trong sách: *Vụ án Vườn Điều: Từ những góc nhìn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Điệp (2001), *Những điều cần biết về thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Đỗ Đức Hồng Hà (2009), *Chỉ dẫn tra cứu Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
20. Phạm Hồng Hải (2008), *Vụ án Vườn điều: Từ những góc nhìn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
21. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)* (2004), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
22. Nguyễn Việt Hoạch (2007), "Bản chất của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự", *Khoa học pháp lý*, 3(40)7.
23. Phạm Văn Lợi (Chủ biên) (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
24. Michael Bogdan (2002), *Luật so sánh*, (Tài liệu dịch tham khảo), Bộ Tư pháp, Hà Nội.
25. Trần Đình Nhã (1995), "Về đổi mới tổ chức Cơ quan điều tra", Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

26. Vương Trúc Nhân, Lữ Thế Hoàng (Biên soạn) (2004), *Từ điển Trung - Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
27. *Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003* (2004), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Đỗ Ngọc Quang (2000), *Cơ quan điều tra, Thủ trưởng Cơ quan điều tra và điều tra viên trong Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Đỗ Ngọc Quang (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
30. Đỗ Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam (dành cho Hệ đào tạo Sau đại học)*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
31. Đinh Văn Quế (2000), *Thực tiễn xét xử và pháp luật hình sự*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
32. *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009)* (2009), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ biên) (2009), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Tạp chí Dân chủ và pháp luật - Bộ Tư pháp (2010), *Số chuyên đề về sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
35. Nguyễn Thủ Thanh (chủ biên) (1999), *Giáo trình điều tra hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
36. "Tội phạm hình sự" (2004), *Báo Công an nhân dân*, (8), tháng 3.
37. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
39. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình Luật học so sánh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2002), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

41. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (2010), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

TIẾNG TRUNG QUỐC

43. 中华人民共和国宪法》
44. 中华人民共和国刑事诉讼法》
45. 中华人民共和国人民警察法》
46. 中华人民共和国人民检察院组织法》
47. 公安机关办理刑事案件的程序规定》
48. 蒋丽华: 辩护律师在侦查程序中的权利问题研究 载<<政治与法律>>2003年 第 05 期。
49. 中国社会科学院语言研究所词典编辑室: 《现代汉语词典》, 商务印书馆 2006 年出版, 第 94 页。
50. 陈光中. 刑事诉讼法法学, 中国北京中国城市出版社, 2001 版, 第 3 页。
51. 参见公安部加强和改革公安工作调研小组编著: 《第 20 次全国公安会议专题研究报告》, 中国人民公安大学出版社 2003 年版, 第 18 页。
52. 参见白景富: 《坚定不移地推进和深化刑侦改革》, 载于《刑侦改革研究报告》, 中国人民公安大学出版社 2002 年版, 第 1 页。
53. 参见崔敏: 《侦查工作如何应对经济全球化和法制现代化的挑战》, 载于《侦查》第 1 卷, 中国人民公安大学出版社 2002 年版, 第 96 页。
54. 参见左卫民、万毅: 《中国刑事诉讼制度改革的若干基本理论问题研究》, 载于《中国法学》2003 年第 4 期, 第 138 页。
55. 参见程竹汝: 《司法改革与政治发展》, 中国社会科学出版社 2001 年版, 第 124 页。

56. 参见 [美] E·博登海默著：《法理学——法律哲学与法律方法》，邓正来译，中国政法大学出版社 1999 年版，第 273 页。
57. 参见程琳、赵永琛：《刑侦改革研究报告》，中国人民公安大学出版社 2002 年版，第 12 页。
58. 参见翟慧敏：《全国公安机关刑侦改革成效大》，载于《法制日报》，2002 年 7 月 18 日。
59. 参见甄贞：《刑事诉讼法学研究综述》，法律出版社 2002 年版，第 309 页。
60. 参见樊崇义：《论侦查模式的转换和改革》，载于《侦查》第 1 卷，中国人民公安大学出版社 2002 年版，第 15 页。
61. 参见：《减少伤亡是最高的从优待警》，载于《法制日报》2003 年 4 月 7 日，第 6 版。
62. 参见：《刑事犯罪最影响安全感》，载于《人民公安报》2004 年 3 月 19 日，第八版。
63. 参见陈卫东、刘计划：《论刑事程序正当化》，载于《诉讼法论丛》第 3 卷，法律出版社 1999 年版，第 66 页。
64. 参见龙宗智：《相对合理主义》，中国政法大学出版社 1999 年版，第 14 页。
65. 参见汪海燕：《刑事诉讼模式的演进》，中国人民公安大学出版社 2004 年版，第 490 页。
66. 参见郝宏奎：《侦查学的发展、困惑与反思》，载于《侦查学论坛》第 3 卷，中国人民公安大学出版社 2004 年版，第 5 页。
67. 参见崔敏：《沉默权问题论纲》，载于《沉默权问题研究》，中国人民公安大学出版社 2002 年版，第 31 页。
68. 郝宏奎：《侦查模式若干问题思考》，载于《侦查论坛》第 1 卷，中国人民公安大学出版社 2002 年版。
69. 龙宗智：《理论反对实践》，法律出版社 2003 年版。

70. 崔敏：《侦查工作如何应对经济全球化和法制现代化的挑战》，载于《侦查论坛》第1卷，中国人民公安大学出版社2002年版。
71. 樊崇义：《论侦查模式的转换和改革》，载于《侦查论坛》第1卷，中国人民公安大学出版社2002年版。
72. 陈卫东、刘计划：《论刑事程序正当化》，载于《诉讼法论丛》第3卷，法律出版社1999年版。
73. 陈光中：《沉默权问题研究》，中国人民公安大学出版社2002年版。
74. 徐静村：《刑事诉讼法学》，法律出版社，1997出版。
75. 程荣斌：《外国刑事诉讼法教程》，中国政法大学出版社，2001年出版。
76. 谭世贵：《刑事诉讼原理与改革》，法律出版社2002年出版。
77. 李忆，陈龙环：《论我国侦查程序的正当化》，中国人民公安大学学报，2003年第4期。
78. 陈岚：《侦查程序结构论》，载《法学评论》1999年第6期。
79. 孙长永：《侦查程序与人权》，中国方正出版社2000年9月第1版，第11页
80. 王敏：《侦查程序诉讼化构造探析》，载《黑龙江社会科学》2003年第6期
81. 蔡杰，肖萍：《我国侦查程序引人对抗制之必要性——对我国侦查模式的反思》，载《中国人民公安大学学报》2004年第1期。
82. 陈瑞华：《刑事侦查构造之比较研究》，《政法论坛》1999年第9期。
83. 樊崇义主编：《刑事诉讼法学》，中国政法大学出版社1995年出版。
84. 陈光中等主编：《联合国刑事司法准则与中国刑事法律》，法律出版社1996年出版。
85. 陈瑞华著：《刑事诉讼的前沿问题》，中国人民大学出版社2000年出版
86. 陈卫东、郝银钟：《侦检一体化模式研究》，载《法学研究》1999年第1期。

87. 陈卫东:《刑事审前程序研究》,中国人民大学出版社 2004 年出版。
88. 何家弘编著:《外国犯罪侦查制度》,中国人民大学出版社 1995 年版。
89. 李心鉴《刑事诉讼构造论》,中国政法大学出版社 1992 年版。
90. 宋英辉.《刑事诉讼目的论》,中国人民公安大学出版社,1995 出版。
91. 宋英辉,张建港:《刑事程序中警检关系模式之探讨》,《政法论坛》1998 年第 2 期。
92. 周欣:《中外刑事侦查概论》,中国政法大学出版社,1999 年出版。
93. 孙长永:《沉默权制度研究》,法律出版社,2001 年出版。
94. 韩阳:《侦查程序:权力重构与监督》,《云南大学学报》,2001 年第 3 期。
95. 陈岚:《我国检警关系的反思与重构》,《中国法学》2009 年第 6 期。
96. 高一飞 陈海平.《我国侦查权多重制约体系的重构》[J].公安研究,2007 年,第 2 期
97. 龙宗智.《论配合制约原则的某些"负效应"及其防止》[J].中外法学,1991 年第 3 期

TIẾNG ANH

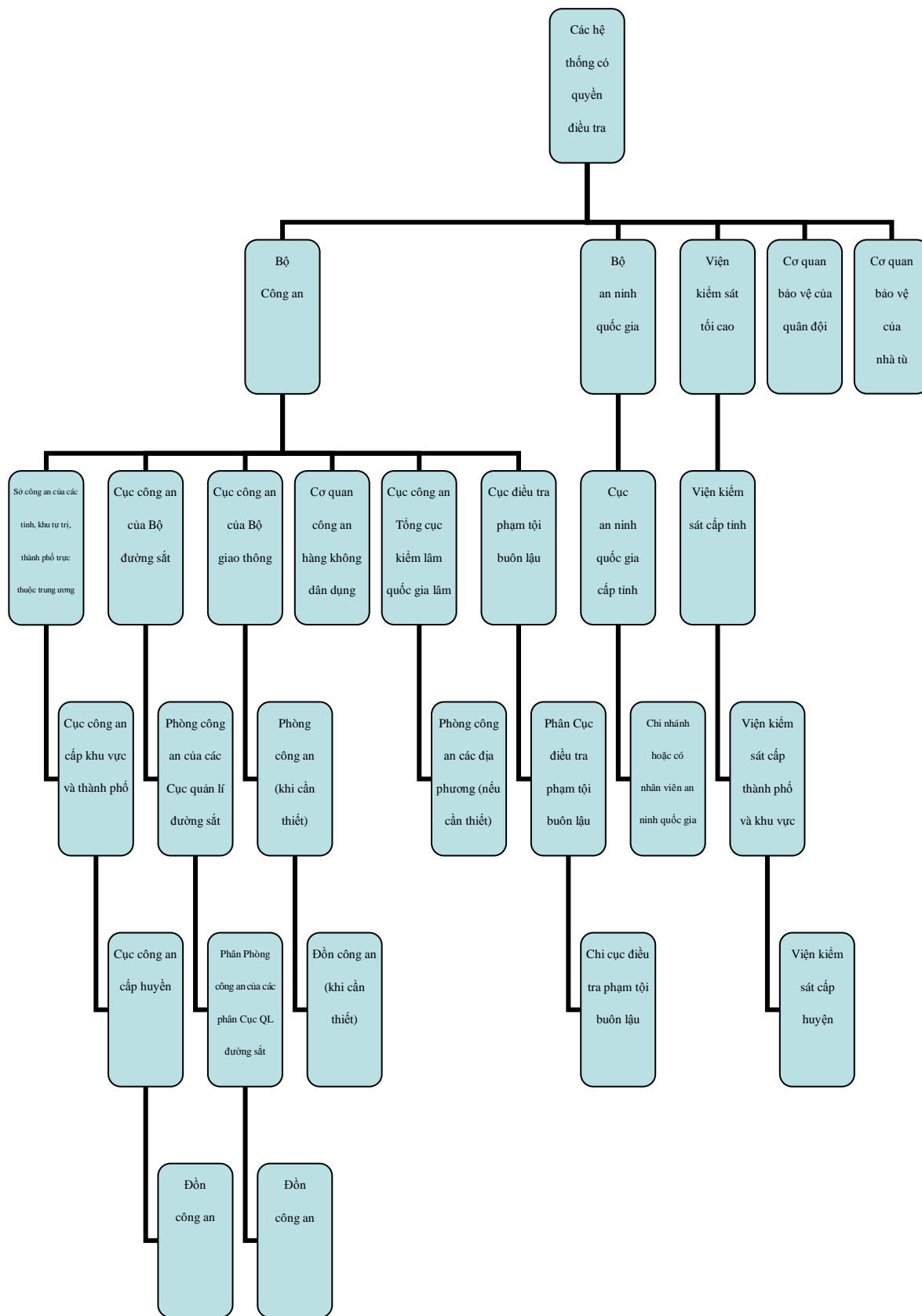
98. United Nation, Human Rights (2006), *Question and Answers*, New York and Geneva.

TRANG WEB

99. [Http://baohungyen.vn/content/viewer.asp?a=15156&z=61](http://baohungyen.vn/content/viewer.asp?a=15156&z=61)
100. [Http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/phap_luat/192972/h417n-63.htm](http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/phap_luat/192972/h417n-63.htm).
101. [Http://phapluattp.vn/20100112120634739p1063c1016/khoi-to-289-vu-an-tham-nhung.htm](http://phapluattp.vn/20100112120634739p1063c1016/khoi-to-289-vu-an-tham-nhung.htm).
102. [Http://vksndtc.gov.vn/tintuc/1200.aspx](http://vksndtc.gov.vn/tintuc/1200.aspx).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Sơ đồ của các hệ thống có quyền điều tra ở Trung Quốc



Phụ lục 2: Hệ thống cơ quan điều tra Việt Nam theo Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự 2003

